

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THÔNG TIN, TƯ LIỆU, BẢN ĐỒ	4
1. Căn cứ pháp lý	4
2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ.....	4
II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU	6
1. Mục tiêu	6
2. Yêu cầu	6
III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	7
1. Phương pháp điều tra, khảo sát; thu thập tài liệu.....	7
2. Phương pháp kế thừa và chọn lọc tài liệu kết hợp điều tra nhanh.....	7
3. Phương pháp phân tích tổng hợp và xử lý số liệu	7
4. Phương pháp bản đồ.....	7
5. Phương pháp hội thảo chuyên gia.....	7
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	8
V. SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO THUYẾT MINH.....	9
1. Sản phẩm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	9
2. Nội dung chính của báo cáo thuyết minh tổng hợp	9
Phần I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	10
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	10
1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	10
1.1. Vị trí địa lý:.....	10
1.2. Địa hình, địa mạo:.....	10
1.3. Khí hậu:.....	11
1.4. Thủy văn:	11
2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên	12
2.1. Tài nguyên đất:	12
2.2. Tài nguyên nước:	13
2.3. Tài nguyên rừng:.....	14
2.4. Tài nguyên khoáng sản:	14
2.5. Tài nguyên nhân văn:.....	15
3. Hiện trạng môi trường.....	15
3.1. Môi trường nước:.....	16
3.2. Môi trường đất:	16
3.3. Môi trường không khí:.....	16
4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với sử dụng đất:.....	17
4.1. Thuận lợi:	17

4.2. Hạn chế:	17
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	18
1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế	18
2. Khái quát thực trạng văn hóa – xã hội:	22
3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất.....	26
4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn	27
4.1. Thực trạng phát triển đô thị:	27
4.2. Thực trạng phát triển nông thôn:	28
5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	29
5.1. Hạ tầng giao thông:	29
5.2. Thủy lợi:.....	31
5.3. Hệ thống điện, công trình năng lượng:	31
5.4. Hạ tầng y tế:	32
5.5. Giáo dục và đào tạo:	32
5.6. Văn hóa, lịch sử - văn hóa:	32
5.7. Thể dục, thể thao:.....	33
5.8. Công trình bưu chính, viễn thông:	34
6. Đánh giá chung	34
6.1. Hạn chế:	34
6.2. Lợi thế:.....	35
III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT	35
1. Biến đổi khí hậu tác động đến khô hạn, hoang mạc hoá	35
2. Biến đổi khí hậu tác động đến xói mòn, sạt lở đất.....	36
Phần II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI.....	38
I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	38
1. Tình hình thực hiện.....	38
1.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó:	38
1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính:.....	38
1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất:	39
1.4. Công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất:.....	39
1.5. Công tác quản lý giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất:	40
1.6. Công tác quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất:.....	41

1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:	42
1.8. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai:.....	43
1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai:	43
1.10. Công tác quản lý tài chính về đất đai và giá đất:	43
1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất:	44
1.12. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai:	44
1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai:	45
1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai:.....	45
1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai:	46
2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân.....	46
2.1. Những mặt được:	46
2.2. Những mặt tồn tại:	47
2.3. Nguyên nhân:	47
3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai	48
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	49
1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất	49
1.1. Đất nông nghiệp:.....	51
1.2. Đất phi nông nghiệp:.....	54
1.3. Đất chưa sử dụng:	59
2. Biến động sử dụng đất theo loại đất trong quy hoạch kỳ trước.....	59
2.1. Diện tích đất tự nhiên:.....	59
2.2. Biến động sử dụng đất thời kỳ 2010 - 2020:	61
2.3. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020	63
3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất.....	71
3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất:	71
3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất:.....	73
4. Những tồn tại và nguyên nhân chủ yếu trong sử dụng đất	76
4.1. Đối với khai thác và sử dụng đất phi nông nghiệp:	76
4.2. Đối với khai thác và sử dụng đất nông nghiệp:	76
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH/KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	77
1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	77
1.1. Kết quả đạt được theo chỉ tiêu sử dụng đất.....	78
1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án	84

2. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch.....	94
3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch.....	94
4. Những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước.....	95
5. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới	97
IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI.....	98
1. Tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp.....	98
2. Tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp	99
2.1. Tiềm năng đất đai cho phát triển công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ: ..	99
2.2. Tiềm năng đất đai cho xây dựng, mở rộng đô thị và các khu dân cư nông thôn:.....	101
Phần III. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN ĐỨC CƠ	103
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT	103
1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.....	103
1.1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai	103
1.2. Quan điểm phát triển của huyện Đức Cơ:	103
1.3. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đức Cơ:	105
2. Định hướng sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 huyện Đức Cơ.....	106
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	122
1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	122
1.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	122
1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế.....	123
2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng	125
2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực	125
2.2. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	139
2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	160
3. Diện tích chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch	166
4. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	167
III. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	168
1. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	168
2. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực.....	170
3. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.....	170
4. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng	171

5. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc.....	171
6. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ	172
Phần IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021	173
Phần V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	174
I. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	174
II. Giải pháp về nguồn lực thực hiện.....	174
1. Giải pháp về chính sách – cơ chế.....	174
2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư	175
3. Giải pháp về khoa học - công nghệ.....	175
III. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN	176
KẾT LUẬN.....	177
I. KẾT LUẬN	177
II. KIẾN NGHỊ.....	178
HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU	179

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Hệ VN-2000: Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000.
- BĐĐC: Bản đồ địa chính; BĐ: Bản đồ.
- CSDL: Cơ sở dữ liệu.
- GCN, Giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.
- TT: Thị trấn.
- UBND: Ủy ban nhân dân.
- HĐND: Hội đồng nhân dân.
- TN&MT: Tài nguyên và Môi trường.
- BTNMT: Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- HSĐC: Hồ sơ địa chính; ĐGHC: Địa giới hành chính.
- TT: Thông tư; ND: Nghị định.
- QH, KH: Quy hoạch, kế hoạch.
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn.
- MTV: Một thành viên.
- BĐKH: Biến đổi khí hậu.
- ĐBKk: Đặc biệt khó khăn.
- MN: Mầm non.
- TH, THCS, THPT: Trung học, trung học cơ sở, trung học phổ thông.
- DN: Doanh nghiệp.
- BCH: Ban chỉ huy.
- PCCCR: Phòng cháy chữa cháy rừng.
- USD: United States Dollar (đồng đô la Mỹ).
- MWp: Kilowatt-peak (đơn vị tính công suất tối đa của một bảng pin hoặc một hệ thống năng lượng mặt trời).

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Cơ cấu nhóm đất theo thổ nhưỡng huyện Đức Cơ.....	13
Biểu đồ 2. Cơ cấu kinh tế huyện Đức Cơ giai đoạn 2016 - 2020.....	19
Biểu đồ 3. Sự gia tăng dân số giai đoạn 2015 – 2020 huyện Đức Cơ.....	27
Biểu đồ 4. Cơ cấu sử dụng nhóm đất chính năm 2020 huyện Đức Cơ	49

DANH MỤC CÁC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 1. Kết quả thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.....	19
Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Đức Cơ.....	50
Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2020 huyện Đức Cơ	59
Bảng 4. Biến động sử dụng đất thời kỳ 2010 – 2020 huyện Đức Cơ.....	60
Bảng 5. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020 huyện Đức Cơ	63
Bảng 6. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020.....	77
Bảng 7. Danh mục công trình, dự án đã thực hiện giai đoạn 2015 – 2020	84
Bảng 8. Danh mục công trình, dự án chưa triển khai, không còn phù hợp	89
Bảng 9. Danh mục công trình, dự án còn phù hợp, chuyển tiếp sang quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030	91
Bảng 10. Cân đối, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất huyện Đức Cơ đến năm 2030.....	139
Bảng 11. Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến năm 2030.....	139

DANH MỤC CÁC HÌNH MINH HỌA

Hình 1. Sự phân bố sử dụng đất ở tại nông thôn	29
Hình 2. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2020 huyện Đức Cơ.....	52
Hình 3. Hiện trạng đất lâm nghiệp năm 2020 huyện Đức Cơ	52
Hình 4. Quốc môn Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh	118

MỞ ĐẦU

Đất đai là tài nguyên thiên nhiên, có một tính chất đặc trưng là yếu tố không gian: đây là một tính chất “đặc biệt” khi sử dụng đất, bởi đất đai là sản phẩm của tự nhiên, tồn tại ngoài ý chí và nhận thức của con người. Đất đai hạn chế về số lượng, giới hạn về không gian, lãnh thổ và có vị trí cố định;

Đối với đời sống – xã hội, đất đai là nguồn tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế được trong hoạt động sản xuất, nhất là đối với sản xuất nông, lâm nghiệp. Đất đai là điều kiện chung, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố khu dân cư, xây dựng cơ sở kinh tế, văn hóa và an ninh quốc phòng; đất đai giữ vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, cũng là đối tượng của tất cả mối quan hệ sản xuất trong lĩnh vực sử dụng đất đai gắn chặt chẽ với quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Việc quản lý, sử dụng đất đai là nhiệm vụ rất quan trọng và luôn tác động trực tiếp đến quá trình chuyển đổi cơ cấu lao động, cơ cấu đầu tư, tạo bước đi hợp lý cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vấn đề sử dụng quỹ đất một cách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm nhất và bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái trở nên cấp thiết và là nhiệm vụ vô cùng quan trọng của mỗi quốc gia; đây cũng luôn là vấn đề xuyên suốt trong hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Để quản lý và sử dụng đất đai một cách hiệu quả và triệt để thì nhà nước phải đưa ra các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trước để xác định được hướng sử dụng đất; thông qua việc khoanh định từng vùng đất đai hay phân bổ đất theo không gian sử dụng nhất định theo từng mục đích khác nhau phù hợp để phát triển ổn định kinh tế xã hội; ngoài ra còn bảo vệ môi trường trước sự biến đổi của khí hậu, đảm bảo an ninh – quốc phòng của quốc gia, đánh giá tiềm năng phát triển cũng như nhu cầu sử dụng đất của từng lĩnh vực, từng ngành, mỗi đơn vị hành chính, từng khu vực kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định, để đảm bảo an ninh đất đai. Khi đã có quy hoạch sử dụng đất thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định kế hoạch sử dụng đất nhằm thực hiện hóa quy hoạch sử dụng đất, phân chia quy hoạch sử dụng đất theo một thời gian nhất định và thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

Với mục tiêu sử dụng đất đai bền vững, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ cho trước mắt mà cả lâu dài: trên cơ sở phân hạng đất đai, bố trí sắp xếp các loại đất đai theo quy hoạch sử dụng đất đai tạo ra một khuôn khổ pháp lý của Nhà nước trên cơ sở sự đồng thuận của cộng đồng xã hội đưa các đối tượng quản lý và đối tượng sử dụng đất đai phải tuân theo. Khi các đối tượng và thành phần sử dụng đất đai hiểu rõ được phạm vi ranh giới và các quyền lợi, nghĩa vụ về đất thì họ yên tâm đầu tư khai thác phần đất đai của mình, do vậy việc sử dụng đất sẽ hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn. Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả cao, hạn chế sự chông chéo trong quản lý đất đai.

Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khẳng định: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Điều 6, Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch quy định: thời kỳ lập quy hoạch sử dụng đất là 10 năm và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm.

Luật đất đai 2013, tại Mục II, Chương IV quy định về **“quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”** phải theo hệ thống, có tính liên kết chặt chẽ. **“Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”** được quy định như Điều 35, Điều 40, theo đó: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định: việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phải dựa trên cơ sở các chỉ tiêu phân bổ trong phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh đưa ra, trên cơ sở điều kiện kinh tế, xã hội tại địa phương mình, trên cơ sở hiện trạng đất đai, kết quả thực hiện quy hoạch của kỳ quy hoạch trước, mức độ phát triển cũng như định hướng của khoa học công nghệ của địa phương và nhu cầu sử dụng đất của địa phương; trong kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phải căn cứ trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã có, nhu cầu sử dụng đất, tiềm năng đầu tư, huy động được nguồn vốn để phát triển kinh tế xã hội của địa phương nhằm khai thác được triệt để nguồn tài nguyên đất, môi trường.

Thực tiễn cho thấy qua từng giai đoạn phát triển, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã và đang trở thành công cụ đắc lực trong việc thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung đất đai, khắc phục tình trạng manh mún, tạo điều kiện thu hút đầu tư, ứng dụng cơ giới hóa và công nghệ vào quá trình sản xuất; việc định hướng khai thác, sử dụng hợp lý tiềm năng đất đai vốn có, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng khẳng định tầm quan trọng và đã chú trọng việc sử dụng tài nguyên đất đai tiết kiệm, hiệu quả, bền vững.

Đức Cơ là huyện có vị trí quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh, là một trong 17 đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Gia Lai; có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc. Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được đầu tư phát triển tại huyện, mở trên hành lang biên giới với nước bạn Cam Pu Chia trở thành đô thị cửa khẩu biên giới, là cửa ngõ liên thông khối thương mại trên đất liền quan trọng của hành lang kinh tế phía Tây tỉnh Gia Lai; đây là điểm tựa đô thị hóa, làm đòn bẩy phát triển chung đối với khu vực và cũng là mốc giới quan trọng đảm bảo an ninh biên giới Tổ quốc.

Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ năm 2011 – 2020, Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đức Cơ đã góp phần đảm bảo tính thống nhất công tác quản lý nhà nước về đất đai trên toàn huyện. Kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho thấy tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Bên cạnh các chương trình mục tiêu quốc gia về xây

dựng nông thôn mới – xây dựng đô thị văn minh, chương trình giảm nghèo bền vững và các chương trình, dự án phát triển xã hội khác được quan tâm đầu tư, triển khai tại huyện bước đầu đã làm thay đổi tích cực về diện mạo nông thôn, đô thị, kết cấu hạ tầng tạo điều kiện toàn diện để phát triển kinh tế, xã hội của huyện; mặt khác, cho ta thấy nông nghiệp, nông dân và nông thôn là bộ phận không thể tách rời trong sự phát triển chung của toàn xã hội. Tuy nhiên, đi đôi với sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội của huyện cũng đã phát sinh nhiều vấn đề về môi trường, về sử dụng đất như ô nhiễm môi trường ở các khu thu mua và chế biến mủ cao su, khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, ... Nhiều khu vực đất thu hồi, đất bàn giao từ các đơn vị về địa phương quản lý, khu dân cư mới, khu tái định cư chưa khai thác hết tiềm năng theo quy hoạch gây lãng phí tài nguyên đất; một số khu dân cư, chợ tự phát không theo quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường; một số quy hoạch sử dụng đất đã duyệt chưa được triển khai thực hiện, kê biên nhưng chưa được áp giá bồi bồi thường giải phóng mặt bằng, ... gây thiệt hại về kinh tế - xã hội.

Thực hiện Luật Đất đai, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai sửa đổi bổ sung “Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất”; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Trên cơ sở công văn số 1854/UBND-NL ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện; Ủy ban nhân dân huyện thực hiện lập “***Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai***”.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt có ý nghĩa rất quan trọng cho các cấp, các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong xã hội. Đây là tài liệu pháp lý và khoa học định hướng sử dụng đất đai cho các cấp, các ngành, chỉ rõ phần ranh giới để các cấp thực hiện quyền quản lý, quyền định đoạt; chỉ rõ địa điểm lợi thế phát triển cho các các ngành, giúp các ngành yên tâm trong đầu tư phát triển, đảm bảo cho mục tiêu phát triển chung của các cấp. Mặt khác, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xác lập tính ổn định về mặt pháp lý cho công tác quản lý nhà nước về đất đai; làm cơ sở để tiến hành giao đất và đầu tư để phát triển sản xuất, đảm bảo an ninh lương thực, phục vụ nhu cầu dân sinh, văn hóa – xã hội; kết hợp bảo vệ tài nguyên đất, nước và môi trường.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THÔNG TIN, TƯ LIỆU, BẢN ĐỒ

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013;
- Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- **Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.**

2. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ

- Quyết định số 127/QĐ-TTg năm 2018 về phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Gia Lai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng Chính phủ ban hành;
- Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.
- Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

- Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011 - 2015) huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đức Cơ;

- Kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2020 huyện Đức Cơ;

- Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

- Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045;

- Nghị Quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2020, triển khai nhiệm vụ công tác năm 2021 huyện Đức Cơ;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn năm 2021 - 2025 của huyện Đức Cơ;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của huyện Đức Cơ;

- Kết quả thực hiện các chương trình, dự án, các nghiên cứu của Trung ương và địa phương có liên quan đến sử dụng đất trên địa bàn huyện Đức Cơ;

- Các đồ án quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch liên quan tại 10 xã, thị trấn huyện Đức Cơ;

- Nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện;

- Các văn bản liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030;

Và kết quả điều tra của đơn vị tư vấn trên địa bàn huyện Đức Cơ.

- Thông báo số 299/TB-STNMT ngày 13/8/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo thẩm định Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ.

- Công văn số 3861/STNMT-QHĐĐ ngày 17/9/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn, thống nhất thực hiện một số nội dung trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa; đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả; bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu theo định hướng phát triển bền vững.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ nhằm phát huy tốt nguồn lực đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; chủ động trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra; theo đó:

- Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2015 – 2020; đồng thời làm rõ những vướng mắc, khó khăn, bất cập trong việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; trên cơ sở thực trạng đất đai, rà soát điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các xã đảm bảo nhu cầu sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thời kỳ mới;

- Phân bổ và khoanh vùng đất đai theo không gian sử dụng cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và 10 đơn vị hành chính cấp xã trong thời kỳ 2021 - 2030.

- Cụ thể hóa chỉ tiêu sử dụng đất do cấp tỉnh phân bổ và cân đối chỉ tiêu đến từng đơn vị hành chính cấp xã; làm cơ sở cung cấp thông tin cho xây dựng các quy hoạch chuyên ngành có sử dụng đất.

- Lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch và làm cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm trong kỳ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Đức Cơ thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định thi hành, Thông tư và văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện; phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch của tỉnh Gia Lai; kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh Gia Lai; phù hợp với định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 của huyện; phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ các cấp; đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn huyện.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp điều tra, khảo sát; thu thập tài liệu

Điều tra thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ tại các sở, ngành cấp tỉnh; các phòng, ban cấp huyện và UBND cấp xã phục vụ cho lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, tỉnh Gia Lai;

Thu thập và xử lý tài liệu, đối chiếu, kiểm tra kết quả tổng hợp, phân loại tài liệu kết quả; khẳng định các yếu tố nhân tố chủ đạo ảnh hưởng đến thực trạng, biến động sử dụng đất, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất.

2. Phương pháp kế thừa và chọn lọc tài liệu kết hợp điều tra nhanh

Tiếp cận người dân và lãnh đạo các cấp, phòng ban liên quan thu thập các thông tin cần thiết nhằm cung cấp các thông tin nhanh về quy hoạch, kế hoạch, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các định hướng, báo cáo về kinh tế - xã hội để đánh giá đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội tại huyện.

Kế thừa kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ trước; kết quả thống kê đất đai; hồ sơ, số liệu từ kết quả các dự án đo đạc, lập hồ sơ địa chính và tài liệu các dự án khác đã triển khai trên địa bàn huyện.

3. Phương pháp phân tích tổng hợp và xử lý số liệu

Trên cơ sở các tài liệu và số liệu thu thập đã đối chiếu, kiểm tra, phân tích đánh giá chất lượng tài liệu và kiểm tra đối soát với thực địa, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất; đánh giá biến động sử dụng đất, tiềm năng sử dụng đất.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất theo quy định gồm các chỉ tiêu sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ và các chỉ tiêu theo nhu cầu sử dụng đất tại địa phương.

Tiến hành xử lý và tổng hợp thông tin bằng các phần mềm chuyên dụng để hình thành nên các biểu mẫu số liệu diện tích đất đai theo chỉ tiêu quy định.

4. Phương pháp bản đồ

Nghiên cứu và xây dựng các loại bản đồ hiện trạng và định hướng theo các ngành, các bản đồ tích hợp theo nhóm ngành.

Xây dựng bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên cơ sở bản đồ quy hoạch, kế hoạch kỳ trước, chồng ghép các bản đồ tài liệu và bản đồ hiện trạng mới thành lập đưa ra xu thế biến động sử dụng đất đai.

5. Phương pháp hội thảo chuyên gia

Tham khảo ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực quản lý đất đai, tham vấn ý kiến các lãnh đạo đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý đất đai đề xuất định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên đất trên địa bàn huyện;

Gửi tài liệu lấy ý kiến từ cộng đồng xã hội, các chuyên gia, cấp ngành liên quan; tổ chức hội thảo lấy ý kiến nhằm chỉnh sửa hoàn thiện;

Các phương pháp nói trên được dựa cơ sở tính toán, phân tích tổng hợp, toàn diện các đặc điểm điều kiện địa lý tự nhiên trên quan điểm lịch sử, hệ thống, và quan điểm phát triển bền vững đất đai tổng hợp với các mục đích phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo vệ môi trường tại huyện Đức Cơ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan quyết định đầu tư là UBND huyện Đức Cơ;
- Chủ đầu tư là phòng Tài nguyên và Môi trường huyện;
- Đơn vị tư vấn là Liên danh Công ty TNHH MTV Phát Thành Lộc Gia Lai;
- Cơ quan thẩm định là Sở Tài nguyên và Môi trường Gia Lai;
- Cơ quan phê duyệt là UBND tỉnh Gia Lai.

Thực hiện Luật đất đai 2013; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện Công văn số 1854/UBND-NL ngày 09/9/2020 của UBND tỉnh Gia Lai;

Trên cơ sở văn bản số 3325/STNMT-QHĐĐ ngày 14/9/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai về việc triển khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện;

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ đã ban hành các văn bản về việc triển khai lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 cấp huyện; theo đó UBND huyện đã phân công nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, có trách nhiệm tổ chức và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan lập “Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ”.

Trong suốt thời gian lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quy hoạch sử dụng đất và trực tiếp chỉ đạo đơn vị tư vấn, phối hợp với UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, cá nhân, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập và hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ;

Quy trình kỹ thuật lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Sau khi xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và lập báo cáo thuyết minh tổng hợp, Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ được tổ chức lấy ý kiến cộng đồng theo quy định tại Điều 1, Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020, khoản 4 “sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai” về việc lấy ý kiến về quy hoạch sử dụng đất cấp huyện. Hồ sơ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được hoàn chỉnh và được gửi về Sở Tài nguyên Môi trường tổ chức thẩm định ngày 12/8/2021; hồ sơ được hoàn chỉnh trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt sẽ được công bố công khai theo quy định;

Trong suốt tiến trình xây dựng, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được giám sát chặt chẽ, các sản phẩm được rà soát, tổ chức lấy ý kiến và hoàn chỉnh theo đúng quy định của Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ, đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021, kết quả sẽ được nghiệm thu theo đúng quy định tại Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT quy định kiểm tra giám sát trong lĩnh vực quản lý đất đai.

V. SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP “QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN ĐỨC CƠ, TỈNH GIA LAI”

1. Sản phẩm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Hồ sơ “Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai” thực hiện theo khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; gồm:

+ Biểu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ theo quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư;

+ Tờ trình, báo cáo thuyết minh tổng hợp (kèm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất) theo quy định tại Phụ lục số 04 và Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư;

+ Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ định hướng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ khu vực chuyển mục đích sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề theo quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư;

- Báo cáo chuyên đề theo quy định tại khoản 6 Điều 34 và khoản 9 Điều 35 Thông tư;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đức Cơ đã được phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

2. Nội dung chính của báo cáo thuyết minh tổng hợp

Nội dung chính của báo cáo thuyết minh tổng hợp “Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai” ngoài các nội dung đặt vấn đề, kết luận, hệ thống biểu số liệu kèm theo thì gồm có các nội dung chính sau đây:

- Phần I. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội;
- Phần II. Tình hình quản lý sử dụng đất đai;
- Phần III. Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030;
- Phần IV. Kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch;
- Phần V. Các giải pháp thực hiện.

PHẦN I

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý:

Vị trí địa lý có ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng đất.

Đức Cơ là huyện có quy mô diện tích trung bình của tỉnh Gia Lai với tổng diện tích tự nhiên là 72.186,0 ha; toàn huyện có 10 đơn vị hành chính cấp xã, với 35 km đường biên giới giáp với nước bạn Cam Pu Chia, có tọa độ địa lý từ 13°37'10" - 13°55'20" vĩ độ Bắc, từ 107°27'15" - 107°50'15" kinh tuyến Đông.

Địa giới hành chính của huyện như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Ia Grai;
- Phía Nam giáp huyện Chư Prông;
- Phía Đông giáp huyện Chư Prông;
- Phía Tây giáp tỉnh Ratanakiri (Vương quốc Cam Pu Chia).

Là huyện nằm ở phía Tây tỉnh Gia Lai, có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh; với Quốc Lộ 19 là trục giao thông chiến lược gắn với cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, Quốc lộ 14C gắn với tuyến hành lang biên giới Việt Nam - Cam Pu Chia. Huyện lỵ Đức Cơ (thị trấn Chư Ty) nằm cách trung tâm thành phố Pleiku khoảng 50 km, là cửa ngõ quan trọng của hành lang kinh tế phía Tây tỉnh Gia Lai. Đây là điều kiện quan trọng để phát triển thông thương với các tỉnh nước bạn lân cận, các huyện phía Tây tỉnh, thuận lợi khai thác tiềm năng về kinh tế - xã hội, đất đai và giao lưu quốc tế thông qua Cửa khẩu, đồng thời cũng là mốc giới quan trọng đảm bảo an ninh biên giới Tổ quốc.

1.2. Địa hình, địa mạo:

Địa hình, địa mạo của vùng dự án có tác động lớn đến các ngành sản xuất cũng như quyết định đầu tư hạ tầng tại địa phương.

Huyện Đức Cơ có địa hình đồi núi cao nguyên, bị chia cắt bởi hệ thống suối và các khe cạn. Địa hình nghiêng dần từ Đông sang Tây, thấp dần từ Bắc xuống Nam, trải dài trên sườn phía Tây của dãy Trường Sơn. Như vậy, một số khu vực ven suối lớn và núi dốc không thích hợp xây dựng vì nền địa chất chia cắt mạnh dễ xảy ra đứt gãy địa chất, gây sụt lún, sạt lở.

Độ cao trung bình so với mặt nước biển là 450 m, nơi cao nhất là đỉnh Chư Gông (cao 750 m so với mặt nước biển), thấp nhất là suối Ia Dăng (170 m so với mặt nước biển). Nhìn chung, địa hình huyện Đức Cơ có độ dốc không lớn, thuận lợi cho giao thông đi lại và trao đổi hàng hóa.

Với địa hình địa mạo như trên, việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng cơ sở tại huyện ít gặp khó khăn.

1.3. Khí hậu:

Yếu tố khí hậu ảnh hưởng trực tiếp đến sử dụng đất cho mục đích sản xuất nông nghiệp và điều kiện sinh hoạt của con người. Sự khác nhau về nhiệt độ giữa các vùng ảnh hưởng đến sự phân bố cây trồng và thực vật. Cường độ chiếu sáng, thời gian chiếu sáng cũng tác động đến quá trình quang hợp và sinh trưởng của cây trồng. Lượng mưa nhiều hay ít có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp nước tưới và giữ độ ẩm cho đất.

Huyện Đức Cơ chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa, thuộc khí hậu Tây Trường Sơn. Khí hậu chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 80 - 90% lượng mưa trong năm, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

+ Nhiệt độ trung bình: 21,7°C.

+ Lượng mưa trong năm từ: 2.100 mm – 2.500 mm/năm.

+ Độ ẩm trung bình năm khoảng: 82,5%.

Như vậy, khí hậu của huyện có những thuận lợi cơ bản cho việc đầu tư sản xuất nông nghiệp, hình thành vùng sản xuất vì có những yếu tố khí hậu độ ẩm, độ chiếu sáng cao, ít ảnh hưởng từ thiên tai.

Sự phân hóa mạnh mẽ điều kiện nhiệt ẩm nói riêng và điều kiện khí hậu nói chung đã tạo cho lãnh thổ Đức Cơ nhiều vùng tiểu khí hậu, có nhiệt lượng ẩm phong phú phù hợp cho việc phát triển các cây con nhiệt đới ẩm nhưng tạo điều kiện cho côn trùng phát triển. Mặt khác có mùa khô kéo dài là một trở ngại lớn cho sản xuất nông nghiệp và đời sống dân sinh.

1.4. Thủy văn:

Hệ thống sông suối, ao hồ có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức sử dụng đất đai, nhất là vùng miền núi. Bởi, hệ thống thủy văn vừa là nguồn cung cấp nước sinh hoạt, nước tưới, vừa là nơi tiêu nước khi có úng ngập, lũ lụt.

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện có mật độ không cao song phân bố tương đối đều từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây với các hệ suối lớn như: suối Ia Kreng, Ia Puch, Ia Lang ở phía Nam, suối Ia Krêl ở phía Bắc huyện.

Trong mùa mưa, các suối trên xuất hiện nhiều đỉnh lũ và phân bố đều trong cả mùa mưa. Do mưa lũ kéo dài nên lưu lượng thấp nhất trong mùa lũ lớn hơn hẳn lưu lượng cơ bản trong các tháng chuyển tiếp.

Bên cạnh hệ thống sông suối khá phong phú, trên địa bàn huyện còn có rất nhiều hồ nước tự nhiên và nhân tạo như: hồ C5, hồ thủy điện Ia Kla, hồ 701, hồ làng Mới, hồ làng Khóp, hồ làng Yít Yê,... Các hồ nước này có ý nghĩa rất lớn trong sản xuất nông nghiệp cũng như đời sống, vừa là nơi dự trữ nước trong mùa khô, vừa có chức năng điều tiết nước trong mùa mưa lớn.

2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất:

Điều kiện, đặc điểm thổ nhưỡng quyết định rất lớn đến việc sử dụng đất phục vụ cho mục đích phát triển nông nghiệp bởi vì mỗi loại cây trồng thích hợp với các loại đất và chất lượng đất nhất định. Độ phì nhiêu của đất là yếu tố tác động mạnh đến sinh trưởng của cây trồng và năng suất, sản lượng.

Theo kết quả điều tra đất của Viện QH và TKNN năm 1980 và chuyển đổi sang hệ thống phân loại đất quốc tế FAO - UNESCO năm 1995 và kết quả phân loại lại theo phương pháp phân loại World Reference Base (WRB) của Viện QH và TKNN. Tài nguyên đất huyện Đức Cơ được gộp thành 6 nhóm và 12 loại đất chính như sau:

2.1.1. Nhóm đất nâu đỏ (Fk), nâu tím (Ft), nâu vàng (Fu), nâu thẫm (Ru) và đất đen (Rk) phát triển trên đá Bazan và sản phẩm của đá bọt và đá Bazan:

Có diện tích khoảng 45.508,01 ha, chiếm 63,12% diện tích tự nhiên của huyện. Đất có tầng mặt dày trung bình 40 -70 cm, thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng, đất chua với độ pH từ 4- 4,5, đất giàu mùn, giàu đạm, lân dễ tiêu, thích hợp cho trồng cao su và cà phê.

2.1.2. Nhóm đất vàng đỏ phát triển trên đá Granít + Rrionit(Fa):

Có diện tích 12.230,0 ha, chiếm 16,91% diện tích đất tự nhiên của huyện, chủ yếu phân bố ở phía Tây Bắc huyện. Vùng núi cao giáp Cam Pu Chia khoảng 800,0 ha ở vùng núi dốc phía Đông Bắc huyện, 400,0 ha ở vùng đồi phía Tây Nam huyện.

2.1.3. Nhóm đất xám (Xa) phát triển trên đá Granít + Rrionit(Fa) + Sa thạch:

Có diện tích 7.580,0 ha, chiếm 10,48% diện tích tự nhiên của huyện, chủ yếu phân bố ở phía Tây Nam và Tây Bắc của huyện; đất có tầng mặt mỏng từ 30 - 40 cm, thành phần cơ giới nhẹ, đất giữ nước, giữ ẩm kém, bị rửa trôi mạnh, đất chua, mùn, đạm và lân dễ tiêu thấp ...

2.1.4. Nhóm đất đỏ vàng (Fs) trên đá sét-Gnai + Phiến đá mi ca:

Có diện tích 5.129,0 ha chiếm 7,08% diện tích tự nhiên của huyện. Được phân bố chủ yếu ở vùng Đông Nam của huyện, tầng mặt dày 50,0 - 70,0 cm, thành phần cơ giới thịt tăng, đất hơi chua, giàu mùn và đạm, lân tổng số trung bình.

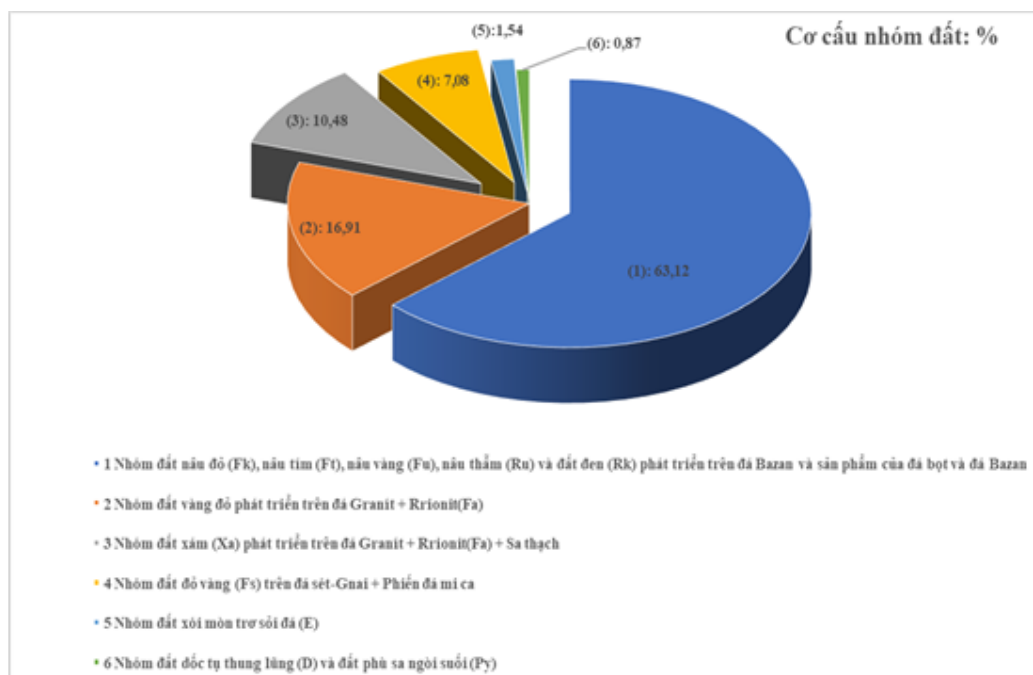
2.1.5. Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E):

Có diện tích 1.112,0 ha chiếm 1,54% diện tích tự nhiên, phân bố ở đỉnh đồi, chòm đồi, vách dốc rải rác ở phía Bắc và Nam huyện, loại đất này cần được giữ nguyên thực bì và trồng rừng cải tạo đất.

2.1.6. Nhóm đất dốc tụ thung lũng (D) và đất phù sa ngòi suối (Py):

Có diện tích 627,0 ha chiếm 0,87% diện tích tự nhiên của huyện. Được phân bố rải rác ở phía Nam huyện trên các hợp thủy ven sông suối, diện tích đất vùng này hầu hết đã được khai thác trồng lúa nước.

Cơ cấu nhóm đất theo thổ nhưỡng trên địa bàn huyện Đức Cơ được thể hiện qua biểu đồ sau đây:



Biểu đồ 1. Cơ cấu nhóm đất theo thổ nhưỡng huyện Đức Cơ

2.2. Tài nguyên nước:

2.2.1. Nguồn nước mặt:

Nguồn nước mặt trên địa bàn huyện gồm nguồn nước mưa và nguồn nước sông suối.

Hàng năm trên địa bàn huyện có lượng mưa trung bình từ 2.100 - 2.500 mm. Lượng mưa phân bố không đều, tập trung chủ yếu vào các tháng 5 - 11. Nguồn nước mặt chủ yếu dựa vào sự có mặt của hệ thống sông suối chính trong vùng với mật độ tương đối đồng đều, liên tục từ Bắc đến Nam và từ Đông sang Tây gồm: suối Ia Krêl chảy ở phía Bắc huyện về sông Talesan (Cam Pu Chia); phía Nam huyện có các nhánh suối Ia Kreng, Ia Pnôn, Ia Puch, Ia Drăng đều đổ về Cam Pu Chia. Tuy có ít nước về mùa khô, nhưng các suối đều có nước chảy quanh năm.

Đây là nguồn nước tưới quan trọng và chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp vào mùa khô. Trong những năm gần đây, do việc mở rộng diện tích trồng cây lâu năm và việc khai thác, sử dụng nguồn nước chưa được quan tâm đúng mức; bên cạnh đó, do sự phân hoá sâu sắc của khí hậu trong năm, khiến cho mùa mưa nước mặt quá dư thừa gây lũ lụt, xói mòn đất, còn trong mùa khô lại thiếu nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

2.2.2. Nguồn nước ngầm:

Nhìn chung, tiềm năng nước ngầm có trữ lượng khá, chất lượng nước tốt, đảm bảo cung cấp nước cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

Tuy nhiên theo nghiên cứu và đánh giá của phân viện khí tượng thủy văn miền Nam, độ sâu nước mạch suy giảm khá nhanh trong những năm gần đây. Nguyên nhân là do tầng nước mạch bị khai thác mạnh phục vụ cho sinh hoạt và tưới cây công nghiệp như cà phê, tiêu. Mặt khác do rừng bị chặt phá nặng nề dẫn đến việc bổ sung trữ lượng nước mạch, nước ngầm vào mùa mưa bị giảm mạnh.

Để có thể sử dụng hiệu quả lâu dài nguồn nước mạch cũng như nước ngầm thì cần phải có những đề tài nghiên cứu đánh giá chính xác thực trạng về trữ lượng, phân bố nước ngầm, trên cơ sở đó quy hoạch và có kế hoạch khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên nước.

2.3. Tài nguyên rừng:

Giai đoạn hiện nay, Đức Cơ có tài nguyên rừng ở mức trung bình, có giá trị về kinh tế, hiện tại khu vực xã Ia Dom, Ia Nan và xã Ia Pnôn nhiều vùng còn rừng tự nhiên với diện tích lớn, nguồn tài nguyên này cần được bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, vừa góp phần làm đẹp cảnh quan, nên có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

Cây rừng chủ yếu là rừng lá rộng thường xanh phân bố ở vùng Đông Bắc và Tây Bắc huyện, rừng lá rộng rụng lá theo mùa (chủ yếu là rừng khộp) phân bố chủ yếu ở vùng phía Nam và Tây Nam của huyện, rừng hỗn giao gỗ - tre và rừng dây leo có diện tích không đáng kể, phân bố xen kẽ, rải rác chủ yếu với các loại rừng nghèo và rừng non; ngoài ra có nhiều loại cây gỗ quý như hương, cẩm xe, cẩm, cẩm lai, trắc... Rừng trồng chủ yếu là bạch đàn, sao, keo, keo lai ...

Hiện trạng theo kết quả thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Đức Cơ hiện nay là 4.422,95 ha, chiếm 6,13% tổng diện tích đất tự nhiên, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: hiện có 2.370,30 ha, chiếm 3,28% tổng diện tích đất tự nhiên. Tập trung nhiều nhất trên địa bàn xã Ia Dom, còn lại phân bố ở xã Ia Nan, xã Ia Pnôn.

- Đất rừng sản xuất: hiện có 2.052,65 ha, chiếm 2,84% tổng diện tích đất tự nhiên. Tập trung chủ yếu trên địa bàn xã Ia Dom và Ia Pnôn, còn lại phân bố trên địa bàn xã Ia Kriêng, Ia Din, Ia Lang, Ia Nan. Trong đó có 1.586,24 ha diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên, phân bố tập trung trên địa bàn xã Ia Dom, xã Ia Pnôn, một số khu vực còn lại trên địa bàn các xã Ia Nan và Ia Kriêng. Không có đất rừng đặc dụng.

Trong những năm qua, nguồn tài nguyên rừng bị suy giảm nhanh về số lượng và chủng loại loài, giống cùng khả năng phòng hộ của rừng, làm tác dụng ngăn cản lũ lụt, sạt lở đất trong mùa mưa bị hạn chế.

2.4. Tài nguyên khoáng sản:

Căn cứ quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011 - 2020 cho thấy huyện Đức Cơ có nguồn tài nguyên khoáng sản nghèo về chủng loại, không lớn về số lượng. Theo các kết quả nghiên

cứu, Đức Cơ có quặng Bôxít với hàm lượng Al_2O_3 từ 33,76% - 51,75%, hàm lượng SiO_2 là 14,04%. Ngoài ra có điểm khoáng hóa Bôxít ở dọc vùng biên giới Lệ Thanh.

Tuy nhiên, hiện nay chỉ có một vài điểm có đá xây dựng, cát, đá cấp phối với trữ lượng không đáng kể, manh mún phục vụ được khai thác phục vụ cho khai thác sản xuất vật liệu xây dựng thông thường quy mô nhỏ ở địa phương. Theo hiện trạng, hiện có khoảng 17,04 ha **đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, là các khu vực khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng được cấp phép khai thác khoáng sản phân bố trên địa bàn Ia Dom và xã Ia Nan.**

2.5. Tài nguyên nhân văn:

Nhân dân và chính quyền huyện Đức Cơ có lịch sử văn hóa lâu đời và truyền thống yêu nước.

Từ trước giải phóng, bộ đội Mặt trận Tây Nguyên đã phát hiện một số công cụ bằng đá của cư dân tiền sử. Vào năm 2002, đoàn khảo sát của viện Khảo cổ học và Bảo tàng tỉnh Gia Lai khảo sát trên địa bàn huyện và phát hiện các di tích khảo cổ học ở các xã Ia Kriêng và Ia Dom. Kết quả các nghiên cứu cho thấy, cách ngày nay khoảng từ 4.000 - 3.500 năm, vùng đất Đức Cơ - miền biên giới phía Tây của Tổ quốc Việt Nam đã được cư dân tiền sử chọn làm địa bàn cư trú và để lại dấu vết khá đậm nét cho đến tận ngày nay, điều này thu hút khách du lịch ghé thăm;

Huyện **có 46,10% dân số** là người đồng bào dân tộc thiểu số như người Jarai, Banar, Nùng... và các dân tộc khác ít người, trong đó tộc người Jarai chiếm nhiều hơn cả; cho thấy vùng đất Đức Cơ giàu về bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống với nhiều loại hình phong phú và đa dạng, gắn liền với cuộc sống của cộng đồng người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Chính vì vậy, thời gian qua, các cấp chính quyền địa phương và ngành chức năng của huyện luôn đặc biệt quan tâm đến công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa độc đáo của người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Nguồn nhân lực gồm đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp chính quyền quan tâm xây dựng, chỉnh đốn, đào tạo, bồi dưỡng về trình độ nghiệp vụ, đạt yêu cầu chuẩn hóa, đảm bảo năng lực công tác, vị trí được phân công, phân nhiệm.

Người dân địa phương tại huyện chủ yếu là nông dân lao động thuần túy, tại khu vực **trung tâm huyện và khu kinh tế** có một bộ phận tiểu thương, doanh nghiệp nhỏ, họ là những công dân cần cù, chịu khó khắc phục khó khăn, trình độ dân trí ngày càng được chú trọng nâng cao hơn, chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng và Pháp luật của Nhà nước.

3. Hiện trạng môi trường

Môi trường tác động mạnh và nhiều khi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sử dụng đất.

- Trên địa bàn huyện, hiện có một khu công nghiệp tại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, các khu thu mua và chế biến mủ cao su của đơn vị kinh tế quốc phòng thuộc Binh đoàn 15, một số mỏ khai thác đá vật liệu xây dựng, khu tiểu thủ

công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, các bãi rác thải, những hoạt động tại các khu vực này ít nhiều có tác động đến môi trường.

- Tại các khu vực đang phát triển, nhất là vùng ven thị trấn, Khu kinh tế cửa khẩu, các hệ thống thoát nước thải, nước mưa chưa được xây dựng hoặc xây dựng không đồng bộ khiến nước mưa bị ứ đọng kéo dài khi có mưa lớn gây ngập cục bộ, ảnh hưởng giao thông, sinh hoạt của nhân dân.

- Môi trường nông thôn cũng đặt ra nhiều vấn đề nan giải: rác thải sinh hoạt không được thu gom, xử lý đúng cách, nhiều hộ dân địa phương vùng sâu còn chưa có nhà vệ sinh phù hợp; mùi, nước thải, chất thải chăn nuôi chưa được xử lý triệt để; dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón nhiều trong đất; tại một số nơi ở các xã vùng đặc biệt khó khăn, còn có các hộ dân sử dụng nước suối, nước ao hồ làm nước sinh hoạt.

3.1. Môi trường nước:

Nguồn nước trên địa bàn huyện ít chịu ảnh hưởng của các tác nhân gây ô nhiễm như nước thải sinh hoạt, nước thải các khu, cụm công nghiệp, nước thải của các quá trình khai thác vật liệu xây dựng. Do vậy, về cơ bản chất lượng nước tốt, hàm lượng các chất gây ô nhiễm không đáng kể nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, việc suy giảm nhanh tài nguyên rừng trong giai đoạn vừa qua đã làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước ngầm; trong giai đoạn tới cùng với việc gia tăng dân số, tốc độ đô thị hóa cao hơn và việc phát triển các khu, cụm công nghiệp, làng nghề và khai thác tài nguyên trong lòng đất, trên đất sẽ tăng mạnh các tác nhân gây ô nhiễm đòi hỏi huyện cần có các giải pháp đồng bộ và lộ trình hiện đại hóa trang thiết bị phù hợp nhằm giảm thiểu những tác động bất lợi đến nguồn nước.

3.2. Môi trường đất:

Tác nhân gây thoái hóa môi trường đất trên địa bàn huyện chủ yếu là do quá trình xói mòn rửa trôi đất đai và quá trình ô nhiễm đất do các hoạt động của con người. Quá trình xói mòn rửa trôi đất đai xảy ra do hoạt động từ suy giảm rừng và lớp thực bì trên bề mặt đất trong nhiều năm trên địa hình dốc gây xói mòn rửa trôi đất đai trên bề mặt. Quá trình ô nhiễm đất chủ yếu là do sử dụng không hợp lý phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật và thuốc kích thích tăng trưởng cho cây trồng. Chất thải từ các hoạt động sản xuất nhất là các bao bì từ thuốc bảo vệ thực vật, các hoạt động khai thác vật liệu xây dựng, bao bì và vật liệu nhựa trong hoạt động dịch vụ và sinh hoạt chưa được xử lý thích hợp là nguyên nhân thứ ba dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường đất của huyện.

3.3. Môi trường không khí:

Hiện nay chưa có đánh giá chính thức về chất lượng không khí tại huyện. Tuy nhiên với mức độ ảnh hưởng từ suy giảm tài nguyên rừng; ảnh hưởng từ khu công nghiệp, các khu thu và chế biến mủ cao su; các khu vực sinh hoạt và phát triển khu vực đô thị như tại chợ trung tâm, các chợ dân sinh, ven trục giao thông, làm ảnh hưởng đến môi trường không khí. Mặt khác, với khí hậu nắng nóng của vùng biên

giới, gần các khu vực dân sinh nếu không kiểm soát tốt rất dễ xảy ra cháy rừng làm ảnh hưởng đến môi trường không khí.

4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với sử dụng đất:

4.1. Thuận lợi:

Vị trí địa lý huyện Đức Cơ nằm trong vùng kinh tế phía Tây của tỉnh Gia Lai, giáp ranh với nước bạn Cam Pu Chia, có Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại và dịch vụ; trên địa bàn huyện có tuyến đường thông thương với thành phố Pleiku, thông thương với các huyện lân cận thuận tiện cho giao thông, vận chuyển hàng hóa. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn qua huyện Đức Cơ được Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư mở rộng và xây mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới.

- Đất đai tương đối màu mỡ, có quỹ đất tương đối rộng, mật độ dân cư còn thưa, bình quân diện tích đất nông nghiệp cao, địa hình cao bằng phẳng, khí hậu tương đối ôn hòa thuận lợi cho phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp.

- Người dân cần cù sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, biết khắc phục khó khăn. Như vậy việc tiếp tục kế thừa và phát huy tăng cường sức mạnh đoàn kết các dân tộc; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; phát huy tính năng động, sáng tạo; những kinh nghiệm, thành quả đạt được; cần đào tạo nguồn lao động có tay nghề là điều kiện tiên đề cho phát triển về kinh tế xã hội tại địa phương thoát khỏi sản xuất nông nghiệp từ phương thức sản xuất tự túc, tự cấp, khai thác tự nhiên đã dần chuyển sang chế biến và sản xuất hàng hóa; tiềm năng đất đai, tài nguyên được phát huy có hiệu quả; nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được triển khai áp dụng, góp phần nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

Trong tương lai, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, chính quyền cần đồng hành cùng người dân mạnh dạn chuyển đổi phương thức sản xuất, tiếp tục nghiên cứu các vùng sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao như: cây ăn quả, cây dược liệu; cây cao su, cà phê, tiêu...; sản xuất rau, quả, nông sản theo tiêu chuẩn VietGAP... phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, thông qua các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; từng bước tiếp cận với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và phát triển các sản phẩm OCOP.

- Tốc độ phát triển kinh tế tăng khá ổn định, cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội đã và đang được quan tâm đầu tư xây dựng cơ bản về mọi mặt tạo điều kiện khai thác các tiềm năng và lợi thế của huyện. Môi trường đầu tư tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn.

4.2. Hạn chế:

Địa bàn huyện nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; tài nguyên rừng trong thời kỳ qua mất tương đối lớn.

Nguồn tài nguyên tự nhiên của huyện hạn chế, không có nhiều các loại khoáng sản với trữ lượng lớn.

Nguồn tài nguyên đất đai thường bị thiếu nước vào mùa khô là hạn chế lớn đối với sản xuất nông nghiệp, gây ô nhiễm môi trường. Loại đất đất xám và bạc màu, đất xói mòn trơ sỏi đá là bất lợi lớn trong phân vùng sản xuất nông nghiệp.

Nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển, một bộ phận lớn lao động phổ thông chưa qua đào tạo, đang làm nông nghiệp là chủ yếu, việc chuyển đổi sang các ngành nghề khác gặp khó khăn. Đào tạo nghề còn hạn chế, thiếu lao động trình độ cao. Hoạt động khoa học và công nghệ chưa tác động mạnh đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội còn chưa đồng bộ, tốc độ phát triển kinh tế những năm qua tăng nhanh nhưng chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế, nguồn vốn còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

Các cơ sở công nghiệp chế biến hàng nông sản của huyện còn ít, hàm lượng công nghệ thấp. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp đều nhỏ lẻ, có năng suất, chất lượng và hiệu quả chưa cao, sức cạnh tranh thấp.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế

*** Giai đoạn 2010 – 2015:**

Theo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ V, nhiệm kỳ 2010 – 2015 kinh tế của huyện đạt được như sau:

Giai đoạn 2010 – 2015, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 13,15%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội V đề ra là 13%. Tổng giá trị sản xuất năm 2015 là 3.996,4 tỷ đồng, tăng gấp 2,53 lần so với năm 2010;

Thu nhập bình quân đầu người đạt 28,3 triệu đồng/năm, tăng gấp 2,83 lần so với năm 2010, vượt chỉ tiêu Nghị quyết V đề ra là 20 triệu đồng/năm.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phù hợp với điều kiện thực tế của huyện. Đến năm 2015, tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp chiếm 48,6%, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng chiếm 18,3%, dịch vụ chiếm 33,1%; như vậy, so với năm 2010, tỷ trọng nông, lâm nghiệp giảm 9,8%, tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng 5,7%, tỷ trọng dịch vụ tăng 4,1%.

*** Giai đoạn 2015 – 2020:**

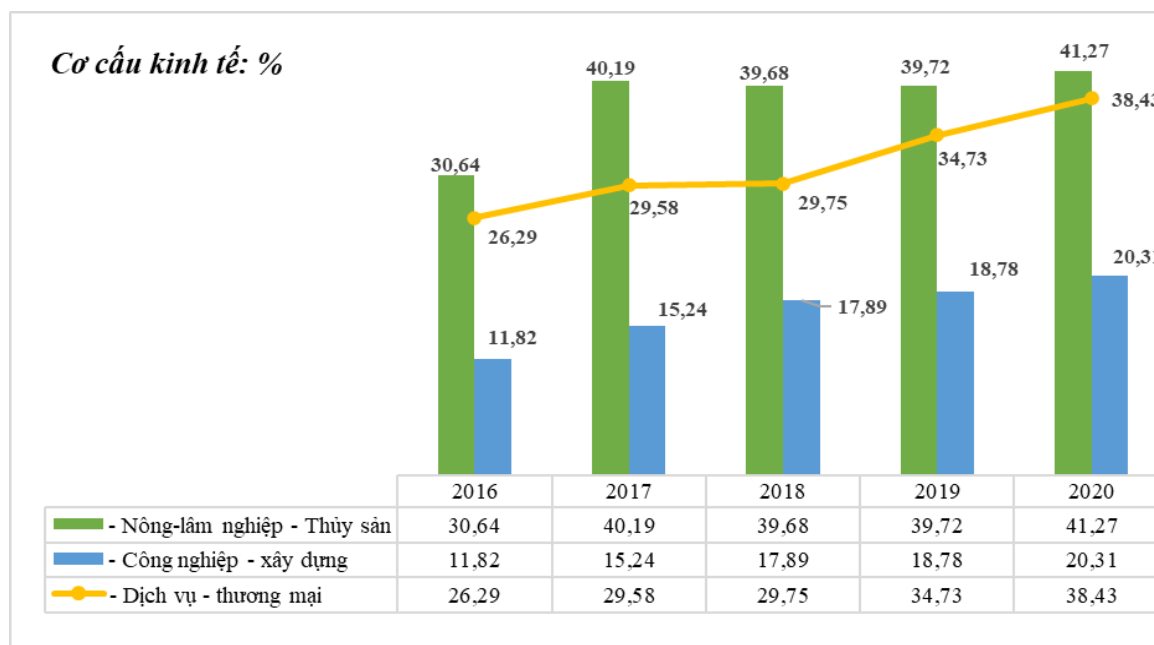
Theo Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 14/4/20121 của UBND huyện Đức Cơ báo cáo tổng kết công tác của Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ khóa VI, nhiệm kỳ 2016 – 2021 và báo cáo số 40/BC-TCKH ngày 22/3/2021 của Phòng Tài chính – Kế hoạch về việc Tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn năm 2016 – 2021, thành tựu đạt được theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa VI về phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2015 – 2020 trên địa bàn huyện như sau:

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của huyện.

Giai đoạn 2015 – 2020, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất hàng năm đạt 5,3%.

Năm 2020, tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) ước đạt 5.358 tỷ đồng, tăng 1,34 lần (so với năm 2015); trong đó, tỷ trọng ngành nông – lâm nghiệp và thủy sản chiếm 41,3%; công nghiệp và xây dựng chiếm 20,3%; dịch vụ chiếm 38,4%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 37,6 triệu đồng, tăng 9,24 triệu đồng.

Kết quả thực hiện dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện giai đoạn từ năm 2016 – 2020 được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. Cơ cấu kinh tế huyện Đức Cơ giai đoạn 2016 - 2020

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế trên địa bàn huyện giai đoạn năm 2016 – 2020 được thể hiện qua bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 1. Kết quả thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020

Chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020	Thực hiện đến năm 2020	Thực hiện bình quân giai đoạn 2016 - 2020
1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế	%	13,3	4,4	5,3
2. Giá trị sản xuất (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	4.752	5.358	4.654
- Nông - lâm nghiệp - thủy sản	Tỷ đồng	2.195	2.211	2.052
- Công nghiệp - xây dựng	Tỷ đồng	849	1.088	901
- Dịch vụ - thương mại	Tỷ đồng	1.709	2.059	1.702
3. Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành)				

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Chỉ tiêu kinh tế	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020	Thực hiện đến năm 2020	Thực hiện bình quân giai đoạn 2016 - 2020
- Nông-lâm nghiệp - Thủy sản	%	45,08	41,3	38,3
- Công nghiệp - xây dựng	%	17,49	20,3	16,8
- Dịch vụ - thương mại	%	37,43	38,4	31,8
4. Thu nhập bình quân đầu người/năm (giá hiện hành)	Triệu đồng	36,5	37,6	33,3

(Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ)

Thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện giai đoạn năm 2016 – 2020 được thể hiện chi tiết như sau:

1.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp:

Đến năm 2020, giá trị sản xuất ngành Nông - lâm nghiệp và Thủy sản đạt 2.211 tỷ đồng, cơ cấu kinh tế: chiếm 41,3%, đạt 103,2%KH.

Với tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn huyện hiện có 67.329,65 ha, trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm 62.790,10 ha, đất lâm nghiệp chiếm 4.422,95 ha và đất nuôi trồng thủy sản là 91,49 ha, đất nông nghiệp khác là 25,11 ha. Khu vực kinh tế nông nghiệp tại huyện phát triển theo lĩnh vực như sau:

- Vụ Đông xuân 2019-2020: Toàn huyện gieo trồng được 450,5 ha, đạt 100,1 % KH, tăng 66,1 ha so với cùng kỳ¹. Nhìn chung, diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng các loại cây trồng trong vụ Đông xuân 2019-2020 đều đạt và vượt so với kế hoạch và tăng so với vụ Đông xuân 2018-2019².

- Vụ Mùa 2020: Toàn huyện gieo trồng và chăm sóc được 18.473,6 ha cây trồng các loại, đạt 100,2 % KH, tăng 1.069,6 ha so với vụ Mùa năm 2019³.

Triển khai gieo ươm và cấp 41.420 cây giống cà phê cho nhân dân trồng tái canh (tương đương với 41,12 ha); hiện nay cây trồng đang sinh trưởng, phát triển tốt. Tích cực thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, kết quả: Có 16

¹ Trong đó: Lúa nước 371,0 ha, đạt 92,8% KH, bằng 118,9 % so Vụ Đông xuân 2018-2019; rau các loại: 61,5 ha, đạt 123% KH, tăng 24,8 ha so với cùng kỳ, bằng 138,5% so Vụ Đông xuân 2018-2019; Khoai lang 12,0 ha; Ngô 6,0 (Không gieo trồng Kế hoạch).

² Nguyên nhân sản lượng tăng và vượt kế hoạch đề ra là do trong vụ, bằng nguồn vốn hỗ trợ chính sách phát triển đất trồng lúa năm 2019, đơn vị đã triển khai thực hiện xây dựng 37 ha/176 hộ dân thực hiện mô hình lúa năng suất, chất lượng cao với tổng diện tích 37 ha, với năng suất đạt 51,0 tạ/ha, đồng thời đã giúp cho một số hộ dân sản xuất lúa lân cận, vận dụng áp dụng kỹ thuật vào sản xuất đã tăng năng suất, sản lượng lúa chung của huyện trong vụ. Năng suất bình quân lúa nước toàn huyện đạt 44,5 tạ/ha, sản lượng đạt 4.355,2 tấn; Năng suất bình quân cây rau các loại toàn huyện đạt 67 tạ/ha, sản lượng đạt 800,4 tấn.

³ Trong đó: Lúa nước: 369,4 ha, đạt 108,6 % KH, tăng 50,4 ha; Lúa rẫy: 663,1 ha, đạt 132,6 % KH, tăng 137,4 ha so với cùng kỳ (trồng xen canh trong diện tích cao su trồng tái canh của Công ty 72, 74, 75 thuộc Binh đoàn 15), diện tích lúa rẫy vượt so với chỉ tiêu KH đề ra, nguyên nhân chủ yếu là do các hộ dân trồng xen canh trên các diện tích cao su tái canh của các Công ty thuộc Binh đoàn 15, năng suất đạt 17,3 tạ/ha, sản lượng lúa đạt 1.147,2 tấn, đạt 118,0 %KH, tăng 176,4 tấn so với cùng kỳ; Mỳ: 1.437,6 ha, đạt 89,9 %KH, giảm 5,4 ha so với cùng kỳ; Ngô: 105,5 ha (ngô lai: 67 ha, ngô địa phương: 32,5 ha), đạt 146,5 %KH, tăng 33,5 ha so với cùng kỳ; Đậu các loại: 67,2 ha, đạt 56,0% KH, tăng 24,7 ha; Rau các loại: 116,2 ha, đạt 116,2 % KH, tăng 24,8 ha so với cùng kỳ; Lạc: 138,6 ha, đạt 138,6 % KH, tăng 80,4 ha so với cùng kỳ, Nguyên nhân tăng là do người dân trồng xen canh trên diện tích đất cao su tái canh của các Công ty thuộc Binh đoàn 15 và xen canh, tăng vụ trong diện tích vườn cà phê, hồ tiêu để cải tạo đất, chống xói mòn, rửa trôi đất; Khoai lang: 221,7 ha đạt 110,9 % KH, tăng 114,7 ha so với cùng kỳ.

sản phẩm của 12 cơ sở đạt chuẩn 3 sao cấp huyện; 13 sản phẩm đạt chuẩn cấp tỉnh. Tiếp tục thực hiện Dự án liên kết sản xuất cà phê nhân xanh chất lượng cao và các dự án tạo ra sản phẩm OCOP⁴.

Chỉ đạo, hướng dẫn UBND các xã triển khai thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã, thôn, làng ĐBK, xã biên giới; Chương trình 135 (thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2019). Tổ chức 11 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi cho 550 học viên tham gia; 04 lớp đào tạo nghề cho 106 học viên tại 04 xã.

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc là 18.080 con, đạt 100% KH, tăng 10 con so với cùng kỳ⁵. Tổng đàn gia cầm có 56.800 con, tăng 600 con so với cùng kỳ. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản: 40 ha; sản lượng ước đạt 65 tấn.

Sau khi công bố hết dịch tả lợn Châu Phi chấm dứt ngày 09/12/2019. Đến nay, việc tái đàn trên đàn lợn bước đầu đã cho lại kết quả tốt. Toàn huyện có 8.780 con lợn; hiện đang sinh trưởng, phát triển tốt.

b. Công tác quản lý bảo vệ rừng, trồng rừng, trồng cây phân tán:

Trong năm 2020, toàn huyện đã trồng mới được 141,5 ha rừng (kể cả diện tích trồng cây phân tán), vượt chỉ tiêu Nghị quyết giao⁶. Tiến hành kiểm tra, nghiệm thu kết quả quản lý, chăm sóc, bảo vệ rừng trồng năm 2017, 2018, 2019, tổng diện tích: 85,05 ha; qua kiểm tra, đánh giá chất lượng cây sống đạt 82%. Trồng 1.699 cây phân tán các loại trên các tuyến đường, khuôn viên quy hoạch trồng cây xanh địa bàn thị trấn Chư Ty; tỷ lệ sống đạt 98%.

Kiện toàn BCH PCCCR cấp huyện, xây dựng phương án và chỉ đạo thực hiện nghiêm biện pháp phòng, chống cháy rừng ngay từ đầu mùa khô, không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

1.2. Khu vực kinh tế công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

Đến cuối năm 2020, giá trị Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp (theo giá hiện hành) đạt 1.088 tỷ đồng, chiếm 20,3%, đạt 103,1%KH, tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân hàng năm ước đạt 725,4 tỷ đồng.

Năm 2020, các tuyến đường giao thông được đầu tư mở rộng; các công trình trường học, điện, trạm y tế, nước sinh hoạt, trụ sở làm việc, an sinh phúc lợi khác từ nguồn ngân sách Nhà nước và các cơ sở chế biến nông sản, gia công cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ cao su của tổ chức, cá nhân được đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

⁴ Dự án: Phục tráng giống lợn Sóc (lợn Brong), sản xuất đại trà theo quy trình VietGAP; mô hình vườn cây ăn quả sinh thái đạt chuẩn VietGAP.

⁵ Trong đó: Trâu 280 con, bò 9.020 con, heo 8.780 con.

⁶ Trong đó: UBND các xã trồng rừng tập trung: 20,0 ha; Ban quản lý rừng phòng hộ trồng rừng tập trung 28,3 ha; Trồng cây phân tán tại thị trấn Chư Ty: 1,7 ha). Diện tích trồng cây phân tán do nhân dân tự bỏ kinh phí trồng: 91,5 ha (Chủ yếu là diện tích cây ăn quả do nhân dân tự trồng trong nhà, vườn, rẫy).

Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được đầu tư, bước đầu phát huy hiệu quả. Khu Kinh tế hiện có 105 lao động làm việc thường xuyên, chủ yếu làm việc trong Khu công nghiệp, thu nhập bình quân trên 4,3 triệu đồng/tháng.

Hiện nay trên địa bàn huyện có khoảng 17,04 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đã được cấp phép khai thác, chủ yếu là các mỏ khai thác đá, đất sét, vật liệu xây dựng; khoảng 10,61 ha đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; và 78,96 ha đất khu công nghiệp.

1.3. Khu vực kinh tế dịch vụ - thương mại:

Tính đến cuối năm 2020, giá trị sản xuất ngành thương mại, dịch vụ đạt 2.059 tỷ đồng, tăng 733,9 tỷ đồng so với năm 2015 (theo giá hiện hành).

Thị trường hàng hóa trên địa bàn huyện ngày càng phong phú, đa dạng; cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân; các ngành dịch vụ bưu chính viễn thông, vận tải phát triển mạnh mẽ, hoạt động dịch vụ - du lịch ngày càng được quan tâm. Thực trạng phát triển một số lĩnh vực trọng yếu như Giao thông - Vận tải và Thương mại - Dịch vụ, Tài chính - thuế - Ngân hàng.

Hiện nay trên địa bàn huyện có diện tích 6,80 ha đất thương mại – dịch vụ được các tổ chức kinh tế quản lý và sử dụng cụ thể như các sân bóng mini, kho xăng, trụ sở điện lực, công ty kinh doanh và phát triển miền núi, ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, trạm thu phí, các hợp tác xã ... cung ứng dịch vụ thiết yếu cho toàn xã hội.

Đối với hoạt động công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ tại huyện thì có ảnh hưởng lớn từ hoạt động tại Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh:

Hiện nay hoạt động tại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh diễn ra ổn định, tại Khu kinh tế có 30 nhà đầu tư thực hiện 37 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký 508,3 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư thực hiện ước đạt 190,6 tỷ đồng, đạt 37,5% tổng vốn đầu tư đăng ký. Trong đó: 11 dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động, 14 dự án đang xây dựng, 12 dự án đang làm thủ tục. Các dự án chủ yếu hoạt động thương mại, dịch vụ, kinh doanh kho bãi phù hợp với khu vực cửa khẩu. Ước thực hiện năm 2020, kim ngạch xuất, nhập khẩu qua Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đạt 67 triệu USD (tăng 1,8% so với cùng kỳ năm 2019). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 43 triệu USD (tăng 42% so với cùng kỳ năm 2019), kim ngạch nhập khẩu đạt 25 triệu USD (giảm 29,6% với cùng kỳ năm 2019); doanh thu thuần ước đạt 239 tỷ đồng (giảm 55,7% so với cùng kỳ năm 2019); tổng số thu ngân sách nhà nước tại Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh ước đạt 6 tỷ đồng (giảm 64% so với cùng kỳ năm 2019), trong đó nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp tại Khu trung tâm Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đạt 3,6 tỷ đồng.

2. Khái quát thực trạng văn hóa – xã hội:

2.1. Giáo dục – Đào tạo:

Hệ thống trường, lớp được giữ vững và phát triển, kết thúc năm học 2019 - 2020, toàn huyện có 44 trường học. Với tổng số 733 nhóm, lớp, 20.444 học sinh (giảm 01 trường, tăng 12 nhóm, lớp, giảm 167 học sinh so với năm học trước). Riêng 03 trường THPT thuộc Sở GD&ĐT quản lý: 51 lớp/2.049 học sinh⁷.

Năm học 2020 - 2021 toàn ngành có 44 trường trực thuộc Phòng quản lý, 716 nhóm, lớp (trong đó: MN 281 nhóm, lớp; TH 303 lớp; THCS 132 lớp), 20.988 học sinh (trong đó: MN 6.120 trẻ, TH 9.241 học sinh, THCS 5.627 học sinh).

Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid -19 tại các trường học trong thời gian diễn ra dịch bệnh. Tổ chức nghiêm túc kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2020. Tỷ lệ đậu tốt nghiệp toàn huyện 96,49% (715/741 em), tăng 8,58% so với năm trước⁸. Tiếp tục quan tâm đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất tại các trường theo kế hoạch. Chuẩn bị tốt các điều kiện phục vụ năm học mới, đáp ứng điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới ở lớp 01. Đến cuối năm 2020, có thêm 4 trường học đạt chuẩn, nâng tổng số trường học đạt chuẩn toàn huyện là 25 trường. Tổ chức thành công các kỳ thi, hội thi do ngành Giáo dục phát động. Tiếp nhận và cấp phát 56,54 tấn gạo cho 1.085 học sinh bán trú.

2.2. Y tế - Kế hoạch hóa gia đình:

Triển khai thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng chống dịch bệnh Covid-19. Chủ động phòng ngừa và triển khai giải pháp phù hợp, không chế không để dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên địa bàn huyện; chú trọng giám sát, cách ly người bệnh từ các tâm dịch trở về, kiểm soát tốt nguy cơ lây lan dịch bệnh⁹. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo việc phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong thời điểm giao mùa, đặc biệt là, dịch sốt xuất huyết, bạch hầu.

Trung tâm Y tế đã duy trì tốt công tác khám chữa bệnh. Số lượt khám bệnh tại Trung tâm Y tế: 53.817 lượt, số lượt điều trị nội trú: 7.618 lượt người. Số lượt khám bệnh tại trạm y tế xã, thị trấn: 27.600 lượt. Tổ chức các Đoàn kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm dịp Tết Nguyên đán và Tháng hành động về vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2020, kiểm tra 37 cơ sở không có vi phạm. Đến nay, không có dịch bệnh bùng phát và ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng xảy ra.

⁷ Bậc học Mầm non: 15 trường MN, với 306 nhóm, lớp, 6.266 học sinh (tăng 12 nhóm, lớp; giảm 478 học sinh so với năm học trước); Trong đó học sinh Bán trú có 14/15 trường, 227 nhóm lớp, 5241 học sinh (tỷ lệ học sinh bán trú được duy trì); tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân chiếm 2,2%, thể thấp còi chiếm 2,2%; 100% trẻ 5 tuổi được theo dõi đánh giá sự phát triển theo Thông tư 23 của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,9% (không tăng, không giảm so với năm học trước). Tỷ lệ duy trì sĩ số đạt 100%. Bậc Tiểu học: Có 16 trường và 02 trường THCS có cấp Tiểu học, với 300 lớp, 9.054 học sinh (giảm 01 trường, 02 lớp; tăng 39 học sinh so với năm học trước). Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học chiếm 96,09% (tăng 0,23% so với năm học trước); học sinh hoàn thành chương trình tiểu học chiếm 100% (tăng 0,06% so với năm học trước); tỷ lệ học sinh bỏ học là 0,19% (tăng 0,01% so với năm học trước). Bậc Trung học cơ sở: Có 13 trường, với 127 lớp, 5.124 học sinh (tăng 02 lớp; tăng 272 học sinh so với năm học trước). Về Học lực: Tỷ lệ học sinh Khá, Giỏi chiếm 44,67%, (tăng 1,43% so với năm học trước), Tỷ lệ học sinh yếu kém chiếm 8,17% (giảm 1,01% so với năm học trước). Về hạnh kiểm: Tỷ lệ học sinh từ hạnh kiểm trung bình trở lên chiếm 98,83% (giảm 0,09% so với năm học trước). Học sinh bỏ học 67 em, chiếm 1,28% (giảm 0,28% so với năm học trước). Tỷ lệ duy trì sĩ số đạt 98,72%.

⁸ Trong đó: Trường Nguyễn Trường Tộ: 130/131=99,24%; Lê Hoàn: 352/353=99,72%, Tôn Đức Thắng: 107/110=97,27%, Trung tâm GDNNGDTX: 126/147=85,71%

⁹ Tại huyện Đức Cơ hiện còn 00/79 trường hợp nghi ngờ về cách ly tại TTYT huyện, Trường hợp cách ly tại nhà: 22. Hết cách ly là 1.982 ca.

Chỉ đạo xây dựng, triển khai có hiệu quả chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe – kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện.

2.3. Văn hoá-Thông tin; Thể dục-Thể thao; Truyền thanh-Truyền hình:

Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn, đặc biệt, tuyên truyền công tác phòng, chống dịch bệnh; Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc.

Tổ chức Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Triển khai kế hoạch kiểm kê công chiêng, nhằm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản không gian văn hóa công chiêng trên địa bàn.

Quyết định ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp tỉnh "Địa điểm Chiến thắng Chư Bô – Đức Cơ"; Đề án phát triển du lịch huyện Đức Cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Triển khai xây dựng bia di tích lịch sử "Cuộc nổi dậy phá trại giam Cuty – Chư Drông". Phối hợp tổ chức phục dựng Lễ cúng giọt nước tại làng Krêl, xã Ia Krêl. Triển khai đăng ký và bình xét danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, làng, tổ dân phố văn hóa" năm 2020¹⁰. Tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả xây dựng thị trấn Chư Ty đạt chuẩn văn minh đô thị.

Tổ diễn Hội diễn nghệ thuật quần chúng huyện lần thứ III; tham gia Hội diễn nghệ thuật quần chúng tỉnh lần thứ II năm 2020. Kết quả đứng thứ 2 toàn đoàn.

Kiểm tra 14 cơ sở kinh doanh đại lý Internet, điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; đồng thời phối hợp cùng Thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiểm tra 05 cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke, khách sạn để chấn chỉnh, xử lý các sai phạm.

Thư viện huyện phục vụ 7.029 lượt bạn đọc, tổng số lượt sách báo lưu thông 17.663 lượt. Đảm bảo thời lượng phát sóng Truyền thanh - Truyền hình, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân. Tổng thời lượng phát sóng: 15.382 giờ (12.730 giờ phát truyền hình; 2.652 giờ phát thanh FM); sản xuất 164 chương trình, với 1.148 tin và 234 bài. Sản xuất và tham gia cộng tác trên đài phát thanh, truyền hình tỉnh¹¹.

2.4. Chính sách xã hội:

Cấp 31.926 thẻ BHYT cho các đối tượng người nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số và đặc biệt khó khăn. Triển khai kế hoạch thăm, tặng quà Tết các gia đình chính sách, hộ nghèo, các cơ quan, đơn vị nhân dịp Tết Nguyên đán Canh Tý 2020 từ các nguồn kinh phí (tổng trị giá trên 4,7 tỷ đồng), cấp phát 57.465 kg gạo cho cho 911 hộ/3.831 khẩu cho hộ khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020.

¹⁰ Có 17.268/18.353 hộ gia đình đăng ký xây dựng danh hiệu "Gia đình văn hóa", tỷ lệ 94,08%; có 73/73 thôn, làng, tổ dân phố đăng ký xây dựng danh hiệu "Thôn, làng, tổ dân phố văn hóa", tỷ lệ 100%. Kết quả bình xét: Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 80%; tỷ lệ thôn, làng, Tổ dân phố văn hóa đạt 75%, đạt kế hoạch đề ra.

¹¹ Gồm 25 chuyên mục trang địa phương, 262 tin và 31 bài.

Kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2020: Có 1.154 hộ nghèo, chiếm 6,10% tổng số hộ dân trên địa bàn huyện, giảm 333 hộ so với cuối năm 2019 (tỷ lệ giảm nghèo 1,73%); Có 2.959 hộ cận nghèo, chiếm 15,65% tổng số hộ dân trên địa bàn huyện (tăng 0,93%) so với cuối năm 2019.

Tiếp tục hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm y tế cho 556 hộ dân có mức sống trung bình tại xã Ia Dom và làng Trol Deng, thị trấn Chư Ty. Hoàn thiện và bàn giao 7 căn nhà tình nghĩa cho người nghèo từ quỹ từ thiện Tập đoàn Vingroup (06 nhà) và Ngân hàng BIDV (01 nhà) hỗ trợ. Triển khai xây dựng 50 ngôi nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo khó khăn về nhà ở từ nguồn tài trợ của Ngân hàng ViettinBank (50 triệu đồng/nhà); 05 ngôi nhà cho hộ nghèo trên địa bàn xã Ia Đơk, từ nguồn tài trợ của Quỹ Hoa Hòa Bình. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn¹². Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm 73 năm Ngày Thương binh Liệt sỹ¹³. Triển khai vận động ủng hộ “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” năm 2020¹⁴. Các chính sách xã hội cho các đối tượng được quan tâm thực hiện đảm bảo theo quy định. Đặc biệt, tập trung phối hợp với Bưu điện huyện, chi trả kịp thời, đầy đủ gói hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết 42/NQ-CP của chính Phủ¹⁵.

Phối hợp tổ chức chu đáo, long trọng Lễ đón, truy điệu và an táng 16 hài cốt Liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh tại Cam Pu Chia tại Nghĩa trang Liệt sỹ huyện.

Chỉ đạo xây dựng, triển khai có hiệu quả chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ chăm sóc sức khỏe – kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện.

2.5. Công tác dân tộc:

Ban hành Kế hoạch bồi dưỡng kiến thức cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện năm 2020. Lập danh sách cho 120 đối tượng là hộ nghèo dân tộc thiểu số thuộc khu vực II, III hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc nguồn kinh phí đảm bảo xã hội năm 2020; Tổ chức thăm hỏi, chúc tết và tặng 43 suất quà (trị giá mỗi suất: 500.000 đ/suất) cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số nhân dịp Tết Nguyên Đán Canh Tý năm 2020. Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình 135 và các chính sách dân tộc giai đoạn 2016-2020 và

¹² Năm 2020, chỉ tiêu đào tạo 220 học viên, kinh phí thực hiện 520 tr.đồng, đã hoàn thành đào tạo 03 lớp với 127 học viên.

¹³ Tổ chức thăm, tặng quà cho 817 đối tượng là gia đình chính sách, người có công tiêu biểu với tổng giá trị 223,4 triệu đồng (trong đó ngân sách huyện 100 triệu đồng, ngân sách trung ương 123,4 triệu đồng); phối hợp Quân khu 5, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức viếng liệt sỹ và lễ thấp nển tri ân tại Nghĩa trang liệt sỹ Đức Cơ; tổ chức các hoạt động kỷ niệm 73 năm Ngày Thương binh liệt sỹ.

¹⁴ Đến nay, đã vận động, đôn đốc đóng góp được 326 triệu đồng, trong đó 136 triệu đồng tiền mặt; 02 căn nhà do Công đoàn Công an huyện tài trợ 70 triệu đồng/căn; 01 căn nhà/50 triệu đồng do Doanh nghiệp tư nhân Xuân Vần tài trợ.

¹⁵ Đã chi: 14.962.750.000đ. Cụ thể: Nhóm Người có công: 1.026.000.000đ cho 688 đối tượng. Nhóm Bảo trợ xã hội: 1.503.000đ cho 1007 đối tượng. Nhóm hộ Cận nghèo: 7.742.750.000đ cho 2054 hộ , 10.324 khẩu. Nhóm hộ Nghèo: 4.685.000.000đ cho 1487 hộ , 6249 khẩu. Nhóm vợ liệt sỹ tái giá: 6.000.000 đồng cho 04 đối tượng. UBND tỉnh đã phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ cho đối tượng người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là 468 người với kinh phí hỗ trợ: 452.250.000đ; hộ kinh doanh có doanh thu dưới 100 triệu đồng/năm với 174 hộ, với kinh phí hỗ trợ 174.000.000 đồng. Hiện tại đã chuyển kinh phí cho các xã chi trả. Lập hồ sơ đề nghị bổ sung 63 đối tượng lao động tự do và 06 hộ kinh doanh có doanh thu năm 2020 dưới 100 triệu đồng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19.

đề xuất giai đoạn 2021-2025. Tổ chức 10 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng tại các xã Ia Kla, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dok, Ia Kriêng, Ia Din, Ia Lang, Ia Krêl, tổng số người tham gia là 300 người.

2.6. Công tác tôn giáo:

Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện tổ chức gặp mặt các chức sắc, chức việc các tổ chức tôn giáo. Tổ chức thăm, tặng quà cho các tổ chức tôn giáo trong dịp Tết Nguyên đán năm 2020. Hướng dẫn Ban trị sự GHPGVN huyện Đức Cơ tổ chức khóa tu an lạc, Hội trại kỹ năng cho gia đình Phật tử huyện diễn ra an toàn, đảm bảo an ninh trật tự.

Báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy, UBND tỉnh, Sở Nội vụ đồng ý Tòa giám mục Kon Tum thành lập Giáo xứ Đồng Tâm, xã Ia Din; Giáo xứ Ploi Ba, xã Ia Pnôn; Giáo xứ Chư Ty, thị trấn Chư Ty theo quy định. Đến nay, UBND tỉnh đã có văn bản chấp thuận thành lập giáo xứ Giáo xứ Ploi Ba, xã Ia Pnôn.

Chỉ đạo cơ quan chức năng, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra quản lý, sử dụng đất đai, việc sửa chữa coi nói, xây dựng cơ sở thờ tự; quản lý tốt hoạt động của các chức sắc tôn giáo. Nhìn chung, hoạt động của các tổ chức tôn giáo diễn ra bình thường, ổn định.

3. Tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất

3.1. Dân số:

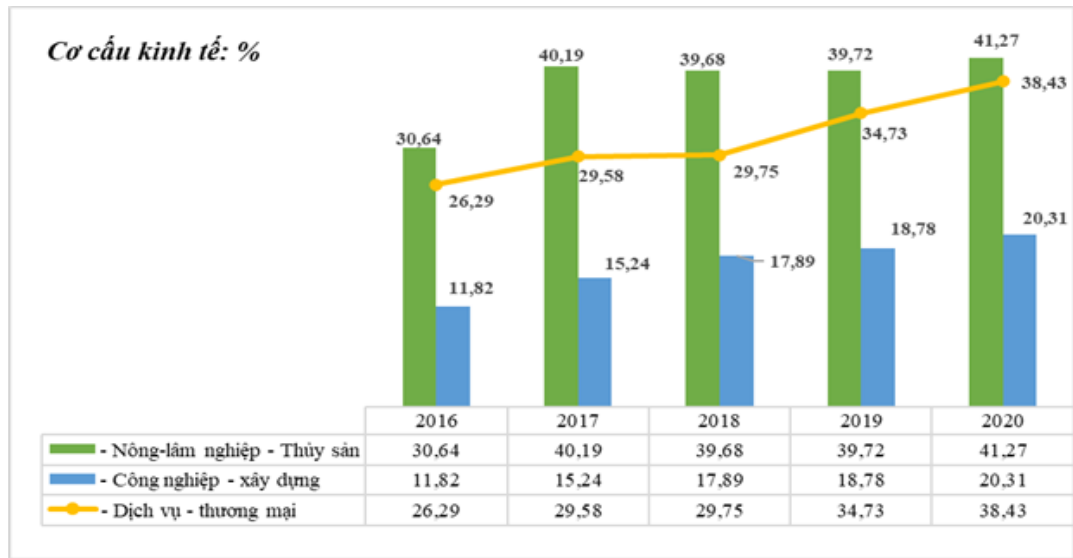
Tính đến năm 2020, dân số trung bình trên địa bàn huyện Đức Cơ theo Niên giám thống kê là 76.060 người (trong đó dân số trung bình nữ trên địa bàn huyện là 38.114 người, nam là 37.946 người). Mật độ dân số 105,37 người/km².

Tổng dân số trung bình của huyện khoảng 76.060 người, thành phần dân tộc chủ yếu là dân tộc kinh chiếm đa số với 40.994 người, chiếm khoảng 53,90% dân số; người Jarai với 33.697 người, dân tộc Banar chiếm 71 người, và các dân tộc khác là 1.298 người, chiếm 46,10% dân số huyện.

Dân số phân bố không đều, tập trung cao nhất là trên địa bàn thị trấn, một số xã trung tâm, còn ở các xã có điều kiện khó khăn có dân số thấp. Trong đó, dân số thành thị là 12.861 người, chiếm tỷ lệ 16,91%; dân số nông thôn là 63.199 người chiếm tỷ lệ 83,09%.

Số lượng dân số tăng đều trong những năm qua, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của huyện nhìn chung ổn định qua các năm với 1,53%, mức độ tăng cơ học không cao.

Theo Niên giám thống kê năm 2019 tỉnh Gia Lai, sự gia tăng dân số trên địa bàn huyện Đức Cơ trong giai đoạn 2015 – 2020 được thể hiện như sau:



Biểu đồ 3. Sự gia tăng dân số giai đoạn 2015 – 2020 huyện Đức Cơ

3.2. Lao động và việc làm; thu nhập và tập quán có liên quan đến sử dụng đất:

Lực lượng lao động của huyện là lao động trẻ, thể lực tốt, kết quả đào tạo, đào tạo lại tay nghề cho người lao động đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Số lao động được giải quyết việc làm hàng năm khoảng 570 người. Năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 43% (18.550 người).

Thu nhập của người lao động tăng và ổn định qua các năm cùng với sự phát triển kinh tế của huyện; Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người đạt 37,6 triệu đồng.

Nguồn lực lao động của huyện chưa được sử dụng đầy đủ. Lao động chủ yếu là nông nghiệp, với tập quán sản xuất còn mang tính tự cung, tự cấp, chưa gắn với thị trường và công nghiệp chế biến sau thu hoạch.

Tại khu vực Khu kinh tế Cửa khẩu và khu công nghiệp, việc đào tạo nghề và chuyển đổi nghề chủ yếu là thực hiện ở lao động trẻ, số người lao động lớn tuổi ở những nơi có đất bị thu hồi để phát triển kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn bất cập, chưa chuyển đổi nghề nghiệp được.

4. Thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn

4.1. Thực trạng phát triển đô thị:

Hiện nay trên địa bàn huyện Đức Cơ có 01 đô thị loại V là thị trấn Chư Ty với tổng diện tích tự nhiên là 1.544,50 ha, trong đó diện tích đất ở tại đô thị là 79,99 ha, chiếm hơn 5,17% so với tổng diện tích đất đô thị, chiếm 0,11% so với diện tích tự nhiên toàn huyện.

Thời kỳ 2010 – 2020 với tác động tích cực của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình xây dựng đô thị văn minh, chương trình xây dựng nông thôn mới; đến nay, bộ mặt đô thị của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực, hình thành khu trung tâm hành chính huyện, đạt khoảng 80% quy mô (trụ sở

làm việc của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể và nhà làm việc liên cơ quan các phòng ban), phát triển các điểm dân cư mới; đầu tư nâng cấp, mở rộng và phát triển được nhiều tuyến đường giao thông nội thị mới; đặt tên và cắm bảng tên tuyến đường đạt khoảng 30%; hầu hết các hộ dân trực tiếp sử dụng điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt tỷ lệ 96%.

- Mức độ tập trung dân cư chủ yếu ở trung tâm thị trấn, bám theo các tuyến đường chính, các điểm dân cư mới.

- Hệ thống giáo dục phát triển cả về quy mô và chất lượng, tổng diện tích đất giáo dục và đào tạo trên địa bàn thị trấn hiện có 17,84 ha gồm các trường và điểm trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường dân tộc nội trú và nhà trẻ như: trường THPT Lê Hoàn, trường THCS Võ Thị Sáu, trường dạy nghề Đức Cơ, khu tập thể giáo viên, trường mầm non Hoà Mi, trung tâm giáo dục thường xuyên, trường THCS Nguyễn Hiền, trường tiểu học Kim Đồng....

- Trên địa bàn thị trấn các thôn, làng đều có nhà văn hóa, hội trường thôn, làng, tổ dân phố, có Thư viện huyện, trung tâm văn hóa, nhà tưởng niệm liệt sỹ; đã đầu tư xây dựng nhà thi đấu huyện, có một số sân bóng, nhà thi đấu tại các khu dân cư tổ dân phố, thôn, làng với tổng diện tích đất thể dục thể thao khoảng 6,61 ha; cơ sở y tế được đầu tư hoàn chỉnh với tổng diện tích đất y tế khoảng 5,02 ha, có đội ngũ y, bác sỹ đảm bảo việc phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân địa phương.

- Hệ thống chiếu sáng đã được đầu tư trên các tuyến đường trục chính khu trung tâm huyện; hệ thống vỉa hè, cây cảnh được triển khai; nâng cấp một số tuyến đường giao thông trọng điểm của thị trấn. Tuy nhiên, đối với công tác quản lý đô thị chưa được chặt chẽ, chưa thực hiện được thiết kế đô thị.

Đặc biệt tại thị trấn Chư Ty có nhiều trụ sở và các đội sản xuất thuộc đơn vị kinh tế quốc phòng thuộc Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 đóng quân trên địa bàn. Đây là lợi thế về đảm bảo an ninh quốc phòng và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Hiện nay đã thực hiện điều chỉnh quy hoạch, định hướng không gian phát triển thị trấn Chư Ty đến năm 2035 với quy mô thực hiện theo phạm vi ranh giới hành chính thị trấn là 1.544,51 ha, dự kiến thực hiện quy hoạch chi tiết đến năm 2025 đạt khoảng 350 – 400 ha, đến năm 2035 đạt khoảng 450 – 500 ha theo như Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 để hướng đến phát triển một đô thị xanh, hiện đại, có cơ sở vật chất đồng bộ và phù hợp với quy hoạch phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; đến năm 2035 đạt các tiêu chí của đô thị loại IV.

Trong tương lai, để tạo đột phá thực hiện quy hoạch phát triển đô thị lên đô thị loại IV thì điều kiện về nguồn vốn và nguồn nhân lực chất lượng cao cần được chú trọng nhiều hơn nữa.

4.2. Thực trạng phát triển nông thôn:

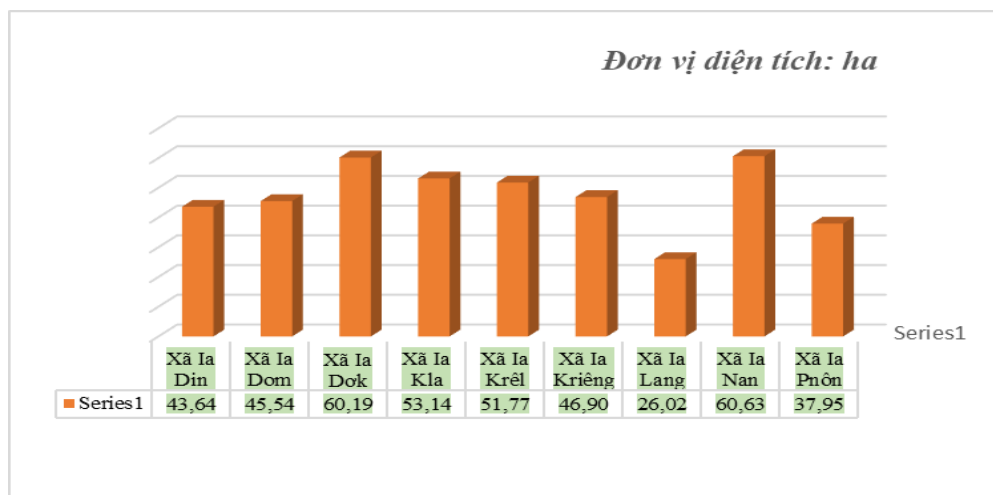
Huyện Đức Cơ có 10 đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó có 9 xã, đất ở của các xã phân bố tập trung tại trung tâm xã, theo từng cụm dân cư dọc theo tuyến

đường chính như tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường liên huyện, liên xã. Hiện trạng, diện tích đất tự nhiên của các xã là 70.641,51 ha, trong đó tổng diện tích đất ở tại nông thôn là 425,78 ha, chiếm hơn 0,59% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Cụ thể như bảng tổng hợp sau:

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích đất tự nhiên	Diện tích đất ở tại nông thôn	Số TT	Đơn vị hành chính cấp xã	Diện tích đất tự nhiên	Diện tích đất ở tại nông thôn
1	Xã Ia Dìn	4.402,66	43,64	6	Xã Ia Kriêng	10.921,26	46,90
2	Xã Ia Đơk	5.058,59	60,19	7	Xã Ia Lang	4.941,43	26,02
3	Xã Ia Dom	14.542,76	45,54	8	Xã Ia Nan	9.031,17	60,63
4	Xã Ia Kla	4.994,82	53,14	9	Xã Ia Pnôn	11.400,60	37,95
5	Xã Ia Krêl	5.348,21	51,77		Tổng cộng	70.641,51	425,78

Sự phân bố diện tích đất ở tại nông thôn trên địa bàn huyện Đức Cơ được thể hiện như hình sau đây:



Hình 1. Sự phân bố sử dụng đất ở tại nông thôn

*Đánh giá chung về phân bố đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn: theo diện tích thực trạng đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn như trên, ta thấy sự phân bố dân cư không đồng đều. Dân số phân bố tập trung cao nhất là trên địa bàn thị trấn Chư Ty, một số xã thuộc Trung tâm Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, các xã ven đường Quốc lộ 19 như xã Ia Nan, xã Ia Đơk, Ia Kla, Ia Krêl còn ở các xã có điều kiện khó khăn mặc dù diện tích tự nhiên rộng lớn nhưng có dân số ít hơn, đối với các xã vùng sâu vùng xa, địa hình đi lại khó khăn có mật độ dân cư thưa thớt.

5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

5.1. Hạ tầng giao thông:

Những năm qua được sự quan tâm đặc biệt của tỉnh, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đã từng bước cải thiện được phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện

gồm có các tuyến đường quan trọng như: đường Quốc lộ 19, Quốc lộ 14c, đường liên huyện, đường nội thị, đường xã, đường thôn làng, đường nội đồng. Bên cạnh đó các công trình giao thông được đầu tư xây dựng theo Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới đã làm thay đổi hoàn toàn diện mạo nông thôn nơi đây, góp phần thuận lợi cho giao thương hàng hóa, giải quyết khó khăn trong giao thông nhất là những vùng sâu, vùng xa. Hiện trạng, trên địa bàn huyện hiện có hơn 1.310,68 ha đất giao thông, bao gồm diện tích các công trình giao thông và các con đường, các tuyến đường dân sinh.

Tính đến năm 2020, toàn huyện 544,65 km đường, trong đó có 366,43 km đường nhựa, đường bê tông, chiếm 67,28%, gồm có các tuyến giao thông quan trọng như sau:

(1) Đường Quốc lộ 19: là tuyến đường giao thông huyết mạch kết nối hành lang kinh tế Đông – Tây tỉnh Gia Lai; từ Tây Nguyên đi về Quốc lộ 1, đến các tỉnh duyên hải miền Trung và ra các cảng biển quốc tế. Quốc lộ 19 trên địa bàn huyện Đức Cơ nối riêng và tỉnh Gia Lai là trục giao thông chiến lược gắn với cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, cùng với Quốc lộ 14C gắn với tuyến hành lang biên giới Việt Nam – Cam Pu Chia.

Tuyến đường Quốc lộ 19 đã và đang được đầu tư cải tạo, nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III-TCVN 4054-05, tốc độ thiết kế 60-80 km/giờ, đoạn qua khu đông dân cư sẽ có chiều rộng mặt đường 13m, đoạn thông thường có chiều rộng mặt đường 11m, gồm 2 làn xe cơ giới và 2 làn xe hỗn hợp.

(2) Đường Quốc lộ 14C: Quốc lộ 14C đoạn qua tỉnh Gia Lai có điểm đầu là Km 107 (tại bờ Bắc sông Sê San giáp địa phận tỉnh Kon Tum) và điểm cuối Km 202 (tại bờ Bắc sông Ia Hlốp giáp địa phận tỉnh Đắk Lắk). Trong kháng chiến chống Mỹ, đường 14C nằm trong hệ thống đường Hồ Chí Minh huyền thoại, ngày nay tuyến đường còn là tuyến giao thông quan trọng của các xã vùng biên giới. Các đội sản xuất của một số Công ty cao su trên địa bàn hầu hết đều đứng chân trên tuyến đường này.

Quốc lộ 14C qua tỉnh Gia Lai có lý trình qua ngã ba giao cắt với Km235 và Km235+500 Quốc lộ 19 (đi chung với QL19 500m) ở xã Ia Nan, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; đây là tuyến đường quan trọng chạy dọc biên giới kết hợp với các đường ngang khác tạo thành hệ thống đường khu vực biên giới, một mặt đảm bảo giữ vững an ninh tổ quốc, mặt khác nhằm tạo điều kiện phát triển kinh tế khu vực đường biên. Là tuyến giao thông cấp quốc gia nối các tỉnh Tây Nguyên dọc biên giới Việt Nam - Campuchia.

(3) Đường huyện: Đường liên huyện Chư Păh, Ia Grai, Đức Cơ, Chư Prông, tỉnh Gia Lai, đi qua địa bàn huyện đã triển khai dự án đầu tư trên cơ sở nâng cấp và mở rộng tuyến đường hiện hữu;

(4) Đường đô thị: trên địa bàn huyện hiện có các tuyến đường đô thị có nền rộng từ 3-8m và mặt rộng từ 3-12,5m. Hầu hết các tuyến đường đô thị đạt tiêu chuẩn đường GTNT loại A, một số tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp V.MN, cấp IV.MN và một số tuyến chưa được vào cấp.

(5) Đường xã, đường thôn làng: hệ thống đường xã hiện tại có nền từ 5 mét - 7 mét, mặt từ 3,5 mét - 5,5 mét.

Trong tương lai, vẫn còn nhiều tuyến đường xã, thôn làng cần quan tâm đầu tư mở rộng, nâng cấp để người dân nơi đây được hưởng phúc lợi xã hội từ các chương trình có mục tiêu.

5.2. Thủy lợi:

Phần lớn các công trình thủy lợi của huyện đã được xây dựng có quy mô vừa và nhỏ, hệ thống kênh mương nội đồng chưa hoàn chỉnh, hàng năm vẫn bị ảnh hưởng nhiều do thiên tai, mưa lũ gây ra. Huyện Đức Cơ vẫn còn rất khó khăn về hạ tầng thủy lợi và hiện đang đối mặt với vấn đề thiếu hụt nguồn nước sản xuất. Trong thời kỳ năm 2010 – 2020, từ nguồn vốn của tỉnh, nguồn hỗ trợ cho đất trồng lúa do Trung ương phân bổ, huyện đã đầu tư, nạo vét lòng đập, kiên cố kênh mương nội đồng. Hiện tại trên địa bàn huyện có một số công trình thủy lợi nhỏ do Nhà nước đầu tư xây dựng và hệ thống kênh mương; ngoài ra có hệ thống mặt nước chuyên dùng gồm các hồ chứa nước khác như hồ C5, hồ thủy điện Ia Kla, hồ 701, hồ làng Mới, hồ làng Khóp, hồ làng Yít Yẻ (gồm 11 hồ chứa và 4 đập dâng) ... Các hồ, đập chứa nước này có ý nghĩa rất lớn trong sản xuất nông nghiệp cũng như đời sống của cộng đồng, tuy nhiên vào mùa khô, lượng nước các công trình này chưa đáp ứng đủ lượng nước tưới cho diện tích cây trồng. Hiện tại, huyện chỉ có 1,72 ha diện tích đất thủy lợi. Ngoài ra có 160,21 ha diện tích đất có mặt nước chuyên dùng tại huyện. So với tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp không đảm bảo nguồn nước tưới tiêu, thực tế trên địa bàn huyện, để có thể đảm bảo nguồn nước tưới, hàng năm, nông dân phải tự đào ao tích nước hoặc dùng máy bơm làm tăng chi phí sản xuất với chi phí rất lớn nên hiệu quả sản xuất bị giảm xuống.

5.3. Hệ thống điện, công trình năng lượng:

Nguồn cấp điện cho Điện lực huyện Đức Cơ từ các nguồn xuất tuyến (XT) sau: XT 480/E42 qua MC 473 Đức Cơ & 473 Ia Lang; XT 471/E41 (E42) qua LBS 159B/1-4 C8 Ia Grai. Ngoài ra, vào mùa mưa, đơn vị nhận một phần sản lượng từ nhà máy thủy điện Ia Krel (I7- thủy điện của khách hàng) phát lên lưới điện 22kV thuộc xuất tuyến 473/F16 Đức Cơ; Sau khi được đầu tư xây dựng hoàn thành, trạm biến áp trung gian 110/35/22 KV Đức Cơ, công suất 1x25 MVA đã trở thành nguồn cung cấp điện cho toàn thị trấn Chư Ty và một số khu vực từ lưới điện quốc gia tại trạm biến áp này.

Hiện nay trên địa bàn huyện có 24,09 ha đất công trình năng lượng. Chủ yếu là diện tích của lòng hồ thủy điện, nhà máy thủy điện tại xã Ia Kla, diện tích chiếm đất của hệ thống đường truyền tải điện và trạm biến áp.

Theo định hướng phát triển ngành điện lực, hiện tại trên địa bàn huyện có một số dự án nghiên cứu phát triển thủy điện, năng lượng mặt trời đang tiến hành khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch ngành đáp ứng nhu cầu cấp điện tại địa phương và cung ứng sang nước bạn Cam Pu Chia.

5.4. Hạ tầng y tế:

Trên địa bàn huyện Đức Cơ có 7,57 ha đất xây dựng cơ sở y tế.

Tính đến 2020, toàn huyện Đức Cơ có Trung tâm y tế huyện gồm có một Bệnh viện, một ban y tế dự phòng và 10 xã, thị trấn đều có Trạm Y tế, có 10/10 trạm y tế xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế trong đó có 8/10 xã, thị trấn có Trạm y tế được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế; 100% trạm y tế có bác sỹ, nữ hộ sinh trung cấp hoặc y sỹ sản nhi (có 13 bác sỹ công tác tại các trạm y tế).

Hiện nay, công tác khám chữa bệnh đều ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động khám - chữa bệnh và y tế dự phòng; tham gia thanh quyết toán bảo hiểm y tế (BHYT) bằng phần mềm trực tuyến, dữ liệu được xử lý và thanh toán hàng ngày; các chương trình y tế Quốc gia liên tục được triển khai có hiệu quả. Ngoài ra còn có 28 cơ sở dịch vụ khám, chữa bệnh của tư nhân.

5.5. Giáo dục và đào tạo:

Năm học 2020 – 2021, toàn huyện có 44 đơn vị trường trực thuộc Phòng Giáo dục và đào tạo quản lý với 716 nhóm, lớp (trong đó: MN 281 nhóm, lớp; TH 303 lớp; THCS 132 lớp), 20.988 học sinh (trong đó: MN 6.120 trẻ, TH 9.241 học sinh, THCS 5.627 học sinh); Riêng 03 trường THPT thuộc Sở Giáo dục và đào tạo quản lý có 51 lớp/ 2.049 học sinh. Năm 2020 số trường đạt chuẩn Quốc gia là 27 trường; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 99,3%; tỷ lệ: 10/10 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục trẻ mẫu giáo 5 tuổi. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học chiếm 96,09%; học sinh hoàn thành chương trình tiểu học chiếm 100%.

Ngoài ra có 1 Trung tâm Giáo dục thường xuyên – Giáo dục nghề nghiệp và 10 Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, thị trấn.

Hiện nay, các cơ sở giáo dục bố trí không đều do phân bố dân cư tại một số xã thưa thớt, do địa hình đi lại khó khăn ở các vùng sâu, vùng xa. Hiện nay các xã đạt chuẩn về cơ sở vật chất trường học, có 54,59 ha diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo. Tiếp tục quan tâm đầu tư, tăng cường cơ sở vật chất tại các trường theo kế hoạch.

5.6. Văn hóa, lịch sử - văn hóa:

Từ trước giải phóng, bộ đội Mặt trận Tây Nguyên đã phát hiện một số công cụ bằng đá của cư dân tiền sử. Vào năm 2002, đoàn khảo sát của viện Khảo cổ học và

Bảo tàng tỉnh Gia Lai khảo sát trên địa bàn huyện và phát hiện các di tích khảo cổ học ở các xã Ia Kriêng và Ia Dom. Kết quả các nghiên cứu cho thấy, cách ngày nay khoảng từ 4.000 - 3.500 năm, vùng đất Đức Cơ - miền biên giới phía Tây của Tổ quốc Việt Nam đã được cư dân tiền sử chọn làm địa bàn cư trú và để lại dấu vết khá đậm nét cho đến tận ngày nay, điều này thu hút khách du lịch ghé thăm.

Chính vì vậy, thời gian qua, các cấp chính quyền địa phương và ngành chức năng của huyện luôn đặc biệt quan tâm đến công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa độc đáo của người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Theo số liệu thống kê của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Đức Cơ, hiện nay trên địa bàn huyện có 3/9 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 9/9 xã có Nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, hàng năm huyện đều tổ chức Hội thi văn hóa thể thao dành cho đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2020 huyện đã tiến hành kiểm kê công trình nhằm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản không gian văn hóa công trình trên địa bàn; hiện còn 215 bộ.

Bên cạnh phát triển hạ tầng xã hội cho cộng đồng dân cư, công tác bảo tồn, phục dựng và quản lý các di tích lịch sử - văn hóa luôn được cấp ủy và chính quyền quan tâm chú trọng. Hiện nay trên địa bàn huyện có thư viện, nhà văn hóa, nhà tưởng niệm liệt sĩ, đài tưởng niệm ... phục vụ cho các hoạt động văn hóa của địa phương cũng như nhu cầu tinh thần văn hóa của công dân, quỹ đất dành cho lĩnh vực này hiện có 2,90 ha diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa và 1,20 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa (chủ yếu phân bố trên địa bàn thị trấn Chư Ty, xã Ia Nan, Ia Pnôn và xã Ia Đơk), ngoài ra 9/9 xã đều có nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, hội trường thôn, làng ở địa bàn tất cả 73/73 thôn, làng, tổ dân phố tại tất cả 10 xã, thị trấn để duy trì, tổ chức các hoạt động sinh hoạt cộng đồng.

Hàng năm huyện đều tổ chức phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Năm 2020, huyện đã tiến hành kiểm kê công trình nhằm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản không gian văn hóa công trình trên địa bàn; hiện còn 215 bộ. Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, huyện đã ban hành các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp tỉnh "Địa điểm Chiến thắng Chư Bô – Đức Cơ", triển khai Đề án phát triển du lịch huyện Đức Cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Triển khai xây dựng bia di tích lịch sử "Cuộc nổi dậy phá trại giam Cuty – Chư Drông". Phối hợp tổ chức phục dựng Lễ cúng giọt nước tại làng Krêl, xã Ia Krêl.

5.7. Thể dục, thể thao:

Hiện nay toàn huyện có 25,30 ha diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao tại sân bóng các thôn, làng, sân đa năng. Diện tích đất cơ sở thể dục thể thao tập trung nhiều trên địa bàn thị trấn (6,61 ha gồm diện tích 1 nhà đa năng cấp huyện, 5 nhà thi đấu thể thao xã và các sân bóng ở các tổ dân phố, các làng); còn lại là đất thể dục, thể thao trong khu dân cư được hoàn thành ở giai đoạn 2016 – 2020 trong chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

5.8. Công trình bưu chính, viễn thông:

Trên địa bàn huyện có bưu điện huyện, bưu điện các xã và diện tích đất Đài Viễn thông tại thị trấn Chư Ty, có tổng diện tích 0,97 ha; đảm bảo phục vụ vận chuyển bưu chính – viễn thông và đảm bảo thời lượng phát sóng Truyền thanh - Truyền hình, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của nhân dân.

Năm 2020, tổng thời lượng phát sóng đạt 15.382 giờ (12.730 giờ phát truyền hình; 2.652 giờ phát thanh FM); sản xuất 164 chương trình, với 1.148 tin và 234 bài. Sản xuất và tham gia cộng tác trên đài phát thanh, truyền hình tỉnh.

5.9. Chợ:

Tại huyện có chợ trên địa bàn thị trấn Chư Ty và chợ trên địa bàn xã Ia Dom với tổng diện tích 1,71 ha.

Ngoài ra còn có chợ thương mại tại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và 3 siêu thị (Điện máy xanh, Thế giới di động, DailyMak) và các hộ kinh doanh.

6. Đánh giá chung

Thực trạng và hướng phát triển kinh tế - xã hội tác động và gây áp lực đối với đất đai rất lớn. Quá trình khai thác sử dụng đất cần được kết hợp chặt chẽ giữa sử dụng và cải tạo nhằm không ngừng nâng cao sức sản xuất và tính kinh tế của đất trên quan điểm sử dụng đất đai tiết kiệm, có hiệu quả; khai thác triệt để tiềm năng đất đai nhằm đảm bảo bồi bổ, làm giàu đất, bảo vệ môi trường đất và phát triển bền vững.

Như vậy, việc sử dụng đất tiết kiệm và hợp lý quỹ đất đai của huyện rất có ý nghĩa: tăng diện tích sử dụng, hệ số sử dụng và làm đẹp cảnh quan môi trường.

Tác động của phát triển kinh tế - xã hội có ý nghĩa rất lớn đối với việc sử dụng đất, mặt khác gây ra những mâu thuẫn nhất định, vì vậy rất cần thiết thực hiện những giải pháp đồng bộ nhằm sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý.

6.1. Hạn chế:

Quỹ đất tự nhiên của huyện tuy lớn nhưng quỹ đất có khả năng thích nghi đối với từng mục đích sử dụng là có hạn.

Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội còn chưa đồng bộ, tốc độ phát triển kinh tế những năm qua tăng nhưng chưa phát huy hết tiềm năng và lợi thế, nguồn vốn còn hạn chế chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. Nguồn thu phụ thuộc vào Khu Kinh tế Cửa Khẩu quốc tế Lệ Thanh, tuy nhiên Khu Kinh tế chưa phát huy hết tiềm lực vai trò động lực.

Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp, khu trung tâm Khu Kinh tế Cửa Khẩu quốc tế Lệ Thanh còn rất thấp.

Các cơ sở công nghiệp hiện có còn sử dụng nhiều lao động; vấn đề xử lý chất thải, bảo vệ môi trường chưa đảm bảo.

Các cơ sở công nghiệp chế biến hàng nông lâm sản của huyện còn ít, hàm lượng công nghệ thấp. Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp đều nhỏ lẻ, có năng suất, chất lượng và hiệu quả chưa cao, sức cạnh tranh thấp.

Các ngành thương mại - dịch vụ có quy mô nhỏ và phân tán, các loại hình thương mại trung chuyển đã và đang hình thành và có xu hướng phát triển; tỷ trọng các loại hình dịch vụ cao cấp (tài chính tín dụng, vốn, tư vấn, khoa học công nghệ) còn hạn chế.

Nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển, một bộ phận lớn lao động phổ thông chưa qua đào tạo, đang làm nông nghiệp là chủ yếu, việc chuyển đổi sang các ngành nghề khác gặp khó khăn. Đào tạo nghề còn hạn chế, thiếu lao động trình độ cao. Hoạt động khoa học và công nghệ chưa tác động mạnh đối với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

6.2. Lợi thế:

Trong những năm vừa qua, nền kinh tế huyện Đức Cơ đã có những bước tiến nhất định, vấn đề này liên quan trực tiếp đến việc chuyển đổi giữa các mục đích sử dụng đất nói riêng, cũng như ảnh hưởng rất lớn đến quá trình sử dụng đất của huyện nói chung. Mặt khác, quỹ đất tự nhiên còn có khả năng đưa vào khai thác sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế tại huyện còn thấp so với mục tiêu, tuy nhiên trong năm 2020 đã đạt được kết quả về chỉ tiêu kinh tế với những thành tựu đáng khích lệ trong mọi mặt phát triển kinh tế - xã hội. Cơ cấu chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ thương mại cùng với sự gia tăng dân số và các nhu cầu của đời sống và sản xuất gây sức ép mạnh mẽ lên hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện.

Văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ; cơ sở vật chất cho giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, chất lượng dạy và học được nâng lên.

Việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông trước khi mở rộng khu vực thị trấn, khu dân cư mới hình thành, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn, nhất là trên địa bàn các địa phương thuộc vùng quy hoạch Khu Kinh tế đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung trên địa bàn huyện đã làm thay đổi hạ tầng kỹ thuật, xã hội tại địa phương và mang lại những lợi ích to lớn đối với cộng đồng.

III. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Biến đổi khí hậu tác động đến khô hạn, hoang mạc hoá

Thời kỳ 2011 – 2020, thời tiết tại huyện Đức Cơ có những biến động lớn do chịu tác động của quá trình biến đổi khí hậu như nền nhiệt độ tăng cao, lượng mưa giảm, lượng bốc hơi tăng; dẫn đến thiếu hụt nước vào mùa khô và kéo dài. Điều này

là nguyên nhân lớn dẫn đến mặt đất bị khô hạn, nứt nẻ, tác động lớn đến các ngành, lĩnh vực trên tất cả các vùng lãnh thổ, tại các xã, thị trấn.

- Ảnh hưởng của BĐKH đến hoạt động sản xuất thấy rõ nhất là đối với ngành nông nghiệp. Tại huyện do ảnh hưởng gay gắt của hạn hán, việc điều tiết nước tưới chống hạn gặp rất nhiều khó khăn.

Trong sản xuất nông nghiệp, lúa là loại cây trồng chủ lực, bên cạnh đó vùng chuyên canh cây lầy năm là cây loại chiếm diện tích lớn; ảnh hưởng của BĐKH đến sản xuất lúa hàng năm rất rõ rệt. Giai đoạn 2010 - 2020, thiên tai hạn hán ảnh hưởng đến diện tích đất trồng lúa bị thiệt hại là khá lớn, mặt khác vào mùa mưa lũ lại gây ra hiện tượng ngập úng cục bộ, dẫn đến năng suất chất lượng giảm, trong đó có những khu vực diện tích loại đất này bị thiệt hại hoàn toàn hoặc kém hiệu quả, hoặc không có khả năng phục hồi (xã Ia Kriêng diện tích đất lúa nước giảm 0,5 ha, thị trấn Chư Ty giảm 0,5 ha...).

Đối với các loại cây trồng hàng năm khác và hoa màu (theo biến động sử dụng đất, năm 2020 đất cây trồng hàng năm giảm 7.729,58 ha so với năm 2015, giảm 10.892,76 ha so với năm 2010), các loại cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày cũng bị ảnh hưởng, năng suất cây trồng giảm do tác động của BĐKH mặc dù diện tích trồng trọt là khá lớn (năng suất, sản lượng và chất lượng cao su, cà phê, tiêu, ... mất mùa do thiên tai, nắng hạn). Ảnh hưởng của BĐKH còn tác động đến chăn nuôi, lâm nghiệp, đa dạng sinh học, gây ra cháy rừng (rừng trồng bạch đàn, keo lá tràm, keo lai... bị khô chết chiếm diện tích lớn), nhất là vùng biên giới thậm chí nhiều vùng xã còn thiếu nước sinh hoạt...

- Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn tới hoạt động giao thông vận tải, thủy lợi; theo thực tế, vào mùa mưa lũ, khi nước trên các con suối dâng cao, các đoạn đường bị trơn trượt, đất đá đứt gãy hay công trình thủy lợi bị hư hỏng, tàn phá nặng nề,...

- Đối với công nghiệp, ảnh hưởng của BĐKH khí hậu tác động đến ngành công nghiệp chế biến, nhất là chế biến những sản phẩm nông nghiệp. Nắng nóng kéo theo nhiệt độ tăng sẽ làm tăng tiêu thụ năng lượng kéo theo nhiều hoạt động khác tăng theo như tăng công suất nhà máy phát điện, tăng sử dụng các thiết bị làm mát như tháp sáng, quạt mát, điều hòa..., đặc biệt là các khu vực sản xuất, nhà máy sản xuất phi nông nghiệp, trong khu công nghiệp gây tổn thất năng lượng.

- Đối với bình đẳng giới, BĐKH ảnh hưởng nhiều tới công việc của phụ nữ; tại huyện, vấn đề dân cư có cộng đồng người dân tộc thiểu số chiếm 46,10% tổng dân số, sống theo chế độ mẫu hệ; và dân số nông thôn chiếm tỷ lệ 83,09%, nên nữ giới là nhóm dễ bị tổn thương do BĐKH, áp lực ảnh hưởng tới sức khỏe, kinh tế hộ gia đình.

2. Biến đổi khí hậu tác động đến xói mòn, sạt lở đất

Trong những năm qua BĐKH gây ra các hiện tượng mưa lũ dị thường làm xói lở bờ sông, sạt lở đất ven sông suối, sạt lở đất đồi; gây ra lốc xoáy, mưa đá bất

thường, gần đây cảnh báo nguy cơ lũ quét và sạt lở đất ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, các khu dân cư ven các sông suối, nơi có địa hình hiểm trở, ở chân đồi gần khu vực hợp thủy;

Gần đây nhất, mưa lớn kéo dài gây sụt lún, sạt lở đất tại khu vực suối phía Bắc đồi Chư Ty đã làm sụt lún trượt phân cấp vườn thành nhiều bậc, cuốn trôi nhiều diện tích đất nông nghiệp của các hộ dân. Tại vị trí này, hiện còn xuất hiện nhiều vết nứt dài chạy dọc tuyến, nếu thời tiết còn mưa kéo dài cùng với nền đất yếu sẽ tiếp tục xảy ra sạt lở đất làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhân dân.

Bên cạnh việc khắc phục hậu quả thiên tai, việc gia cố thêm công trình phòng hộ, cũng bị ảnh hưởng, gây sức ép trong việc bố trí quỹ đất, vốn đầu tư để xây dựng mới thay thế các công trình đã bị hư hỏng do thiên tai ...

Ảnh hưởng BĐKH tùy thuộc vào mỗi địa bàn lãnh thổ, các ngành, lĩnh vực như đã nêu trên không giống nhau, do vậy phải có những giải pháp phù hợp nhất là theo vùng lãnh thổ. Trong bối cảnh mới tình hình diễn biến phức tạp, tính rủi ro của BĐKH ngày càng gia tăng, tại huyện đã xây dựng phương án và các kịch bản đối phó với diễn biến của BĐKH.

Bên cạnh những tác động tiêu cực, do ảnh hưởng của BĐKH cũng có những tác động tích cực, chẳng hạn nhiệt độ, tốc độ gió tăng, giờ nắng nhiều là cơ hội cho phát triển năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời trên địa bàn các xã: xã Ia Lang, Ia Pnôn, ...; phát triển năng lượng gió tại địa bàn các xã, thị trấn; có những vùng bị tác động tiêu cực, nhưng cũng có nơi tác động tích cực. Như vậy đòi hỏi phải có một nhìn nhận có tính toàn diện ảnh hưởng của BĐKH theo vùng, phân bố theo không gian lãnh thổ.

PHẦN II

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẤT ĐAI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Tình hình thực hiện

Đến nay công tác quản lý, sử dụng đất đai trên phạm vi toàn huyện đã đi vào nề nếp, đã cải tạo được đáng kể diện tích đất chưa sử dụng đưa vào phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trong quá trình sử dụng đất không để lãng phí đất, bảo vệ tính bền vững của đất.

1.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó:

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đã ban hành các quy định cụ thể hóa Luật Đất đai cũng như các quy định dưới luật như: Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quy định về trình tự thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quy định hạn mức giao đất, hạn mức công nhận đất ở; kích thước, diện tích tối thiểu được tách thửa; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng, đất xây dựng trụ sở cơ quan, đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Gia Lai...

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện nghiêm túc các văn bản của Nhà nước và của tỉnh về quản lý và sử dụng đất đai góp phần thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện. Qua thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện dần đi vào nề nếp, hạn chế được tiêu cực phát sinh trong công tác quản lý và sử dụng đất, hoàn thành được những nhiệm vụ và kế hoạch được giao, đáp ứng nhu cầu về đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện cũng như của tỉnh.

Cùng với việc triển khai và tổ chức thực hiện Luật Đất đai 2013 và các văn bản dưới Luật, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo việc xây dựng và tổng kết đánh giá thực hiện kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên địa bàn huyện; tham gia ý kiến vào các dự thảo các văn bản của Chính phủ, của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh về lĩnh vực tài nguyên và môi trường; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ và quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính:

Công tác xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính thực hiện theo Chỉ thị 364/HĐBT ngày 06/11/1991 của

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) và điều chỉnh ranh giới, địa giới hành chính các xã, huyện trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2012 theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Huyện Đức Cơ đã thực hiện công tác xác định địa giới hành chính, quản lý hồ sơ địa giới hành chính, bản đồ hành chính cấp huyện; tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn tập trung thực hiện việc xác định, quản lý các mốc giới hành chính, quản lý hồ sơ địa giới hành chính cấp xã. Đến nay các tuyến ranh giới hành chính được ổn định và không có tranh chấp xảy ra.

1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất:

- Trong những năm gần đây công tác khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính; Công tác đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa phương được Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ đặc biệt quan tâm chú trọng đầu tư phát triển. Huyện đã tăng cường nguồn ngân sách trong lĩnh vực đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, cập nhật thông tin đất đai và thực thi theo nhiệm vụ thường xuyên, kế hoạch hàng năm.

Đến nay, công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính theo từng đơn vị hành chính cấp xã đã hoàn thiện đo đạc khép kín ranh giới địa giới hành chính huyện, gồm 10 đơn vị hành chính cấp xã với tổng diện tích đất tự nhiên là 72.186,01 ha; trong đó, tổng diện tích cần cấp GCNQSD đất là 27.027,54 ha.

- Công tác lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, về thời gian định kỳ 5 năm trên phạm vi toàn huyện. Thực hiện tổng kiểm kê đất đai năm 2014, 2019 huyện đã lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện và cho 100% số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn.

- Xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất: đến nay đã xây dựng được bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện theo phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất năm đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đức Cơ.

- Điều tra xây dựng giá đất: UBND huyện đã tham gia xây dựng giá đất 05 năm tại Quyết định số 59/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Hàng năm có lập hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể phục vụ các công trình, dự án theo bảng giá các loại đất được UBND tỉnh phê duyệt.

1.4. Công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất:

Lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong các nội dung hết sức quan trọng trong việc hoạch định các chính sách liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội và trong quản lý sử dụng đất đai. Tại huyện, đã triển khai công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu, kế hoạch sử dụng đất hàng năm giai đoạn 2016 - 2020;

Cụ thể, trong quy hoạch sử dụng đất kỳ vừa qua đã thực hiện quản lý theo các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau đây:

- Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015); điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/6/2019.

- Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 14/4/2015; Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 12/4/2016; Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 09/3/2017; Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 06/02/2018; Quyết định số 357/QĐ-UBND ngày 27/6/2019; Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 06/2/2020; về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 và 2020.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quản lý chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng sử dụng đất trái quy hoạch.

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân huyện, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong huyện, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các đơn vị tư vấn chuyên ngành lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ.

1.5. Công tác quản lý giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất:

Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quy hoạch Nông thôn mới, phối hợp với UBND cấp xã, các Công ty TNHH MTV 72, Công ty TNHH MTV 74, Công ty TNHH MTV TCT 15 - Chi nhánh 75 tham mưu UBND huyện đề nghị Bình đoàn 15 bàn giao diện tích đất cao su thanh lý thuộc quy hoạch để đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường Quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất giao địa phương quản lý, thực hiện quy hoạch.

(Tổng diện tích đất Bộ Tư lệnh Bình đoàn 15 bàn giao, được cấp thẩm quyền Quyết định thu hồi đất giao cho địa phương quản lý là 138,0ha (xã Ia Dom 20,12ha ; Ia Nan 10,33ha; Ia Pnôn 2,0ha ; 27,72 ha, Ia Kla: 9,21ha, Ia Krêl 20,75ha; Ia Kriêng 18,58ha và thị trấn Chư Ty 29,33ha. Trong đó: Bàn giao đất để giải quyết cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất là: 32,4ha (Ia Dom 9,9ha.; Ia Krêl 3,2ha; Ia Din: 19,3ha).

Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn các xã chưa có nhà ở, đất ở 1.213 trường hợp.

Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn các xã, thị trấn 137 lô, diện tích: 28.543,8m²; tổng số tiền: 30.502.775.000 đồng; đấu giá quyền sử dụng đất thuê thực hiện dự án: Khu phức hợp khách sạn, nhà hàng tiệc cưới- Karaoke- Coffee

tại Tổ dân phố 4, thị trấn Chư Ty, diện tích: 12.000m², số tiền: 298.000.000 đồng/năm.

Cho thuê đất nông nghiệp đối với 23 trường hợp sử dụng đất hết thời hạn chuyển sang thuê đất theo Điều 56 luật Đất đai 2013, diện tích 17,2ha

Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp cho 418 hộ gia đình, cá nhân, diện tích: 6,94m²;

Nhìn chung, công tác giao đất, cho thuê đất trên địa bàn huyện đã cơ bản đáp ứng được việc xây dựng các công trình trọng điểm của tỉnh và của huyện tạo điều kiện cho việc thu hút đầu tư và cho các hộ gia đình, cá nhân phát triển sản xuất, kinh doanh.

Tuy nhiên, bên cạnh đó còn một số những tồn tại, vướng mắc trong thủ tục hành chính, trong quy hoạch chưa rõ ràng đã làm hạn chế việc thu hút đầu tư và chậm một số dự án, công trình trên địa bàn huyện.

1.6. Công tác quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất:

Công tác quản lý việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất trên địa bàn huyện được cơ bản thực hiện nhất quán, phù hợp với quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện đã thành lập Hội đồng bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư để thực hiện công tác kiểm đếm và hỗ trợ công tác bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tốt hơn đảm bảo đúng tiến độ đề ra và giảm thiểu những thiệt hại cho người có đất bị thu hồi, đặc biệt đối với các công trình lớn, công trình trọng điểm của Trung ương, tỉnh, huyện.

Khi thực hiện việc lập hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của mỗi công trình, UBND huyện chỉ đạo Hội đồng bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và tái định cư huyện, các phòng, ban, đơn vị liên quan và UBND các xã thực hiện nghiêm các quy định của Pháp luật hiện hành. Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện UBND huyện chỉ đạo xử lý kịp thời, trường hợp vượt thẩm quyền giải quyết, UBND huyện xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và các sở, ngành chuyên môn.

Xác định được những khó khăn trong việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thực hiện nghiêm các quy định Pháp luật nhưng phải đảm bảo hài hòa lợi ích nhằm tạo sự đồng thuận trong nhân dân, lắng ý kiến của nhân dân đối với dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đúng quy định. Vì vậy, các dự án triển khai trên địa bàn huyện đảm bảo đúng tiến độ, không phát sinh khiếu nại, khiếu kiện.

Việc lập hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất cho các dự án được thực hiện đồng bộ, đúng quy định và tuân thủ theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai phê duyệt. Quy trình triển khai được chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện dân chủ, công khai và đảm bảo quyền lợi cho người sử dụng đất. Trong quá trình tổ chức thực hiện, UBND huyện cũng đã xem xét và giải quyết kịp thời

nhiều ý kiến, kiến nghị, thắc mắc của nhân dân về giá cả, các chính sách, chế độ khi Nhà nước thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, quyết định, chủ trương đầu tư các dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt. Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, Hội đồng BTHT và TĐC đã triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng đối với 41 dự án với tổng kinh phí bồi thường: 28.551.769.767 đồng. Tổng diện tích 334.389,4 m² đất thu hồi. Bồi thường cho 476 hộ gia đình, cá nhân và 18 tổ chức;

Đồng thời, bàn giao mặt bằng đảm bảo kịp tiến độ thi công xây dựng các công trình, dự án. Các Phương án bồi thường được công khai lấy ý kiến đóng góp của thành viên Hội đồng và người được bồi thường để tiếp thu chỉnh sửa trước khi tham mưu UBND huyện phê duyệt. Công tác BTHT và TĐC được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp giữa nhà nước và người sử dụng đất.

1.7. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Được sự quan tâm của UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường, công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính đã cơ bản hoàn thành thông qua việc đo vẽ bản đồ địa chính cho các xã và thị trấn, phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, đã triển khai xây dựng lưới địa chính, đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai (Dự án Tổng thể). Tuy nhiên, do dự án bị gián đoạn nên tại một số khu vực được đo vẽ bản đồ địa chính từ những năm trước đây, không được chỉnh lý thường xuyên dẫn đến giá trị sử dụng không cao.

Thực hiện Điều 95 của Luật Đất đai, UBND huyện đã chỉ đạo các địa phương tổ chức hướng dẫn các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện đăng ký đất đai để quản lý theo quy định.

Cùng với việc cấp GCNQSDĐ, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã, thị trấn lập, hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính theo quy định.

Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các xã tiến hành lập hồ sơ kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài. Tính đến năm 2020, cấp được 36.571 GCN với tổng diện tích 26.029,29 ha trên tổng diện tích cần cấp là 27.027,54 ha; đạt tỷ lệ 96,31%.

Chỉ đạo phòng Tài nguyên và môi trường phối hợp với UBND các xã, thị trấn, tổ tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện trao 9.768 giấy chứng nhận QSD đất đã ký cho chủ sử dụng đất.

Riêng GD 2015 - 2020, cấp được 3.864 trường hợp (4.319 GCN, diện tích 1.988,66 ha).

Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ cho 82 đơn vị hành chính, hành chính sự nghiệp (169 giấy).

Hệ thống hồ sơ địa chính hiện nay đã được lập phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai tại huyện nhưng chưa đồng nhất giữa các cấp quản lý. Việc cập nhật biến động liên thông 3 cấp vẫn chưa đầy đủ và không đồng bộ; việc thông báo thông tin địa chính, cập nhật các biến động về đất đai của Văn phòng đăng ký đất đai đến cấp xã chưa được thường xuyên liên tục, không kịp thời.

1.8. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai:

Thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai, trong những năm qua phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã phối hợp với các xã, thị trấn thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai hoàn thành đúng thời gian, đủ biểu mẫu, số liệu phản ánh đúng thực tế, đã có sự thống nhất với các ngành có liên quan và được UBND tỉnh phê duyệt đúng thời gian quy định.

Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch, thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2016, 2017, 2018, 2020 và thực hiện công tác kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp xã và cấp huyện.

1.9. Xây dựng hệ thống thông tin đất đai:

Hiện nay cơ sở hạ tầng thông tin về quản lý đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai của huyện đang được Sở Tài nguyên và Môi trường khảo sát, lập dự án trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xin kinh phí Trung ương để triển khai quản lý từ cấp xã đến cấp tỉnh. Khi dự án hoàn thành là điều kiện rất thuận lợi cho huyện trong việc quản lý đất đai, các thông tin đất đai sẽ được cập nhật thường xuyên, liên tục, nhà quản lý cũng như người sử dụng sẽ được hỗ trợ tối đa bằng công nghệ trên tất cả các lĩnh vực như tra cứu thông tin, công tác giao đất, thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay thực hiện các quyền khác của người sử dụng đất, công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai ... góp phần vào việc hoàn thiện thể chế, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý đất đai.

Hiện nay, tại huyện thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai thông qua hệ thống “1 cửa liên thông” của huyện thực hiện công khai các thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tài nguyên và Môi trường để mọi tổ chức, cá nhân, hộ gia đình theo dõi thực hiện.

1.10. Công tác quản lý tài chính về đất đai và giá đất:

Giá đất trên địa bàn huyện được ổn định trong kỳ 5 năm, hàng năm thường xuyên kiểm tra, theo dõi diễn biến giá đất trên thị trường để kịp thời đề xuất UBND tỉnh bổ sung, điều chỉnh giá đất, ban hành bảng giá đất phù hợp với từng loại đất, vị trí đất có thay đổi giá; kịp thời bổ sung những vị trí quy hoạch mới vào bảng giá đất để giá đất quy định sát với giá đất thị trường. Hàng năm UBND huyện xây dựng và đề nghị UBND tỉnh phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn huyện góp phần tăng thu ngân sách từ đất đai và phát triển thị trường đất đai.

Công tác quản lý tài chính về đất đai được thực hiện theo đúng luật định, trên cơ sở giá đất được ban hành góp phần tăng thu ngân sách; nguồn thu từ chuyển

quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tiền sử dụng đất được quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất:

Căn cứ vào quy định của pháp luật nói chung và Luật Đất đai nói riêng, trong những năm qua các cấp, các ngành trên địa bàn huyện đã và đang quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày một tốt hơn điều đó thể hiện ở việc đã được các cấp Ủy đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, ra các Chỉ thị, Nghị quyết và cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện ở địa phương, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời cũng động viên và huy động được nhân dân tham gia đóng góp nghĩa vụ với nhà nước bằng việc thực hiện tốt các chính sách thuế.

- Chuyển quyền sử dụng đất: Mua bán cho tặng quyền sử dụng đất nhưng không thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký biến động theo quy định (đặc biệt đối với người ĐBDTTS).

- Chuyển mục đích sử dụng đất: Tình trạng xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp (chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) vẫn còn xảy ra nhưng chưa được kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định; chưa hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính để được chuyển mục đích sử dụng đất.

1.12. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai:

Công tác tiếp nhận đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai được xác định là nhiệm vụ thường xuyên; đồng thời công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện theo kế hoạch và đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm cần làm rõ. UBND huyện cũng thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban liên quan như: Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện, các phòng, ban liên quan phối hợp kiểm tra phát hiện và xử lý các vi phạm về sử dụng đất nói riêng và tài nguyên nói chung trên địa bàn.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai theo Quyết định số 4235/QĐ-UBND ngày 13/10/2016 của UBND huyện Đức Cơ) và thanh tra công tác quản lý, sử dụng đất đai tại xã Ia Nan; Quyết định thanh tra số: 11/QĐ-TTr ngày 23/9/2020 của Chánh Thanh tra huyện

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện nhiều dạng vi phạm, chủ yếu là:

- Chuyển quyền sử dụng đất: Mua bán cho tặng quyền sử dụng đất nhưng không thực hiện đầy đủ các thủ tục đăng ký biến động theo quy định (đặc biệt đối với người ĐBDTTS).

- Chuyển mục đích sử dụng đất: Tình trạng xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp (chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất) vẫn còn xảy ra nhưng chưa được kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định;

chưa hướng dẫn người dân thực hiện các thủ tục hành chính để được chuyển mục đích sử dụng đất.

- Lấn chiếm đất quy hoạch chưa sử dụng vẫn còn xảy ra nhưng chưa được kiểm tra, xử lý kịp thời theo quy định.

- Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn nhiều sai sót.

Công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân được xem xét, kết luận giải quyết đúng thời gian; các đối tượng khiếu nại đều chấp hành tốt việc kết luận giải quyết của cơ quan có thẩm quyền. Quyền lợi của người khiếu nại đúng được bảo vệ như xác định rõ nguồn gốc đất, diện tích sử dụng đất được bảo vệ và được quyền đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được giải quyết kịp thời.

Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về đất đai đã được Huyện uỷ, HĐND và UBND huyện quan tâm, chỉ đạo các ngành, UBND các xã, thị trấn giải quyết ngay từ cơ sở, hạn chế tình trạng khiếu nại vượt cấp.

1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai:

Trên cơ sở Luật Đất đai năm 2013, các văn bản quy định chi tiết của Chính phủ, hướng dẫn thi hành của các Bộ, ngành Trung ương và văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của tỉnh, các Sở ngành chuyên môn; UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện; phối hợp với các tổ chức hội, đoàn thể tuyên truyền, phổ biến Luật Đất đai cho đội ngũ cán bộ và toàn thể nhân dân trên địa bàn thông qua các khóa tập huấn, các phương tiện truyền thanh, truyền hình... Kết quả đã tổ chức được 05 lớp tập huấn triển khai Luật Đất đai năm 2013 cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai tại địa phương; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đất đai theo kế hoạch hàng năm của ngành tư pháp cho toàn thể nhân dân trên địa bàn.

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai đến người sử dụng đất để nâng cao nhận thức của người sử dụng đất; nhất là khi có sự thay đổi thông tin về thửa đất thì kịp thời đăng ký biến động theo quy định, từ đó có cơ sở để cơ quan quản lý đất đai thực hiện cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính.

1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai:

Công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân ở lĩnh vực đất đai đã được UBND huyện quan tâm chỉ đạo, giải quyết kịp thời. Công tác tiếp dân luôn được coi trọng và thực hiện có nề nếp, đúng quy định, quy chế tiếp dân và Luật Khiếu nại tố cáo.

Tranh chấp đất đai tuy không xảy ra phổ biến như thời kỳ trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, nhưng vẫn tồn tại, phức tạp. Nội dung chủ yếu của tranh chấp đất đai là đòi lại đất đã giao, cho thuê của các công ty, đơn vị sự nghiệp; các tranh chấp thường là giữa các cá nhân với nhau hoặc là giữa cá nhân với các doanh

ngiệp. Xác định được đây là vấn đề phức tạp, huyện đã chỉ đạo các ngành tập trung giải quyết dứt điểm từng vụ việc, không để xảy ra các điểm nóng.

1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai:

Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ, lập hồ sơ địa chính, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chủ yếu do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai và Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện thực hiện.

Công tác tư vấn khảo sát, lập quy hoạch sử dụng đất do Sở Tài nguyên & Môi trường, UBND huyện quản lý thực hiện.

Việc quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai và thực hiện các dịch vụ công theo đúng pháp luật và đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Ngoài ra, trên địa bàn có một số doanh nghiệp hoạt động dịch vụ về đất đai, chủ yếu là đối với công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận riêng lẻ cho hộ gia đình, cá nhân khi có nhu cầu dịch vụ, các doanh nghiệp đều có giấy phép hoạt động theo quy định.

2. Phân tích, đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân

2.1. Những mặt được:

Sau khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực, công tác quản lý nhà nước về đất đai được tăng cường và đi vào nề nếp, pháp luật đất đai đã đi vào cuộc sống, ý thức của người sử dụng đất từng bước được nâng lên. Các nội dung cơ bản về quản lý Nhà nước về đất đai được thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả.

Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời rà soát, điều chỉnh bổ sung kịp thời các chỉ tiêu sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương và của huyện. Phù hợp với định hướng phát triển không gian đô thị, phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các địa phương trong huyện. Tạo cơ sở pháp lý trong việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Bảo đảm mối quan hệ hài hoà giữa khai thác, sử dụng đất và bảo vệ môi trường sinh thái.

Trong thời gian qua Ủy ban nhân dân huyện đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, đã có nhiều dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ du lịch... một số dự án đã hoàn thành, thực sự phát huy được hiệu quả sử dụng đất, nguồn thu từ đất đã đóng góp đáng kể vào ngân sách của huyện, góp phần quan trọng trong việc phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp trên địa bàn huyện đạt tỷ lệ cao tạo điều kiện cho người dân thực hiện các quyền của mình trong việc sử dụng đất, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp chính quyền thực hiện công tác quản lý đất đai.

Việc ban hành bảng giá đất định kỳ 5 năm một lần theo Luật Đất đai năm 2013 góp phần công khai minh bạch trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai, đảm bảo cho việc thống nhất thực hiện. Việc thực hiện thu tiền sử dụng đất khi giao đất theo giá thị trường góp phần giảm thất thoát, tăng thu cho ngân sách Nhà nước.

2.2. Những mặt tồn tại:

Bên cạnh những thành quả đã đạt được, song vẫn bộc lộ một số tồn tại, bất cập trong công tác quản lý Nhà nước về công tác quản lý đất đai, đó là: nhận thức của một số địa phương về công tác phối hợp lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tuy đã nâng lên nhưng chưa thực sự quan tâm tâm chỉ đạo, còn chờ vào sự đôn đốc, chỉ đạo; vì vậy quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thường phê duyệt chậm tiến độ so với quy định làm ảnh hưởng đến việc tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư.

Việc chỉnh lý biên động đất đai còn chưa kịp thời; cơ sở dữ liệu, bản đồ, hồ sơ địa chính chưa đầy đủ, dẫn đến thông tin địa chính còn chưa có sự đồng bộ.

Công tác tuyên truyền giải thích về chính sách đất đai chưa thường xuyên, còn mang tính hình thức.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đo đạc xong bản đồ địa chính còn nhiều vướng mắc, kéo dài thời gian.

2.3. Nguyên nhân:

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thường phê duyệt chậm tiến độ so với quy định làm ảnh hưởng đến việc tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư.

Công tác giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án đầu tư phát triển còn chậm, nguyên nhân chủ yếu là ảnh hưởng bởi công tác giải phóng mặt bằng làm chậm tiến độ chung; các thỏa thuận giữa chủ đầu tư và người dân trong vùng ảnh hưởng của dự án; các thủ tục hành chính chưa đồng bộ trong cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ cũng ảnh hưởng tiến độ dự án.

Đối với các dự án về an ninh, quốc phòng thực hiện theo kế hoạch riêng, ảnh hưởng đến công tác đôn đốc, triển khai dự án.

Trên địa bàn huyện có Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, hiện nay tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp còn thấp; việc kêu gọi đầu tư vào địa bàn huyện còn hạn chế do huyện thuộc vùng biên giới, Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh phát triển chậm, chưa thực hiện được vai trò động lực trở thành đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển kinh tế của huyện.

Các tư liệu bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất liên quan mật thiết với hệ thống hồ sơ địa chính, Tuy nhiên đối với việc chỉnh lý hồ sơ địa chính hiện nay do văn phòng đăng ký đất đai thực hiện theo quy định; hiện nay còn chậm trễ trong việc chuyển thông tin chỉnh lý, cập nhật hồ sơ địa chính về cấp xã nên việc nắm bắt đầy đủ thông tin còn thiếu sót, chưa kịp thời. Việc ứng dụng tin học trong cập nhật, chỉnh lý các loại bản đồ, sổ sách hồ sơ địa chính; chia sẻ thông tin theo quy định vẫn

còn rất hạn chế; việc đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị để đồng bộ và cập nhật thống nhất với hệ thống Văn phòng đăng ký đất đai chưa phát huy được hiệu quả. Dẫn đến biến động nhiều so với hiện trạng sử dụng đất gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về đất đai và đây cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều trường hợp kiến nghị, khiếu nại tranh chấp đất đai.

3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một lĩnh vực phức tạp, dễ dẫn đến những sai phạm. Bởi vậy, các công cụ phục vụ quản lý phải được thiết lập đầy đủ, chính xác và thường xuyên cập nhật chỉnh lý bổ sung và khai thác có hiệu quả. Cần thiết phải thực hiện việc trao đổi thông tin hai chiều để đảm bảo chỉ tiêu phân bổ của cấp tỉnh cho cấp huyện phản ánh sát với nhu cầu thực tế của địa phương và việc lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được thống nhất, đồng bộ với quy hoạch sử dụng đất cấp trên.

Chú trọng nâng cao chất lượng trong thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; thực hiện tốt việc quản lý đất đai theo quy hoạch đất được phê duyệt, việc thu hồi đất phải thực hiện theo đúng tiến độ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết không để xảy ra tình trạng xây dựng trái phép, sai phép, phá vỡ quy hoạch, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của huyện trong thời gian tới.

Song song với nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai và hạn chế tiêu cực trong quản lý, sử dụng đất thì chính quyền địa phương cần coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về đất đai hơn nữa.

Công tác kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai phải thường xuyên và coi trọng, nhất là đối với việc sử dụng đất đúng quy hoạch, kế hoạch nhằm phát hiện, ngăn chặn các sai phạm và xử lý kịp thời.

Đối với nội dung về quản lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính thì công tác thu thập, lưu trữ tài liệu làm cơ sở cho việc cập nhật, chỉnh lý bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính là rất quan trọng. Cần tiến hành kiểm tra, đo đạc lại các thửa đất có biến động – thay đổi về ranh giới sử dụng đất (khi người sử dụng đất thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai) trên cơ sở tôn trọng hiện trạng sử dụng đất là rất cần thiết để đảm bảo chất lượng hồ sơ địa chính tại cơ sở. Bởi hệ thống hồ sơ địa chính hiện nay đã được lập phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về đất đai tại huyện nhưng chưa đồng nhất giữa các cấp quản lý. Việc cập nhật biến động liên thông 3 cấp vẫn chưa đầy đủ và không đồng bộ; việc thông báo thông tin địa chính, cập nhật các biến động về đất đai của Văn phòng đăng ký đất đai đến cấp xã chưa được thường xuyên liên tục, không kịp thời.

Cần nâng cao trình độ chuyên môn ứng dụng các phần mềm chuyên ngành về quản lý đất đai để tiến đến thực hiện quản lý, cập nhật biến động bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính trên nền tảng công nghệ số để nâng cao hiệu quả công việc, thực hiện tốt cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai.

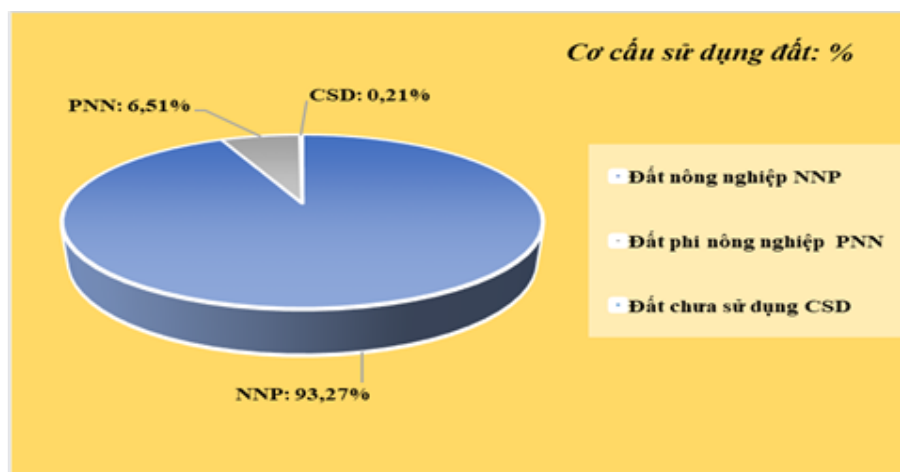
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hiện trạng sử dụng đất theo loại đất

Theo hiện trạng sử dụng đất, tổng diện tích tự nhiên của huyện Đức Cơ là 72.186,01 ha phân bố tại 09 xã và 01 thị trấn, có diện tích cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp: 67.329,65 ha, chiếm 93,27 % tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 4.701,27 ha, chiếm 6,51% tổng diện tích đất tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 155,09 ha, chiếm 0,21% tổng diện tích đất tự nhiên.

Cơ cấu sử dụng nhóm đất chính trên địa bàn huyện Đức Cơ được thể hiện qua biểu đồ sau đây:



Biểu đồ 4. Cơ cấu sử dụng nhóm đất chính năm 2020 huyện Đức Cơ

Huyện Đức Cơ có 10 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 01 thị trấn và 09 xã, có diện tích cụ thể như sau:

- Thị trấn Chư Ty: diện tích 1.544,51 ha, chiếm 2,1% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.
- Xã Ia Din: diện tích 4.402,66 ha, chiếm 6,1% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.
- Xã Ia Dom: diện tích 14.542,76 ha, chiếm 20,1% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.
- Xã Ia Dơk: diện tích 5.058,59 ha, chiếm 7,0% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.
- Xã Ia Kla: diện tích 4.994,82 ha, chiếm 6,9% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.
- Xã Ia Krêl: diện tích 5.348,21 ha, chiếm 7,4% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.
- Xã Ia Kriêng: diện tích 10.921,26 ha, chiếm 15,1% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

- Xã Ia Lang: diện tích 4.941,43 ha, chiếm 6,8% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Xã Ia Nan: diện tích 9.031,17 ha, chiếm 12,5% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Xã Ia Pnôn: diện tích 11.400,60 ha, chiếm 15,8% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 tại huyện theo các chỉ tiêu sử dụng đất được thể hiện như bảng sau đây:

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Đức Cơ

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5
	Tổng diện tích tự nhiên		72.186,01	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.329,65	93,27
1.1	Đất trồng lúa	LUA	728,52	1,01
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>519,32</i>	<i>0,72</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.064,02	4,24
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	58.997,56	81,73
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.370,30	3,28
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.052,65	2,84
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.586,24</i>	<i>2,20</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	91,49	0,13
1.8	Đất làm muối	LMU		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	25,11	0,03
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.701,27	6,51
2.1	Đất quốc phòng	CQP	903,68	1,25
2.2	Đất an ninh	CAN	3,48	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	78,96	0,11
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,80	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,61	0,01
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,04	0,02
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.496,70	2,07
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.310,68</i>	<i>1,82</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>1,72</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,90</i>	<i>0,00</i>

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,57	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,59	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	25,30	0,04
-	Đất công trình năng lượng	DNL	24,09	0,03
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,97	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,20	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,90	0,01
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,20	0,01
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	52,87	0,07
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH		
-	Đất chợ	DCH	1,71	0,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,23	0,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	11,78	0,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	425,78	0,59
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	79,99	0,11
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,39	0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,05	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,07	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.470,69	2,04
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	160,21	0,22
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,80	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	155,09	0,21

Hiện trạng sử dụng đất theo các chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện Đức Cơ cụ thể như sau:

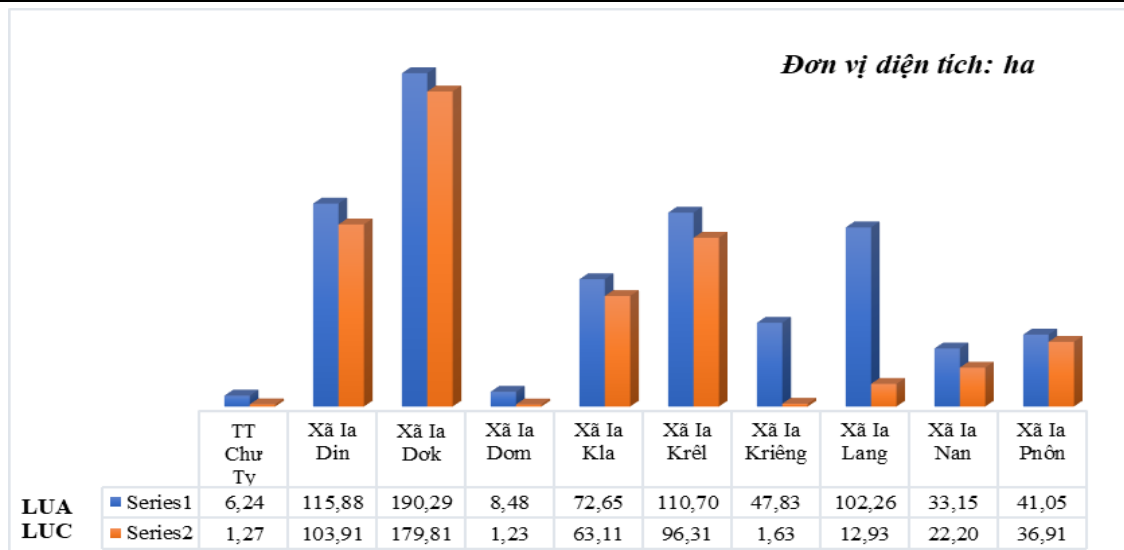
1.1. Đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp của huyện Đức Cơ là nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất với 67.329,65 ha, chiếm 93,27% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

1.1.1. Đất trồng lúa:

Đất trồng lúa trên địa bàn huyện hiện có 728,52 ha, chiếm 1,01% tổng diện tích tự nhiên bao gồm diện tích đất trồng lúa đông xuân và lúa ruộng vụ mùa, hình thành các cánh đồng sản xuất phân bố ở tất cả các xã, thị trấn chủ yếu tại khu vực ven sông, suối thuận lợi nguồn nước trên địa bàn xã, thị trấn. Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước (LUC) là 519,32 ha, chiếm 0,72% tổng diện tích tự nhiên.

Sự phân bố đất trồng lúa trên địa bàn các xã, thị trấn thể hiện qua hình sau:



Hình 2. Hiện trạng sử dụng đất trồng lúa năm 2020 huyện Đức Cơ

Như hình trên, ta có thể thấy diện tích đất trồng lúa (LUA) được phân bố nhiều tại xã Ia Đok, xã Ia Din, xã Ia Krêl và xã Ia Lang. Tuy nhiên, đất chuyên trồng lúa nước (LUC) thì tập trung phần lớn tại xã Ia Din, xã Ia Đok, xã Ia Krêl và xã Ia Kla. Diện tích loại đất này cần được bảo vệ nghiêm ngặt nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

1.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác:

Đất trồng cây hàng năm khác (HNK): diện tích 3.064,02 ha, chiếm 4,24% tổng diện tích tự nhiên.

Đất trồng cây hàng năm khác phân bố khắp trên địa bàn huyện. Loại cây trồng chủ yếu là các loại rau, củ ngắn ngày như: khoai lang, lạc, ngô... và một số loại cây rau, hoa màu, cây lương thực thực phẩm khác. Hiện nay, diện tích đất trồng cây hàng năm trên địa bàn huyện tập trung nhiều nhất tại xã Ia Kriêng, xã Ia Dom, xã Ia Pnôn, xã Ia Kla, và tiếp theo là xã Ia Nan, xã Ia Lang, xã Ia Din, xã Ia Đok, xã Ia Krêl và một số khu vực tại thị trấn Chư Ty.

1.1.3. Đất trồng cây lâu năm:

Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện hiện có 58.997,56 ha, chiếm 81,73% tổng diện tích tự nhiên.

Những năm gần đây, cây trồng công nghiệp đã và đang trở thành cây chủ lực của huyện, được phân bố rộng khắp trên tất cả các xã, thị trấn. Chủ yếu là các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, tiêu, điều, và các loại cây ăn trái ... gần đây được phát triển thêm các loại cây dược liệu như cây đinh lăng, gấc, xả, nghệ ... Bên cạnh đó huyện còn triển khai cho các địa phương khuyến khích, đầu tư trồng cây phân tán như keo lai, bời lời, sao xanh tại các thôn, làng, tại khuôn viên các trường học; Với lợi thế về thổ nhưỡng, điều kiện địa hình, khí hậu ... trong thời kỳ 2010 – 2020, diện tích đất cây trồng lâu năm đã tăng lên nhanh chóng, tạo ra khối lượng lớn cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế của huyện và của tỉnh, nâng cao đời sống của nhân dân.

Diện tích đất trồng cây lâu năm được phân bổ rộng khắp trên địa bàn 10 xã, thị trấn, tập trung nhiều nhất tại xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Pnôn và xã Ia Nan, đây là những xã vùng biên giới có các đơn vị kinh tế quốc phòng thuộc Bình đoàn 15 đóng quân trên địa bàn huyện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế quốc phòng và tham gia sản xuất phát triển kinh tế tại địa phương.

1.1.4. Đất rừng phòng hộ:

Huyện Đức Cơ hiện có 2.370,30 ha đất rừng phòng hộ do Ban Quản lý rừng phòng hộ rừng phòng hộ quản lý, chiếm 3,28% tổng diện tích tự nhiên.

Đất rừng phòng hộ huyện Đức Cơ tập trung trên địa bàn 3 xã, đó là xã Ia Dom (1.552,09 ha) chiếm diện tích nhiều nhất, còn lại phân bổ tại xã Ia Nan (330,25 ha), xã Ia Pnôn (487,96 ha).

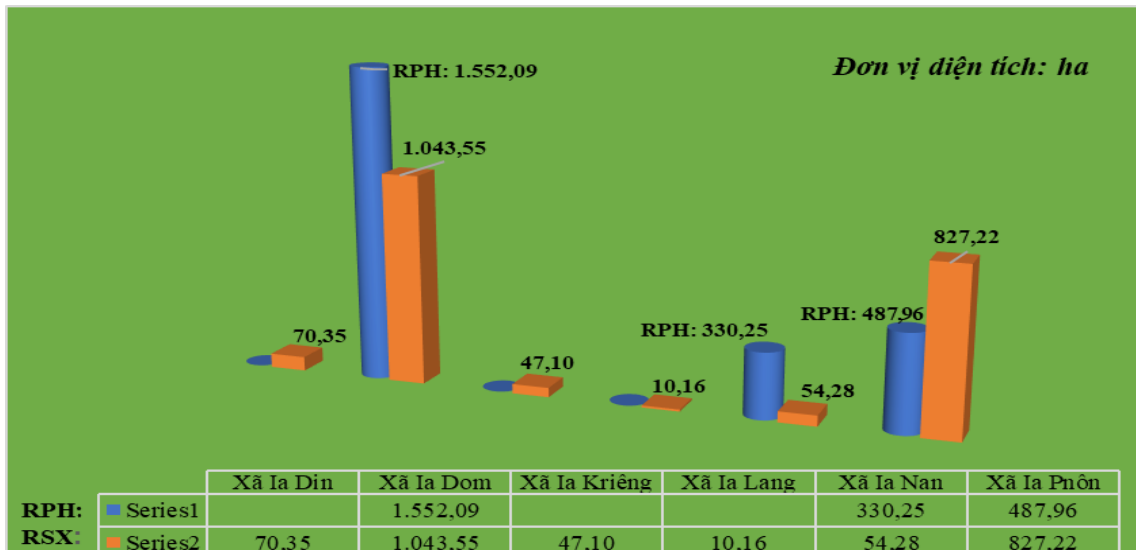
1.1.5. Đất rừng sản xuất:

Đất rừng sản xuất hiện nay có diện tích 2.052,65 ha, chiếm 2,84% tổng diện tích tự nhiên. Đất rừng sản xuất phân bổ trên địa bàn 6 xã có diện tích cụ thể như biểu sau:

Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
I	Huyện Đức Cơ	2.052,65			
1	Xã Ia Din	70,35	4	Xã Ia Lang	10,16
2	Xã Ia Dom	1.043,55	5	Xã Ia Nan	54,28
3	Xã Ia Kriêng	47,10	6	Xã Ia Pnôn	827,22

Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có 1.586,24 ha; tập trung chủ yếu trên địa bàn xã Ia Dom: 670,17 ha, xã Ia Pnôn: 827,22 ha, còn lại trên địa bàn xã Ia Nan: 24,53 ha, xã Ia Kriêng: 5,72 ha, xã Ia Din: 58,60 ha.

Diện tích và sự phân bổ đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện thể hiện như hình sau đây:



Hình 4. Hiện trạng đất lâm nghiệp năm 2020 huyện Đức Cơ

1.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản:

Đất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện có diện tích 91,49 ha, chiếm 0,13% tổng diện tích tự nhiên.

Chủ yếu là diện tích ao, hồ của hộ gia đình, cá nhân sử dụng cho mục đích nuôi thả cá nước ngọt, phục vụ tưới tiêu nông nghiệp phân bố dọc theo các khu vực sông, suối.

Đất nuôi trồng thủy sản được phân bố trên địa bàn 10 xã, thị trấn có diện tích cụ thể như sau:

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích	Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích
1	Thị trấn Chư Ty	11,28	6	Xã Ia Krêl	0,17
2	Xã Ia Din	0,25	7	Xã Ia Kriêng	18,61
3	Xã Ia Đok	14,85	8	Xã Ia Lang	5,33
3	Xã Ia Dom	14,60	9	Xã Ia Nan	8,08
5	Xã Ia Kla	0,21	10	Xã Ia Pnôn	18,11

1.1.7. Đất nông nghiệp khác:

Đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện có diện tích 25,11 ha. Diện tích này là trang trại chăn nuôi bò của Công ty THHH MTV 74, thuộc địa phận xã Ia Kla (7,42 ha) và diện tích đất các sử dụng vào loại hình nông nghiệp khác theo mô hình trang trại nông nghiệp có sử dụng kết hợp các loại đất trên địa bàn các xã (riêng xã Ia Pnôn không có).

1.2. Đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp của huyện Đức Cơ hiện nay có 4.701,27 ha, chiếm 6,51% tổng diện tích tự nhiên. Tỷ lệ đất phi nông nghiệp so với diện tích tự nhiên của huyện còn ở mức thấp so với các huyện có điều kiện kinh tế phát triển cho thấy hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện còn hạn chế, cần được đầu tư hơn nữa để thu hút đầu tư và khai thác các tiềm năng thế mạnh của huyện.

Hiện trạng các loại đất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện như sau:

1.2.1. Đất quốc phòng:

Trên địa bàn huyện có các đơn vị thuộc Bộ quốc phòng (chủ yếu là các Công ty thuộc Binh đoàn 15; Bộ Tư lệnh Bộ Đội biên phòng và Ban chỉ huy quân sự huyện Đức Cơ...) đóng quân trên địa bàn huyện, sử dụng diện tích 903,68 ha đất quốc phòng, chiếm 1,25% tổng diện tích tự nhiên.

Đất quốc phòng được phân bố trên địa bàn tất cả các xã, thị trấn. Tập trung nhiều nhất trên địa bàn các xã biên giới Ia Nan, Ia Dom và xã Ia Kriêng.

1.2.2. Đất an ninh:

Đất an ninh có diện tích 3,48 ha, phân bố trên địa bàn các xã Ia Dom 0,08 ha, Ia Nan 0,23 ha và thị trấn Chư Ty 3,17 ha.

Đất an ninh trên địa bàn huyện gồm: diện tích đất của Nhà Nghiệp vụ An ninh biên giới (Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy) và Nhà Nghiệp vụ An ninh biên giới (XNC-CAT) trên địa bàn xã Ia Dom; Nhà Nghiệp vụ an ninh biên giới (PA01) và Nhà Nghiệp vụ (Phòng an ninh đối ngoại) trên địa bàn xã Ia Nan; diện tích trụ sở Công an huyện tại thị trấn Chư Ty.

1.2.3. Đất khu công nghiệp:

Trên địa bàn huyện hiện có một Khu công nghiệp cửa khẩu trên địa bàn xã Ia Nan và xã Ia Dom tại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, hiện trạng khu công nghiệp có diện tích 78,96 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó, diện tích thuộc địa bàn xã Ia Dom là 59,94 ha và trên địa bàn xã Ia Nan là 19,02 ha.

1.2.4. Đất thương mại, dịch vụ:

Hầu hết các xã, thị trấn của huyện đều đã có đất thương mại, dịch vụ. Tập trung chủ yếu trên địa bàn xã Ia Dom và thị trấn Chư Ty, riêng xã Ia Pnôn chưa có loại đất này.

Đất thương mại, dịch vụ toàn huyện hiện có diện tích 6,80 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên được các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp và tổ chức sự nghiệp công lập quản lý và sử dụng. Đất thương mại dịch vụ trên địa bàn huyện chủ yếu là diện tích đất kho xăng dầu, Hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ (trên địa bàn xã Ia Lang, Ia Krêl, ...), trạm cấp nước, đất khu thương mại thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, các ngân hàng thương mại trên địa bàn huyện...

1.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trên địa bàn huyện có diện tích 10,61 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, phân bố trên địa bàn xã Ia Dok (0,61 ha) và xã Ia Krêl (10 ha).

1.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Theo hiện trạng trên địa bàn huyện có diện tích 17,04 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên; là các khu vực vị trí đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản (chủ yếu là diện tích đất của các mỏ đá, khai thác vật liệu xây dựng). Loại đất này phân bố trên địa bàn xã Ia Dom (10,31 ha) và xã Ia Nan (6,73 ha).

1.2.7. Đất phát triển hạ tầng:

Đất phát triển hạ tầng cấp huyện, cấp xã trên địa bàn huyện hiện có diện tích 1.496,70 ha, chiếm 2,07% tổng diện tích tự nhiên.

Đất phát triển hạ tầng tập trung nhiều nhất tại xã Ia Dom với 213,57 ha và thị trấn Chư Ty với 182,12 ha. Đây là khu vực đô thị và khu trung tâm Khu kinh tế cửa khẩu nên có mức phát triển hạ tầng cơ sở cao hơn, ngoài ra là xã Ia Nan, xã Ia Pnôn và Ia Kriêng là địa bàn các xã vùng biên giới có các đơn vị kinh tế quốc phòng đóng quân trên địa bàn, các xã còn lại hạ tầng có mức phát triển thấp hơn.

Đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện Đức Cơ gồm có các loại đất sau đây:

1.2.7.1. Đất giao thông:

Đất giao thông có diện tích 1.310,68 ha là diện tích các công trình giao thông, các con đường phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện, chiếm 1,82% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

1.2.7.2. Đất thủy lợi:

Đất thủy lợi tại huyện có diện tích 1,72 ha, gồm các mương nội đồng, hồ thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thị trấn Chư Ty (0,28 ha), xã Ia Nan (1,43 ha) do UBND cấp xã quản lý; phần lớn các công trình thủy lợi của huyện đã được xây dựng có quy mô vừa và nhỏ, tuy nhiên thì hệ thống kênh mương nội đồng chưa hoàn chỉnh, hàng năm vẫn bị ảnh hưởng nhiều do thiên tai, mưa lũ gây ra.

1.2.7.3. Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

Đất xây dựng cơ sở văn hoá trên địa bàn huyện Đức Cơ có 2,90 ha, đất xây dựng cơ sở văn hoá tập trung nhiều ở thị trấn và xã Ia Nan, xã Ia Dom (trong đó: 1,54 ha diện tích của thư viện Đức Cơ, trung tâm văn hoá, nhà tưởng niệm liệt sĩ; diện tích 0,94 ha Đài tưởng niệm trên địa bàn xã Ia Dom); ngoài ra là diện tích đất Đài tưởng niệm trên địa bàn xã Ia Lang 0,04 ha, Đài tưởng niệm tại xã Ia Nan 0,21 ha, Bia tưởng niệm và Đài tưởng niệm xã Ia Pnôn 0,18 ha.

1.2.7.4. Đất xây dựng cơ sở y tế:

Đất xây dựng cơ sở y tế gồm diện tích đất Trạm Y tế tại các xã, thị trấn và diện tích đất Trung tâm Y tế huyện Đức Cơ, có diện tích 7,57 ha.

1.2.7.5. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:

Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có diện tích là 54,59 ha gồm diện tích hệ thống các trường và điểm trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở và trung học phổ thông, các trường thuộc cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện, phân bố tại các xã, thị trấn, (ví dụ như: trường tiểu học Phan Chu Trinh, trường tiểu học Ngô Mây, trường tiểu học Lý Tự Trọng, trường tiểu học Chu Văn An, trường THCS Nguyễn Du, trường THPT Lê Hoàn, trường dạy nghề Đức Cơ...).

1.2.7.6. Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao hiện có diện tích 25,30 ha, là diện tích sân vận động, sân bóng tại thị trấn và các xã. Diện tích đất cơ sở thể dục thể thao tập trung nhiều trên địa bàn thị trấn (6,61 ha gồm diện tích nhà thi đấu thể thao, các sân bóng ở các tổ dân phố, các làng ở thị trấn Chư Ty), còn lại chủ yếu là diện tích các sân bóng các thôn, làng trên địa bàn các xã.

1.2.7.7. Đất công trình năng lượng:

Đất công trình năng lượng hiện có diện tích 24,09 ha, phần lớn là phần diện tích của lòng hồ thủy điện, nhà máy thủy điện ở xã Ia Kla (22,74 ha), còn lại là diện tích đất phục vụ xây dựng các nhà máy thủy điện, hệ thống đường truyền tải điện và trạm biến áp.

Đất công trình năng lượng phân bố trên địa bàn các xã Ia Dok, xã Ia Kla, xã Ia Pnôn và thị trấn Chư Ty.

1.2.7.7. Đất công trình bưu chính, viễn thông:

Đất công trình bưu chính, viễn thông huyện Đức Cơ có diện tích 0,97 ha, phân bố trên địa bàn tất cả các xã, thị trấn. Đây là diện tích đất Bưu điện huyện, Bưu điện các xã, thị trấn và diện tích đất Đài Viễn thông tại thị trấn Chư Ty.

1.2.7.8. Đất có di tích lịch sử - văn hóa:

Đất có di tích lịch sử - văn hoá tại huyện có diện tích 1,20 ha, là diện tích các công trình di tích – lịch sử đã được công nhận như Di tích Cây Đa làng Ghè tại xã Ia Dok (0,28 ha) và Di tích Lịch sử Chiến thắng Chư Ty trên địa bàn thị trấn Chư Ty (0,92 ha).

1.2.7.9. Đất bãi thải, xử lý chất thải:

Đất bãi thải, xử lý chất thải của huyện có diện tích 8,90 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên để đáp ứng việc thu gom, xử lý chất thải của khu công nghiệp; thu gom rác, chất thải rắn nhằm đảm bảo vệ môi trường sinh thái. Đất bãi thải, xử lý chất thải được phân bố trên địa bàn các xã Ia Kriêng 5,12 ha, xã Ia Nan 2,41 ha, xã Ia Krêl 1,37 ha.

1.2.7.10. Đất cơ sở tôn giáo:

Diện tích loại đất này những năm gần đây được tăng lên nhằm thực hiện chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng, đảm bảo quyền sinh hoạt tôn giáo bình đẳng theo đúng pháp luật của đồng bào có đạo.

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 4,20 ha đất cơ sở tôn giáo, phân bố trên địa bàn xã Ia Din 0,31 ha, xã Ia Dom 0,49 ha, xã Ia Kriêng 0,47 ha, thị trấn Chư Ty 1,31 ha, xã Ia Krêl 0,53 ha, xã Ia Kla 0,46 ha và xã Ia Pnôn 0,63 ha.

1.2.7.11. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT:

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện có 52,87 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên. Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng phân bố trên địa bàn các xã, thị trấn như sau:

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích	Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích
1	Thị trấn Chư Ty	5,30	6	Xã Ia Krêl	4,07
2	Xã Ia Din	6,52	7	Xã Ia Kriêng	8,29
3	Xã Ia Dok	8,04	8	Xã Ia Lang	1,61
4	Xã Ia Dom	4,18	9	Xã Ia Nan	3,63
5	Xã Ia Kla	6,40	10	Xã Ia Pnôn	4,83

Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ còn phân tán; nhiều nơi gắn liền với nơi ở, nơi sản xuất, trong vườn nhà theo phong tục tập quán của người địa phương đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái.

1.2.7.12. Đất chợ:

Tại huyện Đức Cơ có 3 chợ có tổng diện tích 1,71 ha gồm chợ trung tâm huyện trên địa bàn thị trấn Chư Ty (1,25 ha) và chợ xã Ia Dom, chợ Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh (0,46 ha).

*Trên địa bàn huyện chưa có đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ và đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội.

1.2.8. Đất sinh hoạt cộng đồng:

Đất sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn huyện hiện có 11,23 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên; là diện tích các nhà sinh hoạt cộng đồng, hội trường các thôn, làng có trên địa bàn tất cả các xã, thị trấn. Loại đất này có diện tích nhiều hơn trên địa bàn xã Ia Dak và xã Ia Nan.

1.2.9. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Hiện trên địa bàn huyện có 11,78 ha diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên; đây là phần diện tích đất Công viên và các khu vực vui chơi giải trí công cộng, phân bố chủ yếu ở thị trấn Chư Ty (10,01 ha), xã Ia Dom (0,85 ha) và xã Ia Krêl (0,93 ha).

1.2.10. Đất ở nông thôn:

Đất ở tại nông thôn được phân bố trên địa bàn 09 xã có diện tích 425,78 ha, chiếm 0,59% tổng diện tích tự nhiên.

Đất ở tại nông thôn theo kết quả thống kê đất đai được tổng hợp trên cơ sở hồ sơ địa chính. Một số khu vực chưa có hồ sơ địa chính thì tổng hợp theo hiện trạng và tính theo hạn mức đất ở, bao gồm cả phần đất để xây dựng nhà ở, xây dựng công trình phục vụ đời sống gia đình được công nhận là đất ở.

1.2.11. Đất ở tại đô thị:

Hiện nay trên địa bàn huyện Đức Cơ có 01 đô thị loại V là thị trấn Chư Ty với diện tích đất ở tại đô thị là 79,99 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích tự nhiên.

1.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Đất xây dựng trụ sở cơ quan trên địa bàn huyện có diện tích 20,39 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên. Tập trung nhiều nhất tại thị trấn (13,45 ha), xã Ia Nan (2,62 ha) và xã Ia Kriêng (1,02 ha). Diện tích còn lại trên địa bàn các xã chủ yếu là đất xây dựng trụ sở HĐND – UBND cấp xã.

1.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Huyện Đức Cơ có 3,05 ha đất xây dựng trụ sở của các tổ chức sự nghiệp là diện tích đất của các trụ sở các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn các xã, thị trấn.

Phân bố trên địa bàn thị trấn Chư Ty 1,71 ha, xã Ia Dom là 1,34 ha.

1.2.14. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Đất cơ sở tín ngưỡng trên địa bàn huyện có diện tích 0,07 ha, diện tích này là diện tích miếu thờ tự theo tín ngưỡng tại làng Ngol Rông, xã Ia Krêl.

1.2.15. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối trên địa bàn huyện có diện tích 1.470,69 ha, chiếm 2,04% tổng diện tích tự nhiên. Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện có mật độ không cao, song tương đối đều từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây với các hệ suối như: suối Ia Kreng, Ia Puch, Ia Lang ở phía Nam và suối Ia Krêl ở phía Bắc. Phần đất này chủ yếu do UBND xã quản lý. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối trên địa

bàn huyện phân bố trên địa bàn tất cả 10 xã, thị trấn, tập trung nhiều tại xã Ia Pnôn, Ia Dom và Ia Kriêng, Ia Nan.

1.2.16. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Đất có mặt nước chuyên dùng trên địa bàn huyện có diện tích 160,21 ha, chiếm 0,22% tổng diện tích đất tự nhiên.

Bên cạnh hệ thống sông suối khá phong phú, trên địa bàn huyện có rất nhiều hồ nước tự nhiên và nhân tạo như: hồ C5, hồ 701, hồ làng Mới, hồ làng Khóp, hồ làng Yít Yẻ... Các hồ nước này có ý nghĩa rất lớn trong sản xuất nông nghiệp cũng như đời sống, đồng thời cũng là nơi dự trữ nước trong mùa khô. Gồm diện tích các ao, hồ của các hộ gia đình, cá nhân sử dụng để tưới tiêu vào mùa vụ (khoảng 64,6 ha); diện tích đất các hồ chứa nước do UBND xã, thị trấn quản lý (khoảng 60,5 ha); các cơ quan đơn vị nhà nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội (khoảng 8,3 ha), tổ chức kinh tế sử dụng (khoảng 26,8 ha).

1.2.17. Đất phi nông nghiệp khác:

Đất phi nông nghiệp khác trên địa bàn huyện có diện tích 0,80 ha, phân bố tại 3 xã, gồm: xã Ia Din 0,08 ha, xã Ia Dok 0,48 ha, Ia Kla 0,24 ha sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp khác.

1.3. Đất chưa sử dụng:

Hiện nay trên địa bàn huyện diện tích đất chưa sử dụng còn 155,09 ha, chiếm 0,21% tổng diện tích tự nhiên, phân bố trên địa bàn 7 xã và thị trấn. Hiện nay chỉ có xã Ia Lang, quỹ đất tự nhiên được đưa vào sử dụng hoàn toàn.

Bảng 3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng năm 2020 huyện Đức Cơ

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích	Số TT	Đơn vị hành chính	Diện tích
1	Thị trấn Chư Ty	53,55	6	Xã Ia Krêl	28,28
2	Xã Ia Din	33,77	7	Xã Ia Kriêng	18,49
3	Xã Ia Dom	2,78	8	Xã Ia Lang	-
4	Xã Ia Dok	1,63	9	Xã Ia Nan	10,07
5	Xã Ia Kla	5,04	10	Xã Ia Pnôn	1,48

2. Biến động sử dụng đất theo loại đất trong quy hoạch kỳ trước

2.1. Diện tích đất tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên năm 2010: 72.312,11 ha;

Tổng diện tích tự nhiên năm 2015: 72.186,01 ha;

Tổng diện tích tự nhiên năm 2020: 72.186,01 ha.

So với kỳ quy hoạch sử dụng đất năm 2010 diện tích tự nhiên của huyện giảm 126,10 ha. Nguyên nhân là do bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được kế thừa từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo kết quả kiểm đất đai.

Trong kỳ kiểm kê đất đai năm 2010 bản đồ nền được sử dụng trên cơ sở chuyển vẽ từ bản đồ hành chính tỷ lệ 1/25.000 và 1/50.000 nên độ chính xác thấp,

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

đồng thời do quá trình xác định địa giới hành chính của Sở nội vụ giữa các kỳ kiểm kê từ trước năm 2010 và kỳ 2010 - 2014 là khác nhau.

Trong kỳ năm 2014, diện tích tự nhiên được tính theo đúng đường ranh giới hành chính các cấp trên cơ sở bản đồ hành chính do Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai cung cấp theo kết quả Dự án "Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính" theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Việc xác định chính xác và điều chỉnh địa giới hành chính các cấp của tỉnh Gia Lai theo Hệ quy chiếu UTM, hệ tọa độ quốc gia Việt Nam VN-2000 (thay thế hồ sơ, bản đồ và mốc địa giới hành chính các cấp của tỉnh đã được lập theo Chỉ thị số 364/CT) ban hành kèm theo Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng hồ sơ địa chính, bản đồ và mốc địa giới hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã đảm bảo tính thống nhất và độ chính xác ranh giới hành chính các cấp; đến nay các tuyến ranh giới hành chính đã ổn định.

Biến động diện tích nhóm đất chính thời kỳ 2010 – 2020 huyện Đức Cơ thể hiện như bảng sau:

Bảng 4. Biến động sử dụng đất thời kỳ 2010 – 2020 huyện Đức Cơ

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	So với năm		So với năm	
				Năm 2015	Tăng (+), giảm (-)	Năm 2010	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)	(8)=(4)-(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		72.186,01	72.186,01		72.312,11	-126,10
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.329,65	67.031,53	298,12	66.306,73	1.022,92
1.1	Đất trồng lúa	LUA	728,52	688,45	40,07	713,06	15,46
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>519,32</i>	<i>512,15</i>	<i>7,17</i>	<i>512,15</i>	<i>7,17</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.064,02	10.841,64	-7.777,62	14.004,82	-10.940,80
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	58.997,56	48.936,98	10.060,58	37.300,77	21.696,79
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.370,30	3.365,17	-994,87	3.671,84	-1.301,54
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.052,65	3.118,49	-1.065,84	10.585,93	-8.533,28
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	91,49	80,8	10,69	30,31	61,18
1.8	Đất làm muối	LMU					
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	25,11		25,11		25,11
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.701,27	4.640,35	60,92	5.402,91	-701,64
2.1	Đất quốc phòng	CQP	903,68	880,31	23,37	498,82	404,86
2.2	Đất an ninh	CAN	3,48	3,26	0,22	3,2	0,28
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	78,96	166,54	-87,58		78,96
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,80	1,09	5,71		6,80

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	So với năm		So với năm	
				Năm 2015	Tăng (+), giảm (-)	Năm 2010	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)	(8)=(4)-(7)
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,61	15,7	-5,09	47,54	-36,93
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,04	7,8	9,24		
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX					
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.496,70	1.408,05	88,65		1.496,70
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL					
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,23	6,93	4,30		11,23
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	11,78	14,93	-3,15		11,78
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	425,78	373,35	52,43	559,94	-134,16
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	79,99	76,11	3,88	54,15	25,84
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,39	15,78	4,61	72,54	-52,15
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,05	0,85	2,20		3,05
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG					
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,07	0,07	0,00		0,07
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.470,69	1.531,08	-60,39	1.242,11	228,58
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	160,21	75,71	84,50	86,44	73,77
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,80	1,09	-0,29		0,80
3	Đất chưa sử dụng	CSD	155,09	514,13	-359,04	602,47	-447,38

Biến động sử dụng đất theo loại đất trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

2.2. Biến động sử dụng đất thời kỳ 2010 - 2020:

2.2.1. Biến động sử dụng nhóm đất nông nghiệp:

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020 là 67.329,65 ha.

- Tăng 1.022,92 ha so với năm 2010 (66.306,73 ha);

- Tăng 298,12 ha so với năm 2015 (67.031,53 ha).

Như vậy, diện tích đất nông nghiệp tăng nhiều ở giai đoạn 2010 – 2015, xu hướng giảm ở giai đoạn 2015 – 2020.

Nguyên nhân chính là việc đưa đất chưa sử dụng vào cho mục đích đất sản xuất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch trước được thực hiện đúng hướng, nhất là khai thác đất chưa sử dụng đưa vào làm nương rẫy và trồng cây hàng năm khác;

Giai đoạn 2015 – 2020, việc đưa đất chưa sử dụng vào cho mục đích đất sản xuất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch trước vẫn được thực hiện đúng hướng, người dân khai thác đất chưa sử dụng đưa vào làm nương rẫy và trồng cây hàng năm khác hình thành các cánh đồng sản xuất; đồng thời để chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở giai đoạn này các loại đất nông nghiệp được chuyển mục đích sang các loại đất phi nông nghiệp phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội; mặt khác, đất lâm nghiệp suy giảm chuyển sang cho các mục đích sản xuất nông nghiệp, trồng cây lâu năm và

phát triển hạ tầng. Bên cạnh đó việc kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, việc bóc tách phần diện tích đất nông nghiệp nằm xen kẽ với các loại đất khác và đất ở (trước đây đất khu vực tổng hợp hoặc đất vườn trong khu dân cư khoanh bao là đất ở, đến kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 các loại đất được tách theo các chỉ tiêu mới theo quy định), chỉ tiêu loại đất có thay đổi làm diện tích đất nông nghiệp tăng.

2.2.2. Biến động sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020 là 4.701,27 ha.

- Giảm 701,64 ha so với năm 2010 (5.402,91 ha);
- Tăng 60,92 ha so với năm 2015 (4.640,35 ha).

Như vậy, đất phi nông nghiệp giảm diện tích rất lớn so với năm 2010, xu hướng tăng ở giai đoạn 2015 – 2020.

Nguyên nhân là do trong kỳ quy hoạch năm 2010, chỉ tiêu các loại đất phi nông nghiệp có sự khác nhau về tiêu chí. Cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh tăng do thời kỳ 2010 - 2020 các công trình, dự án quốc phòng – an ninh được giao đất thực hiện và cập nhật theo quy định mới của pháp luật đất đai (giao đất cho BCH quân sự huyện, các đơn vị kinh tế quốc phòng thuộc Binh đoàn 15, BCH Bộ tư lệnh Biên phòng và giao đất các vị trí đất an ninh của Công an huyện, Công an tỉnh trên địa bàn thị trấn và Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh);

- Chỉ tiêu đất Khu công nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 giảm do tách riêng diện tích theo quy hoạch (166,54 ha) và diện tích ngoài hiện trạng đã thực hiện quy hoạch (78,96 ha);

Năm 2014, khi thực hiện quy hoạch thời kỳ 2010 – 2020 huyện Đức Cơ, chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất khoáng sản, đất phát triển hạ tầng và một số loại đất thể hiện khác nhau về chỉ tiêu các loại đất bởi vì giữa các kỳ thực hiện thống kê, kiểm kê, quy hoạch có quy định khác nhau về tiêu chí thống kê kiểm kê; đối với các loại đất phát triển hạ tầng không được thống kê rõ ràng từng chỉ tiêu loại đất.

- Đối với chỉ tiêu đất ở giảm với diện tích lớn (giảm 134,16 ha so với năm 2010), nguyên nhân là do: theo thực tế do nhu cầu về nhà ở, đất ở ngày càng tăng cao, loại đất ở ngoài hiện trạng tăng đáp ứng yêu cầu về gia tăng dân số; do đó cho phép các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với những khu vực phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Mặt khác, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định công tác định canh định cư, các khu quy hoạch dân cư mới được hình thành và qua quá trình đô thị hoá cũng như nhu cầu đất ở của nhân dân tăng do dân số cơ học và tách hộ nên việc chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất khác sang đất ở là tất yếu.

Tuy nhiên: theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 trong kỳ kiểm kê đất đai, kỳ quy hoạch thể hiện giảm, nguyên nhân là do phương pháp thống kê, một phần đất ở tách đất trồng cây lâu năm, đất cây hàng năm khác (do trước đây thửa đất ở và cây lâu năm hoặc đất cây

hàng năm khác được kiểm kê là đất ở, nay tách phần đất ở riêng, đất cây lâu năm và cây hàng năm khác riêng). Mặt khác do phương pháp thống kê; kiểm kê kỳ trước (2014) đất ở được gán với các đề án quy hoạch nông thôn mới, khi khoanh vẽ, lập bản đồ kiểm kê đưa ranh giới quy hoạch xây dựng nông thôn mới vào kết quả kiểm kê nên diện tích đất ở lớn hơn rất nhiều so với thực tế sử dụng, bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ 2015 – 2020 được kế thừa từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo kết quả kiểm kê đất đai. Đến nay, sau khi rà soát đối chiếu việc thực hiện quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, diện tích đất ở được tách ra, mặt khác việc bóc tách diện tích đất ở khỏi các khu vực đất tổng hợp, đất ở liền kề vườn ao theo các chỉ tiêu mới đã làm giảm diện tích loại đất cả đất ở tại nông thôn.

- Các loại đất phi nông nghiệp khác đều tăng theo xu thế tất yếu do nhận từ các loại đất nông nghiệp chuyển sang để đầu tư xây dựng các công trình dự án phát triển hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.3. Biến động đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2020 là 155,09 ha.

- Giảm 447,38 ha so với năm 2010 (602,47 ha);
- Giảm 359,04 ha so với năm 2015 (514,13 ha).

Như vậy, các giai đoạn năm 2010 – 2015 – 2020 đất chưa sử dụng đều được đưa vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp và phi nông nghiệp theo đúng định hướng sử dụng đất.

2.3. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020

Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020 trên địa bàn huyện được thể hiện qua bảng sau đây:

Bảng 5. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020 huyện Đức Cơ

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	So sánh với năm	
				Hiện trạng năm 2015	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng diện tích tự nhiên		72.186,01	72.186,01	
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.329,65	67.031,53	298,12
1.1	Đất trồng lúa	LUA	728,52	688,45	40,07
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>519,32</i>	<i>512,15</i>	<i>7,17</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.064,02	10.841,64	-7.777,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	58.997,56	48.936,98	10.060,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.370,30	3.365,17	-994,87
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.052,65	3.118,49	-1.065,84
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	91,49	80,8	10,69
1.8	Đất làm muối	LMU			

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	So sánh với năm	
				Hiện trạng năm 2015	Tăng (+), giảm (-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	25,11		25,11
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.701,27	4.640,35	60,92
2.1	Đất quốc phòng	CQP	903,68	880,31	23,37
2.2	Đất an ninh	CAN	3,48	3,26	0,22
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	78,96	166,54	-87,58
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,80	1,09	5,71
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,61	15,7	-5,09
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,04	7,8	9,24
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX			
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.496,70	1.408,05	88,65
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,23	6,93	4,30
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	11,78	14,93	-3,15
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	425,78	373,35	52,43
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	79,99	76,11	3,88
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,39	15,78	4,61
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,05	0,85	2,20
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,07	0,07	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.470,69	1.531,08	-60,39
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	160,21	75,71	84,50
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,80	1,09	-0,29
3	Đất chưa sử dụng	CSD	155,09	514,13	-359,04

2.3.1. Biến động sử dụng đất nông nghiệp:

Chi tiết biến động các loại đất nông nghiệp giai đoạn 2015 – 2020 trên địa bàn huyện Đức Cơ như sau:

Diện tích đất nông nghiệp năm 2020 là 67.329,65 ha, năm 2015 là 67.031,53 ha. Tăng 298,12 ha.

Biến động theo từng chỉ tiêu loại đất cụ thể như sau:

2.3.1.1. Đất trồng lúa:

Diện tích năm 2020 là 728,52 ha, diện tích năm 2015 là 688,45 ha. Tăng 40,07 ha. Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước năm 2020 là 519,32 ha, diện tích năm 2015 là 512,15 ha. Tăng 7,17 ha.

Giai đoạn năm 2015 - 2020, diện tích đất trồng lúa tăng, nguyên nhân là do diện tích đất trồng lúa được đầu tư khuyến khích phát triển và chuyển đổi mục đích

sử dụng trong kỳ nhờ các chính sách khuyến khích thích hợp và triển khai có hiệu quả tại các địa phương. Mặt khác do các công trình thủy lợi tại địa phương được đầu tư chỉnh trang, đồng thời tận dụng nguồn nước của các hồ chứa thủy điện chủ động điều tiết và cung cấp nước tưới để trồng lúa; bên cạnh đó một số diện tích tăng do nhân dân mở rộng diện tích ở khu vực dọc các con suối lớn và tăng do chuyển đổi một số loại cây trồng kém hiệu quả, cải tạo chuyển sang trồng lúa.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất trồng lúa biến động tăng ở các xã, thị trấn cụ thể như sau: Diện tích đất trồng lúa biến động cụ thể ở các xã, thị trấn như: xã Ia Din tăng 7,7 ha, xã Ia Dok tăng 5,0 ha, xã Ia Dom tăng 2,4 ha, xã Ia Kla tăng 3,8 ha, xã Ia Krêl tăng 11,3 ha, Ia Lang tăng 7,2 ha, Ia Nan tăng 4,9 ha, Ia Pnôn tăng 2,3 ha, thị trấn Chư Ty giảm 0,5 ha, xã Ia Kriêng giảm 4,0 ha.

2.3.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác:

Diện tích năm 2020 là 3.064,02 ha, diện tích năm 2015 là 10.841,64 ha. Giảm 7.777,62 ha.

Nguyên nhân giảm do kết quả của định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng cây hàng năm khác sang các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao, giảm để chuyển sang đất trồng lúa tại các khu vực thuận lợi nguồn nước tưới và giảm do kết quả thống kê được kế thừa kết quả kiểm kê năm 2019, diện tích các loại đất khoanh vẽ bóc tách cho phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất và hiện trạng. Mặt khác, trong giai đoạn 2015 – 2020 các loại đất cây hàng năm được chuyển sang các loại đất phi nông nghiệp để phục vụ phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội làm giảm diện tích loại đất này.

Diện tích đất trồng cây hàng năm khác giảm cụ thể ở các xã, thị trấn như sau: thị trấn Chư Ty giảm 5,9 ha, xã Ia Pnôn giảm 1.543,0 ha, xã Ia Nan giảm 656,6 ha, xã Ia Lang giảm 776,2 ha, xã Ia Kriêng giảm 1.881,1 ha, xã Ia Krêl giảm 133,8 ha, Ia Kla giảm 698,9 ha, xã Ia Dom giảm 1.764,7 ha, xã Ia Dok giảm 90,7 ha và xã Ia Din giảm 163,5 ha.

2.3.1.3. Đất trồng cây lâu năm:

Diện tích năm 2020 là 58.997,56 ha, diện tích năm 2015 là 48.936,98 ha. Tăng 10.060,58 ha.

Nguyên nhân tăng do trong thời gian qua các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao tại địa phương nên đã hình thành các vùng chuyên canh cây trồng nông nghiệp tại huyện, các công ty, đơn vị kinh tế đến đầu tư sản xuất nông nghiệp và nhiều hộ nông dân cũng đã chuyển đổi một số loại đất sang trồng cây công nghiệp, đặc biệt là chuyển đổi đất chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác để trồng cây lâu năm; ngoài ra đất trồng cây lâu năm tăng thêm một phần do tách đất trồng cây lâu năm từ đất ở (do trước đây thửa đất ở và cây lâu năm được kiểm kê là đất ở, nay tách phần đất ở riêng và đất cây lâu năm riêng) và do diện tích được điều chỉnh đưa ra quy hoạch 03 loại rừng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND.

Bên cạnh đó, trong kỳ quy hoạch, kế hoạch có nhiều dự án công trình dự kiến sử dụng đất trồng cây lâu năm chưa được triển khai thực hiện nên chưa chuyển diện

tích đất trồng cây lâu năm sang mục đích phi nông nghiệp phát triển hạ tầng hoặc các mục đích khác nên đất cây lâu năm vẫn còn diện tích lớn.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất trồng cây lâu năm tăng nhiều ở các xã, thị trấn như: Ia Pnôn tăng 2.006,6 ha, Ia Nan tăng 815,6 ha, Ia Lang tăng 797,0 ha, Ia Kriêng tăng 1.843,53 ha, Ia Krêl tăng 121,5 ha, Ia Kla tăng 689,3 ha, Ia Dom tăng 3.503,42 ha, Ia Dok tăng 125,2 ha, Ia Din tăng 123,1 ha.

2.3.1.4. Đất rừng phòng hộ:

Diện tích năm 2020 là 2.370,30 ha, diện tích năm 2015 là 3.365,17 ha. Giảm 994,87 ha.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, đất rừng phòng hộ giảm.

Nguyên nhân chính là chỉ tiêu thống kê, kiểm kê giữa hai kỳ có khác nhau; một số diện tích trong kỳ kiểm kê năm 2014 được xác định là đất lâm nghiệp đối với các loại đất khoanh nuôi phục hồi rừng chưa đạt tiêu chuẩn rừng nên không xác định là đất rừng, đến nay xác định là đất chưa sử dụng, đất nông nghiệp;

Diện tích đất rừng phòng hộ giảm do kết quả rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo Nghị quyết 100; do người dân lấn chiếm, khai hoang đất rừng để trồng lúa, trồng cây hàng năm khác và trồng cây lâu năm... mặt khác, kỳ kiểm kê năm 2014 khoanh vẽ sai lệch ranh giới giữa đất rừng sản xuất với đất rừng phòng hộ, chưa bóc tách hết đường giao thông, diện tích đất sông suối, chưa bóc tách hết diện tích đất chưa sử dụng mà khoanh gộp trong đất rừng và một số nguyên nhân khác, năm 2019 khoanh vẽ bóc tách lại hiện trạng sử dụng đất theo chỉ tiêu thống kê, kiểm kê cho phù hợp. Đồng thời, trong giai đoạn này Thao trường huấn luyện kết hợp bảo vệ, phát triển rừng của Ban chỉ huy quân sự huyện Đức Cơ, xây dựng Khu Kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh được chấp thuận chuyển mục đích từ rừng phòng hộ sang mục đích quốc phòng, ... cũng làm giảm chỉ tiêu loại đất này.

2.3.1.5. Đất rừng sản xuất:

Diện tích năm 2020 là 2.052,65 ha, diện tích năm 2015 là 3.118,49 ha. Giảm 1.065,84 ha.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, đất rừng sản xuất giảm nguyên nhân chính là do:

- Địa bàn huyện có diện tích rừng lớn nhưng đa số là rừng nghèo, có nhiều tuyến đường vào rẫy cắt ngang qua rừng bên cạnh đó địa bàn huyện giáp ranh với nhiều tỉnh nên việc triển khai công tác quản lý bảo vệ rừng và việc kiểm tra, kiểm soát rừng gặp nhiều khó khăn. Diện tích đất giao thông thuộc địa phận lâm nghiệp cũng được tách riêng làm giảm diện tích.

- Do một phần diện tích được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai để xác định lại diện tích đất rừng sản xuất; một phần để chuyển mục đích, phục vụ các dự án kêu gọi đầu tư phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện; thực hiện việc chuyển mục đích đất rừng sang mục đích khác (đường điện, đường giao thông...);

- Do dân di cư tự do và dân địa phương khai phá phần diện tích đất được xếp vào đất rừng sản xuất nhưng thực tế không có rừng hoặc rừng nghèo kém phát triển và đất chưa sử dụng nằm xen kẽ đất lâm nghiệp để sản xuất làm nương rẫy, trồng cây hàng năm, lâu năm.

Một số khu vực diện tích đất rừng sản xuất giảm để phục vụ chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện và một phần do dân di cư tự do và dân địa phương khai phá phần diện tích đất rừng nhưng thực tế không có rừng, hoặc rừng kém phát triển và đất chưa sử dụng nằm xen kẽ đất lâm nghiệp để sản xuất làm nương rẫy, trồng cây hàng năm, lâu năm...

***Đối với chỉ tiêu đất lâm nghiệp:** đã được thống nhất số liệu đất lâm nghiệp giữa các bên liên quan, chỉ tiêu đất lâm nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2.2.1.5. Đất nuôi trồng thủy sản:

Diện tích năm 2020 là 91,49 ha, diện tích năm 2015 là 80,80 ha. Tăng 10,69 ha.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, diện tích đất nuôi trồng thủy sản trong kỳ 2015 – 2020 tăng, nguyên nhân do trong kỳ kiểm kê 2014, việc giải thích chỉ tiêu đối với một số diện tích thửa đất ở có đất vườn ao thì xác định là đất ở, kỳ kiểm kê đất đai năm 2019 xác định là đất ao, bên cạnh đó người dân trong huyện lập trang trại trên diện tích đất nông nghiệp nên được tăng từ các loại đất như: đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất do người dân tự trồng, đất ven sông, ngòi, kênh, rạch, suối, đất đồi núi chưa sử dụng...

2.2.1.5. Đất nông nghiệp khác:

Diện tích năm 2020 là 25,11 ha, tăng 25,11 ha so với năm 2015.

Diện tích đất nông nghiệp khác tăng trên địa bàn xã Ia Kla do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang đất trang trại chăn nuôi bò của Công ty TNHH MTV 74 (7,42 ha) và chuyển đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm sang sử dụng vào loại hình nông nghiệp khác trên địa bàn các xã.

2.2.2. Biến động sử dụng đất phi nông nghiệp:

Diện tích đất phi nông nghiệp năm 2020 là 4.701,27 ha, diện tích năm 2015 là 4.640,35 ha. Tổng diện tích đất phi nông nghiệp 5 năm biến động tăng 60,92 ha.

Cụ thể biến động theo chỉ tiêu loại đất như sau:

2.2.2.1. Đất quốc phòng:

Diện tích năm 2020 là 903,68 ha, diện tích năm 2015 là 880,31 ha. Tăng 23,37 ha.

Giai đoạn năm 2015 – 2020, diện tích đất quốc phòng biến động tăng ở các xã như: Ia Pnôn tăng 5,2 ha, Ia Nan tăng 9,2 ha, Ia Kriêng tăng 5,3 ha, Ia Krêl tăng 4,7 ha, thị trấn Chư Ty tăng 1,8 ha,... Do nhu cầu mở rộng, xây dựng mới trường bắn, thao trường huấn luyện của Sư đoàn BBDBĐV – Binh đoàn 15 tại thị trấn Chư Ty, lô cốt độc lập tại xã Ia Nan, thao trường Đội 2 – Công ty TNHH MTV 72 tại xã Ia Dom... được hoàn thành nhằm tăng cường đảm bảo quốc phòng tại địa phương.

2.2.2.2. Đất an ninh:

Diện tích năm 2020 là 3,48 ha, diện tích năm 2015 là 3,26 ha. Tăng 0,22 ha.

Nguyên nhân do bố trí đất để xây dựng các công trình, dự án có mục đích an ninh trên địa bàn huyện. Mặt khác do cập nhật lại một số vị trí đất của đơn vị Công an và bố trí đất để xây dựng trụ sở làm việc, Nhà nghiệp vụ An ninh để đảm bảo an ninh trên địa bàn.

2.2.2.3. Đất khu công nghiệp:

Diện tích năm 2020 là 78,96 ha, diện tích năm 2015 là 166,54 ha. Giảm 87,58 ha.

Nguyên nhân do khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được đầu tư xây dựng tại xã Ia Dom và xã Ia Nan, bao gồm Khu Trung tâm và Khu công nghiệp. Tuy nhiên, do việc xác định lại ranh giới đất đã thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất và chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất so với quy hoạch tại khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và một số danh mục công trình khác. Ở kỳ kiểm kê năm 2014 ranh giới đất khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được đưa lên bản đồ kiểm kê, bản đồ hiện trạng theo ranh giới quy hoạch sử dụng đất cả khu vực; đến nay, tại thời điểm thống kê, kiểm kê ranh giới Khu công nghiệp được cập nhật theo hiện trạng sử dụng đất đã được giao đất cho Ban quản lý Khu Kinh tế.

2.2.2.4. Đất thương mại, dịch vụ:

Diện tích năm 2020 là 6,80 ha, diện tích năm 2015 là 1,09 ha. Tăng 5,71 ha.

Nguyên nhân là do trong giai đoạn năm 2015 – 2020, trên địa bàn huyện các dự án sử dụng đất xây dựng cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu, kho chứa, các Hợp tác xã nông nghiệp và dịch vụ... được phát triển tại huyện, các dự án chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ được triển khai hoàn thành. Mặt khác, các dự án xây dựng mặt bằng cho thuê dịch vụ thương mại tại khu kinh tế được tách tiêu chí cũng làm tăng diện tích loại đất này.

2.2.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Diện tích năm 2020 là 10,61 ha, diện tích năm 2015 là 15,70 ha. Giảm 5,09 ha.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, nguyên nhân đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp giảm là do trong giai đoạn năm 2015 – 2020, các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê theo quy định mới đối với các loại đất phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được tách riêng biệt làm thay đổi diện tích (các loại đất chính như đất thương mại – dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản); mặt khác, ở giai đoạn này các doanh nghiệp gặp khó khăn về tài chính hoặc thay đổi định hướng sản xuất kinh doanh nên các dự án xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất ngừng hoặc chưa triển khai.

2.2.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Diện tích năm 2020 là 17,04 ha, diện tích năm 2015 là 7,8 ha. Tăng 9,24 ha so với năm 2015.

Trên địa bàn huyện, tại xã Ia Dom và xã Ia Nan hiện có một số khu vực được cấp phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng, gồm sỏi như mô cát, đá phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng.

2.2.2.7. Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Diện tích năm 2020 là 1.496,70 ha, diện tích năm 2015 là 1.408,05 ha. Tăng 88,65 ha.

Nguyên nhân chính là do trong giai đoạn năm 2015 – 2020, các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, các chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai quyết liệt, việc phát triển đầu tư mới các công trình giao thông như nâng cấp mở rộng các đường giao thông hiện trạng, đầu tư nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn – đô thị, giao thông nội đồng, đầu tư các tuyến đường mới, một số công trình hồ, đập kênh mương thủy lợi được nâng cấp, hệ thống điện lưới, công trình năng lượng, công trình y tế, bưu chính viễn thông được đầu tư phát triển; các trường học/điểm trường hay các sân bóng, sân thể thao được mở rộng, xây dựng mới; các nghĩa trang, nghĩa địa được quy tụ tập trung; các hạng mục di tích Tượng đài chiến thắng Chư Ty ở thị trấn Chư Ty và di tích lịch sử Cây Đa Làng Ghè trên địa bàn xã Ia Dok được phục dựng, tôn tạo được công nhận di tích lịch sử - văn hóa; hoặc việc bố trí các bãi rác thu gom và trung chuyển chất thải rắn trên địa bàn xã Ia Krêl, Ia Kriêng, Ia Nan để đáp ứng việc phân bổ thu gom và trung chuyển chất thải trên địa bàn huyện nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường; các Giáo xứ tại các điểm dân cư, chùa, tịnh xá được giao đất nhằm phục vụ nhu cầu tâm linh và thực hiện chủ trương tôn trọng tự do tín ngưỡng, đảm bảo quyền sinh hoạt tôn giáo bình đẳng theo đúng pháp luật của đồng bào có đạo; việc đầu tư xây dựng và chỉnh trang mở rộng chợ dân sinh tại trung tâm huyện và tại xã Ia Dom ... đã làm hạ tầng cơ sở trên địa bàn huyện khang trang hơn rất nhiều.

2.2.2.8. Đất sinh hoạt cộng đồng:

Diện tích năm 2020 là 11,23 ha, năm 2015 là 6,93 ha. Tăng 4,30 ha so với năm 2015.

Nguyên nhân chính là do trong giai đoạn năm 2015 – 2020, với các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai, đã đầu tư xây dựng mới các công trình nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, hay chỉnh trang xây mới hội trường tổ dân phố, thôn, làng phục vụ cộng đồng dân cư làm tăng diện tích loại đất này.

2.2.2.9. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Diện tích năm 2020 là 11,78 ha, năm 2015 là 14,93 ha. Giảm 3,15 ha so với năm 2015.

Nguyên nhân là việc thực hiện xây dựng Công viên và các khu vực vui chơi giải trí công cộng tập trung tránh dần trải, dự án xây dựng khu vui chơi chưa được triển khai. Hiện nay, đất khu vui chơi, giải trí công cộng phân bố chủ yếu ở thị trấn Chư Ty, xã Ia Dom.

2.2.2.10. Đất ở tại nông thôn:

Diện tích năm 2020 là 425,78 ha, diện tích năm 2015 là 373,35 ha. Tăng 52,43 ha.

Nguyên nhân do dân số ngày càng đông nên nhu cầu về nhà ở, đất ở ngày càng tăng cao. Do đó cho phép các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với những khu vực phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Mặt khác các khu dân cư mới được hình thành và được giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở trên địa bàn các, chủ yếu là xã Ia Nan, Ia Dom chiếm tỷ lệ lớn. Đất ở tại nông thôn được tăng chủ yếu từ các loại đất như: đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm ...

2.2.2.11. Đất ở tại đô thị:

Diện tích năm 2020 là 79,99 ha, diện tích năm 2015 là 76,11 ha. Tăng 3,88 ha.

Thực tế do nhu cầu về nhà ở, đất ở ngày càng tăng cao, loại đất ở tăng. Do đó cho phép các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với những khu vực phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Mặt khác, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định công tác định canh định cư, các khu quy hoạch dân cư mới được hình thành và qua quá trình đô thị hoá cũng như nhu cầu đất ở của nhân dân tăng do dân số cơ học và tách hộ nên việc chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất khác sang đất ở là tất yếu. Việc thực hiện quy hoạch các khu dân cư mới được hình thành và được giao đất, thực hiện đấu giá đất, công nhận quyền sử dụng đất ở trên địa bàn thị trấn Chư Ty làm tăng diện tích loại đất này.

2.2.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Diện tích năm 2020 là 20,39 ha, diện tích năm 2015 là 15,78 ha. Tăng 4,61 ha. Nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng mới các trụ sở cơ quan nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và tăng cường quản lý nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực của huyện.

2.2.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Diện tích năm 2020 là 3,05 ha, diện tích năm 2015 là 0,85 ha. Tăng 2,20 ha.

Nhằm phục vụ nhu cầu xây dựng mới các trụ sở của tổ chức sự nghiệp phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội và tăng cường quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực sự nghiệp của huyện.

2.2.2.14. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Diện tích năm 2020 là 0,07 ha, giữ nguyên so với năm 2015.

Đây là diện tích miếu thờ tự theo tín ngưỡng tại làng Ngol Rông, xã Ia Krêl.

2.2.2.15. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Diện tích năm 2020 là 1.470,69 ha, diện tích năm 2015 là 1.531,08 ha. Giảm 60,39 ha.

Nguyên nhân đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm bởi khoanh vẽ, cập nhật ranh giới các dòng chảy như hiện trạng tại thời điểm thống kê, kiểm kê. Một số khu vực dòng chảy bị thu hẹp ranh giới.

2.2.2.16. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Diện tích năm 2020 là 160,21 ha, diện tích năm 2015 là 75,71 ha. Tăng 84,50 ha.

Giai đoạn năm 2015 – 2020, đất có mặt nước chuyên dùng tăng do người dân tận dụng đất khu vực ven suối và đất nông nghiệp có nền thấp,... hoặc đào ao, mức hồ trên đất nông nghiệp; hoặc các tổ chức được ngăn dòng nước phục vụ sản xuất (các Công ty thuộc Binh đoàn 15), UBND xã phát triển hệ thống ao, hồ, đập tích trữ và điều tiết nước phục vụ nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng tăng cụ thể ở các xã, thị trấn như sau: thị trấn Chư Ty tăng 6,6 ha, Ia Pnôn tăng 1,5 ha, Ia Nan tăng 5,8 ha, Ia Lang tăng 1,3 ha, Ia Kriêng tăng 4,0 ha, Ia Krêl tăng 23,9 ha, Ia Kla tăng 14,7 ha, Ia Dom tăng 5,2 ha, Ia Dok tăng 2,8 ha, Ia Din tăng 18,6 ha.

2.2.2.17. Đất phi nông nghiệp khác:

Diện tích năm 2020 là 0,80 ha, diện tích năm 2015 là 1,09 ha. Giảm 0,29 ha.

Việc giảm này là do diện tích, ranh giới hiện trạng khu vực đất này tại thời điểm thống kê, kiểm kê thu hẹp diện tích sử dụng (tại xã Ia Din có 0,08 ha, xã Ia Dok hiện có 0,48 ha và xã Ia Kla 0,24 ha).

2.3. Nhóm đất chưa sử dụng:

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2020 là 155,09 ha, năm 2015 là 514,13 ha. Giảm 359,04 ha.

Nguyên nhân do sự khác nhau giữa các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định về thống kê, kiểm kê đất đai giữa các giai đoạn, thời kỳ thực hiện;

Đối với kỳ thống kê, kiểm kê năm 2014 kiểm kê theo hiện trạng sử dụng đất đối với cả trường hợp đã có Quyết định giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện, tuy nhiên biểu phụ không tổng hợp được diện tích các trường hợp này theo hiện trạng, dẫn đến diện tích đất chưa sử dụng nhiều địa phương tăng lên. Còn đối với năm 2019 quy định trường hợp đã có Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng tại thời điểm thống kê, kiểm kê chưa sử dụng đất theo Quyết định thì thống kê, kiểm kê theo loại đất ghi trong Quyết định, đồng thời phải thống kê, kiểm kê theo hiện trạng sử dụng đất vào biểu riêng để theo dõi, quản lý theo quy định của pháp luật đất đai, trừ trường hợp đã có Quyết định giao đất, cho thuê đất nhưng chưa được bàn giao đất trên thực địa vẫn được thống kê, kiểm kê theo hiện trạng sử dụng nên trong kỳ kiểm kê năm 2019 diện tích đất chưa sử dụng giảm nhiều. Bên cạnh đó nhờ việc khuyến khích người dân sử dụng đất đồi, đất chưa sử dụng có khả năng cải tạo để đưa vào trồng lúa, trồng cây hàng năm khác, trồng cây lâu năm, trồng rừng và một phần diện tích ít hoặc không có khả năng cải tạo vào xây dựng các công trình công cộng.

3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất:

3.3.1. Hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất:

Diện tích đất nông nghiệp tại huyện được sử dụng là 67.329,65 ha, chiếm 93,27% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó đất sản xuất nông nghiệp là 62.790,10

ha (đất trồng lúa có 728,52 ha, đất trồng cây lâu năm 58.997,56 ha và đất trồng cây hàng năm khác là 3.064,02 ha); đất lâm nghiệp là 4.422,95 ha. Đất nuôi trồng thủy sản là 91,49 ha và đất nông nghiệp khác là 25,11 ha.

Diện tích đất phi nông nghiệp là 4.701,27 ha, chiếm 6,51% tổng diện tích đất tự nhiên. Chủ yếu là các loại đất phát triển hạ tầng, đất quốc phòng, đất sông suối chiếm tỷ lệ lớn còn lại là diện tích đất ở của cộng đồng dân cư và đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất thương mại – dịch vụ, đất khu công nghiệp, đất sản xuất vật liệu xây dựng làm đồ gốm chiếm tỷ lệ nhỏ so với quy mô diện tích đất. Các loại đất phục vụ cho các dịch vụ cao cấp hay dịch vụ xã hội chưa có.

Diện tích của hộ gia đình, cá nhân (chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp) sử dụng diện tích lớn, tuy nhiên diện tích đất sản xuất lớn, sản lượng chưa cao, như vậy chi phí sản xuất rất cao. Chỉ có một số khu vực được các tổ chức kinh tế khai thác sử dụng mang lại giá trị thương mại cao. Những năm gần đây, tại huyện được đầu tư về nông – lâm nghiệp, hình thành các hợp tác xã và có sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân, đã góp phần cải thiện tình trạng trao đổi hàng hóa thông qua các tuyến đường giao thông được đầu tư, qua Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế, trao đổi giữa các tiểu vùng lân cận nâng cao giá trị thương mại.

Cơ cấu sử dụng đất trong thời kỳ 2010 – 2020 đã được chuyển đổi hợp lý, đáp ứng phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch kinh tế lao động nông - lâm nghiệp sang dịch vụ, công nghiệp. Góp phần tạo điều kiện kinh tế trên địa bàn huyện thoát khỏi tình trạng tự cung, tự cấp, chuyển dần sang sản xuất hàng hóa.

Đặc biệt Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được hình thành đã góp phần thúc đẩy thương mại trên đất liền, đưa lại giá trị thương mại cao về xuất – nhập khẩu cho vùng kinh tế và góp phần tăng ngân sách cho huyện, cho tỉnh.

Mặt khác, hạ tầng được đầu tư xây dựng, cùng với việc điều chỉnh phân bổ đất đai hợp lý cho các ngành, các lĩnh vực đã làm thay đổi bộ mặt nông thôn tại đây.

Thông qua giá đất được lập, từ quỹ đất được giao, cho thuê, đấu giá quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và các giao dịch đảm bảo về quyền sử dụng đất góp phần phát triển thị trường đất đai, bất động sản, tạo nguồn thu từ đất đai đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

3.3.2. Hiệu quả xã hội của việc sử dụng đất:

Hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện được thực hiện tương đối phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong thời kỳ vừa qua.

Hiệu quả xã hội rõ rệt là chi phí sản xuất được giảm thông qua các gói chính sách hỗ trợ từ các chương trình của Chính phủ và địa phương, đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững đã góp phần tích cực nâng cao đời sống xã hội cho cộng đồng người địa phương nơi đây.

Mặt khác, việc giới thiệu công nghệ tiên tiến, áp dụng công nghệ vào sản xuất, khuyến khích tư nhân đầu tư thông qua kêu gọi đầu tư đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân địa phương.

Đời sống được cải thiện, các chính sách áp dụng công khai minh bạch đã đẩy lùi tiêu cực trong quản lý đất đai, góp phần ổn định chính trị - xã hội.

3.3.3. Hiệu quả về môi trường của việc sử dụng đất:

Từ thực trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện, cho ta thấy việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng cũng như vị trí, quy mô cùng việc đánh giá tác động môi trường nhằm tránh tình trạng sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả ảnh hưởng đến đời sống của người dân và chất lượng môi trường đất. Việc phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan dọc các tuyến đường, khu dân cư, trường học, quy định tỷ lệ cây xanh cách ly ở khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, các khu vực nhà máy sản xuất, chế biến; hoặc khuyến cáo người dân hạn chế hoặc thực hiện các kỹ thuật bón phân, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất đúng cách, đúng liều lượng. Việc này đã được cấp ủy, chính quyền huyện quyết định hết sức hiệu quả; hạn chế được tình trạng suy giảm đất nông nghiệp, du lịch, bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên nước.

Tuy nhiên, một thực trạng về việc để mất tài nguyên rừng trên địa bàn huyện đã ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường.

3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất:

3.2.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Nhìn chung, quỹ đất của huyện đã được đưa vào sử dụng cho các mục đích phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện. Chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất ở, đất thương mại – dịch vụ, cơ sở sản xuất kinh doanh, đất có mục đích công cộng); trong giai đoạn 2010 – 2015 – 2020 đất chưa sử dụng được khai thác triệt để, điều này cho thấy sử dụng đất phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển kinh tế của huyện: tăng tỷ trọng ngành, lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Công nghiệp – Xây dựng, giảm tỷ trọng ngành Nông – Lâm nghiệp – Thủy sản. Đây là một trong những yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế xã hội của huyện trong thời kỳ qua và phù hợp với định hướng sử dụng đất trong kỳ quy hoạch sử dụng đất huyện. Tuy nhiên, tốc độ phát triển kinh tế trong những năm qua tăng còn chậm (theo Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm kỳ 2010 – 2015 tăng bình quân hơn 13% và nhiệm kỳ 2015 – 2020 tăng bình quân 5,3%); bên cạnh đó, vẫn còn một số khu vực tại địa phương chưa bám sát quy hoạch sử dụng đất để thực hiện.

Tổng diện tích tự nhiên của huyện là 72.186,01 ha, hiện nay diện tích đất sử dụng cho mục đích nông nghiệp là 67.329,65 ha, mục đích phi nông nghiệp là 4.701,27 ha, đất được đưa vào sử dụng chiếm **99,79% tổng diện tích tự nhiên**. Trong đó, cơ cấu sử dụng đất phân theo đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất theo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai là:

- Hộ gia đình, cá nhân trong nước: sử dụng diện tích 37.741,9 ha, chiếm tổng 52,3% diện tích tự nhiên, chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp và đất ở;

- Tổ chức kinh tế; cơ quan, đơn vị của Nhà nước; tổ chức sự nghiệp công lập; tổ chức khác: sử dụng diện tích 31.430,3 ha, chiếm 43,5% tổng diện tích tự nhiên;

Trên địa bàn huyện có các Công ty nông – lâm nghiệp là chủ yếu, như: Công ty TNHH MTV 72, Công ty TNHH MTV 74, Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 15 – chi nhánh Công ty 75, doanh nghiệp, Hợp tác xã... sử dụng.

Ngoài ra là các cơ quan, đơn vị của Nhà nước, hay tổ chức sự nghiệp như Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý Khu kinh tế sử dụng và quản lý các loại đất xây dựng trụ sở, đất khu kinh tế, khu công nghiệp, đất lâm nghiệp - nông nghiệp... theo địa phận đất đai được giao quản lý.

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng diện tích 15,5 ha đất sinh hoạt cộng đồng và đất cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng của cộng đồng dân cư;

- Ủy ban nhân dân cấp xã; cộng đồng dân cư và tổ chức khác trên địa bàn huyện quản lý diện tích 2.998,3 ha, chiếm 4,2% tổng diện tích tự nhiên. Chủ yếu là quản lý đất rừng, đất công cộng và đất chưa sử dụng theo địa phận giao quản lý.

Như vậy, quỹ đất đang sử dụng trên địa bàn huyện hiện đã được sử dụng cơ bản phù hợp, đúng định hướng phát triển kinh tế; sử dụng đất đúng mục đích, đối tượng; và đang được định hướng khai thác sử dụng theo chiều sâu nhằm tăng hiệu quả tối ưu.

3.2.2. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội:

Về mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội có thể khái quát như sau:

- Đối với đất đang sử dụng cho mục đích nông nghiệp có thể tăng hiệu quả theo hướng đầu tư thâm canh, tăng vụ và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi đa dạng hóa nâng cao năng suất, chất lượng và phù hợp với điều kiện phát triển của huyện.

- Diện tích đất phi nông nghiệp hiệu quả sử dụng chưa cao, nhất là đất xây dựng các công trình công cộng; đất ở cần phải được bố trí, sắp xếp lại theo hướng tiết kiệm đất đai, tận dụng không gian xây dựng, một số công trình nên kết hợp sử dụng đa mục đích.

Đối với đất khu công nghiệp, các khu đất chưa sử dụng có nguồn gốc từ đất các tổ chức, cơ quan đơn vị trả về địa phương quản lý cần có chính sách thu hút đầu tư để tránh lãng phí quỹ đất “sạch”.

Cơ cấu sử dụng đất hợp lý, tỷ lệ đất đai dành cho phát triển các lĩnh vực xã hội hóa đã đáp ứng được các nhu cầu phát triển, tạo điều kiện khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh của huyện cho phát triển kinh tế - xã hội.

3.2.3. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại huyện Đức Cơ:

Trong những năm gần đây, tại huyện đã được đầu tư vốn, vật tư, công nghệ khoa học kỹ thuật tại một số khu vực để phát triển sản xuất, và góp phần tăng ngân

sách cho huyện. Tuy nhiên, một số dự án khu vực công nghiệp kêu gọi đầu tư vào khu công nghiệp có sử dụng quy trình kỹ thuật công nghệ còn chưa kêu gọi được nhà đầu tư.

Đối với nông nghiệp, trên địa bàn huyện đã hình thành các khu nông nghiệp “sạch”, các cánh đồng sản xuất, các khu chuyên canh cây công nghiệp lâu năm được phân vùng sản xuất theo định hướng phát triển theo chiều sâu.

Tuy nhiên, tình hình đầu tư về vốn, vật tư khoa học kỹ thuật chủ yếu được hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình 135, chương trình 134, Xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên, nguồn ngân sách đầu tư từ Tỉnh, Trung ương vào Khu Kinh tế... còn nguồn vốn tiềm lực từ địa phương chưa chủ động phát huy được do điều kiện về tự nhiên và trình độ nguồn nhân lực còn hạn chế.

3.3. Đánh giá chung về sự phù hợp giữa quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch nông thôn mới:

Hiện nay, trên địa bàn huyện có 3/9 xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, đó là các xã: Ia Dom, xã Ia Nan và xã Ia Krêl, trong đó có 4 làng và 8 thôn đạt chuẩn nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 13/02/2018 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp về xây dựng làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới được chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân nên đạt được những kết quả tích cực. Trong giai đoạn sắp tới, huyện cần duy trì kết quả hiện có và phát huy để các xã khác đạt chuẩn; hướng đến đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 theo tiêu chuẩn quy định của Chính phủ.

Trong suốt thời kỳ 2011 - 2020, quy hoạch nông thôn mới có tác động rất lớn đến cơ cấu sử dụng đất. Bên cạnh việc lập kế hoạch có trọng tâm, trọng điểm, các cấp chính quyền địa phương xác định phát huy nội lực, chủ động triển khai các tiêu chí phù hợp với điều kiện của từng xã... Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, việc huy động đóng góp được các xã, thị trấn công khai, minh bạch, từ đó nhận được sự đồng lòng hưởng ứng của người dân. Nhờ đó, sau 11 năm thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới, huyện đã đạt được nhiều tiêu chí quan trọng. Sự phát triển của hạ tầng xã hội, cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia đã tác động tích cực đến đời sống đại bộ phận dân cư trên địa bàn huyện cũng như tất cả các địa phương khác.

Tuy nhiên, sau những đúc kết kinh nghiệm để thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn tiếp theo, quy hoạch sử dụng đất trong quy hoạch nông thôn mới còn thiếu tính đồng bộ và đi ngược quy trình phê duyệt phương án quy hoạch vì phải dựa vào quy hoạch sử dụng đất cấp huyện để phê duyệt (quy hoạch sử dụng đất cấp dưới cụ thể hóa quy hoạch sử dụng đất cấp trên). Nhiều chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch nông thôn mới sai lệch với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện như chỉ tiêu đất giao thông, đất ở, đất sản xuất kinh doanh... Các khu dân cư trung tâm của từng xã chưa thể hiện trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Như vậy các chỉ tiêu có sự chênh lệch ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện quy hoạch hoặc khó có thể thực hiện.

Việc rà soát lại và điều chỉnh phù hợp đồng bộ các quy hoạch liên quan trong quy hoạch sử dụng đất là việc hết sức cần thiết.

4. Những tồn tại và nguyên nhân chủ yếu trong sử dụng đất

4.1. Đối với khai thác và sử dụng đất phi nông nghiệp:

- Quỹ đất sản xuất kinh doanh trong các khu chợ thương mại, khu công nghiệp; đất được các cơ quan, đơn vị giao về địa phương quản lý, một số khu vực dự kiến đầu giá đất hiện còn nhiều nhưng chưa được sử dụng hết, cần có chính sách thu hút đầu tư để sử dụng triệt để quỹ đất này, tránh lãng phí đất sạch.

- Một số dự án được phê duyệt nhưng kéo dài thời gian triển khai, còn có tình trạng không tiến hành các thủ tục đầu tư theo quy định, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện của người sử dụng đất. Người dân không thể yên tâm đầu tư, sản xuất, ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân. Để hạn chế trường hợp này, cần thiết có những biện pháp mạnh hơn trong quản lý đất đai, quản lý dự án đầu tư của địa phương. Hoặc kêu gọi đầu tư khác, hoặc thu hồi khi áp dụng hơn một biện pháp mà nhà đầu tư chưa chấp hành.

- Tại khu công nghiệp, các khu chế xuất, khu chăn nuôi hay khu vực thu mua quy mô lớn, chế biến cao su cần giám sát xả thải, lắp đặt trạm quan trắc tự động để tránh xả thải ra môi trường khi chưa được xử lý. Đối với các khu chế xuất, cần yêu cầu đánh giá tác động môi trường, quan trắc để đưa ra phương án xử lý triệt để.

- Đối với vấn đề đất ở: cần quy hoạch lại các khu dân cư tự phát, xây dựng lại các khu dân cư mới để đáp ứng được nhu cầu nhà ở của dân nhập cư làm việc tại các khu công nghiệp, khu sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn huyện.

4.2. Đối với khai thác và sử dụng đất nông nghiệp:

- Quỹ đất nông nghiệp tại huyện có xu hướng ngày càng giảm dần do nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nên cần có chính sách hỗ trợ, khuyến khích sản xuất nông nghiệp, khuyến khích đưa diện tích đất chưa sử dụng vào cho các mục đích sử dụng đất phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của huyện.

- Đất trồng lúa chưa hiệu quả cao, năng suất cây lúa trên địa bàn huyện còn thấp so với năng suất trung bình chung của tỉnh. Theo Niên giám Thống kê 2019, năng suất lúa cả năm huyện đạt 28,49 tạ/ha, trong đó năng suất lúa đông xuân là 47 tạ/ha. Với năng suất như trên, cần có chính sách chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp đối với diện tích đất lúa kém hiệu quả, không chủ động được nguồn nước tưới.

- Hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ, phân bón hóa học nhằm bảo vệ môi trường đất, môi trường nước.

- Đối với đất lâm nghiệp cần có biện pháp mạnh tay để bảo vệ nghiêm ngặt hơn. Tại các khu vực đã được khảo sát, cần thực hiện nghiêm các chính sách giao đất giao rừng, bên cạnh đó cần kết hợp các biện pháp giám sát cụ thể để có hiệu quả.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH/KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Đức Cơ được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/6/2019, sau thời gian triển khai thực hiện, chỉ tiêu sử dụng các loại đất đạt được trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 như sau:

- Đất nông nghiệp theo điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt 66.194,38 ha, thực hiện đến năm 2020 là 67.329,65 ha. Đạt 101,72%.

- Đất phi nông nghiệp theo điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 5.517,50 ha; thực hiện đến năm 2020 là 4.701,27 ha. Đạt 85,21%.

- Đất chưa sử dụng theo điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 474,13 ha; thực hiện đến năm 2020 là 155,09 ha. Đạt 32,71%.

Kết quả thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đạt được theo chỉ tiêu sử dụng đất như bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 6. Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích năm 2020	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
	Tổng diện tích tự nhiên		72.186,01	72.186,01		100
1	Đất nông nghiệp	NNP	66.194,38	67.329,65	1.135,27	101,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA	688,45	728,52	40,07	105,82
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>512,15</i>	<i>519,32</i>	<i>7,17</i>	<i>101,40</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.653,02	3.064,02	-5.589,00	35,41
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	40.622,16	58.997,56	18.375,40	145,23
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.953,97	2.370,30	-2.583,67	47,85
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	11.105,98	2.052,65	-9.053,33	18,48
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	80,80	91,49	10,69	113,23
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	90,00	25,11	-64,89	27,90
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.517,50	4.701,27	-816,23	85,21
2.1	Đất quốc phòng	CQP	980,01	903,68	-76,33	92,21
2.2	Đất an ninh	CAN	9,00	3,48	-5,52	38,66
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	166,54	78,96	-87,58	47,41

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích năm 2020	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
2.4	Đất khu chế xuất	SKT				
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	36,00	6,80	-29,20	18,88
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	67,00	10,61	-56,39	15,84
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	7,80	17,04	9,24	218,47
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2.065,06	1.429,53	-635,53	69,22
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,00	1,20	-3,80	24,05
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	35,00	8,90	-26,10	25,42
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	532,97	425,78	-107,19	79,89
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	92,00	79,99	-12,01	86,95
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	24,99	20,39	-4,60	81,58
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,00	3,05	-0,95	76,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	2,46	4,20	1,74	170,68
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	78,00	52,87	-25,13	67,78
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	2,00	17,04	15,04	852,04
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,72	11,23	1,51	115,58
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	34,93	11,78	-23,15	33,73
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,07	0,07	0,00	106,76
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.288,15	1.470,69	182,54	114,17
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	75,71	160,21	84,50	211,61
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,09	0,80	-0,29	73,67
3	Đất chưa sử dụng	CSD	474,13	155,09	-319,04	32,71

Kết quả đạt được theo chỉ tiêu sử dụng đất cụ thể như sau:

1.1. Kết quả đạt được theo chỉ tiêu sử dụng đất

1.1.1. Đất nông nghiệp

Theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được UBND tỉnh phê duyệt, diện tích đất nông nghiệp theo điều chỉnh quy hoạch là 66.194,38 ha, thực hiện năm 2020 là 67.329,65 ha, tăng 1.135,27 ha, đạt 101,70%. Nguyên nhân chính là do một số diện tích đất nông nghiệp thuộc một số dự án trong

giai đoạn này đang hoặc chưa triển khai, có nhiều dự án sử dụng đất nông nghiệp ngừng triển khai nên diện tích đất nông nghiệp chưa được chuyển sang đất phi nông nghiệp. Mặt khác, trong giai đoạn này diện tích đất nông nghiệp ngoài thực tế tăng lên do người dân khai thác các loại đất khác và đất chưa sử dụng vào sử dụng sản xuất nông nghiệp.

Kết quả thực hiện cụ thể cho từng chỉ tiêu đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 688,45 ha, thực hiện được 728,52 ha. Tăng 40,07 ha. Đạt 105,82%.

Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước thực hiện được 519,32 ha, cao hơn (tăng) 7,17 ha so với điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 512,15 ha, đạt 101,40%.

Nguyên nhân tăng do trong giai đoạn 2015 – 2020, hệ thống kênh mương, hồ đập thủy lợi, đất có mặt nước chuyên dùng được chỉnh trang, đầu tư phát triển, diện tích đất trồng lúa được thâm canh, mở rộng tại những khu vực thuận lợi nguồn nước tưới.

- Đất trồng cây hàng năm khác: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 8.653,02 ha, thực hiện được 3.064,02 ha. Giảm 5.589,00 ha, đạt 35,41%.

Nguyên nhân đất trồng cây hàng năm khác giảm do các dự án liên quan đến việc chuyển đất trồng cây hàng năm sang đất phi nông nghiệp chưa triển khai xong hoặc ngừng triển khai thực hiện do điều chỉnh việc đầu tư. Mặt khác, ngoài thực trạng đất trồng cây hàng năm đã được chuyển rất nhiều sang đất cây lâu năm có giá trị kinh tế cao.

- Đất trồng cây lâu năm: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 40.622,16 ha, thực hiện được 58.997,56 ha. Tăng 18.375,40 ha, đạt 145,23%.

Nguyên nhân tăng do các công trình, dự án liên quan đến việc chuyển đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp chưa triển khai xong, hoặc ngừng triển khai thực hiện do điều chỉnh việc đầu tư. Mặt khác, ngoài thực tế những loại cây trồng lâu năm những năm gần đây có giá trị kinh tế nên các hộ gia đình, cá nhân chuyển đổi cây trồng hoặc khai thác mở rộng từ các loại đất khác làm tăng diện tích loại đất này.

- Đất rừng phòng hộ: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 4.953,97 ha, thực hiện được 2.370,30 ha. Giảm 2.583,67 ha, đạt 47,85%.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, đất rừng phòng hộ giảm.

Nguyên nhân chính là do một số diện tích trong kỳ kiểm kê năm 2014 khoanh vẽ đất khoanh nuôi phục hồi rừng chưa đạt tiêu chuẩn rừng thực tế là rừng nghèo kiệt, hoặc đất chưa sử dụng nay điều chỉnh lại quy hoạch 03 loại rừng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND, và cập nhật ranh giới lại theo hiện trạng; bên cạnh đó là do việc khoanh vẽ lại ranh giới đất rừng và các loại đất khác như đất giao thông, sông suối... giữa các kỳ có sự chênh lệch.

Bên cạnh đó một số dự án liên quan đến việc chuyển đổi đất rừng phòng hộ sang đất quốc phòng như đưa ra diện tích đất rừng khỏi quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn xã Ia Dom, xã Ia Nan, Ia Pnôn (rừng phòng hộ); Kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng xã Ia Dom triển khai thực hiện chưa xong;

- Đất rừng sản xuất: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 11.105,98 ha, thực hiện được 2.052,65 ha. Giảm 9.053,33 ha.

Nguyên nhân do kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng xã Ia Dom, Làng Lung Prông, xã Ia Kriêng; dự án đưa diện tích đất rừng ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn các xã chưa triển khai xong. Dự án quốc phòng Thao trường huấn luyện kỹ thuật bộ binh của Đoàn Biên phòng 719 có sử dụng đất rừng sản xuất trên địa bàn xã Ia Dom triển khai.

Mặt khác, theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019, đất rừng sản xuất giảm, do một phần diện tích được điều chỉnh đưa ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Gia Lai để xác định lại diện tích đất rừng sản xuất; một phần để chuyển mục đích đất rừng sang mục đích khác nhằm mục đích phát triển hạ tầng (đường điện, đường giao thông...);

Bên cạnh đó, áp lực dân số ở các vùng có rừng tăng nhanh do tăng cơ học và di cư tự do từ nơi khác về đòi hỏi nhu cầu đất ở và đất canh tác tăng cao, những hộ này chủ yếu là những hộ nghèo, đời sống gặp nhiều khó khăn, sinh kế chủ yếu dựa vào phát nương làm rẫy; diện tích đất rừng sản xuất giảm để phục vụ chương trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện và một phần do dân di cư tự do và dân địa phương khai phá phần diện tích đất rừng nhưng thực tế không có rừng, hoặc rừng kém phát triển và đất chưa sử dụng nằm xen kẽ đất lâm nghiệp để sản xuất làm nương rẫy, trồng cây hàng năm, lâu năm...

***Đối với chỉ tiêu đất lâm nghiệp:** đã được rà soát, cập nhật theo kết quả kiểm kê đất đai trên cơ sở Nghị quyết 100, đã được cấp chính quyền và các đơn vị chủ rừng thống nhất. Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt chỉ tiêu này.

- Đất nuôi trồng thủy sản: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 80,80 ha, thực hiện được 91,49 ha. Tăng 10,69 ha, đạt 113,23%.

- Đất nông nghiệp khác: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 90 ha, thực hiện được 25,11 ha. Giảm 64,89 ha.

Giảm do các dự án chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác trên địa bàn các tổ dân phố và làng Trol Đeng thị trấn Chư Ty và tại các xã chưa triển khai hoặc triển khai chưa hoàn thành.

1.1.2. Đất phi nông nghiệp:

Theo điều chỉnh quy hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 5.517,50 ha; kết quả thực hiện là 4.701,27 ha. Giảm 816,23 ha, đạt 85,21%.

Nguyên nhân chính là do: giảm diện tích lớn các chỉ tiêu đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất phát triển hạ tầng, đất ở. Trong đó:

- Đối với các dự án cần thu hồi đất: do việc thu hồi đất còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án phát triển hạ tầng; các khu dân cư được quy hoạch theo quy hoạch nông thôn mới chưa thực hiện được do phải thực hiện đền bù, thu hồi đất.

- Đối với các dự án giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: các dự án chưa hoàn tất được thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; trong kỳ quy hoạch các dự án sử dụng đất công cộng được triển khai thực hiện tương đối nhiều.

- Khi đầu tư xây dựng Khu Kinh tế Cửa khẩu, các chỉ tiêu phát triển hạ tầng kèm theo thực hiện còn hạn chế bởi nguồn lực về vốn chưa đảm bảo; thời kỳ này các doanh nghiệp cũng gặp khó khăn về tài chính hoặc chuyển hướng kinh doanh dẫn đến dự báo trong điều chỉnh quy hoạch kỳ trước chưa được chính xác.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đạt được so với điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt cụ thể như sau:

- **Đất quốc phòng:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 980,01 ha, thực hiện được 903,68 ha. Giảm 76,33 ha. Đạt 92,21%.

Do các công trình, dự án có mục đích quốc phòng như Thao trường huấn luyện kỹ thuật bộ binh của Đoàn Biên phòng 719 trên địa bàn xã Ia Dom; Đất khu căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, khu vực phòng thủ, điểm tựa chiến đấu tại các xã, thị trấn và một số dự án có mục đích quốc phòng khác chưa được triển khai thực hiện; dự án Khu căn cứ chiến đấu SH-01 (điểm cao 408) của BCH Quân sự huyện trên địa bàn xã Ia Kriêng ngừng triển khai.

- **Đất an ninh:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 9 ha, thực hiện được 3,48 ha. Giảm 5,52 ha.

- **Đất khu công nghiệp:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 166,54 ha, thực hiện được 78,96 ha. Giảm 87,58 ha.

Do khu công nghiệp được cập nhật so với quy hoạch ban đầu thuộc khu kinh tế có tổng diện tích quy hoạch là 166,54 ha. Tuy nhiên, hiện trạng chỉ có diện tích 78,96 ha được thực hiện.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 36 ha, thực hiện được 6,80 ha. Giảm 29,20 ha.

Nguyên nhân do các dự án liên quan đến mục đích thương mại dịch vụ ngừng triển khai, như Hợp tác xã nông nghiệp tại Làng Le 2 (khu vực đồi 14), xã Ia Lang, điểm thu mua mủ tập trung trên địa bàn xã Ia Pnôn... ngừng triển khai; dự án chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ như giao đất, cho thuê đất xây dựng Văn phòng, Thương mại, Dịch vụ, Khu dịch vụ phụ trợ Khu công nghiệp; một số dự án liên quan đến sử dụng đất thương mại dịch vụ tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh (xã Ia Dom, xã Ia Nan) chưa được triển khai.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 67 ha, thực hiện được 10,61 ha. Giảm 56,39 ha.

Nguyên nhân do các dự án Nhà máy sản xuất, nhà máy gia công sản phẩm phi nông nghiệp cần chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp ngừng triển khai do điều chỉnh hướng đầu tư.

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 7,80 ha, thực hiện được 17,04 ha. Tăng 9,24 ha.

Hiện nay trên địa bàn huyện có các khu vực đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản được cấp phép, mở rộng quy mô khai thác, chủ yếu là các vị trí đưa vào sử dụng khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 2.065,06 ha, thực hiện được 1.429,53 ha. Giảm 635,53 ha, đạt 69,22%.

Nguyên nhân do trong giai đoạn năm 2015 – 2020, các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình giảm nghèo bền vững, việc phát triển đầu tư mới các công trình giao thông như nâng cấp mở rộng các đường giao thông hiện trạng, đầu tư nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, đầu tư các tuyến đường mới, hệ thống điện lưới, công trình năng lượng, công trình y tế, các trường học/điểm trường hay các sân bóng, sân thể thao được mở rộng, xây dựng mới; các di tích lịch sử - văn hóa được trùng tu, tôn tạo; ... đã làm hạ tầng cơ sở trên địa bàn huyện khang trang hơn rất nhiều.

Tuy nhiên, các công trình dự án hạ tầng cơ sở có liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch nông thôn mới chưa hoàn thành, bởi chủ yếu nguồn kinh phí xây dựng các dự án theo chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nên dẫn đến chỉ tiêu đất hạ tầng chưa đạt bởi một số dự án chưa triển khai được vì chưa có kinh phí thực hiện.

- Đất có di tích lịch sử - văn hóa: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 5 ha, thực hiện được 1,20 ha. Giảm 3,80 ha.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 35 ha, thực hiện được 8,90 ha. Giảm 26,10 ha.

- Đất ở tại nông thôn: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 532,97 ha, thực hiện được 425,78 ha. Giảm 107,19 ha, đạt 79,89%.

- Đất ở đô thị: điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 92 ha, thực hiện được 79,99 ha. Giảm 12,01 ha, đạt 86,95%.

*** Đối với chỉ tiêu về đất ở:** trên thực tế do nhu cầu về nhà ở, đất ở ngày càng tăng cao, loại đất ở ngày càng tăng tăng, do đó cho phép các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất ở đối với những khu vực phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Mặt khác, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định công tác định canh định cư, các khu quy hoạch dân cư mới được hình thành và qua quá trình đô thị hoá cũng như

nhu cầu đất ở của nhân dân tăng do dân số cơ học và tách hộ nên việc chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất khác sang đất ở là tất yếu.

Tuy nhiên: theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 trên cơ sở kế thừa kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 trong kỳ kiểm kê đất đai, kỳ quy hoạch sử dụng đất thể hiện giảm, nguyên nhân là do phương pháp thống kê, một phần đất ở tách đất trồng cây lâu năm, đất cây hàng năm khác (do trước đây thửa đất ở và cây lâu năm hoặc đất cây hàng năm khác được kiểm kê là đất ở, nay tách phần đất ở riêng, đất cây lâu năm và cây hàng năm khác riêng). Mặt khác công tác thống kê; kiểm kê kỳ trước (2014) đất ở được gán với các đề án quy hoạch nông thôn mới, khi khoanh vẽ, lập bản đồ kiểm kê đưa ranh giới quy hoạch xây dựng nông thôn mới vào kết quả kiểm kê nên diện tích đất ở lớn hơn rất nhiều so với thực tế sử dụng, bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất kỳ 2015 – 2020 được kế thừa từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo kết quả kiểm kê đất đai. Đến nay, sau khi rà soát đối chiếu việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, diện tích đất ở được tách ra, mặt khác việc bóc tách diện tích đất ở khỏi các khu vực đất tổng hợp, đất ở liền kề vườn ao theo các chỉ tiêu mới đã làm giảm diện tích loại đất cả đất ở tại đô thị và đất ở tại nông thôn.

- **Đất trụ sở cơ quan:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 24,99 ha, thực hiện được 20,39 ha. Giảm 4,60 ha, đạt 81,58%.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 4 ha, thực hiện được 3,05 ha. Giảm 0,95 ha, đạt 76,24%.

Nguyên nhân đất chỉ tiêu trụ sở cơ quan, đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không đạt là do: Giai đoạn 2015 – 2020 có các dự án xây dựng trụ sở Đội thuế, mở rộng Kho bạc nhà nước huyện ngừng triển khai.

- **Đất cơ sở tôn giáo:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 2,46 ha, thực hiện được 4,20 ha. Tăng 1,74 ha.

- **Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 78,00 ha, thực hiện được 52,87 ha. Giảm 25,13 ha. Đạt 67,78%.

- **Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 2 ha, thực hiện được 17,04 ha. Tăng 15,04 ha.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 9,72 ha, thực hiện được 11,23 ha. Tăng 1,51 ha, đạt 115,58%.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 34,93 ha, thực hiện được 11,78 ha. Giảm 23,15 ha. Do cập nhật kết quả thống kê, kiểm kê theo hiện trạng. Hiện nay, 11,78 ha diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng được xây dựng tập trung theo công trình phục vụ cộng đồng dân cư trên địa bàn xã Ia Dom và thị trấn Chư Ty.

- **Đất cơ sở tín ngưỡng:** hiện trạng có 0,07 ha. Đạt chỉ tiêu giữ nguyên hiện trạng so với kỳ trước.

Đây là diện tích am, miếu thờ tự theo tín ngưỡng trên địa bàn xã Ia Krêl.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 1.288,15 ha, thực hiện được 1.470,69 ha. Tăng 182,54 ha. Do cập nhật hiện trạng theo kết quả thống kê, kiểm kê.

- **Đất có mặt nước chuyên dùng:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 75,71 ha, thực hiện được 160,21 ha. Tăng 84,50 ha.

Nguyên nhân do theo kết quả thống kê, kiểm kê thì ngoài thực trạng giai đoạn vừa qua có nhiều ao, hồ chứa nước được người dân tự mức, các đơn vị kinh tế được phép ngăn dòng để phục vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp tăng lên.

- **Đất phi nông nghiệp khác:** điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 1,09 ha, thực hiện được 0,80 ha. Giảm 0,29 ha, đạt 73,67%.

1.1.3. Đất chưa sử dụng:

Điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt là 474,13 ha, thực hiện được 155,09 ha. Giảm 319,04 ha, đạt 32,71%.

Nguyên nhân do giai đoạn vừa qua, đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng đúng hướng. Tuy nhiên, tại thời điểm thống kê, kiểm kê, một số khu vực diện tích đất thu hồi của các công ty, đơn vị bàn giao về địa phương chưa bố trí cho các mục đích sử dụng, nên thống kê vào đất chưa sử dụng.

1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án

1.2.1. Công trình, dự án đã thực hiện

Giai đoạn 2011 – 2020, huyện đã triển khai thực hiện được 138 công trình, dự án. Danh mục công trình, dự án đã thực hiện như bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 7. Danh mục công trình, dự án đã thực hiện giai đoạn 2015 – 2020

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Hạng mục công trình, dự án đã triển khai thực hiện	Địa điểm	Diện tích	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng doanh trại CBB1	Xã Ia Kla	3,00	2011 - 2015
2	Phòng Trinh sát BP tỉnh (Cửa khẩu Lê Thanh)	Xã Ia Nan	0,1	2011 - 2015
3	Đội N53 Cục Trinh sát biên phòng (Cửa khẩu Lê Thanh)	Xã Ia Nan	0,1	2011 - 2015
4	Đồn biên phòng 721	Xã Ia Dom	4,09	2011 - 2015
5	Nhà Công vụ Đồn BP 721	Xã Ia Nan	0,11	2011 - 2015
6	Kho dịch vụ	Xã Ia Nan	5,3	2011 - 2015
7	Đất kho bảo thuế	Xã Ia Dom	4,4	2011 - 2015
8	Khu doanh nghiệp chế xuất	Xã Ia Dom	6,3	2011 - 2015
9	Kho ngoại quan	Xã Ia Dom	5,53	2011 - 2015
10	Siêu thị, trung tâm thương mại	Xã Ia Dom	1,07	2011 - 2015
11	Mở rộng Tượng đài Liệt sĩ Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty	1,5	2011 - 2015
12	Quốc lộ 14 C	Xã Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Dom	43,16	2011 - 2015

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công trình, dự án đã triển khai thực hiện	Địa điểm	Diện tích	Thời gian thực hiện
13	Bãi đỗ xe khu kinh tế	Xã Ia Dom	2,07	2011 - 2015
14	Bãi đỗ xe chờ nhập cảnh	Xã Ia Nan	1,00	2011 - 2015
15	Bãi đỗ xe chờ xuất cảnh	Xã Ia Dom	1,48	2011 - 2015
16	Buru điện cửa khẩu Lệ Thanh (xã Ia Nan)	Xã Ia Nan	1,3	2011 - 2015
17	Hoa viên cây xanh (Cửa khẩu Lệ Thanh)	Xã Ia Nan	1,33	2011 - 2015
18	Hoa viên cây xanh (Cửa khẩu Lệ Thanh)	Xã Ia Dom	7,37	2011 - 2015
19	Làng nghề truyền thống Ia Dom	Xã Ia Dom	0,3	2011 - 2015
20	Bãi rác huyện	Xã Ia Kiêng	4,8	2011 - 2015
21	Nghĩa địa huyện	Xã Ia Kiêng	34,55	2011 - 2015
22	Đường ĐH1 (Ia Din - Ia Krêl - Ia Dok)	Xã Ia Din, Ia Krêl, Ia Dok	3,5	2011 - 2015
23	Đường ĐH5 (Ia Nan - Ia Pnôn)	Xã Ia Pnôn, Ia Nan	3,25	2011 - 2015
24	Đường ĐH6 (Ia Krel - Ia Dok)	Xã Ia Krêl, xã Ia Dok	2,63	2011 - 2015
25	Buru điện xã	Xã Ia Dom	0,1	2011 - 2015
26	Trạm y tế xã	Xã Ia Nan	0,8	2011 - 2015
27	Xây dựng phòng khám khu vực xã Ia Din	Xã Ia Din	0,38	2011 - 2015
28	Trường cấp III	Xã Ia Din	2,16	2011 - 2015
29	Trường dạy nghề huyện	Thị trấn Chư Ty	3,00	2011 - 2015
30	Trụ sở các thôn làng, tổ dân phố	Các xã, thị trấn	3,00	2011 - 2015
31	Đường dây hạ áp 0,4 Kv (DA nâng cấp, mở rộng lưới điện nông thôn)	Các xã, thị trấn	8,65	2011 - 2015
32	Đường dây trung áp 22kv (DA nâng cấp, mở rộng lưới điện nông thôn)	Các xã, thị trấn	1,6	2011 - 2015
33	Xây dựng các trạm biến áp	Các xã, thị trấn	0,3	2011 - 2015
34	Đường tuyến 2 làng Ó	Xã Ia Nan	0,18	2011 - 2015
35	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Núi	Xã Ia Nan	0,05	2011 - 2015
36	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Chan	Xã Ia Pnôn	0,03	2011 - 2015
37	Mở rộng đường Quy hoạch tuyến 1 đi tuyến 2	Xã Ia Pnôn	0,57	2011 - 2015
38	Trạm Y tế xã	Xã Ia Krêl	0,38	2011 - 2015
39	Sân bóng chuyền đội 2 – Công ty 75	Xã Ia Krêl	0,09	2011 - 2015
40	Mở rộng trụ sở làm việc BHXH huyện	Thị trấn Chư Ty	0,08	2011 - 2015
41	Trường mầm non Bình Minh	Xã Ia Kriêng	0,05	2011 - 2015
42	Đất văn hóa các xã	Các xã, thị trấn	5,92	2011 - 2015
43	Đất giáo dục các xã	Các xã, thị trấn	7,46	2011 - 2015
44	Đường liên xã (đi xã Ia Nan)	Xã Ia Pnôn	3,90	2016
45	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ia Tang	Xã Ia Kla	0,18	2016
46	Mở rộng Hội trường thôn Thanh Tân	Xã Ia Krêl	0,05	2016
47	Hội trường làng Krol	Xã Ia Krêl	0,04	2016
48	Nhà trẻ, mẫu giáo Đội 5 - Công ty 74	Xã Ia Dok	1,00	2016
49	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Phang	Xã Ia Lang	0,20	2016

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công trình, dự án đã triển khai thực hiện	Địa điểm	Diện tích	Thời gian thực hiện
50	Bãi xử lý rác thải	Xã Ia Din	3,00	2016
51	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Krai	Xã Ia Kriêng	0,04	2016
52	Nhà thi đấu thể thao Đội 11-Công ty 75	Xã Ia Kriêng	0,08	2016
53	Nhà trẻ 02 nhóm đội 11- Công ty 75	Xã Ia Kriêng	0,50	2016
54	Hồ chứa nước phục vụ NMCB mủ Công ty 74	Xã Ia Dok	0,81	2016
55	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Le 1	Xã Ia Lang	0,02	2016
56	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Neh 1	Xã Ia Din	0,20	2016
57	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Neh 2	Xã Ia Din	0,20	2016
58	Trường Mầm non Hoa Pơ Lang	Xã Ia Dom	0,50	2016
59	Nhà SH cộng đồng thôn Chư Bô 1	Xã Ia Pnôn	0,03	2016
60	Doanh trại BCH Quân sự huyện	Xã Ia Kriêng	3,10	2016
61	Nhà SH cộng đồng thôn Ia Kênh	Xã Ia Kla	0,09	2016
62	Sân TDTT Trường TH Trần Quốc Tuấn	Xã Ia Krêl	0,40	2016
63	Mở rộng trụ sở làm việc TT dân số - KHHGD	TT Chư Ty	0,08	2016
64	Mở rộng điểm trường Trol Đeng	TT Chư Ty	0,04	2016
65	Sân TDTT Trường THCS Nguyễn Hiền	TT Chư Ty	1,00	2016
66	Mở rộng đường Hai Bà Trưng	TT Chư Ty	0,03	2016
67	Điểm dân cư thôn Thanh Giáo (sau trụ sở Đội 2)	2,50		CLN
68	Hội trường thôn Thống Nhất	Xã Ia Din	0,1	2016
69	Trang trại chăn nuôi bò và Nhà máy phân bón vi sinh, Công ty 74	Xã Ia Kla	2,23	2016
70	Đồn Biên phòng Ia Pnôn (khu căn cứ hậu cần)	Xã Ia Pnôn	5,00	2016
71	Nâng cấp sửa chữa thủy lợi Ia Nan (thủy lợi Ia Sáp)	Xã Ia Nan	0,12	2017
72	Trụ sở Huyện ủy	TT Chư Ty	0,30	2017
73	Trường THCS Dân tộc nội trú huyện	TDP 6, TT Chư Ty	2,40	2017
74	Nhà thi đấu đa năng huyện	TT Chư Ty	1,40	2017
75	Trường TH Đinh Núp	Xã Ia Krêl	1,00	2017
76	Mở rộng Trường Mầm non Vàng Anh	Làng Bua, xã Ia Pnôn	0,04	2017
77	Trường Mầm non Hoa Cúc (Điểm trường làng Tung)	Làng Tung, xã Ia Nan	0,50	2017
78	Nghĩa địa làng Blang	Ia Din	1,00	2017
79	Nghĩa địa thôn Ia Kênh, Ia Tang	Thôn Ia Kênh, xã Ia Kla	2,00	2017
80	Chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Chi hội tin lành Plei Yit để xây dựng cơ sở thờ tự	Làng Yit Rông 2, xã Ia Din	0,10	2017
81	Nghĩa địa làng Nêh, làng Al Gôn	xã Ia Din	0,50	2017
82	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực xã	Xã Ia Nan	3,00	2018
83	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	Các xã: Ia Din, Ia Dok và Ia Kla	1,31	2018

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công trình, dự án đã triển khai thực hiện	Địa điểm	Diện tích	Thời gian thực hiện
84	Đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Chư Ty (mường thoát nước)	TT Chư Ty	0,01	2018
85	Mở rộng Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Siu Blêh	Xã Ia Lang	0,17	2018
86	Trạm y tế xã	Xã Ia Kriêng	0,20	2018
87	Khu giết mổ tập trung TT Chư Ty	TDP 3, TT Chư Ty	0,46	2018
88	Trạm y tế xã	Làng Dok Ngol, xã Ia Dok	0,15	2018
89	Trường Mầm non 17/3	Làng Đơ, xã Ia Dok	1,20	2018
90	Bia Di tích lịch sử cụm Chư Bô - Đức Cơ	Thôn Chư Bô, xã Ia Pnôn	0,06	2018
91	Đường giao thông nội làng Ngo Rông	Xã Ia Krêl	0,37	2018
92	Mở rộng đường Nguyễn Thái Học	TT Chư Ty	0,05	2018
93	Chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Giáo họ Chư Ty (thuộc Giáo xứ Plei Rơ Ngol Khóp) để xây dựng cơ sở thờ tự	TT Chư Ty	0,44	2018
94	Trụ sở Đội 9 - Công ty TNHH MTV 74	Xã Ia Dok	1,10	2018
95	Thao trường tổng hợp Chư Bô	Thôn Chư Bô, xã Ia Kla	27,30	2019
96	Trường bắn, thao trường huấn luyện của Sư đoàn BBDBĐV 15 - Binh đoàn 15	Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	0,49	2019
97	Thao trường Đội 2/Công ty TNHH MTV 72	Thôn Ia Mút, xã Ia Dom	0,72	2019
98	Đường liên huyện Chư Păh - Ia Grai - Đức Cơ - Chư Prông, tỉnh Gia Lai.	Các xã: Ia Kriêng, Ia Dok, Ia Kla, và thị trấn Chư Ty.	77,53	2019
99	Đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla	Thị trấn Chư Ty	5,16	2019
100	Nghĩa địa chung xã	Làng Ba, xã Ia Pnôn	2,00	2019
101	Đường giao thông làng Chan - làng Ba	Làng Chan - Làng Ba, xã Ia Pnôn	0,22	2019
102	Đường giao thông làng Bua	Làng Bua - Làng Ba, xã Ia Pnôn	0,20	2019
103	Mở rộng trường TH Chu Văn An	Thôn Chư Bô 2. xã Ia Kla	1,02	2019
104	Sân chơi, bãi tập trường THCS Nguyễn Du	Thôn Chư Bô 2. xã Ia Kla	0,65	2019
105	Mở rộng trường MN Tuổi Thơ	Thôn Thống Nhất, xã Ia Din	0,20	2019
106	Nghĩa địa làng Neh 1	Làng Neh 1, xã Ia Din	0,50	2019
107	Tiểu dự án giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện tỉnh Gia Lai	Xã Ia Din, Ia Krêl và Ia Kriêng	2,15	2019
108	Mở rộng Hội trường tổ dân phố 1	Thị trấn Chư Ty	0,06	2019
109	Nghĩa địa làng Ngol rông, xã Ia Krêl	Làng Ngol rông, xã Ia Krêl	0,70	2019

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công trình, dự án đã triển khai thực hiện	Địa điểm	Diện tích	Thời gian thực hiện
110	Đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla (Giai đoạn 1 và 2)	Thị trấn Chư Ty	11,03	2020
111	Trụ sở Đảng ủy HĐND - UBND thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	5,50	2020
112	Đường tuyến 2 (đoạn từ trường Nguyễn Hiền đến Công an huyện)	Thị trấn Chư Ty	1,50	2020
113	Nhà văn hóa xã	Làng Ấp, xã Ia Kriêng	0,30	2020
114	Trạm biến áp 110kV Ia Grai và nhánh rẽ	Xã Ia Dok, Ia Kla và TT Chư Ty	0,29	2020
115	Nhà BCH, nhà trẻ - mẫu giáo Đội 1, Công ty TNHH MTV 72	Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty	0,53	2020
116	Nhà BCH, nhà trẻ - mẫu giáo Đội 21, Công ty TNHH MTV 72	Quốc lộ 14C, xã Ia Dom	1,37	2020
117	Khu phức hợp nhà hàng tiệc cưới - Karaoke - Coffee	Tổ dân phố 4, TT Chư Ty	1,22	2020
118	Lô cốt cốt thủ	Thôn Đức Hưng, xã Ia Nan	0,30	ĐCQHSDĐ
119	Lô cốt cốt thủ	Làng Tiêl, xã Ia Pnôn	1,50	ĐCQHSDĐ
120	Xây dựng lô cốt 1A (03 điểm)	Xã Ia Dom	0,03	ĐCQHSDĐ
121	Thao trường huấn luyện kỹ thuật bộ binh của Đoàn Biên phòng 719	Xã Ia Dom	3,95	ĐCQHSDĐ
122	Dự án Nhà máy thủy điện Ia Krêl 1	Xã Ia Dom	68,43	
124	Trung tâm thể dục thể thao huyện	Thị trấn Chư Ty	5,00	ĐCQHSDĐ
125	Nhà trẻ Đội 6/Công ty TNHH MTV TCT 15 - CN Công ty 75	Tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty	0,22	
126	Hội trường thôn Đồng Tâm 2, xã Ia Din	Thôn Đồng Tâm 2, xã Ia Din	0,10	ĐCQHSDĐ
127	Nhà làm việc Liên cơ quan	Thị trấn Chư Ty	1,00	ĐCQHSDĐ
128	Khu dân cư làng Dok Ngol	Làng Dok Ngol (gần cổng chào), xã Ia Dok	5,50	2020
129	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mook Đen 1, xã Ia Dom	Thôn Mook Đen 1, xã Ia Dom	0,05	
130	Nghĩa địa làng Núi, xã Ia Nan	Làng Núi, xã Ia Nan	1,00	ĐCQHSDĐ
131	Nghĩa địa làng Tung, xã Ia Nan	Làng Tung, xã Ia Nan	1,00	ĐCQHSDĐ
132	Dự án hoàn thiện, chống quá tải lưới điện khu vực Chư Prông, Đức Cơ năm 2019	Các xã, Thị trấn	0,02	
133	Đường liên thôn làng Chan - làng Ba	Xã Ia Pnôn	0,06	
134	Tiểu dự án năng lượng điện	Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din	1,00	
135	Trường MN 18/4 (Công ty TNHH MTV 72)	TDP 7, TT Chư Ty	1,50	

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công trình, dự án đã triển khai thực hiện	Địa điểm	Diện tích	Thời gian thực hiện
136	Trường MN Hoa Hồng (Công ty TNHH MTV 74)	Thôn Ia Tang, xã Ia Kla	2,00	
137	Cơ sở thờ tự của Giáo họ Làng Ba (thuộc Giáo xứ Plei Rơ Ngol Khóp)	Làng Ba, xã Ia Pnôn	0,10	
138	Cơ sở thờ tự của Giáo họ Đồng Tâm (thuộc Giáo xứ Plei Rơ Ngol Khóp)	Thôn Đồng Tâm 1, xã Ia Din	0,22	

1.2.2. Công trình, dự án không còn phù hợp, loại bỏ

Sau khi rà soát cập nhật quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, có 50 công trình, dự án đề xuất trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 đến nay chưa triển khai thực hiện, không còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; nên không cập nhật vào quy hoạch thời kỳ mới. Danh mục công trình, dự án chưa triển khai thực hiện, không còn phù hợp sẽ đưa ra quy hoạch, kế hoạch thời kỳ 2021 – 2030 như bảng tổng hợp sau đây:

Bảng 8. Danh mục công trình, dự án chưa triển khai, không còn phù hợp

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Hạng mục công, dự án không còn phù hợp	Địa điểm	Diện tích
1	Nhà máy sản xuất đồ gia dụng từ nhựa	Xã Ia Dom	1,92
2	Nhà máy sản xuất chế biến sâu các sản phẩm từ mùn cao su	Xã Ia Dom	1,82
3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân bón vô cơ	Xã Ia Dom	2,00
4	Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Lệ Kim	Xã Ia Đơk	0,70
5	Khu văn hoá, thể thao chung của xã	Xã Ia Kla	1,50
6	Lô cốt độc lập	Thôn Đức Hưng, xã Ia Nan	0,01
7	Dự án lưới điện hiệu quả tại các thành phố vừa và nhỏ	Thị trấn Chư Ty	0,03
8	Nhà máy chế biến nông, lâm sản công nghệ cao của Công ty cổ phần Thủy Cường VTC	Xã Ia Dom	13,50
9	Hệ thống nước sinh hoạt thị trấn	Thị trấn Chư Ty	0,10
10	Nhà văn hóa xã	Thôn Thống Nhất, xã Ia Din	0,20
11	Tiểu dự án năng lượng điện	Thôn Quyết Thắng, xã Ia Din	1,00
12	Giao đất xây dựng Trụ sở Đội thuế số 2	Tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty	0,01
13	Nhà Văn hóa xã	Làng Le 1, xã Ia Lang	0,30
14	Mở rộng Hội trường TDP 4	Thị trấn Chư Ty	0,07
15	Mở rộng Hội trường TDP 5	Thị trấn Chư Ty	0,12
16	Mở rộng Hội trường TDP 7	Thị trấn Chư Ty	0,12
17	Quy hoạch khu dân cư, chợ, bến xe xã	Làng Chan (khu vực từ	5,00

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công, dự án không còn phù hợp	Địa điểm	Diện tích
		cổng chào đi đội 19), xã Ia Pnôn	
18	Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	Xã Ia Dom	1,86
19	Nhà máy chế biến cà phê hòa tan và cà phê bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình UTZ, 4C, VietGap)	Xã Ia Dom	1,86
20	Nhà máy chế biến tiêu hạt và tiêu bột (nguyên liệu đầu vào được sản xuất theo quy trình VietGap)	Xã Ia Dom	1,86
21	Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su và gỗ tự nhiên	Xã Ia Dom	1,51
22	Nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật bằng công nghệ sinh học	Xã Ia Dom	2,00
23	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch bê tông khí chưng áp, gạch bê tông bọt	Xã Ia Dom	2,21
24	Nhà máy xử lý rác thải	Xã Ia Dom	3,00
25	Hợp tác xã nông nghiệp xã	Làng Le 2 (khu vực đội 14), xã Ia Lang	2,00
26	Đường giao thông làng Nuk	Làng Nuk, xã Ia Kriêng	0,10
27	Khu dân cư làng Ia Krêl	Làng Krêl, xã Ia Krêl	1,30
28	Bệnh xá/Công ty 75	Xã Ia Krêl	0,02
29	Trụ sở BCH Đại đội 6/Công ty 75	Xã Ia Krêl	0,57
30	Thao trường/Công ty 74	Xã Ia Đơk	0,69
31	Nhà công vụ Đội 2/Công ty 75	Xã Ia Krêl	0,06
32	Nhà công vụ Đội 5/Công ty 75	Xã Ia Din	0,04
33	Nhà công vụ Đội 6/Công ty 75	Xã Ia Krêl	0,02
34	Nhà công vụ Đội 2/Công ty 72	Xã Ia Dom	0,02
35	Nhà công vụ Đội 3/Công ty 72	Xã Ia Nan	0,18
36	Nhà Văn hoá Đội 6/Công ty 72	Xã Ia Nan	0,89
37	Nhà Văn hoá Đội 702/Công ty 72	Xã Ia Nan	0,82
38	Nhà Công vụ Đội 9/Công ty 72	Xã Ia Nan	0,14
39	Nhà Văn hoá 701/Công ty 72	Xã Ia Kla	0,88
40	Nông trường 703A/Công ty 74	Xã Ia Nan	1,55
41	Trụ sở BCH Đội 5/Công ty 74	Xã Ia Kla	0,14
42	Trụ Công vụ Đội 5 cũ/ Công ty 75	Xã Ia Din	0,13
43	Đất doanh trại Đại đội Bộ binh 1	Xã Ia Kla	3,52
44	Khu vực tiếp nhận lực lượng dự bị động viên	Làng Lung, xã Ia Kriêng	2,00
45	Mở rộng Trụ sở UBND xã Ia Nan	Xã Ia Nan	0,90
46	Mở rộng Trụ sở UBND xã Ia Đơk	Xã Ia Đơk	0,90
47	Mở rộng Trụ sở UBND xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	0,90
48	Mở rộng Trụ sở UBND xã Ia Krêl	Xã Ia Krêl	0,92
49	Mở rộng Trụ sở UBND xã Ia Din	Xã Ia Din	0,85
50	Nhà ở xã hội	Đường Anh Hùng Núp,	6,88

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục công, dự án không còn phù hợp	Địa điểm	Diện tích
		thị trấn Chư Ty	

1.2.3. Công trình, dự án còn phù hợp, chuyển tiếp sang quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030

Các công trình, dự án trong điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 đang triển khai thực hiện; công trình, dự án chưa triển khai còn nhu cầu sử dụng đất và còn phù hợp với địa phương sẽ chuyển tiếp sang quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 về kế hoạch sử dụng đất năm đầu của kỳ quy hoạch để tiếp tục thực hiện, các công trình, dự án sau đây:

Bảng 9. Danh mục công trình, dự án còn phù hợp, chuyển tiếp sang quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Địa điểm cấp xã
1	2	3	4
1	Xây dựng kho đạn	1,50	Thôn Chư Bô 2, xã Ia Kla
2	Trụ sở phòng cháy chữa cháy khu vực	5,00	Thị trấn Chư Ty
3	Nghĩa địa làng Lang + làng Mới + làng Dok Ngol, xã Ia Dok	2,00	Làng Mới, xã Ia Dok
4	Nghĩa địa làng Poong, xã Ia Dok	1,00	Làng Boong, xã Ia Dok (thuộc địa giới hành chính xã Ia Krêl)
5	Khu dân cư Đội 17	1,10	Thôn Ia Mút, xã Dom
6	Khu dân cư thôn Ia Mút	1,90	Thôn Ia Mút, xã Ia Dom
7	Thủy điện Ia Krêl 2	73,50	Xã Ia Dom
8	Thủy lợi Ia Lang	4,70	Làng Phang, xã Ia Lang
9	Thủy lợi Ia Kriêng (xã Ia Krêl)	2,50	Làng Ngo Le, xã Ia Krêl
10	Thủy lợi Ia Kriêng Net, xã Ia Pnôn	4,30	Làng Bua, xã Ia Pnôn
11	Thủy lợi Ia Tang, xã Ia Kla	4,20	Thôn Ia Tang, xã Ia Kla
12	Thủy lợi Ia Krai, xã Ia Kriêng	3,30	Làng Ga, xã Ia Kriêng
13	Thủy lợi Ia Păng, xã Ia Krêl	2,50	Làng Khóp, xã Ia Krêl
14	Trụ sở Nhà điều hành Công ty 72	5,50	Làng Ó, xã Ia Dom
15	Mở rộng Nhà BCH Đội 1, Nhà thi đấu thể thao Đội 1 Công ty 75	0,83	Xã Ia Krêl
16	Nhà thi đấu thể thao Đội 4, Công ty 75	0,08	Xã Ia Kriêng
17	Nhà trẻ 02 nhóm Đội 4, Công ty 75	0,50	Xã Ia Kriêng

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Địa điểm cấp xã
18	Nhà trẻ, nhà mẫu giáo Đội 10, Công ty 72	0,80	Thôn Ia Kle, xã Ia Nan
19	Nhà BCH Đội 711, Công ty 72	1,80	Làng Chan, xã Ia Pnôn
20	Giếng nước sạch tại tổ dân phố 7	0,05	Thị trấn Chư Ty.
21	Giếng nước sạch tại tổ dân phố 5	0,04	Thị trấn Chư Ty
22	Nghĩa địa chung xã Ia Dom	5,00	Làng Mook Trêl, xã Ia Dom
23	Bãi xử lý rác thải xã Ia Nan	3,00	Làng Bì, xã Ia Nan
24	Mở rộng Trụ sở UBND xã Ia Dom	0,12	Xã Ia Ia Dom
25	Bãi xử lý rác thải xã Ia Krêl	3,00	Xã Ia Krêl
26	Bãi xử lý rác thải xã Ia Lang	3,00	Xã Ia Lang
27	Mở rộng Kho bạc nhà nước huyện	0,08	Thị trấn Chư Ty
28	Khu vui chơi thể dục thể thao xã Ia Pnôn.	1,60	Làng Chan, xã Ia Pnôn.
29	Khu thương mại dịch vụ - thị trấn Chư Ty	2,60	Tổ dân phố 6, thị trấn Chư Ty (gần đội 1 Công ty 72)
30	Khu giết mổ tập trung xã Ia Dok	1,00	Xã Ia Dok
31	Khu chăn nuôi tập trung xã Ia Dok	5,00	Xã Ia Dok
32	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	1,00	Xã Ia Nan
33	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	19,00	Xã Ia Dom
34	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	1,00	Xã Ia Kla
35	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	1,00	Xã Ia Dok
36	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	2,00	Xã Ia Kriêng
37	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	2,00	Xã Ia Krêl
38	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	1,00	Xã Ia Din
39	Điểm thu mua mủ cao su tập trung	1,00	Xã Ia Lang
	Quy hoạch phát triển các điểm dân cư mới để đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất		
	Thị trấn Chư Ty	60,17	
40	Điểm dân cư tổ dân phố 5	4,60	TDP 5, TT Chư Ty
41	Điểm dân cư tổ dân phố 7 (đường Phan Bội Châu)	3,16	TDP 7, TT Chư Ty
42	Điểm dân cư tổ dân phố 7 (giáp phía tây công an huyện)	5,52	TDP 7, TT Chư Ty
43	Khu Trung tâm TĐTT và khu dân cư tổ dân phố 1 (khu vực Trường TH Nguyễn Văn Trỗi)	12,43	TDP 6, TT Chư Ty
44	Điểm dân cư đường Anh Hùng Núp	6,88	TDP 6, TT Chư Ty
45	Khu Trung tâm TĐTT và khu dân cư tổ dân phố 1 (khu vực Trường TH Nguyễn Văn Trỗi)	26,40	TDP 1, TT Chư Ty

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Địa điểm cấp xã
	Xã Ia Din	6,17	
46	Điểm dân cư làng Yít Tú (từ Đội thuế số 1 đến khu dân cư làng Yít rông)	2,29	Xã Ia Din
47	Điểm dân cư thôn Quyết Thắng (phía sau Khu dân cư hiện trạng Quốc lộ 19)	1,30	Xã Ia Din
48	Điểm dân cư làng Neh 2 (đoạn từ ngã ba đi cầu C4)	2,58	Xã Ia Din
	Xã Ia Dom	13,52	
49	Điểm dân cư thôn Ia Mút (Đội 17)	1,10	Xã Ia Dom
	Xã Ia Nan	3,37	
50	Điểm dân cư thôn Ia Tum (ngã tư cầu bà trí)	0,60	Thôn Ia Tum, xã Ia Nan
51	Điểm dân cư Quốc lộ 19, thôn Ia Mút (giáp Hội trường thôn)	2,77	Thôn Ia Mút, xã Ia Nan
	Xã Ia Krêl	17,16	
52	Điểm dân cư thôn Thanh Tân	14,28	Quốc lộ 19, Thôn Thanh Tân, xã Ia Krêl
53	Điểm dân cư làng Ngo Le	0,38	Làng Ngo Le, xã Ia Krêl
	Xã Ia Kriêng	13,91	
54	Điểm dân cư thôn Ia Kăm (gần Hội trường thôn)	6,41	Quốc lộ 19, Thôn Ia Kăm, xã Ia Kriêng
55	Điểm dân cư thôn Ia Lâm (đối diện UBND xã Ia Krêl)	6,20	Thôn Ia Lâm, xã Ia Kriêng
56	Điểm dân cư thôn Ia Lâm (gần QLTT)	1,30	Quốc lộ 19, Thôn Ia Lâm, xã Ia Kriêng
57	Trạm Kiểm soát K3 (Đồn BP Ia Nan)	0,35	Xã Ia Nan
58	Giao đất ở cho công nhân Đội 20, 21 - Công ty TNHH MTV 72	7,50	Khu vực Quốc lộ 14C, xã Ia Dom
59	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Ấp	0,30	Xã Ia Kriêng
60	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực xã Ia Dom	3,00	Làng Bi, xã Ia Dom (thuộc địa giới hành chính xã Ia Nan)
61	Bãi xử lý rác thải xã	2,00	Làng Dok Lăh, xã Ia Dok
62	Khu chăn nuôi, thu mua mủ và giết mổ tập trung	6,00	Xã Ia Pnôn
63	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên xã, các trục đường liên thôn tại các làng	50,00	Xã Ia Lang
64	Khu vui chơi TDTT của xã Ia Lang	1,30	Xã Ia Lang
65	Khu vui chơi thể dục thể thao xã Ia Din (Hồ C5)	1,50	Xã Ia Din
66	Khu vui chơi xã Ia Kriêng	0,23	Xã Ia Kriêng
67	Khu vui chơi thể dục thể thao xã Ia Pnôn	1,60	Xã Ia Pnôn

2. Diện tích đất chuyển mục đích sử dụng trong kỳ quy hoạch

Theo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đức Cơ được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/6/2019;

Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch như sau:

- Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp: 837,15 ha, thực hiện 547,07 ha. Trong đó:

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp: 40,24 ha, thực hiện được 27,84 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang phi nông nghiệp: 792,09 ha trên địa các xã, thị trấn; thực hiện được 514,41 ha.

+ Đất rừng sản xuất: 4,82 ha, đã thực hiện hết chỉ tiêu trên địa bàn xã Ia Pnôn.

Nguyên nhân chưa thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất được so với chỉ tiêu là do các dự án cần có sử dụng đất cây lâu năm, cây hàng năm cần chuyển mục đích ngừng triển khai, chưa triển khai, một số dự án đang triển khai. Đối với diện tích đất đăng ký chuyển đổi mục đích sang các loại đất khác của hộ gia đình, cá nhân (chủ yếu là sang đất ở) thì nhân dân chưa thực hiện chuyển mục đích; các khu/cụm dân cư chưa thanh lý được cao su.

(Trong đó: mục đích quốc phòng: 83,58 ha, thương mại dịch vụ: 32,96 ha; sản xuất phi nông nghiệp 20,73 ha; bãi thải, xử lý rác 25,52 ha; phát triển hạ tầng 398,61 ha, đất ở nông thôn 142,35 ha, nghĩa trang nghĩa địa 28,34 ha,.. một phần diện tích nằm trong khu vực quy hoạch rừng (cây lâu năm dự kiến chuyển sang rừng) nhưng chưa thực hiện được.

- Đối với các dự án cần thu hồi đất: do việc thu hồi đất còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là bố trí nguồn vốn để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án phát triển hạ tầng; các khu dân cư được quy hoạch theo quy hoạch nông thôn mới chưa thực hiện được vì phải thực hiện đền bù, thu hồi đất.

- Đối với các dự án giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: các dự án chưa hoàn tất được thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; trong kỳ quy hoạch các dự án sử dụng đất phục vụ cộng đồng được triển khai thực hiện tương đối nhiều, còn các dự án sử dụng đất cần chuyển mục đích sử dụng khó khăn trong việc kêu gọi thu hút đầu tư vào các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp. Việc chuyển mục đích của các dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp không thực hiện được khi các nhà đầu tư ngừng triển khai hoặc chuyển hướng sản xuất kinh doanh.

3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch

Theo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đức Cơ được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/6/2019;

- Điều chỉnh quy hoạch được phê duyệt đưa đất chưa sử dụng vào cho mục đích phi nông nghiệp là 40 ha, thực hiện 38,80. Trong đó:

- + Đất thương mại – dịch vụ: 2,95 ha; đã thực hiện 1,75 ha.
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 2 ha; đã thực hiện 2 ha.
- + Đất phát triển hạ tầng: 11,65 ha; đã thực hiện được 11,65 ha.
- + Đất ở tại nông thôn: 19,67 ha; đã thực hiện 19,67 ha.
- + Đất ở tại đô thị: 0,30 ha; đã thực hiện 0,30 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,38 ha; đã thực hiện;
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,47 ha; đã thực hiện 0,47 ha.
- + Đất sản xuất vật liệu, làm đồ gốm (khoáng sản): 2 ha; đã thực hiện 2 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,96 ha, thực hiện được 0,96 ha;

- Chỉ tiêu đất chưa sử dụng theo điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 là 474,13 ha, thực hiện năm 2020 là 155,09 ha.

Như vậy, trong kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 việc đưa đất chưa sử dụng vào cho các mục đích phi nông nghiệp vượt so với chỉ tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do việc khai thác đất đai tại một số khu vực đã không được kiểm soát tốt; mặt khác là do tiêu chí về thống kê, kiểm kê trong giai đoạn 2010 – 2014 – 2019 có quy định khác nhau nên các chỉ tiêu có chênh lệch.

*Các dự án cần chuyển mục đích sử dụng đất, và đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đã hoàn thành, dự án ngừng triển khai, dự án đang triển khai được chuyển tiếp thực hiện như **Bảng 8, Bảng 9** tại Báo cáo này.

4. Những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

4.1. Những mặt được:

- Công tác quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực cho việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã trở thành một trong những căn cứ pháp lý quan trọng để Nhà nước thực hiện quyền định đoạt của mình về đất đai (thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, điều tiết thị trường đất đai...).

- Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được quan tâm chú trọng. Trong những năm vừa qua huyện đã đầu tư kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch theo quy định của Luật Đất đai 2013.

- Đáp ứng được nhu cầu sử dụng đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng; làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn huyện. Nhìn chung các dự án đầu tư đã được tính giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cơ bản phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020

của huyện hoặc phù hợp với quy hoạch của các Sở, ban, ngành tỉnh đã được phê duyệt và hầu hết đều đảm bảo tiến độ, sử dụng đất có hiệu quả.

- Việc quản lý và bảo vệ đất trồng lúa được thực hiện tốt, huyện đã quy hoạch các khu sản xuất lúa tập trung, xác định ranh giới đất lúa cần phải bảo vệ nghiêm ngặt để đầu tư cải tạo hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất, gia tăng năng suất, chất lượng sản phẩm lúa hàng hóa, đồng thời UBND tỉnh cũng đã có nhiều giải pháp như: thu mua tạm trữ để nâng cao giá lúa, bình ổn giá phân bón, vật tư nông nghiệp đảm bảo người trồng lúa có lãi nên kết quả thực hiện bảo vệ đất trồng lúa đạt cao hơn so với kế hoạch được phê duyệt.

- Sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã công bố công khai toàn bộ tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt tại trụ sở, đồng thời tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch đối với các khu đất đã được thu hồi đất, giao đất trên địa bàn.

4.2. Những tồn tại:

Sau thời gian triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015 – 2020 còn một số tồn tại như sau:

- Công tác dự báo chưa sát nhu cầu thực tiễn; một số công trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương phát sinh sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên không có căn cứ thực hiện giao đất, cho thuê đất; ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của huyện. Quy mô, vị trí sử dụng đất của một số công trình, dự án còn chưa chính xác do thay đổi nhu cầu sử dụng đất của ngành, lĩnh vực và nhu cầu của các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Vốn đầu tư thực hiện một số dự án có sử dụng đất đã được xác định trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn hạn hẹp dẫn đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa cao. Việc chấp hành quy hoạch sử dụng đất của một số ngành, địa phương chưa được quan tâm đúng mức.

- Kết quả thực hiện chuyển mục đích từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đạt rất thấp so với chỉ tiêu quy hoạch kế hoạch được duyệt, đất phi nông nghiệp thực hiện chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

4.3. Nguyên nhân của tồn tại:

- Chính sách đất đai và cơ chế đầu tư có sự thay đổi, nhưng văn bản hướng dẫn và sự phối hợp của các ngành trong việc tổ chức thực hiện chưa đồng bộ. Giá đất biến động cao ảnh hưởng phần nào đến tiến độ thực thi các dự án (đặc biệt ảnh hưởng đến công tác đền bù, hỗ trợ để thu hồi đất xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật).

- Sự phối hợp giữa các ban, ngành và các địa phương trong công tác lập và thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhìn chung chưa tốt. Quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch các ngành khác chưa thực sự gắn kết. Phần lớn các ngành còn lúng túng trong

việc gắn kết giữa kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch phát triển các ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn cho xây dựng hạ tầng và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện. Tình trạng hạn hán, mất mùa trên địa bàn ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân, nên việc chuyển mục đích sử dụng đất của người dân gặp nhiều khó khăn. Nhất là trong bối cảnh thiên tai, dịch bệnh hành hoành khắp nơi trong giai đoạn vừa qua, đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng từ hậu quả của dịch bệnh Covid năm 2019 đến nay.

- Thu hút đầu tư lĩnh vực công nghiệp, thương mại dịch vụ tại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh chưa đạt hiệu quả tương xứng tiềm năng, chưa phát huy được vai trò động lực của vùng cửa khẩu biên giới.

- Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt ở các cấp chưa được thường xuyên và chặt chẽ. Những bất cập trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch chưa được phát hiện và xử lý kịp thời.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân và các cấp còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Công tác quy hoạch sử dụng đất nói chung và kế hoạch sử dụng đất nói riêng chưa tính hết khả năng về tài chính bởi phụ thuộc vào nhu cầu và khả năng đầu tư của xã hội và Nhà nước; hầu như chưa có dự án tiền khả thi nên nhiều dự án đã phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Thực trạng về tình hình kinh tế - xã hội của địa phương trong năm qua còn nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách thấp nên việc cân đối kinh phí để đầu tư xây dựng các công trình trong năm kế hoạch còn hạn chế, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất. Bên cạnh đó hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của các loại hình sử dụng đất còn thấp so với tiềm năng, nhất là ở các xã có làng đồng bào dân tộc thiểu số. Một số hạng mục trong quy hoạch, kế hoạch chưa triển khai được chủ yếu là các hạng mục theo quy hoạch nông thôn mới do các xã không còn quỹ đất công ích mà chủ yếu thu hồi đất nên thiếu kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất an ninh - quốc phòng, một số công trình cấp tỉnh là công trình dự án quản lý riêng biệt theo ngành nên chưa có được sự đồng nhất; do vậy, làm ảnh hưởng đến tiến độ chung.

5. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện kỳ điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2020, có thể rút ra một số bài học

kinh nghiệm cho quy hoạch đến năm 2030 và lập kế hoạch sử dụng đất năm đầu kỳ quy hoạch sử dụng đất của huyện như sau:

- Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các đơn vị trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch cần được coi trọng và tiên hành thường xuyên. Quản lý chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch, không để tình trạng tự phát chuyển mục đích sử dụng đất xảy ra làm rối loạn tình hình sử dụng đất và tác động xấu đến môi trường.

- Nâng cao năng lực của cán bộ, công chức chuyên môn nhằm củng cố, kiện toàn về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm trong công tác.

- Gắn chặt chẽ phương hướng, các chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới với thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Cần làm tốt công tác dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và nhiệm kỳ; định hướng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi sát thực tế. Thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài vào phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn vay để đạt hiệu quả hơn.

IV. TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

1. Tiềm năng đất đai cho lĩnh vực nông nghiệp

Quá trình sản xuất nông nghiệp liên quan chặt chẽ với các yếu tố tự nhiên như đặc điểm thổ nhưỡng, tính chất nông hóa của đất và khí hậu... Ngoài ra hiệu quả đem lại từ sản xuất của việc bố trí hợp lý cây trồng, vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu sản xuất, mùa vụ... tạo ra các vùng chuyên canh sản xuất nhằm tạo sản phẩm hàng hóa và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến còn phụ thuộc nhiều vào các điều kiện khác như khả năng tưới tiêu, địa hình, vốn đầu tư, lao động cũng như các yếu tố thị trường và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

Qua nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp của huyện, có thể hình thành các vùng sản xuất cơ bản như sau:

- **Vùng 1:** đất chuyên trồng lúa hiện có 728,52 ha, trong đó vùng chuyên trồng lúa nước hiện nay có diện tích 519,32 ha. Đây là các khu vực có khả năng chủ động được tưới tiêu, có độ phì nhiêu, địa hình không quá dốc.

Trong giai đoạn sắp tới, tiếp tục ổn định diện tích canh tác lúa nước 2 vụ, chuyển dần diện tích lúa rẫy sang trồng các loại cây hoa màu khác có khả năng chịu hạn, có giá trị kinh tế cao hơn, tăng cường sử dụng các loại giống lúa chất lượng (giống xác nhận, lúa lai) để đáp ứng nhu cầu và bảo đảm sự cạnh tranh trên thị trường. Bố trí đất lúa trên vùng đất tốt, địa hình bằng thấp, phát huy năng lực tưới của các công trình thủy lợi, hệ thống mặt nước chuyên dùng. Vùng này mức thích hợp cao hơn tại xã Ia Dok, xã Ia Din, xã Ia Krêl xã Ia Lang, ở các xã còn lại có mức thích hợp thấp.

- **Vùng 2:** trồng cây hàng năm, hiện nay đất trồng cây hàng năm toàn huyện có diện tích 3.064,02 ha. Địa hình vùng này là yếu tố quan trọng, các khu vực có độ dốc quá lớn không có tiềm năng phát triển cây hàng năm. Vùng trồng cây hàng năm thích hợp với nhiều loại cây trồng, rất thích hợp với các loại cây màu như các loại đậu, khoai lang, rau màu... có khả năng tăng vụ lớn. Vùng này nếu trồng lúa có thể luân canh với một số loại cây trồng cạn khác. Vùng này mức thích hợp cao hơn tại xã Ia Dom, xã Ia Kla, xã Ia Kriêng.

- **Vùng 3:** rất thích hợp trồng cây lâu năm, loại cây chính là cây cà phê, tiêu, cao su, gần đây được phát triển thêm cây dược liệu, hiện nay toàn huyện có 58.997,56 ha diện tích đất trồng cây lâu năm, chiếm 81,73% tổng diện tích tự nhiên. Các khu vực có tiềm năng phát triển cây lâu năm cần phải có tầng dày đủ, độ dốc không quá lớn và phải đảm bảo các yếu tố kinh tế, xã hội và môi trường. Đặc biệt đối với khu vực trồng cây công nghiệp cần có điều kiện chủ động tưới tiêu.

Với lợi thế về đất đai, địa hình, khí hậu, cây trồng nông nghiệp trở thành cây chủ lực của các xã, được phân bố rộng khắp trên toàn huyện. Chủ yếu là các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, tiêu, điều, và các loại cây ăn trái ... gần đây được phát triển thêm các loại cây dược liệu như cây đinh lăng, xả, ... Bên cạnh đó huyện còn triển khai cho các địa phương khuyến khích, đầu tư trồng cây phân tán như keo lai, bời lời, sao xanh tại các thôn, làng, tại khuôn viên các trường học. Với lợi thế về thổ nhưỡng, điều kiện địa hình, khí hậu, ... diện tích đất cây trồng lâu năm trong những năm gần đây đã tăng lên nhanh chóng, tạo ra khối lượng lớn cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế của huyện và của tỉnh, nâng cao đời sống của nhân dân.

Vùng chuyên canh cây công nghiệp phân bố ở tất cả các xã, tập trung nhiều nhất là các xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Pnôn, xã Ia Nan (phát triển cây cao su) ..., các xã thị trấn còn lại phát triển ở mức trung bình cho các loại cây cao su, tiêu, điều, cà phê, dược liệu... Những vùng này, trong tương lai cần bám sát đảm bảo theo đúng quy hoạch, tập trung chú trọng về chất lượng, không phát triển chạy theo số lượng;

Với tiềm năng như trên, cần thiết có sự năng động, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ trong quá trình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

- **Vùng 4:** phát triển lâm nghiệp. Hiện nay huyện Đức Cơ có 4.422,95 ha diện tích đất lâm nghiệp, chiếm 6,13% tổng diện tích tự nhiên, phân bố chủ yếu trên địa bàn xã Ia Dom và Ia Pnôn, còn lại phân bố trên địa bàn xã Ia Kriêng, Ia Din, Ia Lang, Ia Nan. Diện tích này cần có các biện pháp mạnh tay nhằm duy trì và nâng cao độ che phủ của thảm xanh tự nhiên hiện có.

2. Tiềm năng đất đai cho lĩnh vực phi nông nghiệp

2.1. Tiềm năng đất đai cho phát triển công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:

Có vị trí giao thương vùng biên giới phía Tây tỉnh Gia Lai, tuy nhiên nguồn nguyên liệu, vật liệu và thị trường chủ yếu là các loại gỗ và chế phẩm gỗ. Ngoài ra là các mặt hàng nông sản có giá trị cao như cà phê, tiêu, điều, nên quỹ đất dành cho

phát triển công nghiệp, dịch vụ có tiềm năng. Thực hiện chính sách đầu tư phát triển kinh tế của vùng, của tỉnh, căn cứ vào các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện, có thể phân ra thành các khu vực sau:

2.2.1. Đối với khu vực nông thôn:

Tổ chức cơ sở vật chất là mạng lưới chợ dân sinh do xã hoặc hợp tác xã quản lý. Kinh doanh tại khu vực chợ xã là các quầy hàng, cửa hàng của Hộ chuyên buôn bán hoặc hộ nông dân kết hợp buôn bán, của Hợp tác xã dịch vụ và cơ sở chi nhánh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phương thức kinh doanh chủ yếu là bán lẻ và thu mua hàng nông sản, hàng thủ công nghiệp.

Thời kỳ 2021-2030: Tại trung tâm xã dự kiến bố trí quỹ đất để xây dựng chợ dân sinh trên địa bàn các xã Ia Nan, xã Ia Dok, xã Ia Din đạt tiêu chuẩn chợ loại III; xây mới, nâng cấp một số cửa hàng dịch vụ, thương mại, đặc biệt là phát triển Khu thương mại công nghiệp và Khu Kinh tế thương mại đặc biệt trên địa bàn xã Ia Dom, xã Ia Nan nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư, cũng như phát triển thương mại dịch vụ tại Khu Kinh tế cửa khẩu. Mở rộng, quy hoạch mới khu dân cư trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu. Giai đoạn này đầu tư xây dựng cụm công nghiệp tại xã Ia Kriêng, kêu gọi đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu/cụm công nghiệp; giao đất xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp tại khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu; quy hoạch bến xe mới tại xã Ia Kriêng phục vụ nhu cầu trung chuyển và dừng nghỉ cho các phương tiện lưu thông ngang khu vực đô thị. Kêu gọi đầu tư, hình thành khu giết mổ tập trung tại xã Ia Kriêng.

2.2.2. Đối với khu vực đô thị:

- Đối với thị trấn - trung tâm huyện:

+ Cơ sở vật chất là Chợ trung tâm, chợ thương mại và khu dân cư xung quanh thị trấn Chư Ty, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống cửa hàng kinh doanh, cửa hàng tiện lợi ... do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể (người bỏ vốn đầu tư) quản lý. Kêu gọi đầu tư xây dựng Chợ huyện, khu bãi đậu xe trên địa bàn thị trấn Chư Ty.

+ Thành phần tham gia kinh doanh bao gồm: Hộ cá thể, Hợp tác xã thương mại, liên hiệp Hợp tác xã, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp sản xuất - chế biến - dịch vụ. Đối với các nhà máy, xí nghiệp có quy mô lớn định hướng đưa về khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu nằm tại trung tâm Khu kinh tế cách thị trấn Chư Ty khoảng 25km và quy hoạch đưa về cụm công nghiệp huyện tại xã Ia Kriêng.

+ Mở rộng, chỉnh trang vỉa hè, các đường nội thị; duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống nước sạch; xây dựng các khu giết mổ tập trung...

+ Phương thức kinh doanh kết hợp cả bán buôn và bán lẻ.

- Phát triển thương mại - du lịch:

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; Kêu gọi đầu tư, khai thác du lịch

Homestay kết hợp với các dịch vụ đầu mối, hậu cần cho hoạt động của khu vực cửa khẩu; du lịch văn hóa làng đồng bào tại làng Trol Đen; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện: Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty, di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Cơ, rừng Giáng Hương, cây đa làng Ghè, thác ông Đồng, suối Đôi, suối Ia Dao, sông Sê San.

+ Định hướng hệ thống công viên, mảng xanh cảnh quan, không gian mở vị trí công viên Đức Cơ, Đồi Chư Ty, các khu vực hợp thủy tại tổ dân phố 5, 7 và các hoa viên xây xanh tại các khu dân cư;

Như vậy, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển thương mại - du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện. Đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ sẽ tạo ra nhiều việc làm theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tăng thu nhập cho người lao động và cộng đồng dân cư, tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ các ngành nghề kinh tế khác phát triển.

2.2. Tiềm năng đất đai cho xây dựng, mở rộng đô thị và các khu dân cư nông thôn:

2.2.1. Tiềm năng đất đai cho xây dựng, mở rộng đô thị:

Hiện nay trên địa bàn huyện có một đô thị loại V là thị trấn Chư Ty, theo điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Chư Ty đã được phê duyệt tại Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 thì đến năm 2025, dân số thành thị đạt khoảng 16.500 - 17.500 người và đến năm 2035, đạt khoảng 21.500 - 22.500 người nên đất đô thị tăng, cần định hướng mở rộng quỹ đất này để tương xứng.

Tổ chức không gian đô thị của huyện trên cơ sở đô thị cũ và phát triển thành 4 khu vực như sau:

- Khu vực 1: Khu trung tâm chính cấp huyện, hiện tại là vùng lõi của đô thị bắt đầu từ đầu thị trấn phía Đông đến ngã ba Sung Le, bao gồm trụ sở các cơ quan chính trị, hành chính, giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, công viên... và khu dân cư đã ổn định dọc các tuyến đường trục chính. Trong đó các công trình công cộng dịch vụ thương mại nằm dọc tuyến đường Quang Trung. Định hướng toàn bộ khu vực này chủ yếu tập trung chỉnh trang về mặt kiến trúc cảnh quan đô thị, bố trí quỹ đất để kêu gọi thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ, phát triển thêm các khu dân cư mới tuyến 2, tuyến 3 của đường Quang Trung.

- Khu vực 2: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Bắc (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến đường vành đai phía Bắc). Định hướng chính cho khu vực này bổ sung quỹ đất để phát triển các chức năng tương xứng là đô thị trung tâm của toàn Khu kinh tế cửa khẩu (theo Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thì phạm vi và ranh giới Khu kinh tế gồm đô thị trung tâm là thị trấn Chư Ty và các xã Ia Kla, Ia Dom,

Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với tổng tích tự nhiên 41.515 ha). Cụ thể gồm các chức năng như sau: thương mại - dịch vụ, khu dân cư mới, công cộng, đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, cung ứng các dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực Cửa khẩu dọc theo hai bên tuyến đường vành đai Bắc.

- Khu vực 3: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Nam (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến hết ranh giới phía Nam thị trấn và khu dân cư làng Trol Đen). Đây là khu vực định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển thương mại - dịch vụ, khu dân cư, đất giãn dân cho đồng bào tại chỗ, bố trí đất công cộng đơn vị ở, sân vận động, hoa viên cây xanh và nhà trẻ mẫu giáo...; Cải tạo các hợp thủy để khai thác cảnh quan; phát triển, bảo tồn làng Trol Đen hiện có, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kết hợp du lịch nghỉ dưỡng theo mô hình Homestay.

- Khu vực 4: Khu vực vùng ven thị trấn, bao gồm các khu dân cư xen kẽ đất nông nghiệp dọc tuyến suối và đất nông nghiệp còn lại của thị trấn. Định hướng khu vực này là khu dân cư mật độ thấp, nhà vườn gắn với cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven đô thị.

Phát triển khu vành đai khu trung tâm đô thị nhằm hỗ trợ cho thị tứ huyện: Một số khu chức năng nằm ngoài ranh giới đô thị nhưng có vai trò đối với thị trấn như: Khu sản xuất, thương mại - dịch vụ, nghĩa trang, khu xử lý rác thải, trạm xử lý nước thải, các điểm di tích lịch sử, khai thác du lịch, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các công trình hạ tầng khác được bố trí ngoài ranh giới thị trấn thuộc các xã lân cận.

2.2.2. Tiềm năng đất đai cho xây dựng, mở rộng khu dân cư nông thôn:

Khu dân cư nông thôn hiện phân bố khá tập trung, tuy nhiên một số nơi còn phân bố nhỏ lẻ. Trong tương lai, các khu dân cư nông thôn có thể được phát triển và mở rộng ở những nơi có điều kiện về cơ sở hạ tầng: giao thông, thủy lợi, điện, nước gắn với các trung tâm cụm xã ven đường giao thông, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt xây dựng, hình thành cụm tuyến dân cư tạo tiền đề cho quá trình đô thị hóa và giảm bớt sự chênh lệch về điều kiện sống giữa nông thôn và thành thị.

Đồng thời giai đoạn này tập trung xây dựng các trụ sở làm việc cho công an xã, thị trấn nhằm đảm bảo giữ vững an toàn trật tự xã hội; xây dựng thao trường huấn luyện, chốt chiến đấu, tổ chức lại các đội sản xuất của các đơn vị kinh tế quốc phòng đảm bảo cho mục đích phòng thủ, quốc phòng và kinh tế quốc phòng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đến năm 2030 số hộ phát sinh có nhu cầu giao đất ở sẽ được bố trí xen ghép trong các khu dân cư cũ, đồng thời hình thành một số khu dân cư mới.

PHẦN III

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN ĐỨC CƠ

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Khái quát phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đức Cơ được đặt trong sự phát triển chung của toàn tỉnh Gia Lai.

1.1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai

Theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/7/2020 phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như sau:

Tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng tăng trưởng, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế thị trường. Phát triển nhanh các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo, du lịch; phát triển khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng năng lực đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, các nguồn vốn đầu tư để phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tốt chủ trương, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Giữ vững quốc phòng, an ninh.

Phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân đạt 79,5 triệu đồng/người/năm, tăng trưởng kinh tế đạt 8,6% trở lên. Cơ cấu kinh tế tỉnh chuyển dịch như sau: về nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 29,89%; về công nghiệp – xây dựng đạt 31,22%; về dịch vụ đạt 35,40%.

1.2. Quan điểm phát triển của huyện Đức Cơ:

1.2.1. Quan điểm phát triển chung kinh tế - xã hội:

Theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, quan điểm phát triển kinh tế – xã hội của huyện Đức Cơ như sau:

+ Thứ nhất là:

Phát triển kinh tế – xã hội của huyện phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, quy hoạch vùng Tây Nguyên trong tam giác phát triển và đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt.

+ Thứ hai là:

Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, từng bước tiếp cận với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế của huyện, đặc biệt là Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế với đào tạo

nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với điều kiện, lợi thế của huyện và yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Gắn phát triển kinh tế với văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và sự tiến bộ của cộng đồng các dân tộc, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

+ Thứ ba là:

Củng cố, tăng cường quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh đấu tranh, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách tư pháp. Duy trì và phát triển mối quan hệ hữu nghị với huyện Oyadav, tỉnh Ratanakiri, vương quốc Campuchia.

+ Thứ tư là:

Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch, vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tập trung kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên. Chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; đổi mới công tác dân vận. Nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp và hiệu quả hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo đạt chuẩn theo quy định, nhất là cấp xã.

1.2.2. Quan điểm về đất đai và vấn đề sử dụng đất:

Đối với đất đai và vấn đề sử dụng đất: phát triển theo quan điểm lịch sử, quan điểm hệ thống, quan điểm tổng hợp gắn với quan điểm phát triển bền vững.

- Quan điểm lịch sử:

Đối với một đơn vị đất đai, hướng sử dụng và khai thác tiềm năng trong đơn vị đất đai đó được quy định bởi một quá trình sản xuất lâu dài của con người. Sự thay đổi hướng sử dụng phụ thuộc vào sự phát triển của nhận thức, sự thay đổi thể chế chính trị, thay đổi quan hệ và phương thức sản xuất... Sự hình thành sử dụng đơn vị đất đai là kết quả tác động tương hỗ giữa các hợp phần tự nhiên và con người theo thời gian và không gian.

Việc nghiên cứu lịch sử phát triển sử dụng đất đai tại huyện tạo cơ sở vững chắc cho mục tiêu cuối cùng của quá trình nghiên cứu là: đánh giá đất đai phục vụ định hướng sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và hợp lý.

- Quan điểm hệ thống:

Khi tiến hành nghiên cứu đánh giá đất đai cần đặt lãnh thổ nghiên cứu trong một hệ thống thống nhất và hoàn chỉnh cả về tự nhiên và xã hội. Các dạng tài nguyên thiên nhiên có trong khu vực đều có sự tương tác lẫn nhau để tạo thành một hệ thống đầy đủ về cấu trúc và chức năng. Giữa các thành phần và bộ phận cấu tạo nên hệ thống đều có những mối tương tác qua lại qua các dòng vật chất, năng lượng và thông tin. Khi một thành phần hay một bộ phận nào đó bị tác động thì kéo theo sự thay đổi dây chuyền của các thành phần khác.

Sử dụng đất đai được đặt trong hệ thống phát triển kinh tế - xã hội, là tiền đề để đưa đất vào khai thác, sử dụng như tư liệu sản xuất “đặc biệt” cho tất cả các mục đích sử dụng và phát triển.

- Quan điểm tổng hợp:

Theo quan điểm tổng hợp, phải nghiên cứu đất đai trong mối liên hệ chặt chẽ với các yếu tố khác trong lãnh thổ, đó là các yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật và các tác động của con người. Do đó, khi đánh giá đất đai thì phải nghiên cứu đầy đủ các mối liên hệ chứa đựng bên trong nó, những mối quan hệ qua lại giữa các thành phần tạo thành đơn vị đất đai. Thông thường, trong tư liệu về cơ sở lý luận của khoa học địa lý, tính tổng hợp được xem xét dưới hai góc độ khác nhau:

- Tổng hợp với nghĩa là nghiên cứu đồng bộ, toàn diện về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên với quy luật phân hóa của chúng cũng như mối quan hệ tương tác lẫn nhau giữa các hợp phần của tổng thể địa lý.

- Tổng hợp là sự kết hợp có quy luật, có hệ thống trên cơ sở phân tích đồng bộ và toàn diện các yếu tố hợp phần của tổng thể lãnh thổ tự nhiên, đồng thời phát hiện và xác định những đặc điểm đặc thù của các thể tổng hợp lãnh thổ địa lý.

- Quan điểm phát triển bền vững:

Quan điểm phát triển bền vững hiện nay đã trở thành phổ biến và áp dụng rộng rãi trong tất cả các hoạt động của nền kinh tế quốc dân, đặc biệt trong khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững được xác định ngay từ khi bắt đầu tiến hành quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với bảo vệ môi trường để đảm bảo rằng việc khai thác tài nguyên và phát triển sản xuất đó đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế của hiện tại mà vẫn đảm bảo cho thế hệ tương lai. Do đó, trong đề xuất định hướng sử dụng đất cần phải cân nhắc tính toán, phân tích một cách tổng hợp, toàn diện các đặc điểm điều kiện địa lý tự nhiên trên quan điểm lịch sử, hệ thống, tổng hợp với các mục đích phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với việc bảo vệ môi trường.

1.3. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Đức Cơ:

Trên cơ sở định hướng, quan điểm phát triển kinh tế xã hội huyện Đức Cơ giai đoạn 2020 – 2025; theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, mục tiêu phát triển của huyện như sau:

Huy động mọi nguồn lực và khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh vốn có của huyện, đặc biệt là khu trung tâm các xã, thị trấn gắn với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh để phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về tư tưởng, chính trị, tổ chức và đạo đức. Đổi mới, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, hiệu quả hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

2. Định hướng sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 huyện Đức Cơ

Đất đai thuộc loại tài nguyên có nguồn cung cố định, vì vậy việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đóng vai trò quan trọng để thiết lập một hệ thống sử dụng đất đúng mục đích, hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững. Để cân đối và phân bổ quỹ đất một cách tiết kiệm, hợp lý thì việc hoạch định chính sách quản lý và đưa ra các phương án sử dụng trên cơ sở nhu cầu đất đai của các ngành, lĩnh vực phát triển theo chiều sâu là rất cần thiết.

Hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hợp lý là công cụ để quản lý đất có hiệu lực và hiệu quả, cho phép sử dụng nguồn tài nguyên đất và nguồn vốn đất đai có hiệu quả nhằm mục tiêu ổn định chính trị, phát triển kinh tế và công bằng xã hội.

Sử dụng quỹ đất là một quá trình nhằm tạo hiệu quả phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội. Một phần quỹ đất nông nghiệp được chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng như vấn đề nhà ở, phát triển kinh tế công nghiệp và dịch vụ, xây dựng các công trình phát triển hạ tầng công cộng như giao thông, thủy lợi, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao ...

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất, cần dự báo những yếu tố mang tính mục tiêu lâu dài cần đạt được trong toàn bộ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước để đưa ra những chính sách đất đai phù hợp, nhất là trong giai đoạn năm 2020 – 2025, vấn đề sử dụng đất sẽ tập trung vào các nội dung trọng tâm của công tác xây dựng nông thôn mới, gồm 4 nội dung chính, đó là: (1) Phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội, cơ bản đồng bộ, đảm bảo kết nối nông thôn – đô thị và kết nối các vùng miền; (2) Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân; (3) Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn; (4) Phát triển giáo dục, y tế, văn hóa cơ sở.

Trên cơ sở phương hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ của huyện, định hướng sử dụng đất đai theo các khu vực chức năng trên địa bàn huyện như sau:

1.1. Đất khu kinh tế:

Trên địa bàn huyện Đức Cơ có Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, được mở trên hành lang biên giới huyện Đức Cơ với nước bạn Cam Pu Chia.

Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có tiền thân là Khu kinh tế cửa khẩu Đường 19, tỉnh Gia Lai theo Quyết định thành lập số 139/2001/QĐ-TTg ngày 21/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2002, UBND tỉnh Gia Lai đã phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa khẩu Đường 19 tại Quyết định số 46/2002/QĐ-UBND ngày 04/7/2002, trong đó có diện tích đất xây dựng là 276,6 ha, định hướng dân số đến năm 2020 là 9.600 người. Tuy nhiên, theo Quyết định số 139/2001/QĐ-TTg ngày 21/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ thì không gian khu kinh tế cửa khẩu đường 19 bao gồm 04 xã và 01 thị trấn của huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai, với tổng diện tích tự nhiên là 41.515,85 ha. Do vậy, quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa khẩu năm 2002 chưa có định hướng tính kết nối tổng thể để phát triển cho toàn khu kinh tế và còn thiếu một số khu chức năng thuộc khu kinh tế.

Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thuộc huyện Đức Cơ, nằm trong khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, sự đầu tư phát triển Khu Kinh

tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh có ý nghĩa quan trọng và tác động rất lớn tới quá trình phát triển của huyện Đức Cơ, của tỉnh Gia Lai cả về kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh, kết nối các hoạt động kinh tế của tỉnh, vùng Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ với các tỉnh Đông Bắc Campuchia.

Như vậy, có thể thấy quy hoạch chung xây dựng thị trấn cửa khẩu đường 19 năm 2002 chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong tình hình thực tế hiện nay cũng như định hướng lâu dài. Vì vậy, việc lập Quy hoạch chung xây dựng cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là rất quan trọng để nơi đây phát triển toàn diện trở thành một vùng kinh tế động lực của tỉnh Gia Lai.

Đến nay, nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 với phạm vi Khu kinh tế bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Chư Ty và các xã: Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn với tổng diện tích tự nhiên là 41.513,85 ha, chiếm 57,51% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện, nhằm mục tiêu chủ yếu là:

- Cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, Quy hoạch vùng Tây Nguyên, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai và các chuyên ngành khác đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Khai thác tiềm năng lợi thế vùng phía Tây của tỉnh Gia Lai. Xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế thành vùng kinh tế động lực của tỉnh Gia Lai, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của một khu kinh tế cửa khẩu năng động, phát triển bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cư dân vùng biên giới trên cơ sở bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Trên cơ sở các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, triển khai có hiệu quả các chính sách và tạo môi trường thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, trọng tâm là đầu tư vào trung tâm các xã, thị trấn, Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh và khu sản xuất tập trung của huyện. Quy hoạch, bố trí quỹ đất đề kêu gọi, thu hút đầu tư; ưu tiên, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sâu một số sản phẩm nông sản chủ lực của huyện.

Theo đó, định hướng sử dụng đất tại Khu Kinh tế bao gồm:

- + Khu vực vành đai biên giới và vùng cấm: tập trung nguồn lực củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng hạ tầng giao thông khu vực vành đai nhằm kết nối vùng biên và thông thương hàng hóa, thuận lợi cho giao thương trong và ngoài nước. Trước tiên, giai đoạn 2021 – 2025 cần thiết thực hiện Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây nguyên (Quốc lộ 19) đoạn qua địa bàn huyện Đức Cơ và đặc biệt là tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, Gia Lai được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 29/7/2020 của UBND tỉnh Gia Lai; đồng thời củng cố, thực hiện các hạng mục công trình phòng thủ vững chắc, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

+ Khu cửa khẩu quốc tế: tiếp tục hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng và kêu gọi đầu tư các dự án thương mại, dịch vụ, văn phòng dịch vụ tại Khu Trung tâm hiện hữu;

+ Khu công nghiệp, khu gia công sản xuất, xuất nhập khẩu..., mở rộng theo quy hoạch chung Khu Kinh tế, đến năm 2030 khu công nghiệp được đầu tư xây dựng trên địa bàn xã Ia Dom, và xã Ia Nan, tăng thêm 286,26 ha so với hiện trạng là 78,96 ha. Thời kỳ 2021 – 2030, giao đất xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp; triển khai dự án Khu kinh tế thương mại đặc biệt; đầu tư nhà máy may gia công xuất khẩu tại Khu công nghiệp - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh trên địa bàn xã Ia Dom và xã Ia Nan.

+ Khu vực hành chính:

Trung tâm hành chính cửa khẩu tại Khu trung tâm hiện hữu, thời kỳ 2021 - 2030 tiếp tục được đầu tư hạ tầng đáp ứng yêu cầu đối với công tác quản lý nhà nước, văn phòng làm việc cho các tổ chức, doanh nghiệp triển khai thực hiện và tuân thủ các chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, các quy định của pháp luật.

+ Khu thương mại, dịch vụ, du lịch: đầu tư và kêu gọi đầu tư xây dựng Khách sạn; Khu Thương mại - dịch vụ - du lịch; Khu thương mại công nghiệp, khu kinh tế thương mại đặc biệt; tiến hành giao đất, cho thuê đất xây dựng Văn phòng, Thương mại, Dịch vụ tại Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu Lệ Thanh trên địa bàn xã Ia Dom và xã Ia Nan.

+ Khu đô thị: trung tâm kết nối Khu kinh tế cửa khẩu là thị trấn Chư Ty, định hướng phát triển đến năm 2035 đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; đây là đầu mối giao thương và điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến hành lang Đông – Tây giữa hai nước Việt Nam – Campuchia, đảm bảo cung ứng dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực cửa khẩu; là địa điểm gắn kết du lịch với các huyện biên giới của tỉnh và điểm dừng chân lưu trú cho khách du lịch quốc tế qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Khu Trung tâm hiện hữu trên địa phận xã Ia Dom tại Khu kinh tế cửa khẩu đạt tiêu chí đô thị loại V.

+ Khu dân cư biên giới, trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn: gồm các xã Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn. Thời kỳ 2021 – 2030, triển khai giao đất ở trong khu dân cư tại Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh (xã Ia Dom, xã Ia Nan); tiến hành quy hoạch các điểm dân cư nông thôn tại 8 xã, ưu tiên quy hoạch các điểm dân cư trên địa bàn xã Ia Kla, Ia Dom.

+ Một số khu chức năng khác (khu du lịch, khu vực và các cơ sở quốc phòng – an ninh, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, giao thông, nghĩa trang, nghĩa địa, khu xử lý chất thải; các khu vực cấm, hạn chế phát triển; ...). Thời kỳ 2021 – 2030, kêu gọi đầu tư xây dựng điểm du lịch Thác Ông Đồng trên địa bàn xã Ia Nan, Ia Pnôn và Suối Đồi trên địa bàn xã Ia Dom; kết hợp du lịch tham quan Quốc Môn, ... và mua sắm tại Khu Trung tâm; đồng thời chỉnh trang, mở rộng, xây mới các nghĩa trang, nghĩa địa chung nhằm đáp ứng nhu cầu chôn cất, an táng phù hợp của nhân dân; nhất là đối với công tác quản lý và bảo vệ môi trường, cần thiết sớm đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải và các bãi rác tập trung, trung chuyển rác, nhằm mục

tiêu bảo vệ môi trường sinh thái, đồng thời đáp ứng các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

Đến năm 2030, diện tích đất khu kinh tế đạt 41.513,85 ha, chiếm 57,51% tổng diện tích tự nhiên gồm liên vùng ranh giới hành chính thị trấn Chư Ty và các xã Ia Dom, xã Ia Kla, xã Ia Nan, xã Ia Pnôn.

Sự đầu tư phát triển khu kinh tế tại huyện Đức Cơ cho thấy sự quan tâm của cấp trên cũng như tiềm năng đất đai và giao lưu quốc tế của huyện. Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh mở trên hành lang biên giới với nước bạn Cam Pu Chia trở thành đô thị cửa khẩu biên giới, là cửa ngõ liên thông khối thương mại trên đất liền quan trọng của hành lang kinh tế phía Tây tỉnh Gia Lai; đây là điểm tựa đô thị hóa làm đòn bẩy phát triển chung đối với khu vực Tây Nguyên và cũng là mốc giới quan trọng đảm bảo an ninh biên giới Tổ quốc.

1.2. Đất đô thị:

Hiện nay trên địa bàn huyện Đức Cơ có 01 đô thị loại V là thị trấn Chư Ty với diện tích đất tự nhiên là 1.544,51 ha, chiếm 2,14% so với tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Thời kỳ quy hoạch 2021 – 2030 sẽ đầu tư xây dựng đạt các tiêu chí đô thị loại IV; tập trung xây dựng phát triển đô thị trên địa bàn huyện với diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính thị trấn Chư Ty là 1.544,50 ha.

Ranh giới quy hoạch như sau:

- Phía Bắc: giáp xã Ia Kla, Ia Đơk;
- Phía Nam: giáp xã Ia Kriêng, Ia Pnôn;
- Phía Đông: giáp xã Ia Kriêng, Ia Krêl;
- Phía Tây: giáp xã Ia Pnôn, Ia Kla.

Định hướng thời kỳ năm 2021 – 2030 sẽ đầu tư xây dựng thị trấn Chư Ty đạt các tiêu chí đô thị loại IV với tính chất đô thị theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 như sau:

- Thị trấn Chư Ty là thị trấn huyện lỵ huyện Đức Cơ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Đức Cơ; có vị trí quan trọng về quốc phòng – an ninh của tỉnh Gia Lai nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

- Là đô thị trung tâm kết nối với Khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh; là đầu mối giao thương và điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến hành lang Đông – Tây giữa hai nước Việt Nam - Cam Pu Chia, đảm bảo cung ứng dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực cửa khẩu; là địa điểm gắn kết du lịch với các huyện biên giới của tỉnh và điểm dừng chân lưu trú cho khách du lịch quốc tế qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

Đến năm 2030, có khoảng 1.200 ha đất khu đô thị trung tâm kết nối Khu kinh tế cửa khẩu là thị trấn Chư Ty, định hướng phát triển đến năm 2035 đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV; Khu Trung tâm hiện hữu trên địa phận xã Ia Dom trong Khu kinh tế cửa khẩu đạt tiêu chí đô thị loại V.

Ngoài ra, theo định hướng quy hoạch phát triển Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh sẽ đầu tư xây dựng Khu kinh tế đạt tiêu chí đô thị loại V.

Đối với thị trấn Chư Ty, theo hiện trạng thì chỉ tiêu sử dụng đất ở khu vực đô thị/người là 197,55 m²/người. Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị đến năm 2035 dự kiến đạt 200 – 220 m²/người, bao gồm đất dân dụng, đất ở đô thị, đất công trình dịch vụ công cộng, đất cây xanh – mặt nước, thể dục thể thao, đất giao thông.

Đến năm 2035, cơ cấu sử dụng đất trong đô thị thị trấn Chư Ty của tại huyện định hướng đạt như bảng tổng hợp sử dụng đất theo từng giai đoạn sau đây:

Bảng tổng hợp sử dụng đất toàn thị trấn theo từng giai đoạn

Số TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng đầu năm 2019 Dân số 14.238 người			Định hướng đến năm 2025 Dân số 16.500-17.500 người			Định hướng đến năm 2035 Dân số 21.500-22.500 người		
		Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	SỬ DỤNG ĐẤT TRONG ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TT CHƯ TY	1.544,50	100%		1.544,50	100%		1.544,50	100%	
I	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	281,27	18,21%	197,55	350,00	22,66%	200	450,00	29,14%	200
1	ĐẤT DÂN DỤNG	213,75	13,84%	150,13	273,91	17,73%	156,52	362,87	23,49%	161,27
1.1	Đất ở	77,76	5,03%	54,61	95,70	6,20%	54,69	123,20	7,98%	54,76
1.2	Đất công trình công cộng, dịch vụ đô thị	38,11	2,47%	26,77	57,33	3,71%	32,76	79,93	5,17%	35,52
1.3	Đất văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, công viên,	18,37	1,19%	12,90	37,58	2,43%	21,47	66,44	4,30%	29,53
1.4	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	79,51	5,15%	55,84	83,30	5,39%	47,60	93,30	6,04%	41,46
2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	67,52	4,37%	47,42	76,09	4,93%	43,48	87,14	5,64%	38,73
II	ĐẤT KHÁC	1.263,23	81,79%		1.194,50	77,34%		1.094,50	70,86%	
B	SỬ DỤNG ĐẤT NGOÀI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TT CHƯ TY	20,12			57,28			177,28		

(Nguồn: Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ)

Thời kỳ quy hoạch 2021 – 2030, đầu tư xây dựng mở rộng các khu/điểm dân cư, khu thương mại – dịch vụ xen kẽ với những công trình trọng yếu trên địa bàn thị trấn, Khu kinh tế gồm: nâng cấp hạ tầng giao thông, điện, nước, mở rộng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp, hình thành khu dân cư kết hợp thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao, cây xanh mặt nước tại tổ dân phố 5; kêu gọi khuyến khích xã hội hóa giáo dục mầm non (tư thực), giao đất cho cơ sở tôn giáo, đưa đất chưa sử dụng cho các mục đích thương mại, dịch vụ, kêu gọi đầu tư xây dựng bến xe, dịch vụ văn hóa, thể dục, thể thao trên khu vực đường trục chính ... trên địa bàn thị trấn;

Đồng thời tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng, thu hút thương mại quy hoạch Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh, diện tích 88,76 ha; Đặc biệt sẽ đầu tư Dự án Khu kinh tế thương mại đặc biệt diện tích 1,46 ha; Giao đất ở trong khu dân cư; triển khai Dự án Khách sạn; Khu Thương mại - dịch vụ - du lịch tại Khu trung tâm - Khu kinh tế và các hạng mục công trình, dự án khác thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu.

Tổ chức không gian đô thị của huyện trên cơ sở đô thị cũ và phát triển thành 4 khu vực như sau:

- Khu vực 1: Khu trung tâm chính cấp huyện, hiện tại là vùng lõi của đô thị bắt đầu từ đầu thị trấn phía Đông đến ngã ba Sung Le, bao gồm trụ sở các cơ quan chính trị, hành chính, giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, công viên... và khu dân cư đã ổn định dọc các tuyến đường trục chính. Trong đó các công trình công cộng dịch vụ thương mại nằm dọc tuyến đường Quang Trung. Định hướng toàn bộ khu vực này chủ yếu tập trung chỉnh trang về mặt kiến trúc cảnh quan đô thị, bố trí quỹ đất để kêu gọi thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ, phát triển thêm các khu dân cư mới tuyến 2, tuyến 3 của đường Quang Trung.

- Khu vực 2: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Bắc (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến đường vành đai phía Bắc). Định hướng chính cho khu vực này bổ sung quỹ đất để phát triển các chức năng tương xứng là đô thị trung tâm của toàn Khu kinh tế cửa khẩu (theo Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh thì phạm vi và ranh giới Khu kinh tế gồm đô thị trung tâm là thị trấn Chư Ty và các xã Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với tổng tích tự nhiên 41.515 ha). Cụ thể gồm các chức năng như sau: thương mại - dịch vụ, khu dân cư mới, công cộng, đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, cung ứng các dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực Cửa khẩu dọc theo hai bên tuyến đường vành đai Bắc.

- Khu vực 3: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Nam (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến hết ranh giới phía Nam thị trấn và khu dân cư làng Trol Đen). Đây là khu vực định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển thương mại - dịch vụ, khu dân cư, đất giãn dân cho đồng bào tại chỗ, bố trí đất công cộng đơn vị ở, sân vận động, hoa viên cây xanh và nhà trẻ mẫu giáo...; Cải tạo các hợp thủy để khai thác cảnh quan; phát triển, bảo tồn làng Trol Đen hiện có, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kết hợp du lịch nghỉ dưỡng theo mô hình Homestay.

- Khu vực 4: Khu vực vùng ven thị trấn, bao gồm các khu dân cư xen kẽ đất nông nghiệp dọc tuyến suối và đất nông nghiệp còn lại của thị trấn. Định hướng khu vực này là khu dân cư mật độ thấp, nhà vườn gắn với cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven đô thị.

Phát triển khu vành đai khu trung tâm đô thị nhằm hỗ trợ cho thị tứ huyện: Một số khu chức năng nằm ngoài ranh giới đô thị nhưng có vai trò đối với thị trấn

như: Khu sản xuất, thương mại - dịch vụ, nghĩa trang, khu xử lý rác thải, trạm xử lý nước thải, các điểm di tích lịch sử, khai thác du lịch, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các công trình hạ tầng khác được bố trí ngoài ranh giới thị trấn thuộc các xã lân cận.

Sử dụng đất trong khu vực nội thành phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Vùng trung tâm hành chính huyện: đây là khu vực có vai trò là trung tâm hành chính - chính trị của thị trấn, gắn với các không gian chức năng của đô thị như trung tâm hành chính, các công trình văn hoá, y tế, thương mại - dịch vụ, an ninh - quốc phòng... Định hướng cải tạo, bảo tồn, chỉnh trang mỹ quan đô thị, hệ thống giao thông, tăng mật độ xây dựng và tăng cao đối với các công trình nhà nước, công trình công cộng, dịch vụ, tăng cường không gian cây xanh, không gian công cộng, bến xe, bãi đậu xe...

- Khu vực trục cảnh quan đô thị: khai thác không gian dọc tuyến đường Quốc lộ 19 với các công trình thương mại – dịch vụ ... tạo bộ mặt cho đô thị.

- Vùng phát triển thương mại – dịch vụ: phát triển dọc theo đường Quốc lộ 19, các khu vực phía Đông Bắc và phía Tây khu trung tâm thị trấn, kết hợp với các công trình thương mại dịch vụ hiện có trong vùng lõi của đô thị, kết hợp khai thác và phát triển các khu vực thương mại – dịch vụ xung quanh các khu di tích lịch sử của địa phương. Chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

- Vùng kiến trúc công nghiệp: khu sản xuất, thương mại – dịch vụ nằm về phía Đông thị trấn. Định hướng phát triển hình ảnh khu sản xuất kết hợp phát triển thương mại – dịch vụ hiện đại, nhiều cây xanh và môi trường sạch.

- Khu vực cảnh quan đô thị: các khu vực công viên cây xanh, mặt nước, vùng trung tâm thoát nước: trong giai đoạn trước mắt tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng, cắm mốc để người dân biết và không xây dựng trái phép; kêu gọi đầu tư khai thác cảnh quan, kết hợp các hình thức du lịch dịch vụ; kiểm soát chặt các quỹ đất cây xanh, công viên hiện có.

1.3. Khu sản xuất nông nghiệp:

Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đa dạng, tăng nhanh giá trị sản xuất; nông nghiệp, nông thôn phát triển với trình độ cao và bền vững.

Trong giai đoạn 2020 – 2025, hướng đến năm 2030 tập trung phát triển nông - lâm nghiệp toàn diện theo hướng bền vững; giải quyết tốt vấn đề nông, lâm nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thông qua các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất, từng bước tiếp cận với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Duy

trì ổn định diện tích cây công nghiệp dài ngày, xác định đây là cây chủ lực của ngành trồng trọt trong chiến lược phát triển bền vững. Thúc đẩy sản phẩm chủ lực OCOP (mỗi xã, thị trấn một sản phẩm) của huyện gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng hợp tác xã, mô hình Nông hội. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Quy hoạch, hỗ trợ để xây dựng một số vùng chuyên canh cây ăn quả, cây đặc sản nhằm phát triển du lịch sinh thái; phát triển cây dược liệu ở những vùng có điều kiện phù hợp theo chuỗi liên kết sản xuất với các doanh nghiệp. Huy động các nguồn lực, nhất là sự tham gia đóng góp của nhân dân và doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số và đô thị văn minh.

Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành và chủ rừng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; thực hiện việc giao rừng, khoán và bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư và các hộ dân theo quy định; tiếp tục thực hiện các chủ trương của Trung ương, tỉnh trong việc khoanh nuôi, trồng rừng trên những diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng theo quy hoạch. Duy trì ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản, với các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao nhằm đáp ứng một phần nhu cầu của người dân trên địa bàn.

Như vậy, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp và xây dựng nông thôn mới; chú trọng phát triển ngành trồng trọt, trên cơ sở củng cố phát triển nông sản có giá trị kinh tế cao, đảm bảo thực hiện tốt chiến lược an toàn lương thực quốc gia, thỏa mãn nhu cầu nông phẩm cho xã hội. Đồng thời, nâng cao hệ số sử dụng đất, bố trí hợp lý đất nông nghiệp, chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa (gạo đặc sản, cà phê, tiêu, đặc sản trái cây, thịt bò, thịt dê, mật ong ...) gắn với thị trường và hiệu quả kinh tế phù hợp với hệ sinh thái của từng khu vực, đặc biệt là đảm bảo sự bền vững, về cơ bản, ổn định diện tích đất trồng lúa, tăng nhanh diện tích đất gieo trồng, hạn chế lấy đất canh tác (hạn chế lấy đất trồng lúa có năng suất) chuyển sang các mục đích khác. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất; xây dựng cánh đồng lớn; xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành vùng chuyên canh cây trồng chủ lực. Đẩy mạnh phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, xây dựng thương hiệu gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ; tiếp tục phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, ứng dụng các tiến bộ về công nghệ sinh học, từng bước thực hiện một nền nông nghiệp sạch.

1.3.1. Khu trồng lúa:

Hiện nay, diện tích đất trồng lúa toàn huyện có 728,52 ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước có diện tích là 519,32 ha. Đây là các khu vực có khả năng chủ động được tưới tiêu, có độ phì nhiêu, địa hình không quá dốc.

Thời kỳ 2021 – 2030, ổn định khu vực đất trồng lúa. Đối với diện tích đất chuyên trồng lúa có năng suất và chất lượng cần bảo vệ nghiêm ngặt; xây dựng các cánh đồng lớn chuyên canh, có thể thâm canh; tăng cường sử dụng các loại giống

lúa chất lượng (giống xác nhận, lúa lai) để đáp ứng nhu cầu tại chỗ cho cộng đồng dân cư tại địa phương.

Những năm gần đây, sản xuất nông nghiệp tại huyện đã hình thành các cánh đồng sản xuất lớn do tận dụng tối đa hiệu quả của công trình thủy lợi, các khu vực mặt nước chuyên dùng. Thời kỳ 2021 – 2030, sẽ đầu tư xây mới các công trình thủy lợi, gồm: Thủy lợi Ia Lang; Thủy lợi Ia Kriêng (xã Ia Krêl); Thủy lợi Ia Kriêng Net, xã Ia Pnôn; Thủy lợi Ia Tang, xã Ia Kla; Thủy lợi Ia Krai, xã Ia Kriêng; Thủy lợi Ia Păng, xã Ia Krêl; đồng thời, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, phát huy năng lực tưới của các công trình thủy lợi, hệ thống mặt nước chuyên dùng.

Như vậy, thời kỳ 2021 - 2030 tiếp tục duy trì ổn định diện tích đất trồng lúa; trong đó, khu chức năng chuyên trồng lúa có diện tích khoảng gần 500 ha (trong đó khu chuyên trồng lúa nước, phân bố trên vùng thích hợp cao tại các xã Ia Dok, vùng xã Ia Din, Ia Krêl, xã Ia Lang, Ia Pnôn).

1.3.2. Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm:

Với lợi thế về đất đai, địa hình, khí hậu, cây trồng nông nghiệp trở thành cây chủ lực của các xã, được phân bố rộng khắp trên toàn huyện. Chủ yếu là các loại cây công nghiệp dài ngày như cà phê, cao su, tiêu, điều, và các loại cây ăn trái ... gần đây được phát triển thêm các loại cây dược liệu như cây đinh lăng, xả, ... Bên cạnh đó huyện còn triển khai cho các địa phương khuyến khích, đầu tư trồng cây phân tán như keo lai, bời lời, sao xanh tại các thôn, làng, tại khuôn viên các trường học. Với lợi thế về thổ nhưỡng, điều kiện địa hình, khí hậu, ... diện tích đất cây trồng lâu năm trong những năm gần đây đã tăng lên nhanh chóng, tạo ra khối lượng lớn cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế của huyện và của tỉnh, nâng cao đời sống của nhân dân.

Đồng thời, trong tương lai, xu thế tất yếu là sẽ tăng diện tích đất nông nghiệp khác để thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp sạch và các dự án sử dụng kết hợp đất nông - lâm nghiệp, thời kỳ 2021 – 2030, chú trọng theo định hướng quy hoạch, tập trung về chất lượng, không phát triển chạy theo số lượng; đến năm 2030 sẽ giảm 1.290,49 ha diện tích đất nông nghiệp cho các mục đích phi nông nghiệp, trong đó giảm diện tích lớn đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm để phát triển các loại hình nông nghiệp khác, giảm chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nông – lâm nghiệp; bên cạnh đó quy hoạch cơ cấu lại các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm phù hợp với điều kiện thực trạng tại địa phương.

Vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm phân bố ở tất cả các xã, tập trung nhiều nhất là các xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Pnôn, xã Ia Nan (phát triển cây cao su) ..., các xã thị trấn còn lại phát triển ở mức trung bình cho các loại cây cao su, tiêu, điều, cà phê, dược liệu... Những vùng này, trong tương lai cần bám sát đảm bảo theo đúng quy hoạch, tập trung chú trọng về chất lượng, không phát triển chạy theo số lượng;

Với tiềm năng như trên, cần thiết có sự năng động, mạnh dạn áp dụng khoa học công nghệ trong quá trình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp,

Hiện nay toàn huyện có 58.997,56 ha diện tích đất trồng cây lâu năm, chiếm 81,73% tổng diện tích tự nhiên.

Đến năm 2030, đất trồng cây lâu năm dự kiến giảm 11.871,43 ha, như vậy còn 47.126,13 ha, trong đó diện tích đất trong khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm hình thành trên địa bàn các xã với diện tích đạt 44.243,86 ha. Trong đó:

- Vùng chuyên canh cây công nghiệp tập trung phát triển cây cao su nhiều nhất là các xã Ia Dom, Ia Kriêng, Ia Pnôn, Ia Nan.

- Cây điều, cà phê, tiêu thích hợp trên địa bàn các xã có nguồn nước tưới chủ động hơn.

Định hướng sử dụng đất thời kỳ này cần phải đảm bảo theo đúng quy hoạch, tập trung chú trọng về chất lượng, không phát triển chạy theo số lượng; Áp dụng các tiên bộ khoa học vào trồng trọt, sử dụng các loại giống mới cho năng suất và chất lượng cao, sử dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn VietGap nhằm tạo ra khối lượng lớn cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế của huyện và của tỉnh, nâng cao đời sống của nhân dân địa phương.

1.4. Khu lâm nghiệp:

Diện tích cây xanh và đặc biệt là rừng phòng hộ có vai trò tích cực trong việc điều hòa khí hậu, cải thiện môi sinh, cảnh quan và môi trường. Trên cơ sở sau khi chuyển đổi phần rừng nghèo sang trồng cây lâu năm, phần rừng còn lại sẽ bảo vệ, chăm sóc, làm giàu vốn rừng, sẽ tiếp tục đầu tư trồng mới phủ xanh đất trống đồi núi trọc, hình thành các khu du lịch sinh thái, khu văn hóa, lịch sử và khai thác tổng hợp, tăng tỷ lệ che phủ làm tiền đề cho việc phát triển kinh tế đô thị bền vững, bảo vệ môi trường, phòng hộ giữ đất, chống xói mòn, rửa trôi và điều hòa nguồn nước.

- Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phải phù hợp với chiến lược phát triển lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch phát triển lâm nghiệp của tỉnh, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện đến năm 2025 và điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đã được phê duyệt tại Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh đã phê duyệt;

- Bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có, phát triển rừng bền vững, nâng cao chất lượng rừng, làm giàu rừng; khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên rừng, đảm bảo đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp chế biến lâm sản của tỉnh, gắn bảo vệ và phát triển rừng với an sinh xã hội, an ninh quốc phòng, môi trường và phát triển du lịch sinh thái.

Đối với diện tích loại đất này cần có các biện pháp mạnh tay nhằm duy trì và nâng cao độ che phủ của thảm xanh tự nhiên hiện có.

1.4.1. Khu vực rừng phòng hộ:

Đối với khu vực rừng phòng hộ cần quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có. Nâng cao chất lượng rừng, duy trì độ che phủ rừng để phát huy tốt nhất khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái.

Loại đất này cần thiết duy trì diện tích tập trung trên địa bàn xã Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan với diện tích hiện trạng là 2.370,30 ha, đồng thời tập trung thực hiện quy hoạch, kế hoạch phủ xanh phục hồi rừng phòng hộ.

Sau khi rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện tại các xã Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan, và định hướng thực hiện kế hoạch giao đất, cho thuê rừng trên địa bàn xã Ia Dom tại khu vực làng Mook Trang, đưa vào quy hoạch, kế hoạch trồng rừng, bảo vệ đất lâm nghiệp trên địa bàn các xã; đến năm 2030, diện tích đất rừng phòng hộ được tăng thêm **2.876,67** ha, đồng thời được cân đối và phân bổ cho mục đích quốc phòng và phát triển hạ tầng tại vùng biên giới nhằm đảm bảo an ninh quốc phòng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh. Đến năm 2030 đất rừng phòng hộ có diện tích **5.246,97** ha.

1.4.2. Khu vực rừng sản xuất:

Hiện trạng loại đất rừng sản xuất tại huyện là 2.052,65 ha; phân bố trên địa bàn xã Ia Din, xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Lang, xã Ia Nan và xã Ia Pnôn. Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 1.586,24 ha.

Sau khi rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện tại các xã Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Kla, Ia Kriêng, Ia Lang và định hướng thực hiện kế hoạch giao đất, cho thuê rừng trên địa bàn các xã nói trên, đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất sẽ đạt diện tích **12.087,71** ha, **tăng thêm 10.035,06** ha so với hiện trạng và chiếm **16,75%** tổng diện tích tự nhiên.

Khu chức năng rừng sản xuất tập trung tại các khu vực xung yếu hiện nay có khoảng 2.000 ha, cần quản lý, bảo vệ tốt phần diện tích rừng này. Nhanh chóng phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng các biện pháp khoanh nuôi tái sinh và trồng mới hỗn loài bằng những loài cây bản địa, cây đa mục đích, các loài cây phù trợ, cây được liệu dưới tán rừng theo kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng nhằm tái tạo sự cân bằng cho môi trường sinh thái.

Khuyến khích đồn điền, tích tụ đất lâm nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng sản xuất, tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiệu quả cao. Gắn quy hoạch trồng rừng với quy hoạch chế biến lâm sản và tiêu thụ sản phẩm, tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm lâm nghiệp và chứng chỉ rừng trên địa bàn tỉnh.

1.5. Khu du lịch:

Trong mọi phương án quy hoạch, các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được nghiên cứu loại trừ không xâm phạm, chuyển mục đích sử dụng, thuận lợi bảo vệ, tôn tạo, góp phần phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng trên địa bàn huyện phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển du lịch.

Với sự nỗ lực của các ngành, các cấp đặc biệt là của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch đã từng bước chú trọng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá, phát huy các giá trị văn hoá, bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc đồng thời tiếp tục bố trí quỹ đất để giữ gìn, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử văn hoá, lịch sử cách mạng tại tỉnh nhà nói chung cũng như tại huyện Đức Cơ. Trên cơ sở Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, UBND huyện Đức Cơ đã ban hành Đề án phát triển du lịch huyện Đức Cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, tại Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 với mục tiêu:

- Cung cấp các cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao một bước năng lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch, phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ năm 2020 cho đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, góp phần vào nâng cao thu nhập, văn hóa tinh thần cho nhân dân, thu hút nhiều lượt khách du lịch trong và ngoài nước đến huyện Đức Cơ;

- Tạo ra việc làm, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tăng thu nhập cho người lao động và cộng đồng dân cư, tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển;

- Phân đầu xây dựng Đức Cơ trở thành điểm đến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa phong phú, đa dạng; là một trong những điểm đến hấp dẫn với du khách.

Song song với định hướng thị trường du lịch trong nước và quốc tế, thì định hướng phát triển sản phẩm du lịch gồm: Du lịch sinh thái, tham quan dã ngoại: bao gồm các hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên và trải nghiệm văn hóa trên địa bàn huyện qua các cảnh quan (thác Ông Đồng, suối Đôi, văn hóa cồng chiêng); Du lịch cộng đồng (tham quan cây Đa làng Ghè, trải nghiệm nghề đan lát truyền thống của người Jarai, dệt thổ cẩm, lễ hội cồng chiêng...); Du lịch tham quan mua sắm tại khu vực Cửa khẩu, chợ phiên và tham quan các di tích văn hóa – lịch sử.

Thời kỳ 2021 – 2030 tiếp tục tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch như: Liên hoan cồng chiêng, tổ chức Chợ phiên biên giới tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh gắn với các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn xã Ia Dom, Ia Nan; tiếp tục bảo tồn, tôn tạo và đưa vào du lịch di tích Cây Đa Làng Ghè tại xã Ia Dôk, Di tích lịch sử chiến thắng đồi Chư Ty, Di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, Bia di tích đường mòn Hồ Chí Minh – Đông Trường Sơn ... tăng cường truyền thông, quảng bá, giới thiệu Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, gìn giữ bảo tồn rừng Giáng Hương (xã Ia Kriêng), phát triển du lịch kết nối các địa điểm này và các khu vực thác Ông Đồng tại xã Ia Pnôn, suối Đôi tại xã Ia Dom có cảnh quan đẹp thúc đẩy quảng bá hình ảnh huyện.



(Nguồn: <http://baovanhoa.vn/du-lich>)

Hình 4. Quốc môn Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh

Thời kỳ 2021 - 2030, nỗ lực hình thành khu du lịch, gồm chuỗi liên kết các điểm du lịch trên địa bàn các xã Ia Dom, Ia Nan, xã Ia Dok, **xã Ia Pnôn** và thị trấn Chư Ty với điểm dừng chân lưu trú tại khu trung tâm thị trấn Chư Ty và Khu Kinh tế Cửa khẩu. Đồng thời tập trung kêu gọi đầu tư khu du lịch suối Đồi tại xã Ia Dom và khu vực thác ông Đồng tại xã Ia Pnôn, xã Ia Nan làm điểm trọng tâm du lịch.

1.6. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

Có vị trí giao thương vùng biên giới phía Tây tỉnh Gia Lai, tuy nhiên nguồn nguyên liệu, vật liệu và thị trường chủ yếu là các loại gỗ và chế phẩm gỗ. Ngoài ra là các mặt hàng nông sản có giá trị cao như cao su, cà phê, tiêu, điều, nên quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp có tiềm năng.

Cần ưu tiên hợp lý dành quỹ đất cho phát triển công nghiệp nhất là những ngành có lợi thế như công nghiệp chế biến nông – lâm sản, thực phẩm, công nghiệp cơ khí, hóa chất, phục vụ sản xuất nông – lâm nghiệp, và các ngành sản xuất hàng tiêu dùng, đồ gia dụng, sản xuất vật liệu xây dựng là những ngành có thể tạo ra sức tăng trưởng mạnh mẽ trong công nghiệp cũng như trong nền kinh tế của huyện.

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của huyện, phương án của tỉnh Gia Lai đến năm 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025: thực hiện tốt việc quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Chủ động, tích cực phối hợp với các ngành của tỉnh để kêu gọi, thu hút đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu công nghiệp, xây dựng Cụm công nghiệp/tiểu thủ công nghiệp huyện, thu hút đầu tư thực hiện các dự án phát triển năng lượng, năng lượng tái tạo... để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, cải cách thủ tục hành chính cho các

thành phần kinh tế tham gia hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn; tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông nông thôn; phát triển mạng lưới điện quốc gia, hệ thống điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng trong hoạt động đầu tư, xây dựng.

Thời kỳ 2021 - 2030, tiếp tục thực hiện quy hoạch Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với diện tích quy hoạch là 88,76 ha; tiếp tục thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với diện tích tăng thêm là 286,26 ha.

Kêu gọi đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu công nghiệp hiện hữu, mở rộng quy mô diện tích khu công nghiệp tại Khu kinh tế cửa khẩu, hình thành Khu kinh tế thương mại đặc biệt, giao đất xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp, hình thành các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung tại các vùng dự án đã được phê duyệt nhằm sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng, tạo môi trường thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, thu hút nhiều lao động và việc làm. Phát triển công nghiệp sẽ là cơ sở thúc đẩy sự hình thành những trung tâm đô thị, dịch vụ, cải thiện bộ mặt kinh tế của huyện, gắn việc phát triển công nghiệp với quá trình đô thị hóa, phát triển mạng lưới đô thị, trung tâm cụm xã trên địa bàn toàn huyện.

Đến năm 2030, Khu công nghiệp tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh trên địa bàn xã Ia Dom, xã Ia Nan với diện tích đạt 365,22 ha.

Xây dựng cụm công nghiệp huyện tại xã Ia Kriêng với quy mô là 30 ha.

Bên cạnh đó củng cố, phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống, đổi mới trang thiết bị và có kế hoạch di chuyển các cơ sở sản xuất, nhà máy xí nghiệp có quy mô lớn gây ô nhiễm, có nguy cơ gây ô nhiễm trong nội thành định hướng đưa về khu công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu.

1.7. Khu thương mại - dịch vụ:

Có vị trí giao thương vùng biên giới phía Tây tỉnh Gia Lai, tuy nhiên nguồn nguyên liệu, vật liệu và thị trường chủ yếu là các loại gỗ và chế phẩm gỗ. Ngoài ra là các mặt hàng nông sản có giá trị cao như cà phê, tiêu, điều, nên quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ có tiềm năng. Thực hiện chính sách đầu tư phát triển kinh tế của vùng, của tỉnh, căn cứ vào các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện, có thể phân ra thành các khu vực sau:

a) Đối với khu vực phụ cận:

Tổ chức cơ sở vật chất là mạng lưới chợ dân sinh do xã hoặc hợp tác xã quản lý. Kinh doanh tại khu vực chợ xã là các quầy hàng, cửa hàng của Hộ chuyên buôn bán hoặc hộ nông dân kết hợp buôn bán, của Hợp tác xã dịch vụ và cơ sở chi nhánh của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Phương thức kinh doanh chủ yếu là bán lẻ và thu mua hàng nông sản, hàng thủ công nghiệp.

Giai đoạn 2021-2030: Tại trung tâm xã dự kiến bố trí quỹ đất để xây dựng chợ dân sinh trên địa bàn các xã Ia Nan, xã Ia Dok, xã Ia Din đạt tiêu chuẩn chợ loại III; xây mới, nâng cấp một số cửa hàng dịch vụ, thương mại, đặc biệt là phát triển Khu thương mại công nghiệp và Khu Kinh tế thương mại đặc biệt trên địa bàn xã Ia Dom, xã Ia Nan nhằm thúc đẩy thu hút đầu tư, cũng như phát triển thương mại dịch vụ tại Khu Kinh tế cửa khẩu. Mở rộng, quy hoạch mới khu dân cư trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu. Giai đoạn này đầu tư xây dựng cụm công nghiệp tại xã Ia Kriêng, kêu gọi đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu/cụm công nghiệp; giao đất xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp tại khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu; quy hoạch bến xe mới tại xã Ia Kriêng phục vụ nhu cầu trung chuyển và dừng nghỉ cho các phương tiện lưu thông ngang khu vực đô thị. Kêu gọi đầu tư, hình thành khu giết mổ tập trung kết hợp với sơ chế sản phẩm từ thịt tại xã Ia Kriêng; hình thành khu chăn nuôi và giết mổ tập trung tại xã Ia Dom, Ia Dok, ...

b) Đối với khu vực trung tâm đô thị:

- Đối với thị trấn - trung tâm huyện:

+ Cơ sở vật chất là Chợ trung tâm huyện, chợ thương mại và khu dân cư xung quanh thị trấn Chư Ty, xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại và hệ thống cửa hàng kinh doanh, cửa hàng tiện lợi ... do các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể (người bỏ vốn đầu tư) quản lý. Kêu gọi đầu tư xây dựng khu dân cư kết hợp thương mại, dịch vụ, thể dục thể thao, cây xanh mặt nước, dự án nhà ở thương mại.

+ Thành phần tham gia kinh doanh bao gồm: Hộ cá thể, Hợp tác xã thương mại, liên hiệp Hợp tác xã, doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp sản xuất - chế biến - dịch vụ. Đối với các nhà máy, xí nghiệp có quy mô lớn định hướng đưa về khu công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu nằm tại trung tâm Khu kinh tế cách thị trấn Chư Ty khoảng 25km và quy hoạch đưa về cụm công nghiệp huyện tại xã Ia Kriêng.

+ Mở rộng, chỉnh trang vỉa hè, các đường nội thị; duy trì bảo dưỡng và nâng cấp hệ thống nước sạch; xây dựng các khu giết mổ tập trung...

+ Phương thức kinh doanh kết hợp cả bán buôn và bán lẻ.

- Đối với Khu Trung tâm – Khu Kinh tế:

Tiếp tục thực hiện quy hoạch Khu trung tâm - Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; Giao đất, cho thuê đất xây dựng Văn phòng, Thương mại, Dịch vụ; kêu gọi đầu tư khu kinh tế thương mại đặc biệt, xây dựng các khách sạn; khu Thương mại - dịch vụ - du lịch; cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh...

- Phát triển thương mại - du lịch:

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; Kêu gọi đầu tư, khai thác du lịch

Homestay kết hợp với các dịch vụ đầu mối, hậu cần cho hoạt động của khu vực cửa khẩu; du lịch văn hóa làng đồng bào tại làng Trol Đen; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện: Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty, di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Cơ, rừng Giáng Hương, cây đa làng Ghè, thác ông Đồng, suối Đồi, suối Ia Đào, sông Sê San.

+ Định hướng hệ thống công viên, mảng xanh cảnh quan, không gian mở vị trí công viên Đức Cơ, Đồi Chư Ty, các khu vực hợp thủy tại tổ dân phố 5, 7 và các hoa viên xây xanh tại các khu dân cư;

Như vậy, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển thương mại - du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện. Đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch, thương mại, dịch vụ sẽ tạo ra nhiều việc làm theo hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tăng thu nhập cho người lao động và cộng đồng dân cư, tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ các ngành nghề kinh tế khác phát triển.

1.8. Khu dân cư nông thôn:

Khu dân cư nông thôn hiện phân bố khá tập trung, tuy nhiên một số nơi còn phân bố nhỏ lẻ. Trong tương lai, các khu dân cư nông thôn có thể được phát triển và mở rộng ở những nơi có điều kiện về cơ sở hạ tầng: giao thông, thủy lợi, điện, nước gần với các trung tâm cụm xã ven đường giao thông, thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt xây dựng, hình thành cụm tuyến dân cư tạo tiền đề cho quá trình đô thị hóa và giảm bớt sự chênh lệch về điều kiện sống giữa nông thôn và thành thị.

Đồng thời giai đoạn này tập trung xây dựng các trụ sở làm việc cho công an xã, thị trấn nhằm đảm bảo giữ vững an toàn trật tự xã hội; xây dựng thao trường huấn luyện, chốt chiến đấu, tổ chức lại các đội sản xuất của các đơn vị kinh tế quốc phòng đảm bảo cho mục đích phòng thủ, quốc phòng và kinh tế quốc phòng phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Đến năm 2030 số hộ phát sinh có nhu cầu giao đất ở sẽ được bố trí xen ghép trong các khu dân cư cũ, đồng thời hình thành một số khu dân cư mới. Từng bước tổ chức lại khu dân cư nông thôn, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng, đảm bảo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới đạt chuẩn, đạt chuẩn nâng cao khang trang sạch đẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Như vậy, thời kỳ 2021-2030 dự kiến mở rộng, quy hoạch mới khu dân cư trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu. Giai đoạn này đầu tư xây dựng cụm công nghiệp tại xã Ia Kriêng, kêu gọi đầu tư lấp đầy tỷ lệ cụm công nghiệp; giao đất xây dựng khu tiểu thủ công nghiệp tại khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu; giao đất, cho thuê đất để xây dựng nhà máy, xí nghiệp sản xuất phi nông nghiệp; sản xuất bao bì, gia công xuất khẩu hoặc chế biến nông – lâm sản trên địa bàn xã Ia Nan, Ia Dom.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Đức Cơ lần thứ VII, nhiệm kỳ 2020 – 2025, các chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội huyện đến năm 2025 phấn đấu đạt được như sau:

1.1.1. Chỉ tiêu phát triển tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

Đến năm 2025, tổng giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) đạt 6.420 tỷ đồng, trong đó:

- Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 42%;
- Công nghiệp, xây dựng chiếm 19,4%;
- Thương mại, dịch vụ chiếm 38,6%.
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 45 triệu đồng;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân hàng năm đạt 780 tỷ đồng;
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách trên địa bàn huyện bình quân hàng năm từ 6 – 8%.

1.1.2. Chỉ tiêu về phát triển văn hóa, xã hội, môi trường:

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1,2%;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân hàng năm đạt 1,44%;
- Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi ở cấp trung học cơ sở từ 90 – 92%;
- Đến năm 2025, có 31 trường đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 7 trường);
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%;
- Có 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới (thêm 2 xã); mỗi xã có 1 – 2 thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số;
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%;
- Duy trì 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế;
- Đến năm 2025, có 7 bác sỹ/vận dân;
- Đến năm 2025, giảm tỷ lệ trẻ e suy dinh dưỡng xuống còn 16,5%;
- Diện tích rừng trồng mới bình quân hàng năm 50 ha, tỷ lệ che phủ đạt 47,65% (bao gồm cây đa mục đích và cây đặc sản trồng trên đất lâm nghiệp);
- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ xử lý chất thải đô thị đạt 96%.

1.1.3. Chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh:

- Giao quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao;

- Diễn tập hai cấp huyện, xã đạt loại khá trở lên;
- Đến năm 2025, phần đầu đưa 3 xã, thị trấn ra khỏi diện trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự.

1.1.4. Về xây dựng hệ thống chính trị:

- Hàng năm, tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80% trở lên; tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80%;
- Bình quân hàng năm kết nạp đảng viên mới từ 3% trở lên/tổng số đảng viên đầu nhiệm kỳ.

1.2. Chỉ tiêu quy hoạch phát triển các ngành kinh tế

1.2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp:

Thời kỳ 2021 – 2030, phát triển ngành nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo trong phát triển kinh tế của huyện, đặc biệt phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến. Tập trung phát triển ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, thông qua các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất, từng bước tiếp cận với sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Duy trì ổn định diện tích cây công nghiệp dài ngày, xác định đây là cây chủ lực của ngành trồng trọt trong chiến lược phát triển bền vững. Thúc đẩy sản phẩm chủ lực OCOP (mỗi xã, thị trấn một sản phẩm) của huyện gắn với thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng hợp tác xã, mô hình Nông hội. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Quy hoạch, hỗ trợ để xây dựng một số vùng chuyên canh cây ăn quả, cây đặc sản nhằm phát triển du lịch sinh thái; phát triển cây dược liệu ở những vùng có điều kiện phù hợp theo chuỗi liên kết sản xuất với các doanh nghiệp. Khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung, quy mô trang trại có ứng dụng khoa học kỹ thuật; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; đồng thời, chuyển giao các loại con giống có chất lượng cao vào sản xuất. Huy động các nguồn lực, nhất là sự tham gia đóng góp của nhân dân và doanh nghiệp để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, làng nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số và đô thị văn minh.

Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành và chủ rừng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng; thực hiện việc giao rừng, khoán và bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư và các hộ dân theo quy định; tiếp tục thực hiện các chủ trương của Trung ương, tỉnh trong việc khoanh nuôi, trồng rừng trên những diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng theo quy hoạch. Duy trì ổn định diện tích nuôi trồng thủy sản, với các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao nhằm đáp ứng một phần nhu cầu của người dân trên địa bàn.

Giai đoạn trước tiên, phần đầu đến năm 2025 cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông lâm nghiệp, thủy sản đạt 42%; Diện tích rừng trồng mới bình quân hằng năm 50 ha, tỷ lệ che phủ đạt 47,65% (bao gồm diện tích cây đa mục đích và cây đặc sản trồng trên đất lâm nghiệp).

1.2.2. Phát triển công nghiệp - xây dựng:

Triển khai có hiệu quả các chính sách và tạo môi trường thuận lợi; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực huyện có lợi thế so sánh, thuộc danh mục kêu gọi thu hút đầu tư để nâng cao năng lực cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, trọng tâm là đầu tư vào trung tâm các xã, thị trấn, Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh và khu sản xuất tập trung của huyện. Quy hoạch, bố trí quỹ đất để kêu gọi, thu hút đầu tư; ưu tiên, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến sâu một số sản phẩm nông, lâm sản chủ lực của huyện.

Triển khai lập quy hoạch chi tiết như đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty đã được UBND tỉnh Gia Lai phê duyệt tại Quyết định số 83/QĐ-UBND, ngày 09/02/2021 đảm bảo phù hợp với quy hoạch của cấp trên và yêu cầu thực tế phát triển của từng giai đoạn được phê duyệt; tăng cường công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự xây dựng theo quy hoạch. Tổ chức lập và triển khai thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, tập trung nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư nhằm nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

1.2.3. Phát triển thương mại, dịch vụ:

Thời kỳ 2021 – 2030, tăng cường công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, khuyến khích các doanh nghiệp đổi mới, áp dụng khoa học, công nghệ, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp và sức cạnh tranh của các mặt hàng nông lâm sản chủ lực của huyện trên thị trường trong và ngoài nước.

Phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế từ Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh để kêu gọi, thu hút đầu tư, phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch. Quy hoạch, bố trí quỹ đất để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ; trong đó, ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, phát triển du lịch và dịch vụ văn hóa, thể dục thể thao. Triển khai thực hiện đề án phát triển du lịch trên địa bàn huyện theo hướng đầu tư, mở rộng kết nối các điểm tham quan du lịch tiềm năng của huyện với các điểm đến nổi tiếng trên địa bàn tỉnh thông qua các doanh nghiệp kinh doanh du lịch; từng bước xây dựng tiền đề để hình thành và phát triển loại hình du lịch sinh thái, điểm dừng chân lưu trú cho khách du lịch quốc tế qua Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh.

Chuyển đổi mô hình quản lý để ổn định và phát triển Chợ Đức Cơ, Chợ Ia Dom, Chợ Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh. Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hình thành các chuỗi siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi ở thị trấn và trung tâm các xã; khuyến khích xã hội hóa để hình thành một số chợ nông thôn tại các xã theo quy hoạch, nhằm đáp ứng nhu cầu mua bán của nhân dân và giải tỏa các chợ tự phát dọc các tuyến đường trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường chống hàng giả, hàng kém chất lượng và gian lận thương mại.

Đầu tư cơ sở vật chất và nhân lực để nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công nhằm tạo điều kiện phục vụ tốt nhất cho doanh nghiệp và nhân dân khi đến thực hiện các thủ tục hành chính. Khuyến khích các loại hình dịch vụ vận tải, bảo hiểm, bưu chính, viễn thông, ngân hàng..., mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng phục vụ, nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

Giai đoạn trước tiên, phân đầu đến năm 2025 cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 19,4%; ngành thương mại, dịch vụ chiếm 38,6%.

2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

Trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất trong giai đoạn 2015 - 2020; một số công trình, dự án trong điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 nhưng chưa thực hiện, đề nghị tiếp tục đưa vào Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng của địa phương;

Trên cơ sở chỉ tiêu đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Sở, ban, ngành cho các ngành, lĩnh vực và UBND các xã, thị trấn, thực hiện rà soát đối chiếu với hồ sơ đã được phê duyệt, rà soát các tiêu chuẩn theo quy định của Điều 35, Điều 36 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, **xác định chỉ tiêu và nhu cầu sử dụng đất trong kỳ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai**, gồm các chỉ tiêu, nhu cầu sử dụng đất như sau:

2.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

2.1.1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực nông nghiệp:

Trong giai đoạn 2021 – 2025, hướng đến năm 2030 tập trung phát triển nông - lâm nghiệp toàn diện có quy mô giá trị sản xuất hàng hóa theo hướng bền vững; giải quyết tốt vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Phân đầu đến năm 2025, quy mô giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp đạt 1.917 tỷ đồng, tốc độ tăng đạt 2,5% năm; đến năm 2025, cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành) ngành nông nghiệp đạt 42%.

Giai đoạn vừa qua, địa phương đã ứng dụng những mô hình về phát triển sản xuất VietGap để đưa sản phẩm tốt ra thị trường; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm trên cây trồng, vì ở đây không có nhiều công trình thủy lợi nên bắt buộc phải áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm; áp dụng công nghệ sản xuất cây giống bằng nuôi cấy mô (như sản xuất cây phong lan); mô hình trồng rau thủy canh cũng đã triển khai áp dụng và cho hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra thì nhiều mô hình ICM, IPM được ứng dụng rộng rãi.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành trồng trọt, trên cơ sở củng cố phát triển nông sản có giá trị kinh tế cao, đảm bảo thực hiện tốt chiến lược an toàn lương thực quốc gia, thỏa mãn nhu cầu nông phẩm cho xã hội. Đồng thời, nâng cao hệ số sử dụng đất, bố trí hợp lý đất nông nghiệp, chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa (gạo đặc sản, cà phê, tiêu, đặc sản trái cây, mật ong, dược

liệu ...) gắn với thị trường và hiệu quả kinh tế phù hợp với hệ sinh thái của từng khu vực, đặc biệt là đảm bảo sự bền vững, về cơ bản, ổn định diện tích đất trồng lúa, tăng nhanh diện tích đất gieo trồng, hạn chế lấy đất canh tác (hạn chế lấy đất trồng lúa có năng suất) chuyển sang các mục đích khác. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học-công nghệ vào sản xuất; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành vùng chuyên canh cây trồng chủ lực. Đối với khu vực công nghiệp, nhất là đối với Khu Kinh tế sẽ tăng cường thảm xanh, quy hoạch vùng trồng cây ăn trái có vị trí gần sát khu công nghiệp hướng đến phục vụ dịch vụ du lịch đa mục đích.

Đẩy mạnh phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, xây dựng thương hiệu gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ; tiếp tục phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, ứng dụng các tiến bộ về công nghệ sinh học, từng bước thực hiện một nền nông nghiệp sạch. Đồng thời, trong tương lai, xu thế tất yếu là sẽ tăng diện tích đất nông nghiệp khác để thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp sạch và các dự án sử dụng kết hợp đất nông - lâm nghiệp.

Thời kỳ 2021 – 2030, chú trọng phát triển nông – lâm nghiệp theo định hướng quy hoạch, tập trung về chất lượng, không phát triển chạy theo số lượng; Đảm bảo phần đầu đến năm 2025, diện tích rừng trồng mới bình quân hằng năm 50 ha, tỷ lệ che phủ đạt 47,65% (bao gồm diện tích cây đa mục đích và cây đặc sản trồng trên đất lâm nghiệp) thì đất lâm nghiệp cần tăng thêm **12.911,73 ha** với hiện trạng là **4.422,95 ha**, trong đó đưa **24,66 ha** đất chưa sử dụng vào quy hoạch, kế hoạch trồng rừng; bên cạnh đó quy hoạch cơ cấu lại các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm phù hợp với điều kiện thực trạng tại địa phương thì đất nông nghiệp sẽ thực giảm **1.369,46 ha** cho các mục đích phi nông nghiệp, chuyển nội bộ sang các loại đất, trong đó chuyển 251,45 ha diện tích đất trồng cây hàng năm khác cho quỹ đất dành cho phát triển loại hình nông nghiệp khác;

Như vậy sau khi rà soát, tổng hợp, phân bổ diện tích cho các ngành, lĩnh vực nông, lâm nghiệp có sử dụng đất trên địa bàn huyện, thời kỳ 2021 – 2030 diện tích đất nông nghiệp cần giảm **512,35 ha** diện tích so với hiện trạng (67.329,65 ha) để chuyển sang các mục đích đất phi nông nghiệp. Trong đó:

- Duy trì ổn định đất trồng lúa.
- Giảm diện tích đất trồng cây hàng năm khác đến năm 2030 còn 1.259,92 ha, chiếm 1,75% tổng diện tích tự nhiên, giảm 1.804,10 ha so với hiện trạng là 3.064,02 ha; đồng thời, thực hiện chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất nội bộ đất nông nghiệp trong đó chuyển 251,45 ha diện tích đất cho các loại hình nông nghiệp khác.
- Giảm **11.871,43 ha** diện tích đất trồng cây lâu năm so với hiện trạng là 58.997,56 ha; đến năm 2030 đất trồng cây lâu năm còn **47.126,13 ha**, chiếm **65,28%** tổng diện tích tự nhiên.
- Đất lâm nghiệp:

Diện tích lâm nghiệp là tài nguyên rất quan trọng trong hệ sinh thái rừng của tỉnh và vùng lãnh thổ Tây Nguyên. Đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay

chiếm tỷ lệ không lớn so với diện tích đất tự nhiên, vì vậy, để đảm bảo chỉ tiêu về phát triển bền vững của tỉnh nói chung và của huyện nói riêng cần phải duy trì và giữ gìn diện tích đất rừng hiện có tại khu vực quy hoạch đất rừng phòng hộ; phục hồi các rừng tự nhiên, chống xói mòn và sạt lở đất đồng thời thực hiện tăng cường thêm diện tích phủ xanh thông qua các kế hoạch trồng rừng, giao đất cho thuê rừng, phát triển các mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng, nhất là những loại đặc sản của vùng, miền, có giá trị kinh tế cao...

Mặt khác, theo rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng đã được phê duyệt tại Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, thì diện tích đất lâm nghiệp được nâng lên, đạt 17.334,68 ha, tăng 12.911,73 ha so với hiện trạng và chiếm 24,01% diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

+ Đất rừng phòng hộ: đến năm 2030 đạt diện tích 5.246,97 ha, tăng 2.876,67 ha so với hiện trạng là 2.370,30 ha;

+ Đất rừng sản xuất: đến năm 2030 đạt diện tích 12.087,71 ha, tăng khoảng 10.035,06 ha theo quy hoạch, kế hoạch so với hiện trạng là 2.052,65 ha. Trong đó duy trì diện tích đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 1.586,24 ha.

- Đất nuôi trồng thủy sản: trên vùng Tây nguyên, khuyến khích kết hợp diện tích đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt trên diện tích đất nông nghiệp hoặc trong các dự án kết hợp trồng trọt, chăn nuôi với các giống cá cho năng suất cao, đảm bảo cung cấp cho người dân trên địa bàn huyện, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình, nâng cao thu nhập cho người dân, duy trì diện tích 91,49 ha như hiện trạng.

- Đất nông nghiệp khác: trong tương lai, xu thế tất yếu là sẽ tăng diện tích đất nông nghiệp khác để thực hiện các dự án sản xuất nông nghiệp sạch và các dự án sử dụng kết hợp đất nông nghiệp, đến năm 2030 nâng diện tích đạt 276,56 ha, tăng thêm 251,45 ha so với hiện trạng là 25,11 ha và chiếm 0,38% diện tích đất tự nhiên.

Thời kỳ 2021 – 2030 dự kiến đưa vào quy hoạch, kế hoạch thực hiện các hạng mục công trình, dự án, gồm những dự án về thực hiện kế hoạch trồng rừng, giao đất và cho thuê rừng, phát triển các mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng; các dự án đầu tư trang trại trồng trọt hoặc chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung có ứng dụng công nghệ cao; dự án nhân giống, ươm giống cây trồng; thực hiện phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

2.1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phi nông nghiệp:

Trên cơ sở định hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025 của huyện, phương án của tỉnh Gia Lai đến năm 2030 và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025: thực hiện tốt việc quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Chủ động, tích cực phối hợp với các ngành của tỉnh để kêu gọi đầu tư lấp đầy khu công nghiệp, thu hút đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp huyện, các dự án năng lượng tái tạo... để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo môi trường thuận lợi, cải

cách thủ tục hành chính cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn; tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông nông thôn; phát triển mạng lưới điện quốc gia, hệ thống điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng trong hoạt động đầu tư, xây dựng.

Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để huy động các nguồn lực tập trung đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thúc đẩy phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn; chú trọng đầu tư có trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho các vùng đặc biệt khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới.

Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch với những mặt hàng chủ yếu từ cây ăn trái, hồ tiêu, cà phê... để phân lớn nông sản hàng hóa sau thu hoạch của nông dân được qua sơ chế, chế biến có chất lượng cao; bên cạnh đó định hướng đưa các khu thu mua cao su vào thu mua tập trung, giảm tác động ảnh hưởng đến môi trường và cảnh quan, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, phù hợp với việc phát triển đồng bộ của các thành phần kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

Phân đầu đến năm 2025, quy mô giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, xây dựng đạt 891 tỷ đồng, tốc độ tăng đạt 4,5% năm. Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành), đến năm 2025, đạt 19,4%;

Quy mô giá trị sản xuất của ngành dịch vụ đạt 1.791,8 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), tốc độ tăng đạt 4% năm. Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành), đến năm 2025, đạt 38,6%;

Ngoài ra, nhằm đảm bảo các chỉ tiêu giao quân, diễn tập quân sự, trước tiên đến năm 2025, phân đầu đưa 3/7 xã, thị trấn ra khỏi diện trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự, đảm bảo an ninh quốc phòng tại vùng biên giới phía Tây Tổ quốc thì nhu cầu sử dụng đất tăng thêm cho các mục đích an ninh, quốc phòng là không thể không đáp ứng.

Theo đó, nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực phi nông nghiệp của huyện Đức Cơ thời kỳ 2021 – 2030 cần tăng thêm 627,38 ha so với hiện trạng là 4.701,27 ha; đưa diện tích đất phi nông nghiệp đến năm 2030 đạt 5.328,65 ha, chiếm 7,38% diện tích đất tự nhiên.

Cụ thể nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực theo chỉ tiêu sử dụng đất phi nông nghiệp như sau:

- Quốc phòng:

Tiếp tục xây dựng địa bàn huyện thành các khu vực phòng thủ vững chắc, toàn diện, đảm bảo khả năng chiến đấu trong mọi tình huống. Nâng cao chất lượng và củng cố số lượng quân thường trực đáp ứng yêu cầu chính quy hiện đại. Tăng cường giáo dục quốc phòng toàn dân, nâng cao ý thức bảo vệ tổ Quốc, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc, hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, công tác diễn tập, hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân hàng năm; đầu tư xây dựng thao trường huấn

luyện đáp ứng yêu cầu huấn luyện, diễn tập; quy hoạch căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương để quản lý, kết hợp với trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

Theo nhu cầu sử dụng đất quốc phòng; theo kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tại Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 thì trong thời kỳ 2021 - 2030, nhu cầu bố trí đất cho các hạng mục công trình quy hoạch có mục đích quốc phòng **cần giảm 157,05 ha** so với hiện trạng là 903,68 ha để thực hiện công trình, dự án có mục đích quốc phòng; đưa diện tích đất quốc phòng **đến năm 2030 còn 746,63 ha**.

- An ninh:

Huy động toàn bộ hệ thống chính trị và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra “điểm nóng”; triển khai đồng bộ các giải pháp để kiềm chế tai nạn giao thông; xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Nâng cao chất lượng công tác nắm, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình an ninh, trật tự để có chủ trương, biện pháp xử lý phù hợp. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, kiên quyết không để hình thành các tổ chức phản động FULRO, “Tin lành Đêga”; các hoạt động gây rối, biểu tình, bạo loạn, vượt biên. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo, an ninh nông thôn, an ninh phi truyền thống, an ninh mạng và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bí mật nhà nước, đảm bảo an toàn mục tiêu, các sự kiện chính trị, xã hội diễn ra tại địa phương. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật, không để hình thành các tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội. Triển khai quyết liệt các biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc vững mạnh, góp phần phòng ngừa và đảm bảo an ninh, trật tự ngay từ cơ sở.

Nhu cầu sử dụng đất đối với các công trình, dự án có mục đích an ninh cần thực hiện trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 6,68 ha so với hiện trạng là 3,48 ha, đến năm 2030 đất an ninh có diện tích 10,16 ha; thời kỳ 2021 - 2030 mở rộng, đầu tư xây dựng Trụ sở phòng cháy chữa cháy khu vực trên địa bàn thị trấn Chư Ty và dự án Xây dựng nhà làm việc Công an xã trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Công nghiệp:

Cần ưu tiên hợp lý dành quỹ đất cho phát triển công nghiệp nhất là những ngành có lợi thế như công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp cơ khí, hóa chất, phục vụ nông – lâm nghiệp, và các ngành sản xuất hàng tiêu dùng, đồ gia dụng, sản xuất vật liệu xây dựng là những ngành có thể tạo ra sức tăng trưởng mạnh mẽ trong công nghiệp cũng như trong nền kinh tế của huyện.

Thời kỳ 2021 – 2030, huy động và tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Chủ động, tích cực phối hợp với các ngành của tỉnh để kêu gọi, thu hút đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu công nghiệp, xây dựng Cụm công

ng nghiệp/tiểu thủ công nghiệp huyện; thu hút đầu tư thực hiện các dự án phát triển năng lượng gồm nâng cấp, cải tạo điện lưới, thủy điện và năng lượng mặt trời... để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo môi trường thuận lợi, cải cách thủ tục hành chính cho các thành phần kinh tế tham gia hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn; tiếp tục đầu tư, nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông nông thôn; phát triển mạng lưới điện quốc gia, hệ thống điện phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Làm tốt công tác quy hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo tiến độ, khối lượng, chất lượng trong hoạt động đầu tư, xây dựng.

Trong kỳ quy hoạch, đất khu công nghiệp tăng thêm 286,26 ha; đất cụm công nghiệp tăng thêm 30 ha. Đến năm 2030, quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp) đạt 395,22 ha.

Thời kỳ 2021 - 2030, hoàn thiện các thể chế pháp luật, tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; kêu gọi đầu tư lấp đầy tỷ lệ khu công nghiệp, hình thành các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung tại các vùng dự án đã được phê duyệt nhằm sử dụng có hiệu quả cơ sở hạ tầng, tạo môi trường thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, thu hút nhiều lao động và việc làm. Phát triển công nghiệp sẽ là cơ sở thúc đẩy sự hình thành những trung tâm đô thị, dịch vụ, cải thiện bộ mặt kinh tế của huyện, gắn việc phát triển công nghiệp với quá trình đô thị hóa, phát triển mạng lưới đô thị, trung tâm cụm xã trên địa bàn toàn huyện.

- Thương mại, dịch vụ:

Theo dự báo nhu cầu sử dụng đất hạ tầng thương mại của ngành Công thương tỉnh theo như Công văn số 528/SCT-KHTCTH của Sở Công thương, trên địa bàn huyện Đức Cơ đến năm 2030 sẽ có khoảng 7 chợ dân sinh, bình quân mỗi chợ có quy mô từ 15.000 m² trở lên với tổng diện tích khoảng 105.000 m² (10,5 ha); có ít nhất 1 Trung tâm thương mại với quy mô khoảng 10.000 m² và 1 siêu thị với quy mô khoảng 5.000 m²; có khoảng 50 cửa hàng tiện lợi với quy mô bình quân 50 m²/cửa hàng và có 7 cửa hàng bán lẻ xăng dầu với quy mô bình quân khoảng 1.500 m²/cửa hàng.

Thời kỳ 2021 – 2030 kêu gọi, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng thương mại trên địa bàn như: kêu gọi đầu tư các ngành thương mại – dịch vụ tại Khu Kinh tế quốc tế Cửa khẩu Lê Thanh; cải tạo và mở rộng hệ thống cấp nước Khu kinh tế; tiến hành giao đất, cho thuê đất thương mại – dịch vụ trong Khu kinh tế, chợ dân sinh ở các xã, đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại huyện; Đồng thời, thời kỳ này đẩy mạnh khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn; đặc biệt quan tâm, phát triển các ngành nghề liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp, phát triển đô thị gắn với xây dựng nông thôn mới; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các dịch vụ thiết yếu quan trọng như: tài chính, ngân hàng, công nghệ - thông tin, viễn thông, vận tải, bảo hiểm, y tế, tư vấn.

Như vậy, nhu cầu đất đai để phát triển thương mại, dịch vụ, cần tăng thêm

45,81 ha so với hiện trạng là 6,80 ha nhằm mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng thiết yếu của nhân dân; đáp ứng các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tại mỗi địa phương.

Trong thời kỳ đổi mới tạo mọi điều kiện thuận lợi cũng như áp dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước cho hộ kinh doanh các lĩnh vực thương mại – dịch vụ mở rộng ngành nghề kinh doanh và mở rộng thêm các cơ sở kinh doanh.

- Sản xuất phi nông nghiệp:

Nhu cầu cho các công trình, dự án cơ sở, nhà máy sản xuất phi nông nghiệp cần thực hiện trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 đạt diện tích là 20,11 ha, tăng thêm 9,50 ha so với hiện trạng là 10,61 ha.

- Sử dụng cho hoạt động khai thác khoáng sản:

Nhu cầu sử dụng đất cho hoạt động khai thác khoáng sản trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 10,94 ha so với hiện trạng là 17,04 ha, đến năm 2030 đạt 27,98 ha.

- Sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

Nhu cầu sử dụng đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 1,95 ha so với hiện trạng, đến năm 2030 có 1,95 ha chủ yếu làm mặt bằng trung chuyển, tập kết vật liệu phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

Hệ thống cơ sở hạ tầng của huyện hiện chưa đồng bộ, nên còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Do đó, trong giai đoạn từ nay đến năm 2030 và xa hơn nữa, cần bố trí đất cho xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục - thể thao, quy tập các khu nghĩa trang nghĩa địa, các khu vui chơi công cộng ... tại các khu dân cư, đảm bảo tỷ lệ các loại đất công cộng bình quân đầu người của huyện đạt chuẩn.

Nhu cầu sử dụng đất để phát triển hạ tầng các cấp cần tăng thêm là 377,95 ha để thực hiện phát triển hạ tầng cơ sở trong kỳ quy hoạch tại tất cả các xã, thị trấn. Diện tích tăng để thực hiện các công trình, dự án thuộc các chỉ tiêu loại đất sau đây:

+ Đất giao thông:

Hạ tầng giao thông sẽ được chú trọng đầu tư, có nhiều công trình được đầu tư xây dựng mới, mở rộng, kết nối, thông suốt, thuận tiện cho việc đi lại.

Hiện nay, trên địa bàn huyện chủ yếu là giao thông đường bộ. Thông qua các tuyến đường cấp vùng, cấp huyện, khả năng kết nối mạng lưới giao thông thông suốt trên địa bàn với các khu vực lân cận trong vùng Tây Nguyên, và vùng kinh tế phía Đông - Tây tỉnh Gia Lai là rất dễ dàng và nhanh chóng. Bên cạnh đó, phát triển hệ thống giao thông nhằm tạo tiền đề thúc đẩy quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp và thương mại - dịch vụ. Huyện hiện có các tuyến giao thông trục quan trọng như: trục đường Quốc lộ 19, Quốc lộ 14c, đường tỉnh, đường huyện, các đường vành đai. Trong tương lai, xây dựng hệ thống giao thông đô thị hiện đại và đồng bộ, nối kết khu vực trung tâm với các xã, thị trấn (tại thị trấn sẽ tiến hành đầu tư nâng cấp

các tuyến đường nội thị như đường Lê Đại Hành chỉ giới 30m; Chỉnh trang, nâng cấp đường Anh Hùng Núp có chỉ giới xây dựng 30m; Quy hoạch mới tuyến đường Huỳnh Thúc Kháng đi trạm xử lý nước thải ở phía Bắc và kết nối với trục đường tránh Quốc lộ 19 đi xã Ia Kla có chỉ giới 20m; Quy hoạch mới trục đường Nguyễn Du đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đi xã Ia Dok có chỉ giới 30m) xung quanh thông qua các tuyến giao thông trục như đường Quốc lộ 19 tiếp tục được mở rộng và đầu tư mới theo Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây nguyên đoạn qua địa bàn huyện Đức Cơ, đường từ liên huyện Đức Cơ - Chư Sê - Chư Prông (6c) và tuyến đường giao thông biên giới cấp bách.

Đặc biệt tuyến đường Quốc lộ 19 đã được Chính phủ chấp thuận đầu tư nâng cấp và mở rộng có chỉ giới xây dựng 40-50m, mặt đường bê tông nhựa rộng 15-19 m, dải phân cách rộng 2,0 m có ý nghĩa rất lớn đối với hệ thống hạ tầng giao thông tại huyện;

Tuyến đường giao thông biên giới: dự kiến vào năm 2021, công trình Tuyến giao thông cấp bách huyện Đức Cơ chính thức được ưu tiên triển khai thi công với điểm đầu tuyến tại nút giao cắt với Quốc lộ 19 (gần trụ sở Công an huyện Đức Cơ), điểm cuối tuyến tại Km21+500 (Đồn Biên phòng Ia Nan); được xây dựng theo quy mô đường cấp V miền núi (TCVN 4054-2005) với tổng chiều dài tuyến 21,5 km, bề rộng mặt đường 3,5 m, bề rộng nền đường 6,5m, mặt đường thảm bê tông nhựa, vận tốc thiết kế 30 km/h, tải trọng thiết kế nền mặt đường 10 tấn/trục. Trên tuyến có 2 công trình cầu bê tông vĩnh cửu tại các lý trình Km13+170 và Km19+351 cùng hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, xử lý các nút giao và đường giao, công trình hạ tầng an toàn và tổ chức giao thông trên tuyến. Tuyến đường thuộc khu vực biên giới huyện Đức Cơ; cộng đồng dân cư tại khu vực sẽ được hưởng phúc lợi từ tuyến đường này, đặc biệt là tại 2 xã Ia Pnôn và Ia Nan.

Tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ sau khi hoàn thành sẽ kết nối với Quốc lộ 19, Quốc lộ 14C và các trục đường liên xã qua 2 địa phương Ia Pnôn, Ia Nan đến Đồn Biên phòng Ia Nan tạo thành trục giao thông liên hoàn; đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, nông sản của nhân dân khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực biên giới của tỉnh.

Như vậy, trong tương lai, với sự phát triển hệ thống giao thông trục nhằm tăng cường vai trò giao lưu kinh tế, phát triển thương mại – dịch vụ giữa huyện với khu vực xung quanh.

Phát triển hệ thống giao thông nông thôn theo hướng cải tạo mặt đường và bê tông hóa, giảm dần các tuyến đường đất, đá, đường cấp phối. Ưu tiên xây dựng các tuyến giao thông trục trong khu dân cư nông thôn đáp ứng yêu cầu thông suốt và gắn kết với khu trung tâm và giao thông đô thị (Đường giao thông kết nối thị trấn Chư Ty đến xã Ia Dok, Đường liên xã Ia Pnôn - Ia Kriêng - Ia Lang; Đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla (Giai đoạn 3 và 4), ...). Ngoài ra, nghiên cứu phát triển hệ thống giao thông sẽ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, tăng tính hiệu quả và giảm chi phí vận chuyển.

Hệ thống giao thông trên địa bàn xã, thị trấn hiện nay mới bước đầu được

nâng cấp, nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất hàng hoá và mở rộng và xây dựng khu dân cư mới trong tương lai.

Định hướng thời kỳ này là dành quỹ đất tối đa để phát triển hệ thống giao thông đô thị lẫn khu dân cư nông thôn. Trong kỳ quy hoạch tiến hành nâng cấp, xây dựng mới các công trình giao thông với tổng diện tích quy hoạch năm 2030 đạt diện tích **1.339,18 ha, tăng 28,50 ha so với hiện trạng là 1.310,68 ha.**

+ Thủy lợi:

Phát huy tối đa lợi thế của các công trình hồ chứa nước; đồng thời chỉnh trang, nâng cấp hệ thống kênh mương hiện có. Đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu tưới tiêu và thoát nước, hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư, cải tạo, nạo vét và mở rộng, đặc biệt sẽ đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi tại xã Ia Krêl, Ia Lang, Ia Pnôn nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu giải quyết vấn đề nước tưới cho nhân dân vùng biên giới.

Định hướng thời kỳ này là dành khoảng 17,33 ha diện tích đất cần tăng thêm để tiến hành nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi.

+ Văn hóa, thể dục, thể thao:

Thu hút đầu tư để khai thác tiềm năng, thế mạnh về văn hóa, du lịch của địa phương. Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa của nhà văn hóa xã, thôn, làng; khuyến khích xã hội hóa, đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao trên toàn địa bàn.

Phấn đấu đất văn hóa, cây xanh, thể dục thể thao đạt chỉ tiêu từ 14 - 18 m²/người. Chủ yếu là các công trình thể dục thể thao phục vụ công ích xã hội. Trong đó, đáp ứng yêu cầu thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới tại các xã, ưu tiên diện tích đất dành cho phát triển các sân thể thao, khu vực sân sinh hoạt cộng đồng trong các khu dân cư nông thôn, nhà thi đấu đa năng cần tăng thêm **là 28,41 ha.**

Theo số liệu thống kê của Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Đức Cơ, hiện nay trên địa bàn huyện có 3/9 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 9/9 xã có Nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, hàng năm huyện đều tổ chức Hội thi văn hóa thể thao dành cho đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2020 huyện đã tiến hành kiểm kê công trình nhằm phục vụ công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản không gian văn hóa công trình trên địa bàn; hiện còn hơn 200 bộ.

Bên cạnh phát triển hạ tầng xã hội cho cộng đồng dân cư, công tác bảo tồn, phục dựng và quản lý các di tích lịch sử - văn hóa luôn được cấp ủy và chính quyền quan tâm chú trọng (hiện trên địa bàn huyện có 1,20 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa ở thị trấn Chư Ty, xã Ia Dok). Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, huyện đã ban hành các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp tỉnh "Địa điểm Chiến thắng Chư Bô - Đức Cơ", triển khai Đề án phát triển du lịch huyện Đức Cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Triển khai xây dựng bia di tích lịch sử "Cuộc nổi dậy phá trại giam Cuty - Chư Drông". Phối hợp tổ chức phục dựng Lễ cúng giọt nước tại làng Krêl, xã Ia Krêl.

Chính vì vậy, thời gian qua, các cấp chính quyền địa phương và ngành chức năng của huyện luôn đặc biệt quan tâm đến công tác bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa độc đáo của người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Theo đó, đất cơ sở văn hóa đến năm 2030 là 3,05 ha, tăng 0,15 ha so với hiện trạng là 2,90 ha; đất di tích lịch sử - văn hóa đến năm 2030 là 6,94 ha, tăng thêm 5,74 ha so với hiện trạng là 1,20 ha; đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao đến năm 2030 là 53,71 ha, tăng thêm 28,41 ha so với hiện trạng là 25,30 ha.

+ Y tế:

Đầu tư phát triển y tế, thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết góp vốn của các tổ chức, cá nhân để đầu tư trang thiết bị y tế, các dịch vụ kỹ thuật cao.

Giai đoạn 2015 – 2020, hạ tầng y tế tại huyện được chú trọng đầu tư phát triển tương đối đầy đủ. Thời kỳ quy hoạch, tiếp tục phát huy và duy trì tỷ lệ đến năm 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế. Phấn đấu đến năm 2025 số bác sỹ/vận dân đạt 7 bác sỹ, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%.

Bên cạnh hệ thống y tế công lập, khuyến khích phát triển hệ thống y tế tư nhân trên địa bàn huyện, đặc biệt là tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn và Khu kinh tế cửa khẩu.

Các cơ sở y tế được bố trí sử dụng đất theo định mức sử dụng đất y tế (diện tích công trình) đạt tối thiểu 500 m²/trạm; bệnh viện đa khoa cấp huyện 3.000 m²/công trình; trung tâm y tế dự phòng 1.000 – 1.500 m²/công trình, đối với phòng khám đa khoa khu vực là 1.800 – 2.400 m²/công trình. Hiện nay, trên địa bàn huyện các trạm y tế xã đã được xây dựng, thuận lợi cho người dân theo dõi, khám chữa bệnh thông thường. Đến năm 2030, tăng thêm 3,01 ha đất y tế so với hiện trạng là 7,57 ha để thu hút, khuyến khích đầu tư xã hội hóa phát triển y tế.

+ Giáo dục - đào tạo:

Tăng cường đầu tư, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, đặc biệt là các trường nội trú, bán trú để đáp ứng nhu cầu ăn, ở, học tập của học sinh. Ưu tiên công tác đảm bảo các điều kiện thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới, ưu tiên đầu tư xây dựng các trường học trong lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (gồm các trường MN Hoa Sen, MN Bình Minh, TH Đình Núp, TH Hùng Vương, PTDTNT-TH Lê Quý Đôn, THCS Lý Tự Trọng, THCS Lê Hồng Phong).

Phát triển hệ thống giáo dục toàn diện về chất lượng lẫn số lượng, đáp ứng tối đa nhu cầu về cơ sở vật chất gồm cơ sở dạy học, nâng tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt từ 70% trở lên, đến năm 2025 có 31 trường đạt chuẩn quốc gia (tăng thêm 07 trường); Khuyến khích phát triển và thu hút đầu tư vào các trung tâm dạy nghề theo hướng xã hội hóa, nâng cao chất lượng các trung tâm giáo dục cộng đồng, đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cung cấp cho các khu công nghiệp, các vùng lân cận, các nhà máy, cơ sở công nghiệp.

Chỉ tiêu đất cho xây dựng trường mẫu giáo, trường tiểu học khoảng từ 12 - 15 m²/học sinh; trường trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt 8 - 12 m²/học sinh.

Hiện nay có 54,59 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo. Thời kỳ 2021 – 2030, cần tăng thêm 7,16 ha diện tích cho việc thực hiện xây dựng mới hoặc nâng cấp, bổ sung các hạng mục còn thiếu cũng như xây dựng các tiêu chí bổ sung trường chuẩn quốc gia ... nhằm đáp ứng yêu cầu về giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện.

+ Công trình năng lượng:

Hiện tại, nguồn cấp điện trên địa bàn huyện được cấp điện từ TBA trung gian 110/35/22KV Đức Cơ, công suất 1x25 MVA; dự kiến nâng công suất trạm 110/35/22KV Đức Cơ từ 1x25 MVA thành 2x25 MVA.

Theo kết quả khảo sát của cơ quan chuyên môn, huyện Đức Cơ có số giờ nắng trung bình khá cao với khoảng 5 giờ/ngày, rất thích hợp cho việc phát triển năng lượng điện mặt trời. Theo định hướng phát triển ngành công thương, hiện tại trên địa bàn huyện Đức Cơ có một số dự án nghiên cứu phát triển thủy điện, năng lượng mặt trời đang tiến hành khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch ngành.

Định hướng quỹ đất dành cho phát triển nguồn năng lượng là: bố trí các trạm biến áp điện, trạm đầu nối, móng trụ điện và hành lang tuyến điện đi qua, thực hiện các dự án phát triển điện lưới, thủy điện và năng lượng mặt trời. Trong tương lai, có một số công trình, dự án về phát triển năng lượng, trước mắt ưu tiên xây dựng mới trạm biến áp 110kV Lê Thanh (lắp trước 1 máy GĐ 2021-2025 cấp điện cho Khu Kinh tế cửa khẩu Lê Thanh và bán điện qua Campuchia), phát triển thủy điện và điện mặt trời được thực hiện trên địa bàn huyện.

Nhằm đảm bảo nguồn năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại huyện, phân đầu đưa số hộ sử dụng điện đạt 100% vào năm 2025 đồng thời tăng chỉ số điện thương phẩm bình quân đầu người. Định hướng đến năm 2030, đất năng lượng cần tăng thêm 222,75 ha so với hiện trạng là 24,09 ha.

Đối với hệ thống cấp nước, giai đoạn đến 2025: khu vực đô thị trên địa bàn thị trấn Chư Ty được cung cấp nước sạch từ Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung có công suất thiết kế: 2.150m³/ngày đêm. Ngoài ra có tại huyện có khoảng 560 giếng nước khoan tại khu vực đã có hệ thống cấp nước sạch tập trung, còn lại rất nhiều hộ sử dụng nguồn nước từ giếng tự đào. Phân đầu đến năm 2025, khoảng 40% hộ sử dụng nguồn nước của hệ thống nước sạch này. Việc thiếu nước nghiêm trọng đã ảnh hưởng lớn tới cuộc sống và sản xuất của cộng đồng dân cư tại đây.

Các khu vực nông thôn được cấp nước từ hồ nước nhân tạo, hồ tự nhiên, hệ thống nước sạch được tập trung, ngoài ra là giếng đào.

Trong tương lai dự kiến nguồn nước lấy từ việc ngăn đập tràn suối Ia Krêl (xã Ia Dom) làm hồ thủy lợi và nguồn nước sông Sê San để lấy nước thô xử lý thành nước sạch bơm về thị trấn để cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Chư Ty và các xã lân cận trên địa bàn huyện.

Khu công nghiệp sử dụng nguồn nước của trạm cấp nước hiện hữu trên Khu Kinh tế cửa khẩu với công suất 1.200 m³/ngày đêm, tuy nhiên với ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên vùng biên giới cũng chưa đủ cung ứng toàn cho Khu kinh tế, đặc biệt là đối với Khu công nghiệp và các hộ dân vùng lân cận. Trong tương lai hệ

thống cấp nước tại Khu Kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh sẽ được cải tạo, mở rộng, đảm bảo cấp nước cho gần 300 hộ dân và doanh nghiệp tại khu vực này.

Trong những năm tới, bố trí quỹ đất để xây dựng hệ thống cấp nước (tuyến ống), trạm bơm, nhà máy nước. Đảm bảo tỷ lệ cấp nước đô thị đạt 100% được cấp nước sạch, tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh là 98%.

+ Công trình bưu chính, viễn thông:

Trên địa bàn huyện hiện có bưu điện huyện, bưu điện các xã, thị trấn và diện tích đất Đài Viễn thông tại thị trấn Chư Ty, có tổng diện tích đất là 0,97 ha.

Duy trì và nâng cấp cho phát triển các điểm truyền thông, viễn thông, trạm phát sóng để đảm bảo viễn thông trên toàn huyện, diện tích để xây dựng công trình đất bưu chính, viễn thông cần tăng thêm là 0,86 ha.

+ Thu gom, xử lý chất thải và vệ sinh môi trường:

Bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn là một trong bốn nội dung trọng tâm của chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, theo đó phải đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn (tăng tỷ lệ chất thải rắn, nước thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật được phân loại, thu gom và xử lý), tại đô thị đến năm 2025, tỷ lệ xử lý chất thải đô thị đạt 96%; thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư các khu xử lý rác tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh, đồng thời khuyến khích phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ, cấp thôn trong cộng đồng dân cư.

Dự kiến trong tương lai các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải có hệ thống thoát và xử lý nước thải, các cơ sở phân tán phải có trạm xử lý nước thải. Bên cạnh đó, các khu đô thị đều phải có hệ thống thoát và xử lý chất thải, đối với các khu dân cư nông thôn phải có các điểm thu gom tập trung và xử lý chất thải. Vì vậy, định hướng sử dụng đất sẽ bố trí một số công trình về xử lý chất thải, bãi thải, giai đoạn này thực hiện chủ yếu là các bãi rác thu gom chất thải rắn, trạm trung chuyển rác.

Nhu cầu dành cho quỹ đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2030 cần tăng thêm 17 ha so với hiện trạng để đưa chỉ tiêu đất bãi thải xử lý chất thải đạt 25,90 ha. Thời kỳ 2021 – 2030, dự kiến sẽ mở rộng, bố trí một số bãi rác thu gom chất thải rắn và trung chuyển, kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại khu công nghiệp và các khu dân cư nông thôn với quy mô diện tích từ 1– 3 ha.

+ Đất cơ sở tôn giáo: nhu cầu trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 0,44 ha so với hiện trạng là 4,20 ha để giao đất cho cơ sở tôn giáo.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: nhu cầu trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 41,40 ha so với hiện trạng là 52,87 ha để mở rộng, xây mới các nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn huyện, phù hợp với các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới.

+ Đất chợ:

Tại huyện có chợ trung tâm huyện và một số chợ dân sinh trên địa bàn các xã, thị trấn có tổng diện tích khoảng 1,71 ha.

Ngoài ra còn có chợ thương mại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh và 3 siêu thị (Điện máy xanh, Thế giới di động, DailyMak) và các hộ kinh doanh.

Căn cứ nhu cầu sử dụng đất của ngành công thương huyện Đức Cơ; thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, định hướng phát triển các điểm chợ tại các xã và chợ quy mô cấp huyện tại trung tâm huyện, đến năm 2030 diện tích đất chợ cần tăng thêm **5,20 ha** để đáp ứng yêu cầu cung ứng và trao đổi hàng hóa tương xứng với quy mô phát triển dân số, kinh tế - xã hội và phục vụ cho quy hoạch xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh. Trong đó, bố trí xây dựng các chợ có quy mô từ 0,3 – 1,5 ha tại các xã nông thôn theo kiểu chợ truyền thống. Riêng Chợ huyện tại khu vực Đường Quang Trung, tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty có quy mô khoảng 1,35 ha.

- Đất danh lam thắng cảnh:

Theo Văn bản số 88/TTr-UBND của UBND huyện Đức Cơ ngày 11/6/2021 về việc xin chủ trương danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện giai đoạn 2021 – 2025;

Để bảo tồn giá trị văn hóa, lịch sử và tôn tạo cảnh quan, danh lam thắng cảnh, thời kỳ 2021 – 2030 phân bổ 70 ha diện tích tăng thêm để đầu tư và kêu gọi đầu tư xây dựng khu du lịch Suối Đồi trên địa bàn xã Ia Dom, khu vực thác ông Đồng trên địa bàn xã Ia Pnôn và xã Ia Nan.

- Đất sinh hoạt cộng đồng:

Trong giai đoạn năm 2015 – 2020, với các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, các chương trình giảm nghèo bền vững được triển khai, đã đầu tư xây dựng mới các công trình nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, hay chỉnh trang xây mới hội trường tổ dân phố, thôn phục vụ cộng đồng dân cư. Hiện nay, 9/9 xã có Nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, tại thị trấn có nhà sinh hoạt và hội trường tổ dân phố, thôn với tổng diện tích đất sinh hoạt cộng đồng hiện có 11,23 ha (Loại đất này có diện tích nhiều hơn trên địa bàn xã Ia Dok và xã Ia Nan).

Nhu cầu sử dụng đất cần thực hiện các hạng mục công trình, dự án phục vụ cộng đồng trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 0,57 ha so với hiện trạng (11,23 ha) để đầu tư chỉnh trang mở rộng, xây dựng mới một số công trình nhà sinh hoạt cộng đồng phục vụ cộng đồng dân cư.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Hiện trên địa bàn huyện có 11,78 ha diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên; đây là phần diện tích đất Công viên và các khu vực vui chơi giải trí công cộng, phân bố chủ yếu ở thị trấn Chư Ty (10,01 ha), xã Ia Dom (0,85 ha) và xã Ia Krêl (0,93 ha).

Là huyện trọng điểm phát triển phía Tây tỉnh Gia Lai, để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa, việc chuyển đổi đất đai giữa các mục đích sử dụng và giành đất cho những nhu cầu vui chơi công cộng này là không thể không đáp ứng. Đến năm 2030, dự kiến đầu tư xây dựng khu vui chơi thể dục, thể thao trên địa bàn làng Chan (cạnh cổng chào), xã Ia Pnôn và các xã Ia Dom, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Kriêng, Ia Din, Ia Lang, Ia Dok.

Nhu cầu sử dụng đất cần thực hiện các hạng mục công trình, dự án phục vụ cộng đồng về vui chơi, giải trí công cộng trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 2,00 ha so với hiện trạng (11,78 ha) để đầu tư chỉnh trang mở rộng, xây dựng mới một số công trình xây dựng khu vui chơi thể dục, thể thao trên địa bàn các xã và tại Khu Kinh tế phục vụ cộng đồng dân cư và thu hút du lịch, dịch vụ.

- Đất ở:

Yêu cầu dành quỹ đất để làm nhà ở của nhân dân thời kỳ 2021 – 2030 và những năm tiếp theo là cao hơn. Ngoài việc tăng diện tích đất ở đô thị tại thị trấn Chư Ty, cần đẩy mạnh xây dựng các cụm dân cư ở các trung tâm xã, đặc biệt là các khu/điểm dân cư và khu nhà ở công nhân trong các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, các nhà máy, khu chế biến để đáp ứng nhu cầu nhà ở của nhân dân.

Dự báo dân số đến năm 2030, toàn huyện có dân số trung bình khoảng 83.283 người trong đó bao gồm cả số người tăng tự nhiên chỉ và tăng cơ học (người vãng lai đến làm việc trên địa bàn huyện). Dự báo này dựa trên các luận cứ như sau:

- Dân số trung bình hàng năm qua các năm 2016 đến năm 2020; tỷ lệ sinh và tỷ lệ tử của dân số (theo Niên giám thống kê năm 2019 tỉnh Gia Lai).

- Sự hình thành và mở rộng, nâng cấp các đô thị.

- Sự bố trí khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các nhà máy, cơ sở công nghiệp trên địa bàn (theo xã, thị trấn).

Về cơ bản diện tích đất hiện trạng đã vượt chỉ tiêu định mức bình quân theo quy định.

Định hướng đến năm 2030, tổng diện tích đất ở đạt khoảng 627,09 ha, chiếm 0,87% diện tích đất tự nhiên và tăng thêm 121,32 ha so với diện tích hiện trạng. Phần tăng diện tích này được xem xét và tính toán từ nhu cầu và mức độ phát triển kinh tế - xã hội (trong đó có phát triển đô thị và công nghiệp). Trong đó, các loại đất ở theo khu vực cụ thể như sau:

- Nhu cầu cho việc mở rộng các khu dân cư hiện hữu (dẫn dân), bố trí một số khu/điểm dân cư mới (theo quy hoạch) và xây dựng các khu/điểm dân cư cho người đến lao động tại địa phương, hoặc bố trí ổn định dân di cư tự do tập trung trong kỳ quy hoạch cần tăng thêm 92,71 ha so với hiện trạng là 425,78 ha. Như vậy, đất ở tại nông thôn đến năm 2030 đạt 518,49 ha, trong đó bao gồm diện tích tăng thêm do chuyển mục đích sử dụng tại các khu quy hoạch, kế hoạch được duyệt, mở rộng các khu dân cư hiện hữu (dẫn dân), bố trí một số khu dân cư mới (theo quy hoạch) và xây dựng các khu dân cư cho người đến lao động tại địa phương.

- Đất ở tại đô thị đến năm 2030 đạt diện tích 108,60 ha, tăng thêm 28,61 ha đáp ứng yêu cầu mở rộng nâng cấp thị trấn hiện có. Diện tích đất ở đô thị tính theo bình quân đầu người đạt dự kiến 200 - 220 m²/người.

Đồng thời có nhiều khu vực chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở các tổ dân phố, thôn, làng tại thị trấn.

Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện cần thực hiện trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 được tổng hợp từ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực cần thực hiện chuyển tiếp và nhu cầu sử dụng đất đối với các công trình, dự án đăng ký mới.

2.2. Tổng hợp, cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ kết quả rà soát nhu cầu sử dụng đất từ phòng Tài nguyên và Môi trường, các phòng ban chuyên môn của huyện, các xã, thị trấn... các dự án dự kiến thực hiện từ năm 2020 - 2030 đã được duyệt; trên cơ sở các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch kỳ trước nhưng chưa thực hiện và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong thời kỳ 2021 - 2030; các chỉ tiêu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất trên địa bàn huyện Đức Cơ trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 được phân bổ như sau:

Bảng 10. Cân đối, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất huyện Đức Cơ đến năm 2030

Đơn vị diện tích: ha

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2020	Diện tích cân đối Tăng (+); Giảm (-)	Diện tích cuối kỳ năm 2030	Cơ cấu sử dụng đất so với tổng diện tích tự nhiên (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng diện tích tự nhiên		72.186,01		72.186,01	100
1	Đất nông nghiệp	NNP	67.329,65	-512,35	66.817,30	92,56
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	728,52		728,52	1,01
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	519,32		519,32	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.064,02	-1.804,10	1.259,92	1,75
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	58.997,56	-11.871,43	47.126,13	65,28
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.370,30	2.876,67	5.246,97	7,27
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD				
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.052,65	10.035,06	12.087,71	16,75
	<i>Trong đó: đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	1.586,24		1.586,24	2,20
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	91,49		91,49	0,13
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	25,11	251,45	276,56	0,38
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.701,27	627,38	5.328,65	7,38
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	903,68	-157,05	746,63	1,03
2.2	Đất an ninh	CAN	3,48	6,68	10,16	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	78,96	286,26	365,22	0,51
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		30,00	30,00	0,04
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,80	45,81	52,61	0,07
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	10,61	9,50	20,11	0,03
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	17,04	10,94	27,98	0,04
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX		1,95	1,95	0,00

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số thứ tự	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích đầu kỳ năm 2020	Diện tích cân đối Tăng (+); Giảm (-)	Diện tích cuối kỳ năm 2030	Cơ cấu sử dụng đất so với tổng diện tích tự nhiên (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.496,70	377,95	1.874,65	2,60
	Trong đó:					
-	Đất giao thông	DGT	1.310,68	28,50	1.339,18	1,86
-	Đất thủy lợi	DTL	1,72	17,33	19,05	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,90	0,15	3,05	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,57	3,01	10,58	0,01
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	54,59	7,16	61,75	0,09
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	25,30	28,41	53,71	0,07
-	Đất công trình năng lượng	DNL	24,09	222,75	246,84	0,34
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,97	0,86	1,83	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,20	5,74	6,94	0,01
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	8,90	17,00	25,90	0,04
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,20	0,44	4,64	0,01
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	52,87	41,40	94,27	0,13
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	1,71	5,20	6,91	0,01
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL		70,00	70,00	0,20
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,23	0,57	11,80	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	11,78	2,00	13,78	0,02
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	425,78	92,71	518,49	1,47
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	79,99	28,61	108,60	0,15
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,39	5,13	25,52	0,04
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,05	0,07	3,12	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,07		0,07	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.470,69	-183,75	1.286,94	1,78
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	160,21		160,21	0,22
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,80		0,80	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	155,09	-115,03	40,06	0,06

Các chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ, cân đối cụ thể như sau:

2.2.1. Đất nông nghiệp:

Căn cứ vào nguồn lực đầu tư để thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội thời kỳ năm 2021 – 2030, căn cứ tiến độ triển khai thực hiện công trình, dự án kỳ quy hoạch trước, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đưa chỉ tiêu đất nông nghiệp còn 66.817,30 ha, giảm 512,35 ha so với hiện trạng là 67.329,65 ha. Trong đó, thực giảm 1.369,46 ha cho các loại đất phi nông nghiệp, mà diện tích chuyển cho các loại

đất công nghiệp, để phát triển công nghiệp và phát triển du lịch chiếm diện tích lớn; đồng thời thực **tăng 24,66 ha** do đưa đất chưa sử dụng vào phát triển lâm nghiệp, thực hiện kế hoạch trồng rừng, giao khoán đất rừng và thay đổi mục đích quy hoạch 523,03 ha đất có mục đích quốc phòng sang khu vực bảo vệ và phát triển lâm nghiệp, khoanh nuôi đất quy hoạch lâm nghiệp tại các khu vực ven sông, suối để phát triển lâm nghiệp theo **Quyết định số 527/QĐ-UBND, ngày 23/8/2021 về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.**

Thời kỳ 2021 – 2030 dự kiến đưa vào quy hoạch, kế hoạch thực hiện các hạng mục công trình, dự án, gồm những dự án về thực hiện trồng rừng sản xuất, quy hoạch rừng, kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng; các dự án đầu tư trang trại trồng trọt hoặc chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung có ứng dụng công nghệ cao; phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quy hoạch vùng trồng cây ăn trái gần khu công nghiệp, quy hoạch khu nuôi yến tập trung ... để phát triển nông – lâm nghiệp, giai đoạn trước mắt đến năm 2025, phân đầu đưa cơ cấu ngành nông lâm nghiệp – thủy sản chiếm 42%.

Quy hoạch đến năm 2030, cân đối phân bổ cho từng chỉ tiêu, diện tích đất nông nghiệp như sau:

2.2.1.1. Đất trồng lúa:

Hiện trạng có 728,52 ha, chiếm 1,01% diện tích tự nhiên; trong đó, đất chuyên trồng lúa nước là 519,32 ha.

Thời kỳ quy hoạch duy trì ổn định diện tích đất trồng lúa.

2.2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác:

Hiện trạng có 3.064,02 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **1.259,92** ha. Giảm **1.804,10 ha** so với hiện trạng.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển giảm: 1.894,15 ha, trong đó:

- Giảm cho mục đích sử dụng đất nông nghiệp là **1.707,15** ha; trong đó chuyển sang cho các mục đích sau đây:

+ Đất rừng phòng hộ là **194,22 ha;**

+ Đất rừng sản xuất là **1.261,48 ha;**

+ Đất nông nghiệp khác là 251,45 ha.

- Giảm cho mục đích phi nông nghiệp là 187,00 ha; giảm để chuyển sang cho các mục đích sau đây:

+ Đất khu công nghiệp là 122,61 ha;

+ Đất phát triển hạ tầng là 34,39 ha.

Đất trồng cây hàng năm khác giảm cho đất phát triển hạ tầng, để chuyển sang cho các loại đất sau đây: Đất giao thông (24,45 ha); Đất thủy lợi (7,00 ha); Đất xây

dựng cơ sở thể dục thể thao (1,60 ha); Đất có di tích lịch sử - văn hóa (0,34 ha); Đất bãi thải, xử lý chất thải (1,00 ha);

+ Đất danh lam thắng cảnh là 30 ha.

b) Chu chuyển tăng: 90,05 ha. Tăng từ đất trồng cây lâu năm.

Như vậy đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là **1.259,92 ha**, **chiếm 1,75%** diện tích đất tự nhiên.

2.2.1.3. Đất trồng cây lâu năm:

Hiện trạng có 58.997,56 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **47.126,13 ha**. **Giảm 11.871,43 ha** so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, diện tích đất trồng cây lâu năm được giảm **11.871,43 ha** để chuyển mục đích cho hầu hết các hạng mục công trình quy hoạch để đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng khu công nghiệp và phát triển hạ tầng, bảo vệ và phát triển lâm nghiệp ... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại huyện;

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển giảm: **11.871,43 ha**, trong đó:

- Giảm cho mục đích nông nghiệp là **10.688,97 ha**; trong đó, giảm để chuyển sang các loại đất sau đây:

+ Đất trồng cây hàng năm khác là 90,05 ha;

+ Đất rừng phòng hộ là **2.555,84 ha**;

+ Đất rừng sản xuất là **8.043,08 ha**.

- Giảm cho mục đích phi nông nghiệp là **1.182,46 ha**; trong đó giảm để chuyển sang các loại đất sau đây:

+ Đất quốc phòng là **365,98 ha**;

+ Đất an ninh là **5,40 ha**;

+ Đất khu công nghiệp là 163,65 ha;

+ Đất cụm công nghiệp là 30,00 ha;

+ Đất thương mại, dịch vụ là **18,21 ha**;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là **6,50 ha**;

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là **10,44 ha**;

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng là **1,95 ha**;

+ Đất phát triển hạ tầng là **421,21 ha**;

Đất trồng cây lâu năm giảm cho đất phát triển hạ tầng, để chuyển sang cho các loại đất sau đây: Đất giao thông (**103,83 ha**); Đất xây dựng cơ sở văn hóa (0,51 ha); Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (**4,00 ha**); Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao (21,80 ha); Đất công trình năng lượng (222,72 ha); Đất có di tích lịch sử - văn hóa (4,45 ha) Đất công trình bưu chính, viễn thông (0,86 ha); Đất bãi thải, xử lý

chất thải (16,00 ha); Đất cơ sở tôn giáo (0,44 ha); Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng (41,40 ha); Đất chợ (5,20 ha);

- + Đất danh lam thắng cảnh là 40 ha;
- + Đất sinh hoạt cộng đồng là 0,73 ha;
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,00 ha;
- + Đất ở tại nông thôn là 86,62 ha;
- + Đất ở tại đô thị là 25,45 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 5,32 ha.

Đến năm 2030, đất trồng cây lâu năm trên địa bàn huyện có diện tích 47.126,13 ha, chiếm 65,28% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.1.4. Đất rừng phòng hộ:

Hiện trạng có 2.370,30 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 5.246,97 ha. Tăng 2.876,67 ha so với hiện trạng.

Hiện trạng đất rừng phòng hộ tập trung trên địa bàn xã Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan với diện tích là 2.370,30 ha. Đối với khu vực rừng phòng hộ cần quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có.

Thời kỳ 2021 – 2030, theo rà soát điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; nâng cao chất lượng rừng, duy trì độ che phủ rừng để phát huy tốt nhất khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái. Dự kiến thực hiện kế hoạch đưa vào kế hoạch trồng rừng tập trung, kế hoạch giao đất, cho thuê rừng trên địa bàn xã Ia Dom tại khu vực làng Mook Trang và các xã khác, với diện tích tăng thêm là 2.876,67 ha.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 2.883,78 ha, trong đó tăng do nhận từ:

- Đất trồng cây hàng năm khác là 194,22 ha;
- Đất trồng cây lâu năm là 2.555,84 ha;
- Đất rừng sản xuất là 6,91 ha;
- Đất quốc phòng: 36,44 ha; (thay đổi mục đích quy hoạch tại khu vực Thảo trường Đồn 719, xã Ia Dom và KVPT 3 tại địa bàn xã Ia Nan theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021);
- Đất giao thông: 46,74 ha; (Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021).
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 43,63 ha (Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021).

b) Chu chuyển giảm: 7,11 ha (rừng trồng), giảm để chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất rừng sản xuất theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021.

Đến năm 2030, đất rừng phòng hộ đạt **5.246,97** ha, chiếm 7,27% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.1.5. Đất rừng sản xuất:

Hiện trạng có 2.052,65 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **12.087,71** ha. Tăng **10.035,06** ha so với hiện trạng.

Hiện trạng đất rừng sản xuất tại huyện phân bố trên địa bàn xã Ia Din, xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Lang, xã Ia Nan và xã Ia Pnôn. Trong đó, đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên có diện tích 1.586,24 ha, diện tích loại đất rừng tự nhiên này cần được bảo vệ, duy trì.

Thời kỳ 2021 – 2030, sau khi rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn huyện tại các xã Ia Dom, Ia Pnôn, Ia Nan, Ia Kla, Ia Kriêng, Ia Lang và đưa vào thực hiện quy hoạch, kế hoạch giao đất, cho thuê rừng trên địa bàn các xã nói trên; đồng thời ngành nông nghiệp rà soát bảo vệ và phát triển lâm nghiệp theo **Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021**, đến năm 2030, diện tích đất rừng sản xuất tăng thêm 10.035,06 ha.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 10.041,97 ha, tăng từ các loại đất sau đây chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác: **1.261,48 ha**;
- Đất trồng cây lâu năm: **8.043,08 ha**;
- Đất rừng phòng hộ: 7,11 ha;
- Đất quốc phòng: 486,59 ha; (thay đổi mục đích quy hoạch tại địa bàn xã theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021);
- Đất giao thông: 89,73 ha; (Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021).
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 129,32 ha (Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021).
- Đất chưa sử dụng là **24,66 ha**.

b) Chu chuyển giảm: 6,91 ha (rừng trồng), giảm để chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất rừng phòng hộ theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021.

Như vậy, đến năm 2030, đất rừng sản xuất đạt diện tích **12.087,71 ha**, chiếm **16,75%** tổng diện tích tự nhiên. (Trong đó, rừng sản xuất là rừng tự nhiên là 1.586,24 ha, chiếm 2,20% tổng diện tích tự nhiên).

2.2.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản:

Hiện trạng đất nuôi trồng thủy sản có 91,49 ha. Duy trì diện tích hiện trạng.

2.2.1.7. Đất nông nghiệp khác:

Hiện trạng có 25,11 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 276,56 ha. Tăng 251,45 ha.

Tăng 251,45 ha, tăng từ đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang.

Thời kỳ 2021 – 2030, đất nông nghiệp khác trên địa bàn huyện cần tăng diện tích khá lớn so với hiện trạng để phục vụ phát triển các loại hình nông nghiệp khác, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng và dự kiến hình thành các khu vực chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi yếm tập trung theo mô hình trang trại công nghiệp ... trên địa bàn tất cả các xã, thị trấn.

Đến năm 2030, đất nông nghiệp khác đạt 276,56 ha, chiếm 0,38% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng có 4.701,27 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 5.328,65 ha. Tăng 627,38 ha.

Thời kỳ 2021 – 2030, tiếp tục hoàn thiện hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện theo hướng phát triển công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phấn đấu phát triển thị trấn Chư Ty trở thành đô thị loại IV, phát triển Khu Trung tâm Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh đạt tiêu chí đô thị loại V thì ngoài phần diện tích hiện trạng đất phi nông nghiệp đã có là 4.701,27 ha, để đáp ứng nhu cầu về đất ở cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn; chú trọng đầu tư có trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho các vùng đặc biệt khó khăn để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới cần tăng thêm 627,38 ha đất sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Cụ thể nhu cầu sử dụng đất cho từng ngành, lĩnh vực phi nông nghiệp được rà soát tổng hợp và cân đối, phân bổ theo chỉ tiêu loại đất như sau:

2.2.2.1. Đất quốc phòng:

Hiện trạng có 903,68 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 746,63 ha. Giảm 157,05 ha so với hiện trạng.

Theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, đất quốc phòng cần tăng thêm 364,98 ha so với hiện trạng để bố trí đất cho các hạng mục công trình quy hoạch phòng thủ, sắp xếp lại các đội sản xuất kinh tế quốc phòng; đầu tư xây dựng thao trường huấn luyện đáp ứng yêu cầu huấn luyện, diễn tập, lập chốt dân quân; tiếp tục thực hiện quy hoạch sân bay quân sự; quy hoạch căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương để quản lý, kết hợp với trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng trên địa bàn.

Đồng thời thay đổi mục đích quy hoạch theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021, đất quốc phòng giảm đi 523,03 ha phục hồi đất lâm nghiệp.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) **Chu chuyển tăng:** 365,98 ha, tăng do các loại đất sau đây chuyển sang.

- Đất trồng cây lâu năm: 365,98 ha;

b) **Chu chuyển giảm:** 523,03 ha, giảm để chuyển sang các loại đất.

- Đất rừng phòng hộ: 36,44 ha; (thay đổi mục đích quy hoạch tại khu vực Thao trường Đồn 719, xã Ia Dom và KVPT 3 tại địa bàn xã Ia Nan theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021);

- Đất rừng sản xuất: 486,59 ha; (thay đổi mục đích quy hoạch tại khu vực Tiểu đoàn 50, xã Ia Dom; KVPT 2 - Đồi Phụng Hoàng, xã Ia Nan; khu vực Đồn Biên phòng, xã Ia Pnôn và khu vực Căn cứ chiến đấu SH-01, xã Ia Kriêng; khu vực Thao trường huấn luyện huyện đội, xã Ia Kla theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021);

Đến năm 2030, đất quốc phòng có 746,63 ha, chiếm 1,03% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.2.2. Đất an ninh:

Hiện trạng có 3,48 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 10,16 ha. Tăng 6,68 ha so với hiện trạng.

Nhu cầu công trình, dự án cần thực hiện trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 có tổng diện tích 10,16 ha để mở rộng, đầu tư xây dựng Trụ sở phòng cháy chữa cháy khu vực trên địa bàn thị trấn Chư Ty và dự án Xây dựng nhà làm việc Công an xã trên địa bàn các xã, thị trấn.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 6,68 ha. Tăng do các loại đất sau đây chuyển sang:

- Tăng 5,40 ha từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang;
- Tăng 0,53 ha từ đất phi nông nghiệp chuyển nội bộ sang (nhận từ đất xây dựng cơ sở y tế: 0,09 ha, đất sinh hoạt cộng đồng: 0,18 ha và 0,26 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang);
- Tăng 0,75 ha từ đất chưa sử dụng.

Đến năm 2030, đất an ninh đạt 10,16 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên.

Giai đoạn 2021 – 2025, trước tiên thực hiện các hạng mục công trình xây dựng trụ sở làm việc của công an 9 xã và thị trấn, gồm các xã Ia Din; xã Ia Nan; xã Ia Lang, Ia Krêl, Ia Kriêng, Ia Dok, Ia Kla, Ia Pnôn, Ia Dom và thị trấn Chư Ty.

2.2.2.3. Đất khu công nghiệp:

Hiện trạng có 78,96 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 365,22 ha. Tăng 286,26 ha so với hiện trạng.

Hiện trạng sử dụng đất Khu công nghiệp thuộc Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh là 78,96 ha, thời kỳ 2021 – 2030 tiếp tục thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp trên địa bàn xã Ia Dom và xã Ia Nan theo định hướng quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, tỉnh Gia Lai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 286,26 ha, tăng do các loại đất sau đây chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 122,61 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 163,65 ha;

Đến năm 2030, diện tích đất khu công nghiệp đạt 365,22 ha, chiếm 0,51% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó, diện tích đất trên địa bàn xã Ia Dom là 285,45 ha và trên địa bàn xã Ia Nan là 79,77 ha.

2.2.2.3. Đất cụm công nghiệp:

Quy hoạch đến năm 2030, hình thành cụm công nghiệp huyện với diện tích 30 ha trên địa bàn xã Ia Kriêng.

Trong kỳ quy hoạch đất cụm công nghiệp chu chuyển tăng 30 ha từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang để đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp huyện Đức Cơ trên địa bàn xã Ia Kriêng.

2.2.2.4. Đất thương mại dịch vụ:

Hiện trạng có 6,80 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **52,61 ha. Tăng 45,81 ha.**

Thời kỳ 2021 – 2030, dự kiến mở rộng, đầu tư xây dựng mới các công trình, dự án đầu tư xây dựng các Văn phòng, Khu kinh tế thương mại đặc biệt trên địa bàn Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh; kêu gọi đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại, bãi đậu xe, trung tâm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, đưa đất chưa sử dụng vào cho thuê quyền sử dụng đất; chuyển mục đích sang đất thương mại dịch vụ chủ yếu thực hiện trên địa bàn thị trấn trên địa bàn các xã, thị trấn. Nhu cầu đất thương mại, dịch vụ cần tăng thêm **45,81 ha** so với hiện trạng nhằm mở rộng mạng lưới thương mại, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng thiết yếu của nhân dân.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 45,81 ha, tăng do các loại đất sau đây chuyển sang:

- Đất trồng cây lâu năm: **18,21 ha;**

- Đất ở tại nông thôn: 13,30 ha;

- Đất ở tại đô thị: 3,00 ha;

- Đất chưa sử dụng: **11,30 ha.**

Đến năm 2030, diện tích đất thương mại dịch vụ đạt **52,61 ha, chiếm 0,07%** tổng diện tích tự nhiên.

2.2.2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

Hiện trạng có 10,61 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **20,11 ha. Tăng 9,50 ha.**

Nhu cầu cho các hạng mục công trình, dự án cơ sở sản xuất phi nông nghiệp cần tăng thêm trong kỳ quy hoạch là **9,50 ha (trong đó, tăng từ 3 ha đất chưa sử dụng và 6,50 ha đất trồng cây lâu năm)** để thực hiện việc cho thuê đất sản xuất kinh doanh tại các khu quy hoạch; cho phép việc chuyển mục đích sử dụng đất xen kẽ trong khu dân cư sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại địa bàn các xã, thị trấn; các cơ sở sản xuất, chế biến nằm ngoài phạm vi các khu, cụm công nghiệp (như:

Giao đất cho HTX Thiên Phước xã Ia Krêl để xây dựng cơ sở SXKD; quy hoạch Khu sản xuất kinh doanh tập trung trên địa bàn thị trấn Chư Ty, xã Ia Kla,...).

Như vậy, đến năm 2030, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đạt 20,11 ha, chiếm 0,03% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.2.7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản:

Hiện trạng có 17,04 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 27,98 ha. Tăng 10,94 ha.

Thời kỳ 2021 – 2030, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản cần tăng thêm 10,94 ha so với hiện trạng, dự kiến thực hiện Mặt bằng sản công nghiệp của mỏ bazan xây dựng – xã Ia Nan; khai thác Mỏ cát xây dựng và mặt bằng sản công nghiệp trên địa bàn xã Ia Pnôn; Mỏ đất xã Ia Dok. Và đưa vào quy hoạch, kế hoạch khai thác khoáng sản tại xã Ia Dom.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 10,94 ha, tăng do các loại đất sau đây chuyển sang:

- Đất trồng cây lâu năm: 10,44 ha;
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,50 ha;

Đến năm 2030, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản đạt 27,98 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích tự nhiên.

2.2.2.8. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm:

Quy hoạch đến năm 2030 là 1,95 ha. Tăng 1,95 ha.

Thời kỳ 2021 – 2030, đất sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm cần tăng thêm 1,95 ha so với hiện trạng, dự kiến thực hiện khai thác mặt bằng sản công nghiệp của mỏ bazan xây dựng trên địa bàn xã Ia Nan; Xây dựng nhà điều hành, sản công nghiệp và trạm trộn bê tông tại mỏ đá Ia Dom;

Trong kỳ quy chu chuyển tăng 1,95 ha từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang.

Thời kỳ đổi mới tạo mọi điều kiện thuận lợi cũng như áp dụng các chính sách ưu đãi của Nhà nước cho hộ kinh doanh các lĩnh vực thương mại - dịch vụ mở rộng ngành nghề kinh doanh và mở rộng thêm các cơ sở kinh doanh; kêu gọi đầu tư ngành công nghiệp - xây dựng.

2.2.2.9. Đất phát triển hạ tầng các cấp:

Hiện trạng có 1.496,70 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 1.874,65 ha. Tăng 377,95 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, nhu cầu sử dụng đất để phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện cần tăng thêm 377,95 ha so với hiện trạng để thực hiện các công trình, dự án phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đặc biệt là hạ tầng giao thông, điện, y tế, văn hóa, giáo dục, thể dục - thể thao, quy tập các khu nghĩa trang nghĩa địa, các khu vui chơi công cộng ... tại các khu dân cư.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển giảm: 137,56 ha, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: 46,74 ha; (thay đổi mục đích quy hoạch theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021);

- Đất rừng sản xuất: 89,73 ha; (thay đổi mục đích quy hoạch theo Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021);

- Đất xây dựng cơ sở y tế chuyển sang cho đất an ninh: 0,09 ha;

- Chuyển nội bộ đất hạ tầng: 0,95 ha;

(Trong đó: Đất xây dựng cơ sở văn hóa chuyển sang cho đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,36 ha;

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: chuyển sang cho đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,59 ha);

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1 ha; (Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo chuyển sang).

b) Chu chuyển tăng: 515,51 ha. Tăng do các loại đất sau đây chuyển sang:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 34,39 ha;

- Đất trồng cây lâu năm: 421,21 ha;

- Chuyển nội bộ đất hạ tầng: 0,95 ha;

(Trong đó: Đất xây dựng cơ sở văn hóa chuyển sang cho đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,36 ha;

Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: chuyển sang cho đất có di tích lịch sử - văn hóa: 0,59 ha);

- Đất ở tại nông thôn: 1,12 ha;

- Đất ở tại đô thị: 0,72 ha;

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 10,30 ha;

- Đất chưa sử dụng: 47,77 ha.

Đến năm 2030, các loại đất phát triển hạ tầng trên địa bàn huyện theo chỉ tiêu loại đất cụ thể như sau:

*** Đất giao thông:** Hiện trạng có 1.310,68 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 1.339,18 ha. Tăng 28,50 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, dành quỹ đất tối đa để phát triển hệ thống giao thông đô thị lẫn khu dân cư nông thôn. Dự kiến thực hiện đầu tư xây dựng mới và mở rộng các công trình, dự án phát triển hạ tầng giao thông như: Quốc lộ 19; Tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, Gia Lai; đường huyện, liên huyện, liên xã, giao thông nông thôn, nội đồng trên địa bàn các xã; xây dựng và mở rộng các tuyến đường nội thị thị trấn Chư Ty; cầu suối Đôi, bến xe tại xã Ia Kriêng, ...

Như vậy, trong tương lai, với sự phát triển hệ thống giao thông trực nhằm tăng cường vai trò giao lưu kinh tế, phát triển thương mại – dịch vụ giữa huyện với khu

vực xung quanh. Ngoài ra, nghiên cứu phát triển hệ thống giao thông sẽ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, tăng tính hiệu quả và giảm chi phí vận chuyển.

*** Đất thủy lợi:** Hiện trạng có 1,72 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 19,05 ha. Tăng 17,33 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, phát huy tối đa lợi thế của các công trình hồ chứa nước; đồng thời chỉnh trang, nâng cấp hệ thống kênh mương hiện có. Đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu tưới tiêu và thoát nước, hệ thống thủy lợi được quan tâm đầu tư, cải tạo, nạo vét và mở rộng, đặc biệt sẽ đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi tại xã Ia Krêl, Ia Lang, Ia Pnôn, Ia Krêl, Ia Dom, Ia Kla nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các tiểu vùng sản xuất nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu giải quyết vấn đề nước tưới cho nhân dân vùng biên giới.

*** Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Hiện trạng có 2,90 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 3,05 ha. Tăng 0,15 ha so với hiện trạng.

Đề tôn tạo, đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã; Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ thôn Cửa khẩu xã Ia Dom, huyện Đức Cơ.

*** Đất xây dựng cơ sở y tế:** Hiện trạng có 7,57 ha. Đến năm 2030 là 10,58 ha. Tăng 3,01 ha. Giảm 0,09 ha cho đất an ninh, tăng 3,10 ha từ đất chưa sử dụng.

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:** Hiện trạng có 54,59 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 61,75 ha. Tăng 7,16 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 - 2030 nhu cầu sử dụng đất cơ sở giáo dục và đào tạo cần tăng thêm 7,16 ha để thực hiện xây dựng mới hoặc nâng cấp, bổ sung các hạng mục còn thiếu cũng như xây dựng các tiêu chí bổ sung trường chuẩn quốc gia... nhằm đáp ứng yêu cầu về Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn huyện

Ưu tiên đầu tư xây dựng các trường học trong lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (gồm các trường MN Hoa Sen, MN Bình Minh, TH Hùng Vương, THCS Lê Hồng Phong,...); mở rộng các điểm trường mầm non, trường THCS.

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Hiện trạng có 25,30 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 53,71 ha. Tăng 28,41 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, nhu cầu sử dụng đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao cần tăng thêm 28,41 ha để thực hiện các công trình thể dục thể thao phục vụ công ích xã hội. Trong đó, đáp ứng yêu cầu thực hiện các tiêu chí về nông thôn mới tại các xã, ưu tiên diện tích đất dành cho phát triển các sân thể thao, khu vực sân sinh hoạt cộng đồng trong các khu dân cư nông thôn, nhà thi đấu đa năng; trong kỳ quy hoạch thực hiện đầu tư xây dựng các khu vui chơi thể dục thể thao các xã Ia Dom, Ia Nan, Ia Krêl, Ia Kriêng, Ia Din, Ia Lang, Ia Dok; Khu vui chơi thể dục thể thao xã Ia Pnôn; Sân vận động xã Ia Dok,...

*** Đất công trình năng lượng:** Hiện trạng có 24,09 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 246,84 ha. Tăng 222,75 ha so với hiện trạng.

Đảm bảo nguồn năng lượng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại huyện, phấn đấu đưa số hộ sử dụng điện đạt 100% vào năm 2025 đồng thời tăng chỉ số điện

thương phẩm bình quân đầu người. Định hướng đến năm 2030, đất năng lượng cần tăng thêm 222,75 ha so với hiện trạng là 24,09 ha.

Thời kỳ 2021 – 2030, định hướng quỹ đất dành cho phát triển nguồn năng lượng trên địa bàn huyện Đức Cơ là: bố trí các trạm biến áp điện, trạm đầu nối, móng trụ điện và hành lang tuyến điện đi qua các xã, thị trấn của huyện, thực hiện các dự án phát triển năng lượng và năng lượng tái tạo. Trong tương lai, có một số công trình, dự án về phát triển năng lượng. Trước tiên, giai đoạn 2021-2025 xây dựng mới trạm biến áp 110kV Lê Thanh và nhánh rẽ (lắp trước 1 máy giai đoạn 2021-2025 cấp điện cho Khu Kinh tế cửa khẩu Lê Thanh và bán điện qua Campuchia), hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai (đồng bộ dự án KfW3.1), tiếp tục tiêu dự án cải tạo và nâng cấp lưới điện phân phối các huyện tỉnh Gia Lai (DEP2), ... xây dựng thủy điện Ia Krêl 2 và phát triển điện mặt trời được thực hiện trên địa bàn huyện. Đồng thời, hệ thống cấp nước tại Khu Kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lê Thanh sẽ được cải tạo, mở rộng, đảm bảo cấp nước cho gần 300 hộ dân và doanh nghiệp tại khu vực này.

*** Đất công trình bưu chính, viễn thông:** Hiện trạng có 0,97 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 1,83 ha. Tăng 0,86 ha so với hiện trạng. Duy trì hiện trạng, bên cạnh đó nâng cấp cho phát triển các điểm truyền thông, viễn thông, trạm phát sóng để đảm bảo viễn thông trên toàn huyện.

*** Đất có di tích lịch sử - văn hóa:** Hiện trạng có 1,20 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 6,94 ha. Tăng 5,74 ha so với hiện trạng.

Bên cạnh phát triển hạ tầng xã hội cho cộng đồng dân cư, công tác bảo tồn, phục dựng và quản lý các di tích lịch sử - văn hóa luôn được cấp ủy và chính quyền quan tâm chú trọng (hiện trên địa bàn huyện có 1,20 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa ở thị trấn Chư Ty, xã Ia Đơ). Đến năm 2030 đất có di tích lịch sử - văn hóa là 6,94 ha, tăng thêm 5,74 ha so với hiện trạng để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử.

*** Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Hiện trạng có 8,90 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 25,90 ha. Tăng 17,00 ha so với hiện trạng;

Đất bãi thải, xử lý chất thải đến năm 2030 đạt 25,90 ha, chiếm 0,04% diện tích tự nhiên và tăng 17 ha so với hiện trạng. Dự kiến sẽ mở rộng, bố trí một số bãi rác thu gom chất thải rắn và trung chuyển, kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý rác thải gần khu công nghiệp và các khu dân cư nông thôn với quy mô diện tích từ 2– 3 ha trên địa bàn các xã Ia Din, xã Ia Kriêng, Làng Ba, xã Ia Pnôn, Làng Bi, xã Ia Nan, xã Ia Krêl, xã Ia Lang.

*** Đất cơ sở tôn giáo:** Hiện trạng có 4,20 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 4,64 ha. Tăng 0,44 ha so với hiện trạng.

*** Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:** Hiện trạng có 52,87 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 94,27 ha.

Thời kỳ 2021 – 2030, tăng thêm 41,40 ha để chỉnh trang, mở rộng, xây dựng mới nghĩa trang, nghĩa địa tập trung trên địa bàn các làng, xã.

*** Đất chợ:** Hiện trạng có 1,71 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 6,91 ha. Tăng 5,20 ha so với hiện trạng.

Đến năm 2030 diện tích đất chợ cần tăng thêm 5,20 ha để xây dựng chợ trung tâm xã Ia Nan, xã Ia Lang, xã Ia Dok, Ia Din đáp ứng việc cung ứng và trao đổi hàng hóa tương xứng với quy mô phát triển dân số, kinh tế - xã hội. Trong đó, bố trí xây dựng các chợ có quy mô từ 0,3 – 1,5 ha tại các xã nông thôn theo kiểu chợ truyền thống. Riêng Chợ huyện Đức Cơ tại khu vực Đường Quang Trung, tổ dân phố 3, thị trấn Chư Ty kêu gọi đầu tư xây dựng với quy mô khoảng 1,35 ha.

Như vậy, đến hết năm 2030, diện tích đất phát triển hạ tầng trên địa bàn toàn huyện là 1.874,65 ha, chiếm 2,60% diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- Đất giao thông là 1.339,18 ha;
- Đất thủy lợi là 19,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở văn hóa là 3,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế là 10,58 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 61,75 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 53,71 ha;
- Đất công trình năng lượng là 246,84 ha;
- Đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,83 ha;
- Đất có di tích lịch sử - văn hóa là 6,94 ha;
- Đất bãi thải, xử lý chất thải là 25,90 ha;
- Đất cơ sở tôn giáo là 4,64 ha;
- Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 94,27 ha;
- Đất chợ là 6,91 ha.

2.2.2.10. Đất danh lam thắng cảnh:

Quy hoạch đến năm 2030 là 70,00 ha. Tăng 70,00 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, tăng thêm 70,00 ha đất danh lam thắng cảnh để kêu gọi đầu tư xây dựng điểm du lịch suối Đồi trên địa bàn xã Ia Dom.

a) Chu chuyển tăng: 70,00 ha. Trong đó:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 30,00 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 40,00 ha.

2.2.2.11. Đất sinh hoạt cộng đồng:

Hiện trạng có 11,23 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 11,80 ha. Tăng 0,57 ha so với hiện trạng.

Tăng 0,57 ha so với năm 2020, để đầu tư xây dựng Hội trường thôn và Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, làng tại các xã.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 0,75 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 0,73 ha.

- Đất ở tại nông thôn: 0,02 ha.

b) Chu chuyển giảm: 0,18 ha, giảm chuyển sang cho đất an ninh.

Như vậy, đến hết năm 2030, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn toàn huyện là 11,80 ha, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên.

2.2.2.12. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

Hiện trạng có 11,78 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 13,78 ha. Tăng 2,00 ha so với hiện trạng.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển tăng: 2,00 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 1,00 ha.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 1,00 ha.

Như vậy, đến hết năm 2030, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng trên địa bàn toàn huyện là 13,78 ha, chiếm 0,02% diện tích đất tự nhiên.

2.2.2.13. Đất ở tại nông thôn:

Hiện trạng có 425,78 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 518,49 ha. Tăng 92,71 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, đất ở tại nông thôn tăng 92,71 ha so với hiện trạng năm 2020, để sử dụng cho nhu cầu giao đất ở trong khu dân cư; quy hoạch các điểm dân cư mới và dọc tuyến đường Quốc lộ 19, Quốc lộ 14C; nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xen kẽ trong khu dân cư; nhu cầu mở rộng khu dân cư tại các xã.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển giảm: 14,44 ha, trong đó:

- Đất thương mại, dịch vụ: 13,30 ha; để chuyển sang đất thương mại, dịch vụ trên địa bàn xã Ia Dom, Ia Nan, Ia Kriêng, Ia Pnôn, Ia Lang, Ia Đơk, Ia Kla.

- Đất phát triển hạ tầng: 1,12 ha; chủ yếu chuyển sang cho đất giao thông (1,11 ha) để đầu tư hạng mục công trình, dự án Quốc lộ 19, đường giao thông thôn Thanh Giáo, Ia Krêl (Từ QL 19 đi khu dân cư QH sau Đội 2); tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, Gia Lai, và đất công trình năng lượng (0,01 ha).

- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,02 ha. Để đầu tư xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Mook Đen 1, xã Ia Dom.

b) Chu chuyển tăng: 107,15 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 86,62 ha;

- Đất chưa sử dụng: 20,53 ha;

Trong đó, đưa đất chưa sử dụng vào đất ở trên địa bàn xã Ia Dom (2,45 ha), xã Ia Pnôn (0,28 ha), xã Ia Krêl (7,60 ha), xã Ia Kriêng (7,53 ha), xã Ia Nan (2,67 ha).

Như vậy, đến hết năm 2030, diện tích đất ở tại nông thôn trên địa bàn toàn huyện là 518,49 ha, chiếm 0,72% diện tích đất tự nhiên.

2.2.2.14. Đất ở tại đô thị:

Hiện trạng có 79,99 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 108,60 ha. Tăng 28,61 ha so với hiện trạng.

Đến năm 2030, đất ở tại đô thị thực tăng 32,33 ha so với hiện trạng, để thực hiện các công trình, dự án phát triển nhà ở xã hội; phục vụ chỉnh trang đô thị, mở rộng các khu dân cư và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp xen kẽ trong khu dân cư sang đất ở tại đô thị, đáp ứng nhu cầu dự báo gia tăng dân số đô thị trong 10 năm tới. Đồng thời giảm 3,72 ha cho các mục đích phát triển hạ tầng, thương mại, dịch vụ tại địa phương.

Trong kỳ quy hoạch cân đối chỉ tiêu, diện tích cho các mục đích sử dụng sau:

a) Chu chuyển giảm: 3,72 ha, trong đó:

- Chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ: 3,00 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 0,72 ha; chủ yếu chuyển sang cho đất giao thông (0,70 ha) để đầu tư hạng mục công trình, dự án Quốc lộ 19; tuyến giao thông biên giới cấp bách huyện Đức Cơ, và đất công trình năng lượng (0,02 ha) để xây dựng các công trình, dự án phát triển hạ tầng hoàn thiện lưới điện.

b) Chu chuyển tăng: 32,33 ha.

- Đất trồng cây lâu năm: 25,45 ha;
- Đất chưa sử dụng: 6,88 ha; để đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng phát triển dự án Nhà ở xã hội ở khu vực đường Anh Hùng Núp, thị trấn Chư Ty.

Như vậy đến hết năm 2030 diện tích đất ở tại đô thị là 108,60 ha, chiếm 0,15% diện tích đất tự nhiên.

2.2.2.15. Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

Hiện trạng có 20,39 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 25,52 ha. Tăng 5,13 ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 5,13 ha so với hiện trạng để thực hiện chỉnh trang, mở rộng trụ sở UBND xã Ia Ia Dom, xã Ia Krêl và trụ sở Đảng ủy HĐND, UBND xã Ia Din, giao đất mở rộng Kho bạc.

Trong đó, các mục đích sử dụng đất được cân đối như sau:

- Tăng 5,32 ha từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang.
- Tăng 0,07 ha từ đất chưa sử dụng.

- Đồng thời giảm 0,26 ha chuyển sang cho đất an ninh để xây dựng trụ sở làm việc cho công an xã.

Như vậy đến hết năm 2030 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 25,52 ha, chiếm 0,04% diện tích đất tự nhiên.

2.2.2.16. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

Hiện trạng có 3,05 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là 3,12 ha. Tăng 0,07 ha so với hiện trạng.

Tăng 0,07 ha do đưa đất chưa sử dụng vào giao đất mở rộng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tại tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty.

2.2.2.17. Đất cơ sở tín ngưỡng:

Hiện trạng có 0,07 ha. Giữ nguyên hiện trạng.

2.2.2.18. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:

Hiện trạng có 1.470,69 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **1.286,94** ha. Giảm **183,75** ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, dự kiến đầu tư xây dựng mới các công trình thủy lợi nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời chỉnh trang, nâng cấp hệ thống kênh mương hiện có. Giảm **183,75** ha đất sông, suối để chuyển sang cho đất rừng phòng hộ (43,63 ha); đất rừng sản xuất (129,32 ha) để bảo vệ và phát triển lâm nghiệp theo **Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 0,50 ha; đất thủy lợi (10,30 ha) trên địa bàn xã Ia Lang; xã Ia Krêl; xã Ia Pnôn; xã Ia Kla; xã Ia Lang; xã Ia Kriêng.**

Đến hết năm 2030, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là **1.286,94** ha, chiếm **1,78%** diện tích đất tự nhiên.

2.2.2.19. Đất có mặt nước chuyên dùng:

Hiện trạng đất có mặt nước chuyên dùng có 160,21 ha. Duy trì hiện trạng.

2.2.2.20. Đất phi nông nghiệp khác:

Hiện trạng đất phi nông nghiệp khác có 0,80 ha. Duy trì hiện trạng.

2.2.3. Đất chưa sử dụng

Hiện trạng có 155,09 ha. Quy hoạch đến năm 2030 là **40,06** ha. Giảm **115,03** ha so với hiện trạng.

Thời kỳ 2021 – 2030, khai thác tối đa hiệu quả sử dụng đất, không để lãng phí đất đai, sẽ đưa **115,03** ha đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích nông nghiệp là **24,66** ha và mục đích phi nông nghiệp là **90,37** ha. Cụ thể như sau:

a) Chu chuyển giảm: 115,03 ha, trong đó:

- Giảm cho mục đích nông nghiệp là **24,66** ha; giảm để chuyển sang đất rừng sản xuất

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

- Giảm cho mục đích phi nông nghiệp là **90,37 ha**; giảm để chuyển sang cho các loại đất sau đây:

- + Đất an ninh: **0,75 ha**; để xây dựng trụ sở làm việc cho công an các xã.
- + Đất thương mại, dịch vụ: **11,30 ha**;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 3,00 ha;
- + Đất phát triển hạ tầng: **47,77 ha**;
- + Đất ở tại nông thôn: **20,53 ha**;
- + Đất ở tại đô thị: **6,88 ha**; để đầu tư, kêu gọi đầu tư xây dựng phát triển dự án Nhà ở xã hội ở khu vực đường Anh Hùng Núp, thị trấn Chư Ty.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,07 ha để giao đất mở rộng Kho bạc.
- + Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: 0,07 ha để giao đất mở rộng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tại tổ dân phố 1, thị trấn Chư Ty.

* Kết quả tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch, kế hoạch kỳ trước nhưng chưa thực hiện, chuyển tiếp sang quy hoạch, kế hoạch thời kỳ 2021 - 2030 và nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện trong kỳ quy hoạch đến năm 2030;

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đức Cơ được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã như bảng tổng hợp sau đây:

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				TT Chư Ty	Xã Ia Đin	Xã Ia Đok	Xã Ia Dom	Xã Ia Kla
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+...+(16)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Loại đất		72.186,01	1.544,50	4.402,66	5.058,59	14.542,76	4.994,82
1	Đất nông nghiệp	NNP	66.817,30	1.100,57	4.098,97	4.684,19	13.535,72	4.640,09
	Trong đó:							
1.1	Đất trồng lúa	LUA	728,52	6,24	115,88	190,29	8,48	72,65
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	519,32	1,27	103,91	179,81	1,23	63,11
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.259,92	6,22	7,79	48,65	158,55	45,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	47.126,13	1.071,82	3.343,27	4.418,19	5.530,51	2.645,95
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.246,97				2.839,69	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.087,71		616,67		4.930,01	1.791,79
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	1.586,24		58,60		670,17	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	91,49	11,28	0,25	14,85	14,60	0,21
1.8	Đất làm muối	LMU						

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				TT Chư Ty	Xã Ia Dìn	Xã Ia Đok	Xã Ia Dom	Xã Ia Kla
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+..+(16)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	276,56	5,00	15,12	12,20	53,88	83,92
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.328,65	422,76	300,92	372,77	1.007,04	352,90
	Trong đó:							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	746,63	11,62	25,22	3,95	48,80	47,69
2.2	Đất an ninh	CAN	10,16	8,32	0,09	0,20	0,08	0,06
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	365,22				285,45	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	30,00					
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	52,61	14,35	3,67	3,91	9,26	3,15
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	20,11	1,50		5,11		2,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	27,98			10,44	10,31	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,95				0,95	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.874,65	227,31	124,14	183,38	249,92	136,53
	Trong đó:							
-	Đất giao thông	DGT	1.339,18	165,11	99,20	154,18	160,86	99,62
-	Đất thủy lợi	DTL	19,05	0,28			0,03	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,05	1,39			0,94	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,58	8,12	0,21	0,13	0,24	0,13
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	61,75	19,37	9,39	3,59	3,07	4,67
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	53,71	15,62	4,80	6,64	4,18	0,49
-	Đất công trình năng lượng	DNL	246,84	0,43		0,30	68,43	22,74
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,83	1,53	0,02	0,03	0,02	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG						
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,94	5,66		1,28		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	25,90			2,00		
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,64	1,75	0,31		0,49	0,46
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	94,27	5,30	9,22	13,54	11,18	8,40
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH						
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
-	Đất chợ	DCH	6,91	2,75	1,00	1,70	0,46	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	70,00				68,50	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,80	0,68	1,24	2,85	0,49	1,40

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				TT Chư Ty	Xã Ia Dìn	Xã Ia Đok	Xã Ia Dom	Xã Ia Kla
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+..+(16)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	13,78	11,01	1,00		0,85	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	518,49		54,01	69,34	63,48	60,10
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	108,60	108,60				
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,52	13,52	5,43	0,44	0,82	0,20
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,12	1,78			1,34	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,07					
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.286,94	15,66	67,47	59,39	261,55	86,79
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	160,21	8,42	18,58	33,27	5,24	14,72
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,80		0,08	0,48		0,24
3	Đất chưa sử dụng	CSD	40,06	21,17	2,77	1,63	0,00	1,83

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				Xã Ia Krêl	Xã Ia Kriêng	Xã Ia Lang	Xã Ia Nan	Xã Ia Pnôn
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+...(16)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Loại đất		72.186,01	5.348,22	10.921,26	4.941,43	9.031,17	11.400,60
1	Đất nông nghiệp	NNP	66.817,30	4.998,84	10.287,66	4.254,74	8.368,84	10.847,68
	<i>Trong đó:</i>							
1.1	Đất trồng lúa	LUA	728,52	110,70	47,83	102,26	33,15	41,05
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>519,32</i>	<i>96,31</i>	<i>1,63</i>	<i>12,93</i>	<i>22,20</i>	<i>36,91</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	1.259,92	35,92	554,51	141,93	12,70	248,09
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	47.126,13	4.840,06	7.791,50	3.951,44	5.731,40	7.801,98
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	5.246,97				1.337,54	1.069,74
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.087,71		1.819,58	46,79	1.235,17	1.647,71
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>1.586,24</i>		<i>5,72</i>		<i>24,53</i>	<i>827,22</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	91,49	0,17	18,61	5,33	8,08	18,11
1.8	Đất làm muối	LMU						
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	276,56	12,00	55,64	7,00	10,81	21,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.328,65	344,98	629,74	686,69	657,93	552,92
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	746,63	15,60	30,95	328,71	217,04	17,06
2.2	Đất an ninh	CAN	10,16	0,20	0,20	0,20	0,61	0,20
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	365,22				79,77	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	30,00		30,00			
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	52,61	4,79	4,27	2,69	4,02	2,50
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	20,11	11,50				
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	27,98				6,73	0,50
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,95				1,00	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.874,65	152,07	208,10	234,16	162,47	196,56
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đất giao thông	DGT	1.339,18	119,93	166,90	86,09	135,54	151,75
-	Đất thủy lợi	DTL	19,05	5,00	3,30	4,70	1,43	4,30
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	3,05		0,30	0,04	0,21	0,18
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,58	0,89	0,24	0,14	0,39	0,10
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	61,75	6,94	2,39	3,23	7,19	1,92
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	53,71	4,10	5,06	3,30	4,60	4,92
-	Đất công trình năng lượng	DNL	246,84			130,00	0,02	24,92
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,83	0,04	0,04	0,06	0,06	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG						

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính				
				Xã Ia Krêl	Xã Ia Kriêng	Xã Ia Lang	Xã Ia Nan	Xã Ia Pnôn
(1)	(2)	(3)	(6)=(7)+...(16)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	6,94					
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	25,90	4,37	8,12	3,00	5,41	3,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4,64	0,53	0,47			0,63
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	94,27	10,27	21,28	3,61	6,63	4,83
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH						
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH						
-	Đất chợ	DCH	6,91				1,00	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	70,00				1,00	0,50
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,80	0,47	1,25	0,71	2,15	0,57
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	13,78	0,93				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	518,49	61,34	56,90	37,62	69,45	46,25
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	108,60					
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	25,52	0,29	0,82	0,75	2,62	0,63
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	3,12					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG						
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,07	0,07				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.286,94	73,80	290,91	80,51	98,58	252,27
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	160,21	23,92	6,35	1,34	12,49	35,88
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,80					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	40,06	4,40	3,86		4,40	0,00

2.3. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

2.3.1. Khu kinh tế:

Theo nhiệm vụ được phê duyệt tại Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung tỉnh Gia Lai đến năm 2045, phạm vi khu kinh tế trên địa bàn huyện Đức Cơ là Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của thị trấn Chư Ty, các xã: Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn với tổng diện tích tự nhiên là 41.513,85 ha, chiếm 57,51% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

Diện tích tự nhiên của từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

- Thị trấn Chư Ty: diện tích 1.544,51 ha;
- Xã Ia Dom: diện tích 14.542,76 ha;
- Xã Ia Kla: diện tích 4.994,82 ha;

- Xã Ia Nan: diện tích 9.031,17 ha;
- Xã Ia Pnôn: diện tích 11.400,60 ha.

Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh được xác định là nơi giao thương và động lực thúc đẩy, phát triển kinh tế huyện vùng biên giới Đức Cơ nói riêng;

Được đầu tư xây dựng mang tính chất đô thị Cửa khẩu quốc tế theo phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung như sau:

- Là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, gồm khu phi thuế quan (khu gia công sản xuất, xuất nhập khẩu, trưng bày triển lãm, giới thiệu sản phẩm...) và khu thuế quan (công nghiệp, đô thị, dịch vụ du lịch và các trung tâm tiếp vận...) của vùng tỉnh Gia Lai).

- Là đầu mối giao thương phía Tây của tỉnh Gia Lai, vùng Tây Nguyên với các nước Cam Pu Chia, Mianmar, Thái Lan; điểm trung chuyển hàng hóa, khách du lịch quan trọng trên tuyến hành lang Đông – Tây giữa hai nước Việt nam và Cam Pu Chia.

- Là động lực phát triển kinh tế của tiểu vùng phía Tây tỉnh Gia Lai, với trọng tâm phát triển tập trung các hoạt động công nghiệp, thương mại dịch vụ, xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới, cửa khẩu giữa khu vực Đông Bắc Cam Pu Chia với khu vực Tây Nguyên và cảng biển Quy Nhơn;

- Trung tâm dịch vụ du lịch lâm viên sinh thái nghỉ dưỡng dưới tán rừng;

- Khu vực có vị trí chiến lược về quốc phòng – an ninh của vùng Tây Nguyên và Quốc gia.

2.3.2. Đất đô thị:

Hiện nay trên địa bàn huyện có một đô thị loại V là thị trấn Chư Ty.

Thời kỳ 2021 – 2030, tập trung xây dựng đô thị trên địa bàn huyện với diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính thị trấn Chư Ty là 1.544,50 ha.

Ranh giới quy hoạch như sau:

- Phía Bắc: giáp xã Ia Kla, Ia Đơk;
- Phía Nam: giáp xã Ia Kriêng, Ia Pnôn;
- Phía Đông: giáp xã Ia Kriêng, Ia Krêl;
- Phía Tây: giáp xã Ia Pnôn, Ia Kla.

Định hướng thời kỳ năm 2020 – 2030 sẽ đầu tư xây dựng thị trấn Chư Ty đạt các tiêu chí đô thị loại IV với tính chất đô thị theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 như sau:

Tổ chức không gian đô thị của huyện trên cơ sở đô thị cũ và phát triển thành 4 khu vực như sau:

- Khu vực 1: Khu trung tâm chính cấp huyện, hiện tại là vùng lõi của đô thị bắt đầu từ đầu thị trấn phía Đông đến ngã ba Sung Le, bao gồm trụ sở các cơ quan chính trị, hành chính, giáo dục, văn hóa, y tế, thể thao, công viên... và khu dân cư đã ổn định dọc các tuyến đường trục chính. Trong đó các công trình công cộng dịch vụ thương mại nằm dọc tuyến đường Quang Trung. Định hướng toàn bộ khu vực này chủ yếu tập trung chỉnh trang về mặt kiến trúc cảnh quan đô thị, bố trí quỹ đất để kêu gọi thu hút đầu tư phát triển thương mại dịch vụ, phát triển thêm các khu dân cư mới tuyến 2, tuyến 3 của đường Quang Trung.

- Khu vực 2: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Bắc (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến đường vành đai phía Bắc). Định hướng chính cho khu vực này bổ sung quỹ đất để phát triển các chức năng tương xứng là đô thị trung tâm của toàn Khu kinh tế cửa khẩu (theo Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thì phạm vi và ranh giới Khu kinh tế gồm đô thị trung tâm là thị trấn Chư Ty và các xã Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với tổng tích tự nhiên 41.515 ha). Cụ thể gồm các chức năng như sau: thương mại - dịch vụ, khu dân cư mới, công cộng, đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, cung ứng các dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực Cửa khẩu dọc theo hai bên tuyến đường vành đai Bắc.

- Khu vực 3: Khu vực mở rộng quy hoạch xây dựng thị trấn về phía Nam (từ đường Quang Trung và vùng lõi trung tâm đến hết ranh giới phía Nam thị trấn và khu dân cư làng Trol Đen). Đây là khu vực định hướng quy hoạch bố trí quỹ đất để phát triển thương mại - dịch vụ, khu dân cư, đất giãn dân cho đồng bào tại chỗ, bố trí đất công cộng đơn vị ở, sân vận động, hoa viên cây xanh và nhà trẻ mẫu giáo...; Cải tạo các hợp thủy để khai thác cảnh quan; phát triển, bảo tồn làng Trol Đen hiện có, nâng cấp cơ sở hạ tầng, kết hợp du lịch nghỉ dưỡng theo mô hình Homestay.

- Khu vực 4: Khu vực vùng ven thị trấn, bao gồm các khu dân cư xen kẽ đất nông nghiệp dọc tuyến suối và đất nông nghiệp còn lại của thị trấn. Định hướng khu vực này là khu dân cư mật độ thấp, nhà vườn gắn với cảnh quan sinh thái nông nghiệp ven đô thị.

Phát triển khu vành đai khu trung tâm đô thị nhằm hỗ trợ cho thị tứ huyện: Một số khu chức năng nằm ngoài ranh giới đô thị nhưng có vai trò đối với thị trấn như: Khu sản xuất, thương mại - dịch vụ, nghĩa trang, khu xử lý rác thải, trạm xử lý nước thải, các điểm di tích lịch sử, khai thác du lịch, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các công trình hạ tầng khác được bố trí ngoài ranh giới thị trấn thuộc các xã lân cận.

2.3.3. Khu du lịch:

Để phục vụ phát triển thương mại - du lịch sẽ cần khoảng 2.000 ha, gồm chuỗi liên kết các điểm thương mại - du lịch - dịch vụ trên địa bàn các xã Ia Dom, Ia Nan, xã Ia Dok, xã Ia Kriêng và thị trấn Chư Ty với điểm dừng chân lưu trú tại khu trung tâm thị trấn Chư Ty và Khu Kinh tế Cửa khẩu.

Giai đoạn trước tiên, đầu tư phát triển khu du lịch với diện tích khoảng 143,52 ha, gồm diện tích các điểm du lịch và vùng phụ cần phục vụ du lịch, dịch vụ; trong đó, tôn tạo danh lam thắng cảnh thu hút du lịch, trước tiên sẽ tập trung huy động nguồn lực kêu gọi đầu tư xây dựng điểm du lịch trọng điểm khoảng **74 ha** tại khu vực suối Đôi, xã Ia Dom; khu vực thác Ông Đồng tại xã Ia Nan và Ia Pnôn, tiếp tôn tạo, bảo tồn cây Đa làng Ghè, xã Ia Dok...

Với sự nỗ lực của các ngành, các cấp đặc biệt là của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch đã từng bước chú trọng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá, phát huy các giá trị văn hoá, bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc đồng thời tiếp tục bố trí quỹ đất để giữ gìn, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử văn hoá, lịch sử cách mạng tại tỉnh nhà nói chung cũng như tại huyện Đức Cơ. Trên cơ sở Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 04/8/2016 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Gia Lai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, UBND huyện Đức Cơ đã ban hành Đề án phát triển du lịch huyện Đức Cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, tại Quyết định số 1096/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 với mục tiêu:

- Cung cấp các cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc nâng cao một bước năng lực và hiệu quả công tác quản lý nhà nước về du lịch, phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện từ năm 2020 cho đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, góp phần vào nâng cao thu nhập, văn hóa tinh thần cho nhân dân, thu hút nhiều lượt khách du lịch trong và ngoài nước đến huyện Đức Cơ;

- Tạo ra việc làm, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tăng thu nhập cho người lao động và cộng đồng dân cư, tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ các ngành kinh tế khác phát triển;

- Phân đầu xây dựng Đức Cơ trở thành điểm đến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch văn hóa phong phú, đa dạng; là một trong những điểm đến hấp dẫn với du khách.

Song song với định hướng thị trường du lịch trong nước và quốc tế, thì định hướng phát triển sản phẩm du lịch gồm: Du lịch sinh thái, tham quan dã ngoại: bao gồm các hoạt động du lịch dựa vào thiên nhiên và trải nghiệm văn hóa trên địa bàn huyện qua các cảnh quan (thác Ông Đồng, suối Đôi, văn hóa cồng chiêng); Du lịch cộng đồng (tham quan cây Đa làng Ghè, trải nghiệm nghề đan lát truyền thống của người Jarai, dệt thổ cẩm, lễ hội cồng chiêng...); Du lịch tham quan mua sắm tại khu vực Cửa khẩu, chợ phiên và tham quan các di tích văn hóa – lịch sử.

Thời kỳ 2021 – 2030 tiếp tục tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch như: Liên hoan cồng chiêng, tổ chức Chợ phiên biên giới tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lê Thanh gần với các hoạt động văn hóa khác trên địa bàn xã Ia Dom, Ia Nan; tiếp tục

bảo tồn, tôn tạo và đưa vào du lịch di tích Cây Đa Làng Ghè tại xã Ia Dơk, Di tích lịch sử chiến thắng đồi Chư Ty, Di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, Bia di tích đường mòn Hồ Chí Minh – Đông Trường Sơn ... tăng cường truyền thông, quảng bá, giới thiệu Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh, gìn giữ bảo tồn rừng Giáng Hương (xã Ia Kriêng), phát triển du lịch kết nối các địa điểm này và các khu vực thác ông Đồng tại xã Ia Pnôn, suối Đồi tại xã Ia Dom có cảnh quan đẹp thúc đẩy quảng bá hình ảnh huyện.

2.3.4. Khu sản xuất nông nghiệp:

Phân đầu đến năm 2025, quy mô giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp đạt 1.917 tỷ đồng, tốc độ tăng đạt 2,5% năm; đến năm 2025, cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành) ngành nông nghiệp đạt 42%.

Thời kỳ 2021 – 2030, tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành trồng trọt, trên cơ sở củng cố phát triển nông sản có giá trị kinh tế cao, đảm bảo thực hiện tốt chiến lược an toàn lương thực quốc gia, thỏa mãn nhu cầu nông phẩm cho xã hội. Đồng thời, nâng cao hệ số sử dụng đất, bố trí hợp lý đất nông nghiệp, chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa (gạo đặc sản, cà phê, tiêu, đặc sản trái cây, mật ong, dược liệu ...) gắn với thị trường và hiệu quả kinh tế phù hợp với hệ sinh thái của từng khu vực, đặc biệt là đảm bảo sự bền vững, về cơ bản, ổn định diện tích đất trồng lúa, tăng nhanh diện tích đất gieo trồng, hạn chế lấy đất canh tác (hạn chế lấy đất trồng lúa có năng suất) chuyển sang các mục đích khác. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học- công nghệ vào sản xuất; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hình thành vùng chuyên canh cây trồng chủ lực;

Đẩy mạnh phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, xây dựng thương hiệu gắn với mở rộng thị trường tiêu thụ; tiếp tục phát triển Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP, ứng dụng các tiến bộ về công nghệ sinh học, từng bước thực hiện một nền nông nghiệp sạch.

Đến năm 2030, khu sản xuất nông nghiệp đạt diện tích 47.341,34 ha, bao gồm khu vực chuyên canh sản xuất và các vùng sản xuất phụ cận, cơ sở hạ tầng kỹ thuật xã hội xen trong khu vực. Trong đó, chỉ tiêu đất nông nghiệp đạt 46.015,46 ha, đất phi nông nghiệp là 1.315,86 ha và có khoảng 10,02 ha đất chưa sử dụng. Để đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững sẽ tập trung vào vùng chuyên sâu sản xuất sau đây:

2.3.4.1. Khu trồng lúa:

Đến năm 2030, diện tích đất trồng lúa trong khu sản xuất nông nghiệp đạt 636,07 ha, (trong đó diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 519,32 ha). Vùng xã Ia Dơk, vùng xã Ia Din, Ia Krêl, xã Ia Lang có mức thích hợp cao, tập trung nhiều đất lúa nhất.

Thời kỳ 2021 – 2030 sẽ hình thành các cánh đồng sản xuất lớn do tận dụng tối đa hiệu quả của công trình thủy lợi hiện có, các khu vực mặt nước chuyên dùng.

Nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có, kiên cố hóa hệ thống kênh mương, xây dựng một số công trình thủy lợi mới tưới tiêu cho đất màu, đất lúa.

2.3.4.2. Khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm:

Đến năm 2030, diện tích đất chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm trong khu sản xuất nông nghiệp đạt 44.243,86 ha.

Vùng chuyên canh cây công nghiệp hình thành ở hầu hết các xã: với lợi thế về đất đai, địa hình, khí hậu, cây trồng nông nghiệp trở thành cây chủ lực của huyện, chủ yếu là phát triển cây tiêu, cà phê, điều, cây ăn quả, gần đây được phát triển thêm các loại cây dược liệu như cây đinh lăng, xả, gấc... có mặt trên tất cả các xã, thị trấn; tập trung phát triển cây cao su trên địa bàn các xã Ia Dom, Ia Kriêng, Ia Pnôn, Ia Nan, bên cạnh đó phát triển các loại cây tiêu, cà phê, điều, cây ăn quả, và các loại cây dược liệu như cây đinh lăng, xả, gấc... trên địa bàn tất cả các xã.

Áp dụng các tiến bộ khoa học vào trồng trọt, sử dụng các loại giống mới cho năng suất và chất lượng cao, sử dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn VietGap, đảm bảo theo đúng quy hoạch, tập trung chú trọng về chất lượng, không phát triển chạy theo số lượng.

2.3.5. Khu lâm nghiệp:

Đến năm 2030, đất khu lâm nghiệp trên địa bàn huyện đạt **20.328,91** ha.

Bao gồm diện tích đất của khu vực xung yếu và các khu hạ tầng, xã hội phụ cận. Trong đó:

2.3.5.1. Khu vực rừng phòng hộ: duy trì diện tích tập trung của khu vực xung yếu trên địa bàn xã Ia Dom, Ia Pnôn, xã Nan với diện tích là 2.370,30 ha.

Đối với khu vực trồng rừng phòng hộ: quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đồng thời phủ xanh và nâng cao chất lượng rừng, duy trì độ che phủ rừng để phát huy tốt nhất khả năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ môi trường sinh thái, đến năm 2030 đạt diện tích 5.246,97 ha.

2.3.5.2. Khu vực rừng sản xuất: tập trung trên địa bàn trên địa bàn xã Ia Din, xã Ia Dom, xã Ia Kriêng, xã Ia Lang, xã Ia Nan và xã Ia Pnôn với khu vực rừng sản xuất diện tích là đạt **12.087,71** ha.

Quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có. Nhanh chóng phủ xanh đất trống đồi núi trọc bằng các biện pháp khoanh nuôi tái sinh và trồng mới hỗn loài bằng những loài cây bản địa, cây đa mục đích, các loài cây phù trợ, cây dược liệu dưới tán rừng nhằm tái tạo sự cân bằng cho môi trường sinh thái.

Khuyến khích đồn điền, tích tụ đất lâm nghiệp, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng sản xuất, tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiệu quả cao. Gắn quy hoạch trồng rừng với quy hoạch chế biến lâm sản và tiêu thụ sản phẩm, tiến tới xây dựng thương hiệu sản phẩm lâm nghiệp và chứng chỉ rừng trên địa bàn tỉnh.

2.3.6. Khu vực phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp:

Đến năm 2030, đất khu vực phát triển công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đạt **240,10 ha**. Gồm diện tích đất khu công nghiệp tại Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh 210 ha và đầu tư xây dựng cụm công nghiệp huyện tại xã Ia Kriêng với diện tích 30 ha và diện tích vùng phụ cận.

Bên cạnh đó củng cố, phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các ngành nghề truyền thống, đổi mới trang thiết bị và có kế hoạch di chuyển các cơ sở sản xuất, nhà máy xí nghiệp có quy mô lớn gây ô nhiễm, có nguy cơ gây ô nhiễm trong nội thành định hướng đưa về khu công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu.

3.3.7. Khu thương mại - dịch vụ:

Thời kỳ 2021 – 2030, quỹ đất dành cho khu vực thương mại - dịch vụ nhằm thúc đẩy phát triển vùng đô thị, trung tâm huyện tại thị trấn Chư Ty và khu vực phụ cận. Phát triển khu vành đai khu trung tâm đô thị nhằm hỗ trợ cho thị tứ huyện: Một số khu chức năng nằm ngoài ranh giới đô thị nhưng có vai trò đối với thị trấn như: Khu sản xuất, thương mại - dịch vụ, nghĩa trang, khu xử lý rác thải, trạm xử lý nước thải, các điểm di tích lịch sử, khai thác du lịch, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và các công trình hạ tầng khác được bố trí ngoài ranh giới thị trấn thuộc các xã lân cận.

Phát triển hạ tầng đô thị, kết nối vùng trung tâm trên địa bàn thị trấn với dịch vụ thương mại, du lịch vùng đệm. Định hướng chính cho khu vực này bổ sung quỹ đất để phát triển các chức năng tương xứng là đô thị trung tâm của toàn Khu kinh tế cửa khẩu (theo Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 26/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh thì phạm vi và ranh giới Khu kinh tế gồm đô thị trung tâm là thị trấn Chư Ty và các xã Ia Kla, Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn thuộc huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai với tổng tích tự nhiên 41.515 ha). Cụ thể gồm các chức năng: thương mại - dịch vụ, khu dân cư mới, công cộng, đầu mối giao thương, trung chuyển hàng hóa, cung ứng các dịch vụ hậu cần cho hoạt động của khu vực Cửa khẩu.

2.3.8. Khu dân cư nông thôn:

Phát triển khu dân cư nông thôn trên địa bàn các xã với diện tích đến năm 2030 đạt **3.078,40 ha**.

Từng bước tổ chức lại khu dân cư nông thôn, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng, đảm bảo xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn mới đạt chuẩn, đạt chuẩn nâng cao khang trang sạch đẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường.

Chi tiết chỉ tiêu sử dụng đất theo các khu chức năng như biểu CH/11 _Diện tích sử dụng đất các khu chức năng huyện Đức Cơ_Hệ thống biểu số liệu kèm theo báo cáo này.

3. Diện tích chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; Quy hoạch, kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Đức Cơ như sau:

Tổng diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất: **1.369,46 ha**; toàn bộ diện tích chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất phi nông nghiệp: 187,00 ha.

Chuyển mục đích sử dụng phục vụ cho các mục đích đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, cho các ngành, các lĩnh vực tại địa phương.

Diện tích đất cây hàng năm khác sẽ chuyển đổi mục đích theo đơn vị hành chính cấp xã dự kiến cụ thể như sau:

Thị trấn Chư Ty 0,34 ha; Xã Ia Din 0,09 ha; xã Ia Dom 150,76 ha; xã Ia Krêl 2,00 ha; xã Ia Kriêng 5,00 ha; xã Ia Lang 5,00 ha; xã Ia Nan 17,21 ha; xã Ia Pnôn **6,60 ha**.

- Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất phi nông nghiệp: **1.182,46 ha**. Chuyển mục đích sử dụng phục vụ cho hầu hết các mục đích đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, cho các ngành, các lĩnh vực tại địa phương.

Diện tích đất trồng cây lâu năm sẽ chuyển đổi mục đích theo đơn vị hành chính cấp xã dự kiến cụ thể như sau:

Thị trấn Chư Ty: 62,18 ha; xã Ia Din 58,32 ha; xã Ia Dok 52,53 ha; xã Ia Dom 274,15 ha; xã Ia Kla 17,90 ha; xã Ia Krêl 16,47 ha; xã Ia Kriêng 69,17 ha; xã Ia Lang 501,80 ha; xã Ia Nan 69,46 ha; xã Ia Pnôn 60,48 ha.

4. Chỉ tiêu đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong thời kỳ 2021 – 2030, tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng đến dự kiến là: **115,03 ha** sử dụng cho các mục đích đất nông nghiệp (**24,66 ha**) và phi nông nghiệp (**90,37 ha**) để đưa vào quy hoạch, kế hoạch trồng rừng và phục vụ mục đích an ninh, thương mại, dịch vụ, sản xuất phi nông nghiệp, quy hoạch phát triển các khu dân cư, nhà ở xã hội, mở rộng trụ sở tổ chức sự nghiệp, trụ sở cơ quan và phát triển hạ tầng: năng lượng, thủy lợi, giao thông... tại các địa phương.

Diện tích, chỉ tiêu chi tiết đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng phân bổ trong thời kỳ 2021 – 2030 đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 11. Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến năm 2030

Đơn vị diện tích: ha

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
			TT Chư Ty	Xã Ia Din	Xã Ia Dom	Xã Ia Kla	Xã Ia Krêl	Xã Ia Kriêng	Xã Ia Nan	Xã Ia Pnôn
1	Đất nông nghiệp	24,66		24,66						
1.1	Đất rừng sản xuất	24,66		24,66						

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai

Số TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính							
			TT Chư Ty	Xã Ia Đin	Xã Ia Dom	Xã Ia Kla	Xã Ia Krêl	Xã Ia Kriêng	Xã Ia Nan	Xã Ia Pnôn
2	Đất phi nông nghiệp	90,37	32,38	6,34		2,78	3,21	23,88	14,63	
2.1	Đất an ninh	0,75	0,15					0,20		
2.2	Đất thương mại, dịch vụ	11,30	8,80					1,50	1,00	
2.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	3,00	1,50					1,50		
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	47,77	14,91	6,34		0,33	3,21	13,08	6,10	
	Trong đó:									
-	Đất giao thông	34,88	4,68	6,34		0,30	3,21	11,45	6,10	
-	Đất thủy lợi	0,03				0,03				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	3,10	3,10							
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	4,16	2,53					1,63		
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	5,60	4,60							
2.5	Đất ở tại nông thôn	20,53				2,45		7,60	7,53	
2.6	Đất ở tại đô thị	6,88	6,88							
2.7	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,07	0,07							
2.8	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	0,07	0,07							

III. TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai được phê duyệt là cơ sở khoa học và cơ sở pháp lý quan trọng, góp phần giải quyết những tồn tại, hạn chế trong quản lý và sử dụng đất cũng như mang lại những hiệu quả nhất định trong việc quản lý, khai thác sử dụng đất trên địa bàn toàn huyện Đức Cơ và các xã và thị trấn, cụ thể như sau:

1. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Sử dụng đất đai phải mang tính chất kinh tế, do đó một trong những mục tiêu của quy hoạch để phát triển là mang lại tính hiệu quả và nâng cao sản lượng, chất lượng trong sử dụng đất đai. Ở bất kỳ một hình thức sử dụng đất đai riêng biệt nào thì nó cũng có tính thích nghi cho từng vùng riêng biệt của nó hay đôi khi nó thích nghi chung cho cả các vùng khác. Hiệu quả chỉ đạt được khi có sự đối chiếu giữa các loại sử dụng đất đai khác nhau với những vùng đất đai cho lợi nhuận cao nhất mà chi phí đầu tư thấp nhất. Tuy nhiên, hiệu quả có ý nghĩa khác nhau đối với các chủ thể khác nhau. Đối với những cá thể thì hiệu quả là làm sao vốn thu hồi từ đầu

tư lao động đến vật chất được cao nhất hay lợi nhuận cao nhất từ các vùng đất có thể cho được. Còn mục đích của nhà nước thì phức tạp hơn bao gồm cả việc cải thiện tình trạng trao đổi hàng hóa với nước ngoài thông qua sản xuất cho xuất khẩu hay thay thế dần việc nhập khẩu.

Khi đã có quy hoạch sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền có căn cứ xác định kế hoạch sử dụng đất như thế nào để thực hiện hóa quy hoạch sử dụng đất, phân chia quy hoạch sử dụng đất theo một thời gian nhất định và thực hiện trong kỳ quy hoạch sử dụng đất.

Như vậy, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai sẽ góp phần tạo mối liên kết về mọi mặt giữa các đơn vị hành chính cấp xã trong huyện Đức Cơ; phân bổ nguồn lực đất đai, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh của cả huyện nói chung và của các xã, thị trấn nói riêng. Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất sẽ chuyển đổi phù hợp với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch kinh tế lao động từ nông nghiệp sang dịch vụ, công nghiệp. Đánh giá, rà soát các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sản xuất góp phần tạo điều kiện để kinh tế nông thôn thoát khỏi tình trạng tự cung, tự cấp và chuyển sang sản xuất hàng hóa, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với nền kinh tế thị trường.

Phân bổ, tạo quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực phát triển xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang và phát triển đô thị, đáp ứng được yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của huyện.

Lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai làm cơ sở thực hiện công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất góp phần phát triển thị trường đất đai, bất động sản và khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, tạo nguồn thu từ đất đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách.

Dự kiến các khoản thu – chi liên quan đến kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cân đối như sau:

- Tổng thu: 218.700 triệu đồng.

Dự kiến các khoản thu từ đất bao gồm: thu từ việc giao đất; đấu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất; chuyển mục đích sử dụng đất và các loại thuế liên quan đến đất đai.

- Tổng chi: 77.940 triệu đồng.

Dự kiến các khoản chi về đất bao gồm: Chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và tái định cư; chi phí cho công tác thực hiện các nội dung về quản lý nhà nước về đất đai.

- Cân đối thu – chi: 140.760 triệu đồng.

2. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực

Diện tích đất trồng lúa đến năm 2030 được ổn định là 728,52 ha, chiếm 1,01% tổng diện tích đất tự nhiên.

Để đảm bảo an ninh lương thực trong giai đoạn tới được sự quan tâm của tỉnh Gia Lai bố trí kinh phí cho huyện Đức Cơ thực hiện các dự án xây mới, nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi, hồ chứa nước trên các xã đáp ứng nhu cầu nước tưới sản xuất nông nghiệp, phục vụ đời sống dân sinh. Hạn chế chuyển đổi mục đích sử dụng đối với diện tích đất trồng lúa nói trên; bên cạnh việc ổn định diện tích đất lúa, đồng thời đề xuất các giải pháp kỹ thuật để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

3. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã cụ thể hóa những quyết định được thực hiện trên cơ sở của sự đồng thuận, nhất trí của cộng đồng xã hội, người sử dụng đất trong tiến trình quy hoạch; quy hoạch sử dụng đất được đưa ra làm giảm chi phí sản xuất thông qua các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của địa phương hoặc thông qua việc giới thiệu được công nghệ, kỹ thuật mới và tiên tiến;

Như vậy, quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai là cơ sở để UBND huyện và các địa phương triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về đất đai, kêu gọi đầu tư, tạo việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nhân dân; đồng thời thông qua tiến trình quy hoạch sẽ phát huy được tính dân chủ, công khai, minh bạch, hạn chế được những tiêu cực trong công tác quản lý đất đai, góp phần ổn định chính trị - xã hội.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đã tính toán, phân bổ nhu cầu đất ở trên địa bàn huyện, dựa trên kết quả dự báo dân số, bố trí đất tái định cư cho các hộ gia đình cá nhân thuộc diện thu hồi đất và bố trí đất ở cho các hộ tách hộ.

Các hộ di dời chỗ ở cần bố trí chỗ ở mới có điều kiện tốt hơn so với chỗ ở hiện tại, trong trường hợp khó khăn nhất phải bằng chỗ ở hiện nay, đồng thời có chính sách hỗ trợ di dời và tái định cư cho nhân dân.

Vấn đề giải quyết việc làm cho những hộ thuộc diện giải tỏa, chính quyền khuyến khích các nhà đầu tư ưu tiên nhận lao động thuộc diện thu hồi đất ở và đất sản xuất vào làm việc tại công ty (cần có chính sách đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu lao động).

Đối với những dự án có tính chất đặc biệt, nên có cơ chế mở hoặc khuyến khích chủ đầu tư thỏa thuận chuyển quyền sử dụng đất với người sử dụng đất trong

vùng dự án phù hợp với giá đất thị trường, như vậy sẽ đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

4. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Phương án quy hoạch sử dụng đất được nghiên cứu đầy đủ các quy hoạch quan trọng liên quan, đã cân đối, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho việc phát triển hạ tầng có tầm quan trọng cấp vùng và cấp tỉnh. Nên phương án quy hoạch sẽ thực hiện thuận lợi đến quá trình đô thị hóa tốc độ cao, tác động thuận lợi đến phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ môi trường,... Với mục tiêu xây dựng mới và chỉnh trang lại các khu dân cư đô thị,... nhằm thay đổi bộ mặt các đô thị theo hướng hài hoà và phát triển bền vững.

Tốc độ phát triển đô thị trong thời gian sắp tới dự báo sẽ diễn ra với tốc độ nhanh, nhiều hạ tầng kỹ thuật lớn được xây dựng.

Ngoài ra, phương án quy hoạch sử dụng đất cân đối phân bổ diện tích đất đai cho mục đích an ninh, quốc phòng tại vùng huyện biên giới sẽ tăng cường an ninh trật tự xã hội, an ninh biên giới; gắn kết củng cố chặt chẽ nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc.

5. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc

Các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được nghiên cứu loại trừ không xâm phạm, chuyển mục đích sử dụng, thuận lợi bảo vệ, tôn tạo, góp phần phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng trên địa bàn huyện phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển du lịch.

Bên cạnh phát triển hạ tầng xã hội cho cộng đồng dân cư, công tác bảo tồn, phục dựng và quản lý các di tích lịch sử - văn hóa luôn được cấp ủy và chính quyền quan tâm chú trọng (hiện trên địa bàn huyện có 1,20 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa ở thị trấn Chư Ty, xã Ia Dơk). Để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, huyện đã ban hành các quy định về quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử cấp tỉnh "Địa điểm Chiến thắng Chư Bô-Đức Cơ", triển khai Đề án phát triển du lịch huyện Đức Cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Triển khai xây dựng bia di tích lịch sử "Cuộc nổi dậy phá trại giam Cuty – Chư Drông". Phối hợp tổ chức phục dựng Lễ cúng giọt nước tại làng Krêl, xã Ia Krêl.

Thời kỳ 2021 – 2030 tiếp tục tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch như: Liên hoan công chiêng, tổ chức Chợ phiên biên giới tại Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lê Thanh gắn với các hoạt động văn hóa khác; tiếp tục bảo tồn, phát huy giá trị di sản không gian văn hóa công chiêng; tôn tạo di tích Cây Đa Làng Ghè (xã Ia Dơk), Di tích lịch sử chiến thắng đồi Chư Ty, Di tích lịch sử chiến thắng Chư Bô, tăng cường truyền thông, quảng bá, giới thiệu Quốc môn cửa khẩu quốc tế Lê Thanh, gìn giữ bảo tồn rừng Giáng Hương (xã Ia Kriêng), phát triển du lịch kết nối các địa điểm này và các khu vực thác ông Đồng, suối Đồi có cảnh quan đẹp thúc đẩy quảng bá hình ảnh huyện.

Chỉ tiêu phấn đấu đến trước năm 2030 có 100% số xã có nhà nông văn hoá hoặc cụm sinh hoạt văn hoá vui chơi giải trí, đồng thời với sự cố gắng của các ngành, các cấp đặc biệt là của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch đã từng bước chú trọng đến công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hoá, phát huy các giá trị văn hoá, bản sắc văn hoá truyền thống của các dân tộc đồng thời tiếp tục bố trí quỹ đất để giữ gìn, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử văn hoá, lịch sử cách mạng.

6. Tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng cũng như vị trí, quy mô cùng với việc đánh giá được tác động môi trường nhằm tránh tình trạng sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả ảnh hưởng đến đời sống của người dân và chất lượng môi trường đất; phát triển hệ thống mạng lưới cây xanh trong đô thị; cây xanh trong các khu dân cư; cây xanh dọc theo các đường quốc lộ, đường đô thị, ven sông, suối; quy định tỷ lệ cây xanh cách ly ở các khu/cụm công nghiệp; hay khuyến cáo người dân hạn chế hoặc phải thực hiện các kỹ thuật bón phân, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất đúng cách và đúng liều lượng; những công việc này được nhà quản lý quyết định sẽ làm môi trường được cải thiện rõ rệt.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt, sẽ là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương đề ra được các giải pháp trong quá trình quản lý và sử dụng đất nhằm sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm và bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái; hạn chế suy thoái, suy giảm các loại đất nông nghiệp, đồng cỏ, thiên nhiên, du lịch và tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên nước.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đã nghiên cứu toàn diện các tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, các lợi thế so sánh nhu cầu từng loại đất, đảm bảo hiệu quả sử dụng đất mang tính tổng hợp tối ưu nhất, thích nghi với biến đổi khí hậu, chiến lược phát triển bền vững, xác định diện tích rừng và đất rừng có vai trò hết sức quan trọng trong bảo vệ các công trình dân sinh, công nghiệp, hạ tầng, cung cấp nguồn nước nên diện tích rừng giảm thiểu do chuyển mục đích rất nhỏ. Vì vậy phương án quy hoạch sử dụng đất đã khai thác khá triệt để các vùng đất chưa sử dụng vào trồng mới diện tích đất lâm nghiệp trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 là 24,66 ha, cân đối phân bổ đất cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất để phấn đấu đạt chỉ tiêu trong nâng cao độ che phủ của rừng và cây lâu năm sẽ góp phần giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

PHẦN IV

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021

Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Đức Cơ đã được phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

PHẦN V

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Không ngừng cải tạo, đầu tư và sử dụng hợp lý các chất hóa học để tăng cường dinh dưỡng trong đất, đặc biệt khuyến khích sử dụng phân hữu cơ hoặc phân vi sinh cải tạo dinh dưỡng đất.

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng cũng như vị trí, quy mô nhằm tránh tình trạng sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả ảnh hưởng đến đời sống của người dân và chất lượng môi trường đất.

Trong quá trình thẩm định các dự án, nhất là các dự án thuộc ngành công nghiệp cần quan tâm chú trọng hơn đến công tác đánh giá tác động môi trường.

Phát triển hệ thống mạng lưới cây xanh như: mảng cây xanh tập trung dưới hình thức công viên cây xanh trong đô thị; cây xanh trong các khu dân cư; cây xanh dọc theo các đường quốc lộ, kênh, sông, rạch; nhất là mảng cây xanh cách ly ở các khu/cụm công nghiệp, các khu chế biến, sản xuất nông lâm nghiệp.

Trong nông nghiệp nên khuyến cáo người dân hạn chế hoặc phải thực hiện các kỹ thuật bón phân, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất đúng cách và đúng liều lượng.

Kết hợp nông - lâm nghiệp - thủy sản để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn, tiếp tục ban hành chính sách khuyến khích khai hoang đất trống để đầu tư trồng rừng, chính sách đầu tư bảo vệ vốn rừng hiện có, cần có dự án bảo vệ và phát triển vốn rừng cho huyện.

II. GIẢI PHÁP VỀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chính sách – cơ chế

Thực hiện đồng bộ các nội dung về quản lý nhà nước về đất đai; rà soát điều chỉnh và lập quy hoạch phát triển các ngành khi quỹ đất đã được phân bổ theo quy hoạch sử dụng đất.

Ưu tiên lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu đất theo tiến độ kế hoạch sử dụng đất đề ra và quy hoạch chi tiết xây dựng phải thể hiện trên nền bản đồ địa chính để làm cơ sở giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Kiên quyết không giải quyết và xử lý nghiêm các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích được quy hoạch. Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để người dân sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả cao.

Nâng cao trình độ quản lý về chuyên môn, nghiên cứu áp dụng và thực hiện tốt các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành dưới Luật về công tác quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Nghiên cứu đề xuất và thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các dự án, công trình bị thu hồi đất. Có chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân trong khu vực đất sản xuất bị thu hồi.

Hoặc đưa ra cơ chế thỏa thuận giữa doanh nghiệp và người sử dụng đất trên cơ sở giá đất theo thỏa thuận, phù hợp với thị trường.

Thúc đẩy tiến độ bồi thường giải phóng mặt bằng, đảm bảo các dự án ít khiếu nại của người dân và triển khai dự án theo đúng kế hoạch. Đề nghị tỉnh điều chỉnh giá bồi thường sát với giá thị trường đồng thời chuẩn bị trước quỹ nhà, đất tái định cư đối với công trình, dự án lớn có thu hồi đất.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch nhằm ngăn chặn kịp thời các vi phạm, đồng thời phát hiện và kiến nghị điều chỉnh những bất hợp lý trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Khi lập các loại quy hoạch phải thống nhất sử dụng các loại bản đồ, số liệu hiện trạng sử dụng đất làm cơ sở cho việc quản lý sử dụng thống nhất, xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất một cách đồng bộ. Quy hoạch sử dụng đất cấp dưới phải tuân thủ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai từ cấp trên, quy hoạch ngành phải căn cứ vào quy hoạch sử dụng đất được duyệt. Phải đảm bảo thời gian xây dựng và phê duyệt quy hoạch trước thời điểm thực hiện quy hoạch để đảm bảo quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch tránh tình trạng lập và phê duyệt quy hoạch chậm trễ như hiện nay.

2. Giải pháp về nguồn lực và vốn đầu tư

Đề ra các biện pháp thu hút, khuyến khích, hỗ trợ các nhà đầu tư tham gia phát triển các dự án trên địa bàn, trong đó đặc biệt là các dự án phát triển các ngành mũi nhọn, thế mạnh của huyện.

Áp dụng rộng rãi mô hình nhà nước và nhân dân cùng làm, trên cơ sở nhà nước đầu tư một phần, vận động đơn vị sản xuất, hiệp hội đoàn thể, tổ chức, cá nhân trên địa bàn đóng góp công sức, tài chính để phát triển giao thông và công trình phúc lợi công cộng.

Khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế cao và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội huyện.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ

Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến phục vụ cho các ngành sản xuất nông nghiệp, tập trung đầu tư vào chiều sâu và chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp phù hợp.

Áp dụng các biện pháp canh tác vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa đáp ứng về việc bảo vệ môi trường.

III. CÁC GIẢI PHÁP VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN

Căn cứ vào các chỉ tiêu phương án quy hoạch sử dụng đất đã phê duyệt Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện đồng bộ và nghiêm túc. Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý dự án huyện, Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện có nhiệm vụ tham mưu, đề xuất, theo dõi thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng theo diện tích các dự án, công trình có trong kế hoạch, đồng thời chuẩn bị đất để hỗ trợ tái định cư (nếu cần).

Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân huyện phải thường xuyên rà soát và chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu trong phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đánh giá tình hình, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Công bố và công khai quy hoạch sử dụng đất đến nhân dân và các tổ chức trên địa bàn huyện để thu hút đầu tư và cùng tham gia thực hiện.

Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cần công khai quy hoạch và có cơ chế thu hút các doanh nghiệp đầu tư bằng nhiều hình thức ưu đãi.

KẾT LUẬN

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Đức Cơ được nghiên cứu, lập nghiêm túc trên cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và căn cứ trên cơ sở thực tiễn phát triển tại huyện, được thực hiện dưới dạng tổng hợp theo hướng phát triển từ kế hoạch chiến lược từ Trung ương, cấp tỉnh phân bổ, khoanh vùng đất đai đến cấp huyện, cấp huyện thể hiện chi tiết đến cấp xã;

Các thông tin, luận chứng đưa ra trong Dự án có đầy đủ độ tin cậy; bảo đảm Dự án được hoàn thành có chất lượng, có tính ứng dụng cao, đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, đảm bảo việc thực thi của chính sách, pháp luật đất đai.

I. KẾT LUẬN

1. Định hướng sử dụng hợp lý đất đai thời kỳ 2021 – 2030 tại huyện đã cụ thể hóa các căn cứ để phân bổ, khoanh vùng đất đai trong việc sử dụng đất đáp ứng yêu cầu của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện.

2. Phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, biến động sử dụng đất, tiềm năng sử dụng đất đai của huyện Đức Cơ, nhận thấy huyện có đất đai tương đối màu mỡ, có quỹ đất rộng lớn, mật độ dân cư còn thưa, bình quân diện tích đất nông nghiệp cao, địa hình địa mạo theo hình đồi, lượn sóng, khí hậu khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp. Tuy nhiên, huyện nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu. Nguồn tài nguyên đất đai bị thiếu nước vào mùa khô là hạn chế lớn đối với sản xuất nông nghiệp, dẫn đến dễ cháy rừng, gây ô nhiễm môi trường. Thiếu lao động trình độ cao. Đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế xã hội còn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và nhu cầu của người dân.

Vẫn còn một số khu vực chưa bám sát quy hoạch sử dụng đất để thực hiện.

3. Trên cơ sở phân tích điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, hiện trạng, biến động sử dụng đất, tiềm năng sử dụng đất đai của huyện, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, dự báo nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích phát triển nói chung và xây dựng nông thôn mới, dự án đã đề xuất định hướng quy hoạch sử dụng hợp lý đất đai cho huyện Đức Cơ.

4. Việc đề xuất định hướng sử dụng đất hợp lý gắn với nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; có gắn với công tác xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trong thời kỳ 2021 - 2030 là bước đi hoàn toàn đúng đắn, sẽ đẩy mạnh phát triển xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn khang trang hơn, đời sống nông dân sẽ được nâng lên, tốc độ và định hướng phát triển rõ nét và có nền tảng căn bản hơn.

II. KIẾN NGHỊ

1. Quy hoạch sử dụng đất cần đảm bảo phê duyệt sớm để thực hiện quy hoạch.

Đối với các dự án cấp tỉnh phân bổ, cần có cơ chế phối hợp; có giải pháp nâng cao năng lực giám sát thực hiện quy hoạch từ các cơ quan chuyên môn liên quan.

Tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra về quản lý, sử dụng đất đai đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, giảm thiểu vi phạm hành chính trong quản lý, sử dụng đất đai.

2. Với điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tài nguyên thiên nhiên có nhiều hạn chế, nhất là hạn chế về nguồn vốn và nhân lực; huyện Đức Cơ còn gặp nhiều khó khăn để huy động nguồn lực phát triển toàn diện, UBND huyện kiến nghị UBND tỉnh và các sở, ban, ngành quan tâm đầu tư hơn nữa về phân bổ các nguồn kinh phí, hỗ trợ về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với các dự án đầu tư khai thác tiềm năng đất đai.

3. Đối với quỹ đất khu vực công nghiệp, kiến nghị UBND tỉnh định hướng, tạo điều kiện cho huyện có cơ chế chính sách thu hút đầu tư để sử dụng quỹ đất công nghiệp một cách triệt để, tránh lãng phí quỹ đất sạch.

4. Đối với phát triển nông nghiệp cần được hỗ trợ nguồn lực vốn và kỹ thuật đầu tư phát triển hệ thống thủy lợi, bảo vệ các khu vực hồ chứa, khu vực có mặt nước chuyên dùng và hỗ trợ chuyển giao khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng nông sản.

HỆ THỐNG BIỂU SỐ LIỆU

QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM ĐẦU CỦA QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT HUYỆN ĐỨC CƠ

Số TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 01/CH	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện Đức Cơ
2	Biểu 02/CH	Kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của huyện Đức Cơ
3	Biểu 03/CH	Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Đức Cơ
4	Biểu 04/CH	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã của huyện Đức Cơ
5	Biểu 05/CH	Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã của huyện Đức Cơ
6	Biểu 11/CH	Diện tích, cơ cấu sử dụng đất khu chức năng huyện Đức Cơ
7	Biểu 12/CH	Chu chuyển đất đai trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 10 năm (2021-2030) của huyện Đức Cơ
		Hệ thống biểu Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt tại QĐ 175/QĐ-UBND, ngày 26/3/2021.